

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TẠO**



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học
của Bộ Giáo dục và Đào tạo
(Giai đoạn đánh giá: 09/2019 – 09/2024)










Long An, tháng 09 năm 2024

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC

(Kèm theo Quyết định số 154/QĐ-DHTT.23, ngày 12/9/2023 và Quyết định số 206/QĐ-DHTT.24 ngày 11/11/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Tạo)

STT	Họ và Tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông Nguyễn Mai Lâm	Quyền Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Ông Thạch Ngọc Nguyễn	Phó Hiệu trưởng kiêm Trưởng Khoa Y	Phó chủ tịch	
3	Bà Nguyễn Thị Kim Tiền	Phó Trưởng Phòng KT-BDCL	Thành viên – Trưởng ban Thư ký	
4	Bà Đặng Thị Hoàng Yến (a.k.a. Maya Dangelas EdD)	Chủ tịch Hội đồng Trường	Thành viên	
5	Ông Đặng Quang Hạnh	Phó chủ tịch Hội đồng Trường	Thành viên	
6	Ông Nguyễn Thanh Điền	Trưởng Phòng QLKH-HTQT kiêm Phó Trưởng Phòng QLĐT	Thành viên	
7	Bà Bùi Thị Hồng Vân	Chủ tịch Công đoàn Trường, Phó Trưởng Phòng TCHC	Thành viên	
8	Bà Nguyễn Thị Hoa	Kế toán trưởng	Thành viên	

STT	Họ và Tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
9	Ông Nguyễn Đức Tài	Phó Trưởng Phòng QL CSVC - TB	Thành viên	
10	Ông Dương Hoài An	Trưởng Phòng TT- TS kiêm Trưởng Phòng CTSV-HTDN	Thành viên	
11	Ông Đoàn Ngọc Nhật Minh	Trưởng Ban Công nghệ thông tin	Thành viên	
12	Bà Đinh Thị Mỹ Kim	Phó Trưởng Ban Thư viện	Thành viên	
13	Ông Cao Tiến Dũng	Trưởng Khoa CNTT	Thành viên	
14	Ông Đặng Thanh Nhơn	Trưởng Khoa Ngôn ngữ	Thành viên	
15	Bà Mai Thị Hào Yến	Trưởng Khoa NV&GDKP	Thành viên	
16	Ông Tạ Văn Quang	Phó Trưởng Khoa CNSH	Thành viên	
17	Ông Nguyễn Vũ Hiếu Trung	Phó Trưởng Khoa KT&QTKD	Thành viên	

STT	Họ và Tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
18	Bà Nguyễn Yên Thanh	Điều hành Khoa Y	Thành viên	
19	Ông Phạm Nguyễn Vinh	Trưởng Bộ môn Nội chung, Khoa Y	Thành viên	
20	Ông Trần Duy Hiên	Giảng viên Khoa Công nghệ thông tin	Thành viên	
21	Dương Ngọc Phương Khanh	Sinh viên khóa 2021-2025, ngành Kinh doanh quốc tế	Thành viên	

(Danh sách gồm có 21 người).

MỤC LỤC

MỤC LỤC	5
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	10
DANH MỤC BẢNG VÀ HÌNH.....	13
PHẦN I. HỒ SƠ VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC.....	15
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC	26
Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa	26
Tiêu chí 1.1.	26
Tiêu chí 1.2.	26
Tiêu chí 1.3.	28
Tiêu chí 1.4.	30
Tiêu chí 1.5.	32
Tiêu chuẩn 2. Quản trị.....	38
Tiêu chí 2.1.	38
Tiêu chí 2.2.	39
Tiêu chí 2.3.	39
Tiêu chí 2.4.	42
Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý.....	45
Tiêu chí 3.1.	45
Tiêu chí 3.2.	45
Tiêu chí 3.3.	46
Tiêu chí 3.4.	47
Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược	52
Tiêu chí 4.1.	52
Tiêu chí 4.2.	52
Tiêu chí 4.3.	53
Tiêu chí 4.4.	55
Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và PVCD.	63
Tiêu chí 5.1.	63
Tiêu chí 5.2.	63
Tiêu chí 5.3.	65
Tiêu chí 5.4.	66
Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực	71

Tiêu chí 6.1..	71
Tiêu chí 6.2..	72
Tiêu chí 6.3..	73
Tiêu chí 6.4..	74
Tiêu chí 6.5..	76
Tiêu chí 6.6.	78
Tiêu chí 6.7..	80
Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất.....	83
Tiêu chí 7.1..	83
Tiêu chí 7.2..	85
Tiêu chí 7.3..	87
Tiêu chí 7.4..	91
Tiêu chí 7.5..	94
Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	100
Tiêu chí 8.1..	100
Tiêu chí 8.2.	101
Tiêu chí 8.3..	103
Tiêu chí 8.4..	104
Tiêu chuẩn 9. Hệ thống BDCL bên trong	107
Tiêu chí 9.1..	107
Tiêu chí 9.2..	109
Tiêu chí 9.3..	113
Tiêu chí 9.4.	114
Tiêu chí 9.5..	115
Tiêu chí 9.6..	117
Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài.....	121
Tiêu chí 10.1..	121
Tiêu chí 10.2..	121
Tiêu chí 10.3..	123
Tiêu chí 10.4.	123
Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong.....	126
Tiêu chí 11.1..	126
Tiêu chí 11.2..	129

Tiêu chí 11.3..	132
Tiêu chí 11.4.	133
Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng.....	136
Tiêu chí 12.1..	136
Tiêu chí 12.3..	138
Tiêu chí 12.4.	140
Tiêu chí 12.5..	141
Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học	143
Tiêu chí 13.1..	143
Tiêu chí 13.2..	145
Tiêu chí 13.3..	146
Tiêu chí 13.4.	147
Tiêu chí 13.5..	148
Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát CTDH	150
Tiêu chí 14.1..	150
Tiêu chí 14.2.	152
Tiêu chí 14.3.	152
Tiêu chí 14.4..	153
Tiêu chí 14.5.	154
Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập.....	157
Tiêu chí 15.1.	157
Tiêu chí 15.2..	160
Tiêu chí 15.3..	162
Tiêu chí 15.4.	164
Tiêu chí 15.5..	167
Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học	171
Tiêu chí 16.1..	171
Tiêu chí 16.2.	173
Tiêu chí 16.3.	174
Tiêu chí 16.4.	176
Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học.....	179
Tiêu chí 17.1.	179
Tiêu chí 17.2..	181

Tiêu chí 17.3..	185
Tiêu chí 17.4.	186
Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học.....	192
Tiêu chí 18.1..	192
Tiêu chí 18.2..	194
Tiêu chí 18.3..	195
Tiêu chí 18.4..	197
Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ	199
Tiêu chí 19.1.	199
Tiêu chí 19.2..	202
Tiêu chí 19.3.	203
Tiêu chí 19.4..	204
Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học	208
Tiêu chí 20.1	208
Tiêu chí 20.2	209
Tiêu chí 20.3..	211
Tiêu chí 20.4.	212
Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng	214
Tiêu chí 21.1.	214
Tiêu chí 21.2..	215
Tiêu chí 21.3.	218
Tiêu chí 21.4..	219
Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo.....	221
Tiêu chí 22.1.	221
Tiêu chí 22.2.	226
Tiêu chí 22.3..	230
Tiêu chí 22.4..	232
Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học.....	236
Tiêu chí 23.1..	236
Tiêu chí 23.2.	238
Tiêu chí 23.3.	240
Tiêu chí 23.4..	241
Tiêu chí 23.5.	242

Tiêu chí 23.6.	243
Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng	247
Tiêu chí 24.1..	247
Tiêu chí 24.2.	249
Tiêu chí 24.3.	252
Tiêu chí 24.4..	255
Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường	259
Tiêu chí 25.1..	259
Tiêu chí 25.2..	262
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ.....	269
KẾT LUẬN.....	275
PHỤ LỤC	276
Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục.....	276
Phụ lục 2. Quyết định thành lập Hội đồng TĐG CSGD đại học.....	316
Phụ lục 3. Kế hoạch tự đánh giá CSGD đại học.....	329

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Ký hiệu	Nội dung
1	BĐCL	Bảo đảm chất lượng
2	BGH	Ban Giám hiệu
3	BHTN	Bảo hiểm tai nạn
4	BHYT	Bảo hiểm y tế
5	BLQ	Bên liên quan
6	BM	Bộ môn
7	BSCK	Bác sĩ chuyên khoa
8	CB	Cán bộ
9	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
10	CBQL	Cán bộ quản lý
11	CĐR	Chuẩn đầu ra
12	CGCN	Chuyển giao công nghệ
13	CHCN	Cứu hộ cứu nạn
14	CLB	Câu lạc bộ
15	CLGD	Chất lượng giáo dục
16	CLPT	Chiến lược phát triển
17	CNH	Cụm người học
18	CNTT	Công nghệ thông tin
19	CSDL	Cơ sở dữ liệu
20	CSGD	Cơ sở giáo dục
21	CSH	Chủ sở hữu
22	CSHT	Cơ sở hạ tầng
23	CSVC	Cơ sở vật chất
24	CSVC-TB	Cơ sở vật chất-Thiết bị
25	CTDH	Chương trình dạy học
26	CTĐT	Chương trình đào tạo
27	CTSV-HTDN	Công tác sinh viên và Hợp tác doanh nghiệp
28	CVHT	Cổ vấn học tập

TT	Ký hiệu	Nội dung
29	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
30	ĐCCTHP	Đề cương chi tiết học phần
31	ĐGN	Đánh giá ngoài
32	ĐH	Đại học
33	ĐHTT	Đại học Tân Tạo
34	DN	Doanh nghiệp
35	ĐT	Đào tạo
36	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
37	GTCL	Giá trị cốt lõi
38	GV	Giảng viên
39	HĐKH-ĐT	Hội đồng Khoa học và Đào tạo
40	HĐND	Hội đồng nhân dân
41	HĐQT	Hội đồng quản trị
42	HĐT	Hội đồng trường
43	HĐTS	Hội đồng tuyển sinh
44	HSV	Hội sinh viên
45	HTQT	Hợp tác quốc tế
46	KĐCL	Kiểm định chất lượng
47	KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
48	KHCL	Kế hoạch chiến lược
49	KHCN	Khoa học và Công nghệ
50	KT-BĐCL	Khảo thí và Bảo đảm chất lượng
51	KT-ĐG	Kiểm tra-Đánh giá
52	KTXH	Kinh tế-xã hội
53	NCKH	Nghiên cứu khoa học
54	NH	Người học
55	NLĐ	Người lao động
56	NNC	Nhóm nghiên cứu
57	PCCC	Phòng cháy chữa cháy

TT	Ký hiệu	Nội dung
58	PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
59	QH	Quốc hội
60	QHĐN	Quan hệ đối ngoại
61	QL CSVC-TB	Quản lý Cơ sở vật chất-Thiết bị
62	QLCL	Quản lý chất lượng
63	QLĐT	Quản lý đào tạo
64	QLKH	Quản lý khoa học
65	QLKH-HTQT	Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế
66	SHTT	Sở hữu trí tuệ
67	SKKN	Sáng kiến kinh nghiệm
68	SM	Sứ mệnh
69	TC	Tín chỉ
70	TCHC	Tổ chức-Hành chính
71	TCKT	Tài chính-Kế toán
72	TĐG	Tự đánh giá
73	TDTT	Thể dục thể thao
74	THPT	Trung học phổ thông
75	TLGD	Triết lý giáo dục
76	TN	Tầm nhìn
77	TSTT	Tài sản trí tuệ
78	TTCP	Thủ tướng chính phủ
79	TT-PC	Thanh tra-Pháp chế
80	TTTS	Truyền thông và Tuyển sinh
81	TV	Thư viện
82	VPQH	Văn phòng Quốc hội

DANH MỤC BẢNG VÀ HÌNH

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ tổ chức của Trường	20
Bảng 1.1. Danh sách Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026	20
Bảng 1.5.1. Đối sánh TN, SM, GTCL, TLGD của Trường ĐHTT qua các năm	33
Bảng 4.4.1. Đối sánh chỉ tiêu của Chiến lược cũ với chỉ tiêu của chiến lược mới.....	56
Bảng 6.1.1. Cơ cấu về trình độ của cán bộ, GV cơ hữu	71
Bảng 6.4.1 Bảng thống kê số liệu đội ngũ CB, GV, NV đi đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2019-2024.....	75
Bảng 6.5.1. Tổng hợp số liệu thi đua, khen thưởng.....	77
Bảng 6.5.2. Các chính sách nhân lực được rà soát, cập nhật, bổ sung giai đoạn 2019-2024	78
Bảng 7.1.1 Cấu trúc nguồn thu của Trường.....	83
Bảng 7.1.2 Cấu trúc nguồn chi của Trường.....	84
Bảng 7.2.1 Bảng thống kê diện tích sàn trực tiếp phục vụ đào tạo giai đoạn 2019-2024	85
Bảng 7.3.1 Bảng thống kê kết quả đầu tư CSVC, CSHT về CNTT giai đoạn 2019-2024	91
Bảng 7.4.1 Bảng thống kê kết quả khảo sát.....	93
Bảng 7.5.1. Bảng thống kê kết quả thực hiện lĩnh vực chăm sóc con người giai đoạn 2019-2024	96
Sơ đồ 09.01.01. Sơ đồ hệ thống BĐCL Trường	107
Bảng 09.01.01. Danh mục quy định, hướng dẫn nội bộ về hoạt động BĐCL.....	108
Bảng 09.02.01. Tổng hợp một số chế độ ưu tiên đối với vấn đề khuyến khích	109
GV học tập nâng cao trình độ và tham gia cải tiến CTĐT	110
Bảng 09.02.02. Thống kê các khóa đào tạo/bồi dưỡng về công tác BĐCL có GV, CBCNV của trường tham gia	111
Bảng 09.02.03. Các hoạt động khảo sát thường xuyên trong giai đoạn 2019-2024.....	112
Bảng 09.05.01. Một số KPIs và chỉ tiêu phấn đấu cấp chiến lược	115
Bảng 11.01.01. Bảng tổng hợp các đơn vị cung cấp thông tin BĐCL	126
Bảng 12.1. Bảng kết quả NH NCKH từ năm 2019 đến 2024.....	139
Bảng 13.05.01. Tổng số người học đăng ký dự thi vào Trường ĐHTT, trúng tuyển và nhập học trong 05 năm gần đây hệ chính quy	148
Bảng 14.04.01. Đối sánh số TC giữa các năm của các CTĐT	154
Bảng 17.02.01. Thống kê số lượng và trình độ đội ngũ NV hỗ trợ của Trường	182
Bảng 17.04.01. Thời gian tốt nghiệp trung bình của các ngành theo khóa qua..... các năm	188

Bảng 17.04.02. Số lượng NH nghỉ học hàng năm	190
Bảng 17.04.03. Tình hình NH tốt nghiệp có việc làm sau một năm	190
Bảng 18.02.01. Thống kê kết quả NCKH trong 05 năm (2019-2024)	195
Bảng 18.03.01. Kết quả đánh giá xếp loại một số nội dung NCKH.....	196
Bảng 21.02.01. Kế hoạch thực hiện chiến lược kết nối và PVCĐ	215
Bảng 22.01.01. Thống kê tỷ lệ NH thôi học trong 05 năm của toàn Trường	222
Bảng 22.01.02. Thống kê tỷ lệ NH tốt nghiệp trong 05 năm của toàn Trường.....	223
Bảng 22.01.03. Thống kê tỷ lệ NH tốt nghiệp trong 05 năm của các ngành.....	223
Bảng 22.02.01. Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các CTĐT.....	227
Bảng 22.03.01. Tỷ lệ có việc làm của người học	230
Bảng 22.03.02. Mức độ phù hợp của công việc	231
Bảng 22.03.03. Mức thu nhập bình quân/tháng.....	231
Bảng 24.02.01. Bảng tổng hợp công tác tình nguyện, thiện nguyện, hiến máu tình nguyện qua các giai đoạn	250
Bảng 24.03.01. Tổng hợp số lượng NH tham gia các hoạt động Đoàn-Hội phục vụ cộng đồng	253
Bảng 24.03.02. Tổng hợp chi phát triển đội ngũ	254
Bảng 24.03.03. Tổng hợp chi cho các hoạt động kết nối doanh nghiệp, tư vấn và hỗ trợ việc làm.....	254
Bảng 24.03.04. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao KHCN của Trường ĐHTT được nghiệm thu	255
Bảng 24.04.01. Tổng chi cho hoạt động đào tạo (05 năm gần nhất)	256
Bảng 24.04.02. Tổng hợp nguồn kinh phí chi cho hoạt động NCKH, CGCN và PVCĐ (05 năm gần nhất)	257
Bảng 25.01.01. Bảng tổng hợp nguồn thu-nguồn chi 2019-2023.....	260
Bảng 25.01.02. Tổng thu học phí và chi phí học bổng giai đoạn 2019-2023	260
Bảng 25.01.03. Tổng hợp một số mục chi của Trường năm 2019-2023	260
Bảng 25.02.01. Các chỉ số thị trường trước và sau cải tiến.....	262
Bảng 25.2.2. Tổng hợp số lượng NH giai đoạn 2019- 2023.....	264
Biểu đồ 25.2.1. Tỷ lệ NH có việc làm sau khi tốt nghiệp 2019– 2023.....	265
Bảng 25.2.3. Tổng hợp tỷ lệ bài báo khoa học trên số lượng GV giai đoạn 2019-2023	265

PHẦN I. HỒ SƠ VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Khái quát về Trường Đại học Tân Tạo

1.1. Khái quát về lịch sử phát triển, tầm nhìn, sứ mạng, các giá trị của Trường; tóm tắt thành tích nổi bật của Trường theo các giai đoạn phát triển

- Tên trường:

+ Tiếng Việt: Trường Đại học Tân Tạo

+ Tiếng Anh: Tan Tao University

- Tên viết tắt: TTU

- Cơ quan chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Địa chỉ trường: Khu đô thị E. City Tân Đức, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

+ Điện thoại: (+84) 272 376 9216

+ Website: <https://ttu.edu.vn/>

+ Email: info@ttu.edu.vn

- Các giai đoạn phát triển:

Trường Đại học Tân Tạo được thành lập theo Quyết định số 2154/QĐ-TTg ngày 25/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Qua 14 năm hình thành và phát triển, Trường Đại học Tân Tạo có sự tiến bộ mang tính bước ngoặt trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, gắn kết với địa phương, và các doanh nghiệp, khẳng định vị thế của mình trong việc góp phần đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh Long An, cho đồng bằng Sông Cửu Long và cả nước.

Trường mở rộng quy mô đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, tuyển sinh các khu vực trong cả nước và hợp tác đào tạo với các nước Đông Nam Á. Hiện tại, đào tạo 10 ngành đại học, số lượng người đang theo học 459 người, trong đó có du học sinh 02, số lượng người học tốt nghiệp có 75 cử nhân và 262 bác sĩ.

Về cơ sở vật chất, nhà trường có diện tích 103,6848 hecta, đầu tư xây dựng các khu nhà học, giảng đường, các phòng thực tập, xưởng thực hành, khu KTX khang trang, thiết bị hiện đại, đáp ứng nhu cầu dạy và học của giảng viên và người học. Khuôn viên rộng rãi, thoáng mát, xanh, sạch đẹp, đáp ứng nhu cầu học tập và giải trí cho người học.

Đội ngũ nhân sự hiện nay có 126 người: 37 TS trở lên, 36 thạc sĩ, 39 đại học và 14 trình độ khác. Trong đó, đội ngũ hiện nay có 3 GS, 6 PGS. Ngoài ra, có các chuyên gia nước ngoài từ Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Pháp... về làm GV cơ hữu tại trường, tham gia giảng dạy ở các khối ngành Sức khỏe, Khoa học sự sống, Máy tính và công nghệ thông tin, Kinh doanh và quản lý và Nhân văn.

Trong thời gian qua, nhà trường đạt nhiều thành tích trong hoạt động ĐT, NCKH, CGCN và HTQT trên nhiều lĩnh vực trong công tác NCKH và đào tạo nguồn nhân lực cho các Tỉnh. Ngoài ra, Trường ĐHTT còn đạt nhiều thành tích xuất sắc khác trong nhiệm vụ

đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh Long An và khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long.

- Sứ mệnh, tầm nhìn, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi

Sứ mệnh: “Với triết lý giáo dục, tiêu chuẩn và thực tiễn dựa trên mô hình giáo dục đại học của Mỹ, Trường Đại học Tân Tạo khuyến khích suy nghĩ độc lập, rèn luyện phẩm chất kiên trì, tôn trọng sự đa dạng và ngôn ngữ. Trường Đại học Tân Tạo sẽ đào tạo nên những con người có tính sáng tạo, tư duy logic, học tập suốt đời, trung thực, có trách nhiệm với đất nước và có khả năng lãnh đạo”.

Tầm nhìn: “Đến năm 2023, Đại học Tân Tạo trở thành một trường đại học nổi tiếng của khu vực ASEAN và trên thế giới, cung cấp nền giáo dục chất lượng cao, thực hành trên nền tảng kiến thức đã nghiên cứu, phục vụ người dân Việt Nam, Đông Nam Á và trên Thế giới”.

Triết lý giáo dục: Kể từ ngày thành lập cho đến nay, xuyên suốt quá trình hình thành và phát triển, Trường ĐHTT luôn nhất quán về quan điểm, tư tưởng *Triết lý giáo dục “Khai phóng - Học suốt đời”*, theo các nguyên tắc và nội dung cơ bản sau:

1. Quan điểm giáo dục đại học toàn diện

Triết lý giáo dục của Trường ĐHTT đảm bảo tính thống nhất với SM, TN và các GTCL *Đạo đức - Tri thức - Dân tộc*, đã được Trường xác định, từ những ngày đầu mới thành lập.

Trường ĐHTT chủ trương đào tạo đa lĩnh vực, đào tạo đa ngành và đa chuyên ngành. Nhà trường chú trọng giáo dục toàn diện, đó là giáo dục tri thức, là giáo dục văn hóa, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, để hướng tới đào tạo con người phát triển toàn diện cả về trí lực, thể lực. Cách tiếp cận toàn diện và những chiến lược khoa học này, nhằm hướng đến một môi trường giáo dục đại học chất lượng, nâng cao kỹ năng và khả năng cạnh tranh toàn cầu của sinh viên khi tốt nghiệp.

Tri thức, kiến thức khoa học chuyên ngành và liên ngành vừa là phương tiện, vừa là mục đích hướng tới trong mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra và yêu cầu nghề nghiệp trang bị cho người học. Vì vậy, Nhà trường quan tâm thúc đẩy việc mở mang, tiếp cận các kiến thức mới mẻ, hiện đại, để giảng dạy và trang bị cho sinh viên.

2. Quan điểm giáo dục đại học sáng tạo

Chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy trong Trường coi trọng yếu tố sáng tạo, xác định sáng tạo trong học tập và NCKH là yếu tố hàng đầu, là điều kiện tiên quyết, là động lực chủ yếu thúc đẩy GV, sinh viên sáng tạo được những giá trị khoa học, kỹ thuật, công nghệ để khẳng định thương hiệu của Trường.

Trường ĐHTT xác định sáng tạo là năng lực cốt lõi của mỗi cá nhân, đảm bảo cho sự thành công trong nghề nghiệp và cuộc sống trong điều kiện của cách mạng công nghiệp

4.0, đảm bảo khả năng cống hiến to lớn cho xã hội. Sáng tạo là để tạo ra những tri thức và giá trị mới. Sáng tạo là dám nghĩ, dám làm, say mê nghiên cứu, khám phá, không ngừng hoàn thiện nhận thức và phương pháp hoạt động hiệu quả.

Trường ĐHTT tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học. Nhà trường đào tạo người học trở thành người lao động sáng tạo thông qua quá trình “*Hình thành ý tưởng - Thiết kế - Triển khai - Vận hành*” trong các hoạt động nghề nghiệp, có khả năng thích ứng cao trong thế giới việc làm.

Trường luôn khuyến khích sự đổi mới, sáng tạo và hiệu quả trong công việc. Luôn tôn trọng sự khám phá, sáng tạo trong giảng dạy, nghiên cứu và học tập để thành công tốt hơn nữa.

Định hướng các chương trình đào tạo, kiến thức và kỹ năng, cho đến thái độ của người học các chương các ngành đào tạo luôn song hành, gắn bó với việc ứng dụng công nghệ trong thực tiễn nghề nghiệp; Nhà trường quan tâm ứng dụng công nghệ để vận hành, quản lý, giảng dạy và học tập, NCKH trong toàn Trường. Mục tiêu chiến lược của Trường ĐHTT là đào tạo đội ngũ trí thức chất lượng cao, có tri thức sâu sắc, biết làm việc, biết sáng tạo, biết cống hiến.

3. Quan điểm giáo dục đại học hội nhập, phát triển

Hội nhập và Hội nhập quốc tế hiện nay là một quá trình tất yếu. Trong giáo dục, hội nhập quốc tế đặt ra các vấn đề về chất lượng đào tạo, cạnh tranh gắn liền với hợp tác. Hội nhập quốc tế đòi hỏi Trường ĐHTT phải xây dựng chương trình đào tạo có tính quốc tế, đồng thời phải có sự hội nhập mạnh mẽ trong cộng đồng. Và để hội nhập quốc tế tốt, Nhà trường cần phải quan tâm đến 05 vấn đề: quản trị đại học; chất lượng đào tạo; nguồn lực; văn hóa hội nhập và phát triển ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh.

Trường ĐHTT xây dựng nội dung giáo dục đại học mang tính hội nhập và phát triển, bảo đảm cơ cấu hợp lý giữa kiến thức khoa học cơ bản, ngoại ngữ và công nghệ thông tin với kiến thức chuyên môn và các BM khoa học nền tảng, phát huy truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc; tương thích với trình độ chung của khu vực và thế giới.

Mục tiêu của giáo dục và đào tạo trong *TLGD của Nhà trường* là hướng đến cộng đồng, xây dựng con người thích ứng trong nền kinh tế tri thức, trang bị đủ kiến thức, phương pháp, kỹ năng nghề nghiệp, có thái độ ứng xử phù hợp với tự nhiên và xã hội, có tư duy hiện đại và tinh thần hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội, của đất nước và kiến tạo tương lai.

Trường ĐHTT luôn chú trọng sự kết nối giữa Trường, cộng đồng và doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, tổ chức, cá nhân để liên hệ địa điểm thực tập, tìm kiếm các loại học bổng hỗ trợ học tập, giới thiệu việc làm cho người học; tổ chức nhiều hoạt động hợp tác, liên kết, ngoại khóa để trau dồi kỹ năng sống và kỹ năng hội nhập cho người học.

Hợp tác quốc tế, hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước để đào tạo nhân lực, tạo cơ hội việc làm cho sinh viên là tư tưởng xuyên suốt trong quá trình hình thành và phát triển của Trường ĐHTT.

Giá trị cốt lõi: “Trách nhiệm - Hợp tác - Nỗ lực - Chất lượng - Sáng tạo - Tôn trọng - Lãnh đạo”

1.2. Tóm tắt thành tích nổi bật của Trường theo các giai đoạn phát triển

1.2.1. Công tác đào tạo

Đào tạo là một trong những sứ mạng quan trọng của Trường ĐHTT. Về công tác ĐT đại học, đến năm 2024, Trường có 10 mã ngành đào tạo đại học chính quy gồm: Y khoa, Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Tài chính – Ngân hàng, Kế toán, Ngôn ngữ Anh, Khoa học máy tính và Công nghệ sinh học. Tất cả chương trình đào tạo đại học đều được thực hiện theo hình thức đào tạo tín chỉ.

Các chương trình đào tạo của Trường đều được xây dựng đúng theo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, có CTĐT chi tiết và đề cương chi tiết các học phần. Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra CTĐT, CDR các học phần được xây dựng rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động; hình thức và phương pháp dạy-học, lượng giá nhất quán với chuẩn đầu ra. Các chương trình đào tạo được Trường thường xuyên xây dựng, rà soát cập nhật, các phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, CDR học phần và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề. Đa dạng hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá lý thuyết: trắc nghiệm, tự luận, báo cáo tiểu luận, báo cáo chuyên đề bằng hình thức truyền thống, chạy trạm, trên máy tính, bài thu hoạch theo cá nhân hoặc theo nhóm.

Năm 2024, Trường đạt kiểm định ngành Y khoa chương trình đào tạo đại học theo thông tư 04/2016/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Hàng năm, Trường thực hiện tuyển sinh với chỉ tiêu khoảng 480 sinh viên. Công tác tuyển sinh được thực hiện theo đúng kế hoạch, đảm bảo công bằng, nghiêm túc và đúng quy chế: xây dựng đề án tuyển sinh và công bố trên trang thông tin tuyển sinh của Trường và Bộ GD&ĐT.

Về cơ cấu tổ chức các đơn vị đào tạo, Trường có 05 khoa đào tạo: Khoa Y, Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Khoa Ngôn ngữ, Khoa Công nghệ thông tin và Khoa Công nghệ sinh học.

Như vậy, từ lúc thành lập đến nay, Trường ĐHTT đã phát triển trong công tác ĐT nhằm hoàn thành sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trình độ đại học.

1.2.2. Công tác khoa học công nghệ

Về lĩnh vực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, trong 5 năm qua từ 2019-2024, Trường đã triển khai và nghiệm thu 27 nhiệm vụ khoa học công nghệ, bao gồm: 02 đề tài cấp quốc tế, 02 đề tài Nafosted, 17 đề tài cấp Trường, và 06 đề tài NCKH của sinh viên. Trường đã công bố 126 bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước, trong đó có 112 bài báo khoa học trên các tạp chí Quốc tế (63 bài báo khoa học trên các tạp chí thuộc danh mục ISI, 35 bài thuộc danh mục SCOPUS) và 14 bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành trong nước.

Kết quả NCKH của GV và sinh viên, học viên giai đoạn 2019-2023 đạt được nhiều thành tích nổi bật. Trong đó, sinh viên của Trường ĐHTT đạt nhiều giải thưởng sinh viên NCKH và giải thưởng Eureka năm 2020, 2021, 2022. Đặc biệt sinh viên trường đạt 02 giải thưởng khoa học quốc tế Paul Dudley White International TRAVEL Award và Paul Dudley White International Scholar Award năm 2022.

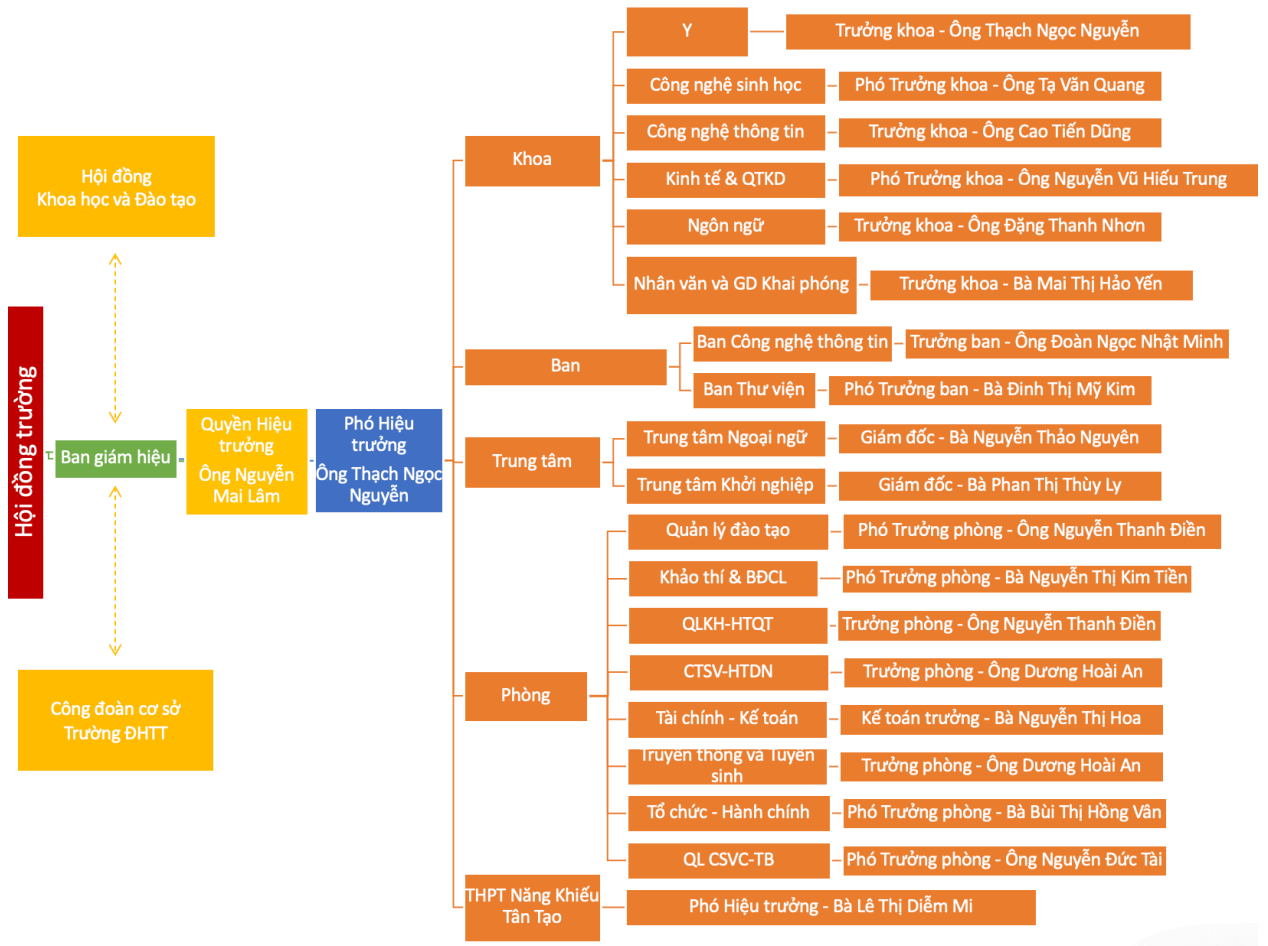
1.2.3. Công tác kết nối và phục vụ cộng đồng

Hoạt động kết nối và PVCD được khẳng định rõ trong sứ mạng của Trường về đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao công nghệ. Trường cụ thể hoá thành các kế hoạch phát triển ngắn hạn và trung hạn với nhiều hoạt động cụ thể. Những hoạt động kết nối và PVCD thể hiện trách nhiệm của Trường đối với xã hội như đa dạng hoá các mã ngành và loại hình đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện bằng việc đầu tư cơ sở vật chất, máy móc trang thiết bị, tăng cường cơ sở thực hành của Trường tại các địa phương, mở rộng hợp tác toàn diện, phối hợp NCKH và đẩy mạnh chuyển giao công nghệ với các địa phương trong và ngoài khu vực, các cơ sở giáo dục ở nước ngoài; xây dựng và duy trì cảnh quan môi trường làm việc và học tập Xanh – Sạch – Đẹp; đầu tư xây dựng và mở rộng bệnh viện thực hành của Trường,...

Ngoài các hoạt động chuyên môn nhằm kết nối và PVCD, Trường giao nhiệm vụ cho các tổ chức: Công đoàn, Hội sinh viên và xây dựng các kế hoạch kết nối và PVCD đa dạng, thu hút đông đảo người lao động, sinh viên, tham gia như: các đội hình phòng/chống dịch Covid-19 tại các địa phương; tham gia phục vụ khu cách ly, chiến dịch thanh niên tình nguyện hè, hiến máu nhân đạo, xây dựng nhiều dự án khởi nghiệp.

1.3. Cơ cấu tổ chức của Trường

Cơ cấu tổ chức của Trường được thực hiện theo Luật giáo dục đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan, được cụ thể hóa trong Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường. Cơ cấu tổ chức của Trường gồm:



Sơ đồ 1.1. Sơ đồ tổ chức của Trường

1.4. Cấu trúc tổ chức của Hội đồng trường

Hội đồng Trường nhiệm kỳ 2021 - 2026 gồm 09 thành viên, trong đó có: đại diện CB, NV của phòng chức năng và thành viên ngoài trường có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Trường.

Bảng 1.1. Danh sách Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đặng Thị Hoàng Yến	Chủ tịch
2	Đặng Quang Hạnh	Phó Chủ tịch
3	Thạch Ngọc Nguyễn	Thành viên
4	Trần Việt Anh (Andy)	Thành viên
5	Đặng Thành Tâm	Thành viên
6	Abbigail Rosewood	Thành viên
7	Ashleigh Mayfair	Thành viên
8	Đoàn Ngọc Nhật Minh	Thành viên
9	Dương Quốc Xuân	Thành viên

2. Bối cảnh triển khai các hoạt động

2.1. Quy định pháp lý đối với các hoạt động và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Trường ĐHTT

Trường ĐHTT thành lập được 14 năm, là trường đại học tư thục, chịu sự quản lý của Bộ GD&ĐT. Trường hoạt động theo quy định về tổ chức và quản lý, được cụ thể hóa trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường.

Trường có cơ cấu tổ chức hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được chuyên môn hóa, luôn chú trọng phát huy năng lực và sở trường của CB quản lý, GV, NV và đội ngũ người lao động, bồi dưỡng nâng cao năng lực, đề cao trách nhiệm trong phối hợp công tác, trao đổi thông tin và hỗ trợ giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Nhà trường và quy định của pháp luật.

Trước xu thế đổi mới, hội nhập khu vực và thế giới, đòi hỏi các trường đại học phải đáp ứng đủ các yêu cầu cần thiết để công nhận lẫn nhau trong khu vực. Nhà trường luôn nhận thức rất rõ tính cấp thiết và tầm quan trọng của công tác BĐCL và KĐCL. Vì vậy, Nhà trường thường xuyên chú trọng công tác BĐCL giáo dục, nghiêm túc thực hiện chủ trương của Bộ GD&ĐT về Tự đánh giá và Đánh giá ngoài CSGD, nhằm tìm ra những hạn chế, tồn tại để Nhà trường có kế hoạch điều chỉnh, cải tiến các hoạt động BĐCL ngày càng hoàn thiện hơn và cũng để khẳng định với xã hội về quản lý và chất lượng đào tạo của Nhà trường đáp ứng nhu cầu xã hội.

2.2. Những thách thức chính và kế hoạch khắc phục của Trường

Chất lượng đào tạo luôn là yếu tố quan trọng nhất, quyết định sự trường tồn của Nhà trường trong sự nghiệp giáo dục. Cùng với xu thế phát triển của đất nước và hội nhập quốc tế, những yêu cầu về chất lượng đối với nguồn nhân lực đào tạo ngày một khắt khe hơn. Do vậy, vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo càng trở nên cấp thiết, đòi hỏi Nhà trường có những giải pháp đột phá để chủ động giải quyết những thách thức chính trong giáo dục đang gặp phải trong giai đoạn hiện nay như sau:

- Sự gia tăng mạnh mẽ mức độ cạnh tranh với các trường ĐH trong nước và nước ngoài, giữa trường ĐH công lập và ngoài công lập, nhất là các trường trong tỉnh và trong khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long, sự cạnh tranh về nguồn tuyển sinh sẽ gây áp lực rất lớn cho Nhà trường về việc thu hút người học. Vì vậy, nếu không kịp thời chủ động để thay đổi nội dung, phương pháp và chất lượng đào tạo, Nhà trường sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

- Đội ngũ CB, GV đủ chuẩn là cả một lộ trình dài trong chiến lược phát triển của Nhà trường. Việc thu hút các GV có học hàm học vị, có chức danh khoa học cũng gặp không ít khó khăn. Một vấn đề khó khăn đặt ra cho Nhà trường trong xây dựng, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phát triển đội ngũ. Vì vậy, Nhà trường thực hiện lộ

trình từng bước theo giai đoạn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, tương ứng với quy mô mở rộng ngành nghề đào tạo để đáp ứng việc chuẩn hóa đội ngũ trong thời gian tới.

- Sự thành công của công tác BĐCL ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của Nhà trường, góp phần quan trọng vào việc khẳng định thương hiệu giáo dục và nâng cao chất lượng đào tạo. Nhà trường có phòng chuyên môn BĐCL và đội ngũ chuyên trách, mỗi đơn vị đào tạo có 02 nhân sự phụ trách BĐCL. Mặc dù vậy, Nhà trường vẫn còn gặp khó khăn khi triển khai công tác BĐCL bên trong và KĐCLGD.

- Thực hiện những chủ trương, chính sách phát triển giáo dục nhà nước trong thời kỳ hội nhập, đặc biệt là vấn đề giao quyền tự chủ cho các trường đại học, tạo nên thách thức về thể và lực mới để các Trường làm cuộc cách mạng, thay đổi quản lý, tăng quy mô ngành nghề đào tạo, tăng cường cơ sở vật chất, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ quản lý và GV là việc làm cấp bách cho Nhà trường trong xu thế cạnh tranh với các trường đại học trong vùng và trên cả nước.

- Cơ chế chính sách hiện tại chưa đủ mạnh để thu hút các GV có học hàm học vị về làm GV cơ hữu tại trường, các đề tài NCKH cấp Bộ, cấp Nhà nước còn hạn chế, chính sách và kinh phí thực hiện hạn chế, chưa thu hút các dự án nghiên cứu hoặc cống hiến cho Nhà trường; chưa tạo động lực cho CB, GV phấn đấu. Đây cũng là vấn đề nan giải cho Nhà trường.

- Nguồn lực tài chính đáp ứng nhu cầu dạy, học và NCKH cho GV và người học; ký túc xá, khu vui chơi tập luyện thể dục thể thao được trang bị nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu đăng ký ở trọ cho người học, chưa đáp ứng phát triển nhanh về quy mô người học của Nhà trường.

Trước những thách thức được xác định cụ thể như trên, trong kế hoạch phát triển chiến lược giai đoạn tới, Nhà trường triển khai xây dựng thực hiện một số biện pháp trọng điểm sau:

- Tăng cường nguồn kinh phí cho việc bồi dưỡng đội ngũ CB lãnh đạo; nâng cao trình độ chuyên môn, học hàm, học vị của đội ngũ GV.

- Tạo mọi điều kiện để phát triển hệ thống BĐCL bên trong; thực hiện thường xuyên liên tục hoạt động khảo sát các BLQ để kịp thời nắm bắt nhu cầu thị trường về chất lượng nguồn nhân lực nhằm có hướng thay đổi phương pháp đào tạo phù hợp.

- Thay đổi công tác quản lý, điều hành theo hoạch định chính sách, định hướng kế hoạch có tính chiến lược lâu dài, sát với thực tiễn của Nhà trường và của nền kinh tế xã hội.

2.3. Các điểm mạnh, cơ hội và cách tận dụng của Trường

Thế giới đang tiến sâu vào kỷ nguyên hội nhập quốc tế và phát triển tri thức. Tri thức như động lực chính cho tăng trưởng, trở thành vốn quý, đóng vai trò có tính quyết định và là yếu tố cạnh tranh quan trọng giữa các quốc gia. Nhiều quốc gia phát triển trên thế giới

thành công nhờ dựa vào đại học để xây dựng tiềm lực tri thức mạnh, tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao và nền khoa học - công nghệ đạt trình độ tiên tiến. Vì lẽ đó, đầu tư phát triển các đại học hàng đầu có khả năng cạnh tranh toàn cầu đã và đang trở thành xu thế của thời đại, tạo cơ hội cho Trường chủ động hội nhập quốc tế ngày càng rộng và sâu trong nhiều lĩnh vực hoạt động; ngày càng có nhiều Trường, Viện trên thế giới làm việc và trao đổi, hợp tác với Trường trong nhiều lĩnh vực như đào tạo, NCKH, trao đổi GV và sinh viên.

Những điểm mạnh và cơ hội của Trường bao gồm:

*** Điểm mạnh**

- Trường ĐHTT là trường đại học tư thục, lấy người học làm trung tâm, đào tạo đa ngành theo hướng ứng dụng đặt chất lượng lên hàng đầu, đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực và cả nước. Đội ngũ CB quản lý có kinh nghiệm, có tinh thần đoàn kết, phối hợp thực hiện hiệu quả công việc được giao. Đội ngũ GV giàu kinh nghiệm, có học hàm học vị cao, có khả năng thay đổi và thích nghi với từng đối tượng người học.

- Là trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, đào tạo nhân lực có chất lượng trong lĩnh vực sức khỏe, kinh tế, kỹ thuật, công nghệ, văn hóa và xã hội. Người học ra trường, có kiến thức chuyên môn sâu, đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp và nguồn nhân lực cho địa phương.

- Trong NCKH, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế, Nhà trường đạt nhiều thành tựu, tạo được uy tín với các trường ĐH trong khu vực và quốc tế; với địa phương; với doanh nghiệp và nhà tuyển dụng.

- Cơ sở vật chất trang bị hiện đại, đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu, đảm bảo trang thiết bị tốt phục vụ cho sự phát triển bền vững, phù hợp với tính chất, đặc điểm từng chuyên ngành đào tạo của Nhà trường. Diện tích đất được quy hoạch cụ thể, chi tiết rõ ràng rất thuận lợi để đầu tư xây dựng từng hạng mục phục vụ đào tạo.

*** Cơ hội**

- Hiện nay, quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu và toàn diện, là cơ hội để Nhà trường hội nhập với các trường ĐH trong khu vực và quốc tế.

- Chính sách tự chủ đại học là cơ hội để Nhà trường đánh giá được thực lực nguồn lực hiện có cho xây dựng định hướng phát triển trong giai đoạn tiếp theo. Là trường ngoài công lập, kinh phí tự thu tự chi, không lệ thuộc vào ngân sách của nhà nước nên khi có cơ chế tự chủ đại học, Nhà trường có kinh nghiệm và rất tự tin để ổn định và phát triển Nhà trường bền vững hơn.

- Nhà trường từng bước trẻ hóa đội ngũ, bồi dưỡng và quy hoạch CB quản lý trẻ, khỏe có năng lực và nhiệt huyết, năng động, trí tuệ, bản lĩnh để xây dựng phát triển Nhà trường theo chiến lược ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

- Có điều kiện tiếp cận công nghệ hiện đại, CNTT, truyền thông để đổi mới phương pháp dạy và học cũng như công tác quản lý.

- Có nhiều chính sách ĐT, bồi dưỡng nâng cao trình độ GV; thu hút tuyển dụng CB, GV có trình độ để nâng cao tỷ lệ GV có học hàm học vị, phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

- Trong xu thế xã hội hóa giáo dục như hiện nay, tỉnh Long An tập trung phát triển giáo dục, thực hiện chính sách xây dựng trường lớp đạt chuẩn chất lượng, nâng cao trình độ dân trí cho địa phương, đáp ứng trình độ cho nhu cầu phát triển kinh tế xã hội cho địa phương. Đây là cơ hội cho Nhà trường để chủ động hơn trong việc đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho nguồn nhân lực của địa phương, đáp ứng nhu cầu quy hoạch và phát triển kinh tế của tỉnh Long An trong thời gian tới.

- Đáp ứng yêu cầu của xã hội ngày càng cao về chất lượng đào tạo của người học sau khi ra trường, giải pháp kiểm định chất lượng và công khai chất lượng đào tạo là cơ hội để Nhà trường khẳng định chất lượng đào tạo.

*** Các giải pháp tận dụng thời cơ để phát triển**

- Nhà trường căn cứ vào nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương và chiến lược phát triển của vùng để mở rộng ngành nghề và quy mô đào tạo theo từng giai đoạn phát triển.

- Rà soát và hoàn thiện CTĐT đáp ứng CDR và phù hợp với nhu cầu của xã hội; xây dựng đề cương các môn học đáp ứng CDR của từng ngành đào tạo.

- Tăng cường đầu tư trang thiết bị, kinh phí phục vụ cho công tác NCKH, nâng cao nguồn lực đào tạo của Trường. Tạo môi trường tốt nhất cho các nhà khoa học, CB nghiên cứu, GV trong Trường; tiếp tục chính sách thu hút nhân tài tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng CB giảng dạy và CB phục vụ đào tạo đảm bảo tính kế thừa, duy trì và phát triển. Xây dựng chính sách làm tăng các nguồn thu, tài trợ, xã hội hóa phục vụ đào tạo; sử dụng có hiệu quả kinh phí đầu tư phát triển KH&CN.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển tài liệu phục vụ dạy và học, chú trọng các giáo trình, tài liệu học tập có giá trị khoa học cao trong và ngoài nước; xây dựng hệ thống cơ sở học liệu đa dạng với nhiều hình thức: giáo trình điện tử, bản in, các tài liệu học tập đa phương tiện khác.

- Xây dựng hệ thống BĐCL bên trong; hoàn thiện hệ thống văn bản về chính sách, mục tiêu chất lượng; xây dựng chiến lược BĐCL. Tiếp tục thực hiện đánh giá chất lượng CSGD và CTĐT theo quy định của Bộ GD&ĐT. Xây dựng hệ thống thu thập thông tin, khảo sát định kỳ lấy ý kiến của các BLQ như SV, GV, NV, nhà tuyển dụng để nâng cao chất lượng đào tạo và đổi mới phát triển Trường.

2.4. Quá trình triển khai hoạt động TĐG của Trường

Trong giai đoạn TĐG chất lượng CSGD: Nhà trường thực hiện năm 2024 với giai đoạn 2019 – 2024. Nhà trường triển khai viết báo cáo TĐG theo bộ tiêu chuẩn Thông tư 12/2017 của Bộ GD&ĐT. Báo cáo TĐG CSGD là thành quả của Nhà trường trong 05 năm qua, sự thay đổi và nỗ lực vì mục tiêu giáo dục, vì sự phát triển bền vững của Nhà trường cũng nhằm hướng tới được công nhận và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CSGD đại học.

3. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (xem phụ lục 1)

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa

Tiêu chí 1.1. Lãnh đạo CSGD đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của CSGD đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Tầm nhìn, sứ mệnh của Trường ĐHTT được xây dựng và công bố công khai, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng của Trường. Năm 2018, Hiệu trưởng ban hành Quyết định công bố TN, SM giai đoạn 2018-2021 [H01.01.01.01]. Để đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới và đáp ứng nhu cầu các BLQ, ngày 19/10/2021, Hiệu trưởng ban hành Quyết định công bố TN, SM cho giai đoạn mới, trong đó SM được tuyên bố: *“Với triết lý giáo dục, tiêu chuẩn và thực tiễn dựa trên mô hình giáo dục đại học của Mỹ, Trường ĐHTT khuyến khích suy nghĩ độc lập, rèn luyện phẩm chất kiên trì, tôn trọng sự đa dạng và ngôn ngữ. Trường ĐHTT sẽ đào tạo nên những con người có tính sáng tạo, tư duy logic, học tập suốt đời, trung thực, có trách nhiệm với đất nước, và có khả năng lãnh đạo”* và TN được xác định *“Đến năm 2030, ĐHTT trở thành một trường đại học nổi tiếng của khu vực ASEAN và trên thế giới, cung cấp nền giáo dục chất lượng cao, thực hành trên nền tảng kiến thức đã nghiên cứu, phục vụ người dân Việt Nam, Đông Nam Á và trên Thế giới”* [H1.01.01.02], [H1.01.01.03].

Trong quá trình xây dựng TN, SM, GTCL, TLGD, Trường quan tâm và tạo điều kiện để các BLQ (trong và ngoài trường) tham gia đóng góp ý kiến, đảm bảo các nội dung này luôn phù hợp và đáp ứng yêu cầu của các bên. Quá trình thực hiện theo quy trình như sau [H1.01.01.04]:

i) Thành lập Ban soạn thảo gồm các thành viên là các GV, cán bộ quản lý trong Trường [H1.01.01.05].

ii) Ban soạn thảo lập kế hoạch rà soát, cải tiến TN, SM, đồng thời thực hiện rà soát TN, SM [H1.01.01.06], [H1.01.01.07].

iii) Báo cáo kết quả rà soát cho Hiệu trưởng để tổ chức cuộc họp CB chủ chốt gồm BGH, trưởng/phó các phòng, ban, khoa để thảo luận, lấy ý kiến về các nội dung TN, SM, GTCL, TLGD của Trường [H1.01.01.08].

Tại cuộc họp, các đại biểu đã tích cực đóng góp ý kiến, tiêu biểu như: bổ sung mốc thời gian cụ thể để đạt được TN đề ra; thống nhất việc sử dụng thuật ngữ “sứ mệnh” và “sứ mạng”; bổ sung các yếu tố như “học suốt đời”, “tính độc lập” và “tính có trách nhiệm” vào nội dung SM của Trường, nhằm phù hợp với mô hình giáo dục khai phóng mà Trường đã định hướng theo đuổi từ khi thành lập; làm rõ nội hàm của các giá trị “chất lượng”, “sáng tạo”, “trách nhiệm” trong GTCL. Trên cơ sở tiếp thu các ý kiến đóng góp và căn cứ kết luận tại cuộc họp, ban soạn thảo đã điều chỉnh và hoàn thiện dự thảo về nội dung TN, SM, GTCL, TLGD [H1.01.01.09], [H1.01.01.10].

iv) Triển khai kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi từ các BLQ (CB, GV, NH, CNH, DN, BV) về nội dung bản dự thảo TN, SM, GTCL, TLGD [H1.01.01.11], [H1.01.01.12]. Quá trình khảo sát được thực hiện với các bên thông qua phiếu khảo sát trực tuyến bằng Google Form [H1.01.01.13]. Kết quả khảo sát cho thấy đa số các ý kiến đánh giá rằng TN, SM, GTCL, TLGD của Trường phù hợp với chủ trương phát triển giáo dục đại học của Đảng và Nhà nước, đáp ứng định hướng phát triển KTXH của cả nước và địa phương, với hơn 90% ý kiến đồng ý và rất đồng ý [H1.01.01.14].

Trải qua nhiều lượt lấy ý kiến của các đơn vị trong và ngoài trường, bao gồm trực tiếp tại cuộc họp và gián tiếp qua gửi dự thảo lấy ý kiến, ban soạn thảo đã nhận được rất nhiều ý kiến đóng góp, thể hiện sự quan tâm của các BLQ đến sự phát triển của Trường. Trên cơ sở ý kiến thảo luận, góp ý của các BLQ, ban soạn thảo đã cân nhắc lựa chọn, hoàn chỉnh dự thảo và báo cáo Hiệu trưởng trình HĐT ban hành Nghị quyết thông qua TN, SM, GTCL, TLGD của Trường [H1.01.01.15].

Trong quá trình xây dựng TN, SM, GTCL, TLGD, Trường đã căn cứ các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, địa phương và nguồn lực, định hướng phát triển của Trường trong từng giai đoạn cụ thể như: Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo [H1.01.01.16]; Quyết định của TTCP về phê duyệt Quy hoạch tổng thể về phát triển KTXH tỉnh Long An đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 [H1.01.01.17]; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Long An lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025 [H1.01.01.18]; Quyết định của TTCP về phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Long An giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 [H1.01.01.19]. Đến năm 2023, TTCP đã ban hành Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh Long An giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050, Trường ĐHTT nhận thấy TN, SM, TLGD, GTCL có sự đóng góp quan trọng vào việc đạt được các mục tiêu chiến lược của tỉnh [H1.01.01.20]. Cụ thể, tại mục II của Quy hoạch, tỉnh Long An tập trung vào việc “*phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao*”, theo đó, TN của Trường ĐHTT hướng đến trở thành một cơ sở giáo dục đại học hàng đầu, từ đó đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh. Bên cạnh đó, SM của Trường là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, những chương trình đào tạo của Trường trang bị cho NH kiến thức chuyên môn vững vàng, đáp ứng nhu cầu lao động có tay nghề cao, nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh. Đặc biệt, các ngành đào tạo bác sĩ đa khoa và ngôn ngữ Anh sẽ đóng góp vào sự phát triển ngành y tế và giao lưu văn hóa, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội. Đồng thời, các ngành quản trị kinh doanh và khoa học máy tính sẽ đào tạo những con người có khả năng xây dựng và quản lý các mô hình kinh doanh hiện đại, góp phần thúc đẩy quá trình đô thị hóa và phát triển các ngành kinh tế chủ lực của tỉnh (đóng góp vào mục tiêu “*đảm bảo 100% đô thị loại III trở lên hoàn thiện tiêu chí phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng về y tế, giáo dục, đào tạo và các công trình văn hóa cấp*”).

đô thị”). Ngoài ra, với GTCL là trách nhiệm, hợp tác, nỗ lực, chất lượng, sáng tạo, tôn trọng, lãnh đạo, Trường cam kết không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời khuyến khích NH tham gia vào các hoạt động cộng đồng và phát triển xã hội. Những giá trị này là nền tảng vững chắc để hình thành một lực lượng lao động không chỉ có kỹ năng chuyên môn cao mà còn có trách nhiệm với sự phát triển chung của tỉnh Long An. Vì vậy, việc xác định TN, SM, GTCL phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Trường, khẳng định được vai trò và đóng góp quan trọng của Trường vào quá trình thực hiện chiến lược phát triển KTXH của tỉnh.

Lãnh đạo Trường đã có sự phân công nhiệm vụ trong triển khai thực hiện TN, SM, GTCL từ HĐQT, BGH đến các đơn vị chức năng, yêu cầu trường các đơn vị chỉ đạo việc xây dựng CLPT của đơn vị hoặc kế hoạch hoạt động của đơn vị mình cần phải bám sát vào TN, SM, GTCL, TLGD đã công bố để chuyển tải mục tiêu thành chỉ số thực hiện [H1.01.01.21], [H1.01.01.22]. Ngoài ra, Trường triển khai thiết kế các bảng, poster trong khuôn viên và đăng trên website về TN, SM, GTCL, TLGD của Trường [H1.01.01.23], [H1.01.01.24]; xây dựng kế hoạch truyền thông TN, SM, GTCL, TLGD [H1.01.01.25]; văn bản yêu cầu các đơn vị trong quá trình thực hiện xây dựng kế hoạch công tác hàng năm cần chú trọng tới việc thực hiện TN, SM, GTCL, TLGD [H1.01.01.26]; các kế hoạch công tác hàng năm của Trường và các đơn vị đều bám sát TN, SM đã được công bố [H1.01.01.27], [H1.01.01.28].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 1.2. Lãnh đạo CSGD thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.

Giá trị văn hóa của Trường được kết tinh trong GTCL. Giá trị cốt lõi được xem là nguyên tắc hoạt động của Trường, được mỗi CB, GV, NV nhận thức sâu sắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Trước năm 2021, Trường ĐHTT chưa có công bố cụ thể bằng văn bản liên quan đến GTCL. Thời kỳ này, Trường ưu tiên hoàn thiện những yếu tố nền tảng như cơ sở vật chất, đội ngũ nhân sự nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo cơ bản và từng bước khẳng định vị thế trong hệ thống giáo dục. Đến tháng 02/2021, Trường nhận thấy cần có một bộ GTCL để định hình rõ bản sắc và định hướng chiến lược dài hạn. Đây là bước ngoặt quan trọng để tạo nên bản sắc riêng, nâng cao vị thế và uy tín của Trường trong bối cảnh hệ thống giáo dục ngày càng đổi mới và phát triển. Ngày 10/11/2021, Trường ĐHTT chính thức ban hành GTCL, xác định rõ định hướng phát triển với các yếu tố cốt lõi: “*Trách nhiệm - Hợp tác - Nỗ lực - Chất lượng - Sáng tạo - Tôn trọng - Lãnh đạo*” [H1.01.02.01], [H1.01.02.02]. Những giá trị này không chỉ là kim chỉ nam cho mọi hoạt động mà còn thể hiện TN chiến lược, trách nhiệm, cam kết của Trường đối với NH, GV, xã hội và sự phát triển bền vững:

“- *Trách nhiệm (với bản thân, gia đình, cộng đồng trong nước và quốc tế)*

- *Hợp tác (trong mọi hoạt động)*
- *Nỗ lực (để cùng hướng tới việc xây dựng một ĐHTT phát triển bền vững)*
- *Chất lượng (đạt chuẩn trong nước và quốc tế)*
- *Sáng tạo (sự khác biệt có giá trị)*
- *Tôn trọng (bản thân, các quyền của cộng đồng)*
- *Lãnh đạo (bản thân, nhóm và tổ chức/doanh nghiệp)”*

Giá trị cốt lõi được công khai trên website của Trường, trên các bảng, biển áp-phích trong khuôn viên Trường [H1.01.02.03], [H1.01.02.04]. Ngoài ra, GTCL được chuyển tải và cụ thể hóa trong Quyết định về việc ban hành bộ quy tắc ứng xử của NH về trách nhiệm ứng xử với gia đình, xã hội và bản thân; ứng xử trong học tập rèn luyện; ứng xử với CB, GV, NLD, bạn bè nhằm đạt được các chuẩn mực, đạo đức, văn hóa và học tập, rèn luyện, phát triển toàn diện. Giá trị cốt lõi của Trường còn được truyền tải trong bộ quy tắc ứng xử của CB, GV, NV Trường ĐHTT, nhằm thể hiện được vai trò, trách nhiệm của CB, GV, NV thực hiện GTCL của Trường gắn liền với các nhiệm vụ, lấy lợi ích NH, lợi ích DN, đơn vị sử dụng lao động là lợi ích chính của Trường [H1.01.02.05], [H1.01.02.06].

Trong quá trình xây dựng GTCL, Trường luôn chú trọng việc tiếp thu, kế thừa những giá trị truyền thống tốt đẹp và phát triển lên tầm cao hơn. Giá trị cốt lõi được Trường xác định: “*Trách nhiệm - Hợp tác - Nỗ lực - Chất lượng - Sáng tạo - Tôn trọng - Lãnh đạo*”, đây là những giá trị đặc trưng và được hun đúc qua quá trình xây dựng và phát triển Trường. Cụ thể, giá trị trách nhiệm: Trường ĐHTT theo đuổi mô hình khai phóng của Hoa Kỳ, trang bị cho NH tư duy sáng tạo, khuyến khích phát triển khả năng suy nghĩ phân tích độc lập và học tập suốt đời vì chính bản thân NH, gia đình và cộng đồng trong nước và quốc tế. Kể từ khi thành lập, Trường ĐHTT đã thể hiện trách nhiệm với xã hội thông qua nhiều hoạt động thiết thực và ý nghĩa. Đặc biệt, với mục tiêu lan tỏa tinh thần “học tập để thay đổi số phận”, Trường và Quỹ học bổng ITA Vì Tương Lai đã trao các suất học bổng tài năng toàn phần hỗ trợ NH trong quá trình học tập ở bậc đại học. Những suất học bổng này không chỉ giảm gánh nặng tài chính mà còn mở ra cơ hội tiếp cận môi trường học tập tiên tiến, nơi NH được học hỏi từ các giáo sư, chuyên gia hàng đầu, phát triển toàn diện cả về chuyên môn và kỹ năng. Song song đó, giải thưởng Hoa Trạng Nguyên - biểu tượng của sự nỗ lực và thành công học tập - là niềm tự hào của nhiều thế hệ học sinh, Trường đã trao học bổng toàn phần cho các tân Hoa Trạng Nguyên trúng tuyển, giúp họ phát huy tài năng và đóng góp vào sự phát triển bền vững của đất nước. Riêng năm học 2023-2024, giải thưởng đã vinh danh 53 học sinh xuất sắc trên cả nước. Những chương trình này khẳng định cam kết của Trường trong việc xây dựng một xã hội học tập tích cực, tạo điều kiện và truyền cảm hứng để thế hệ trẻ viết tiếp ước mơ lớn lao của mình; Giá trị hợp tác: với tầm nhìn trở thành trường đại học có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới, Trường luôn sẵn sàng mở rộng các mối quan hệ hợp tác quốc tế trong ĐT, NCKH, chuyển giao

khoa học và trong mọi hoạt động. Trường đã duy trì và phát triển quan hệ hợp tác với các trường đại học, bệnh viện danh tiếng từ Hàn Quốc đến Hoa Kỳ, tạo điều kiện cho NH tham gia thực tập quốc tế, không chỉ nâng cao năng lực học thuật mà còn mở rộng cơ hội nghề nghiệp; Giá trị nỗ lực: sự đồng lòng và quyết tâm của tập thể CB, GV, NH là nền tảng để Trường xây dựng một môi trường giáo dục phát triển bền vững, đáp ứng những thách thức và cơ hội trong thời kỳ hội nhập; Giá trị chất lượng: chất lượng là giá trị trung tâm và lâu dài mà Trường ĐHTT luôn theo đuổi. Từ việc kiểm soát chặt chẽ chất lượng đầu vào, quản lý quá trình đào tạo, đến việc đảm bảo chất lượng đầu ra, Trường đầu tư tối ưu vào CSVC và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo đạt chuẩn trong nước và quốc tế. Ngay từ khi thành lập, các CTĐT của Trường được thiết kế dựa trên tiêu chuẩn quốc tế, lấy cảm hứng từ Đại học Duke, Đại học Rice (Hoa Kỳ). Hiện nay, các CTĐT luôn được đối sánh, cập nhật và điều chỉnh để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động; Giá trị sáng tạo: sáng tạo và đổi mới là yếu tố cốt lõi thúc đẩy sự phát triển của Trường. Bằng cách áp dụng phương pháp đào tạo song ngữ, các CTĐT tiên tiến và mô hình khai phóng, Trường tạo điều kiện để NH thực hiện các dự án thực tế, vừa phát huy tính sáng tạo, vừa giải quyết các vấn đề thực tiễn; Giá trị tôn trọng: Trường đề cao giá trị tôn trọng, từ tôn trọng bản thân mỗi cá nhân đến việc đảm bảo quyền lợi và cơ hội bình đẳng cho cộng đồng. Mọi hoạt động của Trường đều hướng đến việc xây dựng một môi trường công bằng, nhân văn và đầy cảm hứng; Giá trị lãnh đạo: Trường hướng đến việc phát triển khả năng lãnh đạo cho NH thông qua các hoạt động đào tạo kỹ năng mềm, tổ chức các chương trình khởi nghiệp và xây dựng các nhóm nghiên cứu trẻ. Truyền thống này đã giúp nhiều CNH trở thành những nhà lãnh đạo xuất sắc trong các lĩnh vực [H1.01.02.07].

Để giữ gìn và phát triển hệ GTCL, Trường đã ban hành kế hoạch truyền thông, kế hoạch giữ gìn và phát triển GTCL của Trường, trong đó có hướng dẫn xây dựng các chương trình, kế hoạch cụ thể cho từng lĩnh vực và phân công nhiệm vụ đối với từng đơn vị [H1.01.02.08], [H1.01.02.09]. Bản kế hoạch hành động, nhiệm vụ ưu tiên để giữ gìn bản sắc văn hóa, GTCL của Trường được xây dựng và lấy ý kiến rộng rãi trong toàn thể CB, NV, NLD và NH. Trên cơ sở hội nghị lấy ý kiến của CB chủ chốt [H1.01.02.10], Trường đã tiến hành chỉnh sửa, hoàn thiện kế hoạch và thông qua HĐT trước khi ký quyết định ban hành [H1.01.02.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 1.3. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện.

Tầm nhìn, SM, GTCL của Trường ĐHTT là kim chỉ nam, là nội dung phấn đấu và là mục tiêu hành động của tất cả CB, GV, NV, NH tại Trường. Chính vì vậy, Trường luôn chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến, nhắc nhở để TN, SM, GTCL được thấm nhuần trong mỗi cá nhân. Sau khi được công bố thông qua Quyết định số 95/QĐ-TTU.21 ngày

11/10/2021, TN, SM, GTCL được phổ biến đến các BLQ bằng nhiều hình thức **[H1.01.03.01]**. Một mặt, BGH tổ chức phổ biến, quán triệt và giải thích rõ đến các BLQ bằng văn bản thông báo tuyên bố TN, SM, GTCL **[H1.01.03.02]**. Sau khi thông báo, Trường xây dựng kế hoạch truyền thông và kế hoạch hành động giữ gìn TN, SM, GTCL để phổ biến thực hiện đến các BLQ **[H1.01.03.03]**, **[H1.01.03.04]**. Mặt khác, TN, SM và GTCL của Trường được phổ biến qua các hình thức: công khai trên website, xây dựng các bảng biểu, pa-nô, áp-phích trong khuôn viên Trường **[H1.01.03.05]**, **[H1.01.03.06]**; trong tuyên bố, nhắc nhở tại các cuộc họp giao ban định kỳ hằng tháng **[H1.01.03.07]**; tuyên truyền, quán triệt trực tiếp qua các cuộc họp của từng đơn vị phòng, khoa, trung tâm, hoặc qua diễn văn lễ khai giảng...và trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa cho NH toàn Trường **[H1.01.03.08]**, **[H1.01.03.09]**, **[H1.01.03.10]**. Để thực hiện TN, SM và GTCL, Trường đã có những định hướng đầu tư rõ ràng: tập trung mọi nguồn lực tăng cường CSVC phục vụ trực tiếp cho hoạt động đào tạo, đầu tư có chọn lọc, trọng điểm, có những cơ chế, chính sách khuyến khích các công trình NCKH, gắn liền với định hướng nghiên cứu, quan tâm ngày càng nhiều hơn đến chế độ, chính sách cho NLĐ **[H1.01.03.11]**.

Bên cạnh việc tuyên truyền, phổ biến, Trường rất chú trọng đến hoạt động quán triệt và giải thích rõ ràng TN, SM, GTCL đến các đơn vị, các cá nhân liên quan trong và ngoài Trường khi triển khai xây dựng kế hoạch hoạt động đều phải bám sát TN, SM và GTCL, đảm bảo sự thống nhất trong mọi lĩnh vực hoạt động **[H1.01.03.12]**. Đối với CB, GV, NV, nội dung TN, SM và GTCL được quán triệt và chuyển tải vào các văn bản trong hầu hết các lĩnh vực hoạt động của Trường, điển hình là: quy định tổ chức hoạt động của Trường; chiến lược phát triển Trường, cụ thể hóa thành các chỉ số phát triển về đào tạo, NCKH, hợp tác quốc tế; kế hoạch thực hiện chiến lược; triển khai trong các kế hoạch công tác hàng năm với các mục tiêu trên từng lĩnh vực cụ thể **[H1.01.03.13]**, **[H1.01.03.14]**, **[H1.01.03.15]**. Trong quá trình xây dựng, rà soát các văn bản này, TN, SM và GTCL được đưa ra thảo luận, trao đổi nhằm truyền tải, giải thích rõ ràng cho các BLQ hiểu và áp dụng đúng. Ở cấp đơn vị, CBQL quán triệt và giải thích cho NV của đơn vị mình thông qua các cuộc họp hoặc các hướng dẫn cụ thể **[H1.01.03.08]**. Dựa trên đó, các đơn vị xây dựng kế hoạch hoạt động đơn vị bám sát nội dung TN, SM, GTCL của Trường **[H1.01.03.16]**. Đối với NH, nội dung TN, SM, GTCL của Trường được quán triệt và giải thích rõ ràng trong chương trình sinh hoạt công dân đầu khóa nhằm giúp NH thấm nhuần các giá trị ngay từ đầu **[H1.01.03.09]**. Ngoài việc quán triệt thông qua văn bản, Trường còn tích cực phổ biến, giải thích nội dung TN, SM, GTCL thông qua các buổi tọa đàm, nhấn mạnh trong các buổi lễ lớn, đặc biệt là phát biểu của lãnh đạo Trường tại các lễ khai giảng hằng năm **[H1.01.03.10]**. Những giá trị này là kim chỉ nam trong việc tổ chức các hoạt động của Trường, từ giảng dạy, nghiên cứu đến các sự kiện cộng đồng, đều được tổ chức theo hướng phù hợp với TN, SM và GTCL, đảm bảo tính nhất quán và hiệu quả trong mọi lĩnh vực.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 1.4. Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Ban rà soát là bộ phận được Hiệu trưởng Trường ĐHTT thành lập, có trách nhiệm chính trong việc rà soát TN, SM, GTCL, TLGD. Các thành viên trong ban là trưởng hoặc phó các đơn vị phụ trách các lĩnh vực liên quan trong Trường. Theo đó, năm 2021, thông qua chủ trương rà soát, cải tiến TN, SM, GTCL, TLGD để phù hợp với định hướng của Trường trong tình hình mới, Hiệu trưởng đã ban hành Quyết định thành lập Ban rà soát, đánh giá TN, SM, GTCL, TLGD của Trường [H1.01.04.01]. Trường giao nhiệm vụ cho ban tiến hành rà soát, xem xét, điều chỉnh, xây dựng TN, SM, GTCL, TLGD cho phù hợp với điều kiện, bối cảnh trong giai đoạn phát triển mới. Theo đó, ban đã xây dựng kế hoạch rà soát TN, SM, GTCL, TLGD và phân công nhiệm vụ cho các thành viên thực hiện rà soát theo đúng quy trình, quy định [H1.01.04.02], [H1.01.04.03]. Quá trình rà soát nhấn mạnh việc đối chiếu nội dung TN, SM, mục tiêu phát triển của Trường với định hướng, CLPT giáo dục đại học, CLPT KTXH của cả nước nói chung, của tỉnh Long An và khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long nói riêng; căn cứ điều kiện, thế mạnh, năng lực của Trường ĐHTT để có những điều chỉnh cho phù hợp.

Qua quá trình rà soát, đánh giá cho thấy cơ bản các nội dung về TN, SM Trường đã công bố phù hợp với các chủ trương chính sách, CLPT giáo dục đại học Việt Nam, phù hợp với CLPT KTXH của tỉnh Long An và của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long cũng như cả nước. Đồng thời, nội dung TN, SM mà Trường đã công bố phù hợp với nhu cầu, định hướng phát triển nguồn nhân lực, thế mạnh và năng lực của Trường. Tuy nhiên, so với yêu cầu phát triển trong giai đoạn tiếp theo thì nội dung TN, SM của Trường cần cải tiến và Trường cần xây dựng GTCL, TLGD để thể hiện cụ thể hơn vị trí, vai trò của mình đối với tỉnh Long An và trong khu vực Đông Nam Á [H1.01.01.04]. Sau khi phân tích và chỉ ra những điểm hạn chế của TN, SM được ban hành năm 2018, Trường đã cải tiến và khắc phục trong lần rà soát, điều chỉnh cho giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn 2030. Trên cơ sở báo cáo kết quả rà soát về TN, SM, GTCL, TLGD [H1.01.04.04], ban rà soát đã họp và thống nhất các nội dung dự thảo về TN, SM, GTCL, TLGD, trong đó đã có sự so sánh TN, SM trước và sau khi rà soát nhằm làm rõ được các yêu cầu đề ra [H1.01.04.05]; báo cáo BGH và tổ chức họp CB chủ chốt để lấy ý kiến nội dung TN, SM, GTCL, TLGD [H1.01.04.06].

Sau khi lấy ý kiến CB chủ chốt, Ban rà soát, xây dựng TN, SM, GTCL, TLGD đã xây dựng và tổ chức khảo sát lấy ý kiến các BLQ về nội dung TN, SM, GTCL, TLGD văn hóa của Trường [H1.01.04.07], [H1.01.04.08], [H1.01.04.09]. Các BLQ được khảo sát, lấy ý kiến bao gồm: toàn thể CB, GV, NV của Trường; toàn thể NH chính quy, CNH. Cách thức thực hiện khảo sát được thực hiện theo hình thức online, Trường gửi bản dự thảo điều chỉnh TN, SM, mục tiêu trong phiếu khảo sát để các BLQ được khảo sát trả lời và góp ý

kiến trúc tuyến qua ứng dụng Google Form [H1.01.04.09]. Kết quả khảo sát được tổng hợp qua báo cáo cho thấy trên 90% các ý kiến trả lời đều đồng ý với nội dung của dự thảo về nội dung TN, SM, GTCL, TLGD của Trường [H1.01.04.10]. Kết quả khảo sát được ban rà soát, xây dựng TN, SM, GTCL, TLGD báo cáo Hiệu trưởng, Hiệu trưởng trình HĐQT ra Nghị quyết thông qua TN, SM, GTCL, TLGD [H1.01.04.11], [H1.01.04.12]. Trên cơ sở đó Hiệu trưởng ban hành thông báo công bố rộng rãi cho các BLQ triển khai thực hiện [H1.01.04.13], [H1.01.04.14], [H1.01.04.15].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 1.5. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Trường ĐHTT có quy trình và bộ phận giám sát, rà soát, triển khai cải tiến chất lượng trong việc xây dựng, rà soát, phát triển TN, SM, GTCL, TLGD. Năm 2018, Hiệu trưởng phê duyệt và cho ban hành Quy trình xây dựng, phát triển TN, SM của Trường ĐHTT [H1.01.05.01]. Đồng thời, Trường triển khai thực hiện việc xây dựng TN, SM và thành lập Ban soạn thảo, xây dựng TN, SM [H1.01.05.02]. Theo đó, SM của Trường ĐHTT giai đoạn 2018-2021 được xây dựng “ĐHTT phấn đấu trở thành một trường đại học có uy tín của khu vực ASEAN và trên thế giới, cung cấp nền giáo dục chất lượng cao, thực hành trên nền tảng kiến thức đã nghiên cứu, phục vụ người dân Việt Nam, Đông Nam Á và trên Thế giới”. Tầm nhìn được xác định: “Trường ĐHTT sẽ tạo nên những con người có tính sáng tạo, tích cực đối với đào tạo và nghiên cứu khoa học công nghệ của Trường trong giai đoạn mới, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường lao động trong nước và quốc tế”.

Để đảm bảo việc phát triển TN, SM, GTCL phù hợp với giai đoạn phát triển và đáp ứng nhu cầu các BLQ, năm 2021, Hiệu trưởng đã thành lập Ban soạn thảo TN, SM, GTCL, TLGD [H1.01.05.03], ban được giao các nhiệm vụ:

(1) Rà soát, xây dựng và đề xuất cải tiến quy trình xây dựng, phát triển TN, SM, GTCL, TLGD.

(2) Rà soát, xây dựng và đề xuất cải tiến các nội dung công bố về TN, SM, GTCL, TLGD.

Trên cơ sở kết quả đề xuất của Ban soạn thảo và các góp ý của CB chủ chốt, trong năm 2021, Hiệu trưởng ban hành Quy trình xây dựng, rà soát, cải tiến TN, SM, GTCL, TLGD của Trường ĐHTT [H1.01.05.04]. So với quy trình ban hành năm 2018, quy trình mới đã mô tả rõ hơn nội dung, nhiệm vụ các bước thực hiện, phân định cụ thể vai trò và trách nhiệm của từng tổ chức, từng bộ phận tham gia. Sự cải tiến không chỉ nâng cao chất lượng thực hiện mà còn đáp ứng tốt kỳ vọng của các BLQ đối với TN, SM, GTCL và TLGD của Trường. Cụ thể, so với trước đây, quy trình năm 2021 đã bổ sung và điều chỉnh

nhiều nội dung quan trọng:

i) Bổ sung quy trình xây dựng GTCL và TLGD: trước đây, Trường chưa có văn bản cụ thể liên quan đến hai nội dung này; việc bổ sung là một bước tiến tất yếu nhằm hệ thống hóa và hoàn thiện hệ GTCL.

ii) Điều chỉnh thành phần tham gia Ban soạn thảo: thêm sự tham gia của GV, đảm bảo tính toàn diện và đa dạng về góc nhìn trong quá trình xây dựng và rà soát.

iii) Cải tiến thứ tự và nhiệm vụ các bước: quy trình mới không chỉ thay đổi thứ tự thực hiện mà còn giải trình rõ ràng nhiệm vụ từng bước, bổ sung thêm vai trò của HĐT trong việc cho ý kiến và thông qua nội dung TN, SM, GTCL, TLGD.

iv) Tăng cường tham vấn từ các BLQ: với quy trình mới, Trường đã thu thập ý kiến rộng rãi từ các BLQ, một cải tiến đáng kể giúp khắc phục hạn chế của quy trình cũ. Điều này cho phép Trường lắng nghe, tiếp thu nhiều ý kiến khác nhau để có được góc nhìn toàn diện, đưa ra các nội dung TN, SM, GTCL, TLGD phù hợp nhất.

Căn cứ vào quy trình, Ban soạn thảo đã xây dựng và ban hành kế hoạch rà soát TN, SM, GTCL, TLGD [H1.01.05.03], [H1.01.05.05]. Theo kế hoạch, Ban tiến hành rà soát và đánh giá kết quả thực hiện các nội dung của TN, SM đã được công bố, xem xét mức độ đáp ứng các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, chiến lược phát triển KTXH của địa phương, vùng và khu vực, cũng như tình hình thực tế của Trường. Ban cũng đánh giá các nội dung cần cải tiến và đề xuất phương hướng phát triển GTCL, TLGD của Trường [H1.01.05.06]. Sau khi hoàn tất rà soát, Ban báo cáo Hiệu trưởng và đề xuất tổ chức họp CB chủ chốt để lấy ý kiến về điều chỉnh TN, SM, GTCL, TLGD. Dựa trên các ý kiến góp ý, Ban soạn thảo bổ sung, hoàn chỉnh các nội dung và thống nhất dự thảo [H1.01.05.07], [H1.01.05.08]. Tiếp đó, Ban tổ chức khảo sát lấy ý kiến các BLQ (CB, GV, NH, cựu NH) về nội dung dự thảo TN, SM, GTCL, TLGD của Trường. Cách thức thực hiện khảo sát trực tuyến thông qua ứng dụng Google Form, trong mẫu phiếu khảo sát có nội dung dự thảo TN, SM, GTCL, TLGD để người được khảo sát đánh giá theo thang đo likert với các nội dung như: “Tâm nhìn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Trường ĐHTT”, “Sứ mệnh được xây dựng phù hợp với tầm nhìn của Nhà trường”, “Giá trị cốt lõi của Nhà trường được thể hiện ngắn gọn, ý nghĩa”,...[H1.01.05.09]. Theo báo cáo kết quả khảo sát, trên 90% các ý kiến đồng ý với nội dung của dự thảo TN, SM, cho thấy các điều chỉnh này đã phản ánh đúng định hướng phát triển, đáp ứng kỳ vọng của BLQ; 85% ý kiến đồng ý với nội dung xây dựng GTCL, TLGD của Trường, thể hiện sự ủng hộ lớn, dù vẫn còn một số góp ý cần được tiếp thu để hoàn thiện; ngoài tỷ lệ đồng thuận cao, một số ý kiến góp ý mang tính xây dựng đã giúp Trường nhận diện rõ hơn những kỳ vọng của BLQ đối với TN, SM, GTCL, TLGD [H1.01.05.10]. Ban soạn thảo tổng hợp tất cả ý kiến góp ý, báo cáo Hiệu trưởng để kiểm tra và hoàn thiện dự thảo. Sau đó, Hiệu trưởng trình HĐT xem xét, cho ý kiến và thông qua

[H1.01.05.11], [H1.01.05.12]. Hội đồng Trường đã tổ chức họp, điều chỉnh và chính thức thông qua nội dung TN, SM, GTCL, TLGD của Trường ĐHTT [H1.01.05.13]. Cuối cùng, Hiệu trưởng ban hành thông báo công bố rộng rãi nội dung TN, SM, GTCL, TLGD [H1.01.05.14]. Việc này không chỉ đảm bảo sự minh bạch mà còn khẳng định cam kết của Trường trong việc lắng nghe và đáp ứng nhu cầu của BLQ, từ đó xây dựng niềm tin và nâng cao mức độ hài lòng.

Sự điều chỉnh, bổ sung TN, SM, GTCL, TLGD là một tất yếu do sự phát triển nội lực cũng như để đáp ứng yêu cầu của xã hội và các BLQ trong thời kỳ hội nhập, thời kỳ nền công nghiệp 4.0. Theo đó, SM của Trường trong giai đoạn 2021-2026 được cập nhật “*Với triết lý giáo dục, tiêu chuẩn và thực tiễn dựa trên mô hình giáo dục đại học của Mỹ, Trường ĐHTT khuyến khích suy nghĩ độc lập, rèn luyện phẩm chất kiên trì, tôn trọng sự đa dạng và ngôn ngữ. Trường ĐHTT sẽ đào tạo nên những con người có tính sáng tạo, tư duy logic, học tập suốt đời, trung thực, có trách nhiệm với đất nước, và có khả năng lãnh đạo*”; TM của Trường được điều chỉnh “*Đến năm 2030, ĐHTT trở thành một trường đại học nổi tiếng của khu vực ASEAN và trên thế giới, cung cấp nền giáo dục chất lượng cao, thực hành trên nền tảng kiến thức đã nghiên cứu, phục vụ người dân Việt Nam, Đông Nam Á và trên Thế giới*”; GTCL và TLGD được cụ thể hóa bằng văn bản: “*Trách nhiệm – Hợp tác – nỗ lực – Chất lượng – Sáng tạo – Tôn trọng – Lãnh đạo*”; “*Khai phóng – Học suốt đời*”. Những thay đổi trong giai đoạn 2021 thể hiện rõ định hướng chiến lược của Trường ĐHTT trong việc nâng tầm vị thế quốc tế, cải thiện chất lượng giáo dục và phát triển con người toàn diện. Sự bổ sung GTCL và TLGD là bước tiến quan trọng, giúp Trường xây dựng bản sắc riêng và thích ứng với yêu cầu của môi trường giáo dục hiện đại (bảng 1.5.1).

Bảng 1.5.1. Đối sánh TN, SM, GTCL, TLGD của Trường ĐHTT qua các năm

Nội dung	Năm 2018	Năm 2021	Phân tích thay đổi
Tầm nhìn	“Trường ĐHTT sẽ tạo nên những con người có tính sáng tạo, tích cực đối với đào tạo và nghiên cứu khoa học công nghệ, đáp ứng nhu cầu lao động trong nước và quốc tế”	“Đến năm 2030, ĐHTT trở thành một trường đại học nổi tiếng của khu vực ASEAN và trên thế giới, cung cấp nền giáo dục chất lượng cao, thực hành trên nền tảng kiến thức đã nghiên cứu, phục vụ người dân Việt Nam, Đông Nam Á và trên Thế giới”	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung mốc thời gian (2030), nhấn mạnh mục tiêu khẳng định uy tín toàn cầu. - Tăng cường tập trung vào chất lượng giáo dục và ứng dụng kiến thức, mở rộng phạm vi đối tượng phục vụ.

Nội dung	Năm 2018	Năm 2021	Phân tích thay đổi
Sứ mệnh	“ĐHTT phấn đấu trở thành một trường đại học có uy tín của khu vực ASEAN và trên thế giới, cung cấp nền giáo dục chất lượng cao, thực hành trên nền tảng kiến thức đã nghiên cứu, phục vụ người dân Việt Nam, Đông Nam Á và trên Thế giới”	“Với triết lý giáo dục, tiêu chuẩn và thực tiễn dựa trên mô hình giáo dục đại học của Mỹ, ĐHTT khuyến khích suy nghĩ độc lập, rèn luyện phẩm chất kiên trì, tôn trọng sự đa dạng và ngôn ngữ. ĐHTT sẽ đào tạo những con người sáng tạo, tư duy logic, học tập suốt đời, trung thực, có trách nhiệm với đất nước, và có khả năng lãnh đạo”	<ul style="list-style-type: none"> - Nhấn mạnh mô hình giáo dục đại học của Mỹ. - Tập trung vào đào tạo con người toàn diện (tư duy độc lập, sáng tạo, kiên trì, trung thực). - Bổ sung khái niệm học tập suốt đời và khả năng lãnh đạo.
Giá trị cốt lõi	Chưa có một công bố cụ thể bằng văn bản	“Trách nhiệm – Hợp tác – Nỗ lực – Chất lượng – Sáng tạo – Tôn trọng – Lãnh đạo”	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định GTCL, làm nền tảng cho định hướng chiến lược và vận hành của Trường. - Phản ánh tinh thần trách nhiệm xã hội, hợp tác quốc tế, cam kết chất lượng và phát triển khả năng lãnh đạo.
Triết lý giáo dục	Chưa có một công bố cụ thể bằng văn bản	“Khai phóng – Học suốt đời”	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng TLGD hiện đại, khuyến khích sự phát triển toàn diện về tư duy, kỹ năng và giá trị nhân văn. - Nhấn mạnh vai trò của giáo dục liên tục, phù hợp với xu hướng toàn cầu hóa.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Quá trình xây dựng TN, SM, GTCL, TLGD có sự tham gia của các BLQ.

Kế hoạch hành động, KHCL cũng như TN, SM, GTCL của Trường được rà soát, điều chỉnh với sự cải tiến trong quy trình thực hiện, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các BLQ.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Chưa có sự tham gia đồng đảo của các nhà sử dụng lao động khi xây dựng kế hoạch hành động, KHCL của Trường hướng tới thực hiện giá trị cốt lõi (chỉ có đại diện nhà sử dụng lao động trong HĐT tham gia góp ý).

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Mời các nhà sử dụng lao động tham gia khi xây dựng kế hoạch hành động, KHCL của Trường	Phòng TCHC, KT-BĐCL	Năm 2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện rà soát TN, SM, GTCL với sự tham gia của các BLQ	Phòng TCHC, KT-BĐCL	Năm 2026	
		Xây dựng Kế hoạch phát triển Trường, KHCL có sự tham gia của các BLQ	Phòng TCHC, KT-BĐCL	Năm 2026	
		Rà soát TN, SM, GTCL cũng như thực hiện cải tiến quá trình xây dựng và phát triển chúng để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các BLQ.	Phòng TCHC, KT-BĐCL	Năm 2026	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 1	4,80
Tiêu chí 1.1	5
Tiêu chí 1.2	5
Tiêu chí 1.3	4
Tiêu chí 1.4	5
Tiêu chí 1.5	5

Tiêu chuẩn 2. Quản trị

Tiêu chí 2.1. Hệ thống quản trị (Bao gồm hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường; các tổ chức Đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của CSGD; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của CSGD.

Hệ thống quản trị của Trường ĐHTT được thiết lập phù hợp với quy định của Luật Giáo dục đại học và các quy định của pháp luật liên quan bao gồm: HĐT, Công đoàn và các hội đồng tư vấn như: Hội đồng Khoa học-Đào tạo, Hội đồng Thi đua-Khen thưởng, Hội đồng tuyển dụng...[H2.02.01.01], [H2.02.01.02], [H2.02.01.03], [H2.02.01.04]. Hội đồng Trường được thành lập và có quyết định công nhận vào ngày 28/8/2021, gồm đủ 09 thành viên theo quy định theo quy định của Luật Giáo dục đại học. Hội đồng Trường là tổ chức quản trị, thực hiện quyền đại diện của chủ sở hữu và các bên có lợi ích liên quan theo quy định của pháp luật. Hội đồng Trường thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy chế tổ chức và hoạt động của HĐT. Trong quá trình hoạt động, HĐT đã phát huy tốt vai trò vừa là cơ quan quản trị, vừa là cơ quan giám sát thông qua việc quyết định phương hướng hoạt động và huy động các nguồn lực cho Trường, triển khai các hoạt động giám sát chuyên đề và giám sát thường xuyên [H2.02.01.01]. Tổ chức Công đoàn Trường ĐHTT trực thuộc Công đoàn khu công nghiệp tỉnh Long An. Ban chấp hành Công đoàn Trường do Công đoàn khu công nghiệp tỉnh Long An ra Quyết định chuẩn y kết quả bầu cử [H2.02.01.02].

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trong hệ thống quản trị được quy định trong các văn bản như: quy chế làm việc của HĐT, quy chế hoạt động của BCH Công đoàn Trường ĐHTT, quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, quy chế tổ chức, hoạt động của Trường ĐHTT, quy chế phối hợp làm việc giữa HĐT-BGH, quy chế phối hợp làm việc giữa BGH và công đoàn [H2.02.01.05], [H2.02.01.06], [H2.02.01.07], [H2.02.01.08], [H2.02.01.09], [H2.02.01.10]. Trong đó, các quy chế, quy định đã phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng tổ chức, đơn vị; thể hiện trách nhiệm, cách thức giải quyết công việc, kế hoạch công tác, chế độ thông tin, báo cáo, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình; tiêu chuẩn của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng về trình độ chuyên môn, các tiêu chuẩn, yêu cầu về các phẩm chất khác. Các hội đồng tư vấn tổ chức hoạt động trên cơ sở quy định của Trường, cụ thể: chức năng nhiệm vụ và quy chế làm việc của HĐKH-ĐT được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H2.02.01.08]; Hội đồng Thi đua-Khen thưởng hoạt động theo quy định Thi đua-Khen thưởng và Quy chế tổ chức, hoạt động của Hội đồng [H2.02.01.04]. Như vậy, từ khi thành lập, HĐT, Công đoàn, các hội đồng tư vấn đều được quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và quy chế làm việc trong quá trình hoạt động.

Bên cạnh đó, Trường đã xây dựng các văn bản thể hiện trách nhiệm giải trình, tính

bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu rủi ro trong quá trình hoạt động. Cụ thể:

i) Quy chế làm việc của HĐT nêu rõ HĐT có thẩm quyền quyết định về chiến lược, kế hoạch phát triển của Trường, đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan quản lý có thẩm quyền và các BLQ về quyết định của mình. HĐT cũng có trách nhiệm thực hiện công khai, minh bạch thông tin, chế độ báo cáo; chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện trách nhiệm giải trình trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của mình, đồng thời chịu sự giám sát của xã hội, cá nhân và tổ chức trong Trường [H2.02.01.05].

ii) Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường chỉ rõ ĐHTT là Trường đại học tư thục, hoạt động phi lợi nhuận. Đơn vị chủ quản của Trường là công ty cổ phần giáo dục và đầu tư Tân Tạo, Trường chịu sự quản lý trực tiếp về hoạt động GD&ĐT của Bộ GD&ĐT. Trường chịu sự quản lý hành chính, lãnh thổ của UBND tỉnh Long An, Trường chủ động phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ GD&ĐT, các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh Long An để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định [H2.02.01.08].

Trong quá trình hoạt động, cơ cấu tổ chức của hệ thống quản trị Trường ĐHTT được tổ chức và hoàn thiện theo hướng đáp ứng tốt hơn việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị và của Trường, phù hợp với điều kiện thực tiễn và đáp ứng nhu cầu xã hội. Các quy chế, quy định và hướng dẫn đã hình thành hệ thống văn bản, giúp các đơn vị, bộ phận triển khai hoạt động có chất lượng như: quy chế BĐCL giáo dục tại Trường [H2.02.01.11]; quy định chế làm việc của GV; quy định về công tác dự giờ, hội giảng [H2.01.01.12]; quy định tuyển dụng nhân sự [H2.01.01.13]; quy định tổ chức và hoạt động của Thư viện; quy chế văn thư, lưu trữ [H2.01.01.14]; quy chế chi tiêu nội bộ [H2.01.01.15]; quy định về hoạt động KHCN [H2.01.01.16]; quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường [H2.01.01.17]; quy chế CTSV [H2.01.01.18]; quy chế văn hóa công sở; nội quy lao động; quy chế thực hiện dân chủ [H2.01.01.19]; quy định hoạt động kết nối và PVCĐ; hệ thống đo lường kết quả hoạt động kết nối và PVCĐ [H2.01.01.20].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 2.2. Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện.

Bên cạnh hệ thống văn bản pháp quy hiện hành, Trường đã xây dựng hệ thống văn bản phù hợp với mô hình tổ chức, điều kiện thực tế nhằm thực hiện hiệu quả việc tổ chức, quản lý và điều hành, giảm thiểu các rủi ro. Hệ thống quản trị Trường luôn kịp thời đưa ra các quyết định và chuyển tải thành các kế hoạch hành động, các văn bản hướng dẫn để triển khai thực hiện. Hội đồng Trường: sau mỗi cuộc họp, nghị quyết được ban hành và đưa vào thực hiện như nghị quyết phê duyệt kế hoạch, chiến lược. Ban Giám hiệu: căn cứ vào kế hoạch chiến lược, BGH chỉ đạo bộ phận chức năng xây dựng và ban hành kế hoạch

công tác hằng năm [H2.02.02.01]. Theo đó, phòng QLĐT xây dựng kế hoạch đào tạo, phòng TCKT xây dựng kế hoạch tài chính, phòng TCHC xây dựng kế hoạch nhân sự. Các kế hoạch, chính sách, quy định của Hiệu trưởng được triển khai tại cuộc họp giao ban hàng tháng với các trưởng, phó khoa, phòng, ban. Thông qua các cuộc họp của các khoa, phòng, ban, các kế hoạch, chính sách, quyết định này được triển khai tới các CB, GV. Các quyết định, kế hoạch của các đơn vị được thống nhất triển khai đến từng CB, GV cụ thể thông qua các cuộc họp của đơn vị mình [H2.02.02.02]. Ngoài ra, các quyết định của hệ thống quản trị còn được chuyển tải thông qua các báo cáo tổng kết hàng năm [H2.02.02.03], [H2.02.02.04], qua các Hội nghị đào tạo-khoa học [H2.02.02.05], Hội nghị cán bộ công nhân viên [H2.02.02.06].

Thực hiện chỉ đạo của HĐT, Công đoàn đã đồng hành cùng các đơn vị tổ chức các chương trình, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thu hút đông đảo các CB, GV tham gia; tổ chức các chương trình, các hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn trong năm: ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, tổ chức chương trình du lịch hè hằng năm cho CB, GV [H2.02.02.07].

Trong giai đoạn đánh giá, Trường đã tập trung rà soát, xây dựng các văn bản quan trọng để nâng cao hiệu quả công tác quản lý và hỗ trợ toàn diện cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD. Theo đó, Trường đã chỉ đạo rà soát và xây dựng CLPT Trường ĐHTT giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn 2030, trong đó xác định rõ các mục tiêu dài hạn và ngắn hạn, đảm bảo định hướng phát triển bền vững và thích ứng với nhu cầu thực tiễn [H2.02.02.08]. Ngoài ra, Trường ban hành, chỉnh sửa, cập nhật nhiều văn bản theo các mảng công tác như: i) về đào tạo: cập nhật quy chế đào tạo, các CTĐT, xây dựng các chuẩn đầu ra đáp ứng yêu cầu thị trường lao động; ii) về NCKH: xây dựng các quy định về quản lý và triển khai các dự án NCKH; iii) về CSVC: đề xuất và thực hiện các kế hoạch bảo trì, nâng cấp trang thiết bị phục vụ học tập [H2.02.02.09]. Các quy định, quy chế đều được phổ biến và quán triệt tới toàn thể tất cả CB, GV, NV thông qua các cuộc họp của đơn vị, của BGH, hệ thống thông tin nội bộ và truyền thông chính thức của Trường. Điều này giúp đảm bảo rằng mọi cá nhân trong Trường đều hiểu và thực hiện đúng định hướng. Song song với đó, Trường đã tập trung thực hiện công tác tổ chức và quy hoạch nhân sự. Cụ thể, BGH chỉ đạo thực hiện việc rà soát, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy, với mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý rủi ro. Trong đó từ năm 2019 đến nay, Trường đã tập trung chỉ đạo thực hiện kiện toàn, ổn định tổ chức, nhân sự trong toàn Trường và sắp xếp lại, đổi tên các đơn vị theo hướng khoa học, phản ánh đúng chức năng, nhiệm vụ. Đây được xem là sự thay đổi căn bản trong tổ chức bộ máy của Trường để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và định hướng phát triển của Trường trong tương lai [H2.02.02.10], [H2.02.02.11]. Đặc biệt, trong lĩnh vực PVCD, Trường đã triển khai nhiều chương trình kết nối cộng đồng như: tổ chức các buổi tọa đàm mở rộng để chia sẻ tri thức, kinh nghiệm

nghiên cứu; phát triển các hoạt động PVCD liên quan đến y tế; Hỗ trợ sinh viên tham gia các hoạt động tình nguyện, đóng góp tích cực vào phát triển xã hội [H2.02.02.12]. Những hành động này không chỉ thể hiện sự đổi mới toàn diện trong tổ chức và quản lý mà còn khẳng định cam kết của Trường trong việc đồng hành cùng cộng đồng và góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, phục vụ xã hội.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 2.3. Hệ thống quản trị của CSGD được rà soát thường xuyên.

Định kỳ, hệ thống quản trị của Trường ĐHTT được rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ để đảm bảo hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ cũng như đáp ứng theo yêu cầu nhiệm vụ mới. Hội đồng Trường nhiệm kỳ 2021-2026 được thành lập và có Quyết định công nhận theo quy định của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, gồm đủ 09 thành viên theo quy định, HĐT thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐT [H2.02.03.01]. Nhân sự tham gia HĐT và cơ cấu các ban được rà soát khi có sự thay đổi về nhân sự, phù hợp điều kiện thực tế, tuân thủ theo đúng quy định. Trên cơ sở tình hình thực tế, HĐT đã thực hiện quy trình về việc công nhận Chủ tịch cho HĐT Trường nhiệm kỳ 2021-2026 [H2.02.03.02].

Công tác định kỳ rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận và các văn bản của hệ thống quản trị chủ yếu được triển khai lồng ghép thông qua các cuộc họp của HĐT và các kế hoạch công tác. Hằng năm, trong các cuộc họp của HĐT có nhiều nội dung về công tác quản trị như kiện toàn BGH, rà soát, điều chỉnh những quy chế tổ chức, hoạt động của Trường [H2.02.03.03]. Bên cạnh đó, HĐT, BGH, Công đoàn và các đơn vị trong Trường đều có báo cáo đánh giá về những kết quả đạt được, hạn chế tồn tại để làm căn cứ đưa ra các quyết định quản trị phù hợp. Cụ thể, trong báo cáo tổng kết công tác của HĐT luôn có nội dung đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, bộ phận và các văn bản của hệ thống quản trị của Trường [H2.02.03.04], báo cáo tổng kết năm học của BGH đánh giá hiệu quả hoạt động của các phòng, ban chức năng, khoa chuyên môn, tổ bộ môn trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ được phân công của hệ thống quản trị Trường [H2.02.03.05], báo cáo tổng kết năm học của Công đoàn Trường thể hiện các nội dung rà soát, điều chỉnh về công tác điều hành, quản lý liên quan tới cơ cấu tổ chức, công tác nhân sự và các nội dung quản trị khác nhằm đảm bảo vận hành tốt quy chế tổ chức và hoạt động đã được ban hành [H2.02.03.06], các rà soát, báo cáo tại Hội nghị CB, CNV góp phần làm cơ sở cho công tác đánh giá và điều chỉnh hệ thống văn bản quản trị [H2.02.03.07].

Trường đã ban hành quy định đánh giá đội ngũ, đây chính là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ làm căn cứ xếp loại hàng tháng và hằng năm [H2.02.03.08]. Hệ thống quản trị thực hiện việc đánh giá và phân loại nhân sự thông qua các cuộc họp tổng kết. Trong các cuộc họp này, các thông tin liên quan đến khả năng lãnh đạo, quản lý, hiệu

quả công việc và tinh thần trách nhiệm của từng nhân sự được thảo luận và biểu quyết. Kết quả đánh giá không chỉ là cơ sở để ghi nhận những đóng góp của nhân sự mà còn định hướng chính sách, điều chỉnh nhiệm vụ hoặc phát triển năng lực nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ và đảm bảo sự phát triển bền vững của hệ thống quản trị [H2.02.03.09]. Ngoài ra, trong giai đoạn đánh giá, nhiều văn bản quản trị quan trọng của Trường đã được rà soát, điều chỉnh như quy chế tổ chức, hoạt động của Trường, quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị...ban hành mới các văn bản như quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế thi đua-khen thưởng...[H2.02.03.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 2.4. Hệ thống quản trị của CSGD được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của CSGD và quản lý rủi ro tốt hơn.

Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận và các văn bản của hệ thống quản trị được điều chỉnh phù hợp với các quy định của Trường và Nhà nước để tăng hiệu quả hoạt động của Trường và quản lý rủi ro tốt hơn. Hệ thống quản trị của Trường sau khi rà soát thì được HĐT, BGH xem xét và ban hành quy định mới, triển khai các hành động để phát huy những ưu điểm và khắc phục những tồn tại, ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đối với hệ thống quản trị. Cơ cấu và nhân sự của HĐT được kiện toàn, theo đó, HĐT nhiệm kỳ 2021-2026 có 09 thành viên [H2.02.04.01]. Hội đồng Trường hoạt động theo quy chế tổ chức và hoạt động của HĐT, trong đó quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của chủ tịch, phó chủ tịch, thư ký và các thành viên khác của HĐT [H2.02.04.02]. Từ năm 2021 đến nay, HĐT tập trung cho công tác xây dựng CLPT Trường ĐHTT giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn 2030 [H2.02.04.03] và hệ thống văn bản quan trọng khác của Trường, góp phần tăng cường hiệu quả hoạt động và quản lý rủi ro tốt hơn trên cơ sở các văn bản, các quy định đã được rà soát, xây dựng, ban hành như: Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H2.02.04.04], quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị [H2.02.04.05], quy định chế độ làm việc của GV [H2.02.04.06]. Bên cạnh đó, để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ trong giai đoạn mới, Trường đã thành lập HĐ KHĐT, HĐ BĐCLGD, công đoàn và một số phòng, khoa, trung tâm [H2.02.04.07], [H2.02.04.08], [H2.02.04.09], [H2.02.04.10].

Hơn nữa, căn cứ yêu cầu cụ thể của từng giai đoạn phát triển, nhân sự tham gia các đơn vị, bộ phận của hệ thống quản trị cũng được quan tâm điều chỉnh và tạo mọi điều kiện để nâng cao năng lực. Công đoàn Trường được thành lập vào năm 2022 và được điều chỉnh, cập nhật về cơ cấu và danh sách thành viên vào năm 2023 [H2.02.04.09]. Song song đó, việc bổ nhiệm các Phó Hiệu trưởng cũng được thực hiện chặt chẽ, căn cứ vào kết quả đánh giá, xếp loại năng lực, phẩm chất và khả năng đáp ứng yêu cầu của từng lĩnh vực phụ trách [H2.02.04.11]. Những điều chỉnh này không chỉ giúp kiện toàn đội ngũ lãnh đạo mà còn tạo điều kiện để hệ thống quản trị hoạt động hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện của Trường trong các giai đoạn tiếp theo. Ngoài ra, để đáp ứng yêu cầu thực tiễn hoạt động

của Trường, nhiều vị trí trong Hội đồng KHĐT, Hội đồng BĐCL được điều chỉnh bổ sung kịp thời, số lượng thành viên các hội đồng tăng giảm tùy theo điều kiện cụ thể, đảm bảo sự đa dạng các lĩnh vực chuyên môn và sự tham gia của các BLQ, tăng cường hiệu quả hoạt động, quản lý rủi ro [H2.02.04.07], [H2.02.04.08]. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị, Trường luôn quan tâm chỉ đạo sát sao công tác đào tạo, phát triển đội ngũ. Cụ thể, nhân sự của Trường được tham gia các chương trình tập huấn, bồi dưỡng, tham dự các hội thảo, các khóa đào tạo nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ [H2.02.04.12].

Hệ thống văn bản để phục vụ cho công tác tổ chức, quản lý thuộc hệ thống quản lý của Trường được quan tâm rà soát, điều chỉnh, cập nhật, đảm bảo phù hợp với cơ cấu tổ chức và quản trị. Cụ thể, quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị được ban hành năm 2017 được điều chỉnh, thay thế vào năm 2021; ban hành các quy chế, quy định mới phù hợp với pháp luật hiện hành như: Quy định Thi đua-Khen thưởng, quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng thi đua - khen thưởng, quy chế chi tiêu nội bộ, quy định đánh giá đội ngũ... [H2.02.04.13].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 2

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Các đơn vị cấu thành hệ thống quản trị của Trường được thành lập đầy đủ theo quy định. Nhân sự của các đơn vị cấu thành hệ thống quản trị Trường đảm bảo về số lượng, nâng dần chất lượng có đầy đủ phẩm chất, đạo đức, năng lực đáp ứng tốt yêu cầu cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị cấu thành hệ thống quản trị được quy định rõ ràng trong việc thực hiện công tác quản trị, quản lý và lãnh đạo, đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của Trường.

Hệ thống quản trị Trường được chú trọng rà soát, điều chỉnh, bổ sung một cách bài bản, khoa học và toàn diện cả về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ và nhân sự của các đơn vị. Hệ thống quản trị của Trường được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của CSGD và quản lý rủi ro tốt hơn.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Việc phân định trách nhiệm, quyền hạn và mối quan hệ giữa thiết chế HĐT-BGH vẫn chưa thật sự rõ nét.

Các văn bản của hệ thống quản trị nhìn chung chỉ được đánh giá, cải tiến khi có yêu cầu thực tiễn, chưa được tổ chức định kỳ hằng năm.

Hình thức chuyển tải các Nghị quyết của các bộ phận trong hệ thống quản trị tới các đơn vị chưa thực sự đa dạng, phong phú.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Rà soát, hoàn thiện quy chế phối hợp làm việc giữa HĐT và BGH	HĐT, BGH	Quý 2/2025	
2	Khắc phục tồn tại 2	Rà soát lại toàn bộ hệ thống văn bản quản lý của Trường, đảm bảo tính đồng bộ và hiệu quả Mở lớp tập huấn về phát hiện rủi ro, khắc phục phòng ngừa	Phòng TCHC	06/2025	
3	Khắc phục tồn tại 3	Đa dạng hóa các hình thức phổ biến, tuyên truyền các nghị quyết tới các đơn vị	HĐT, BGH và các đơn vị liên quan	Quý I/2025	
4	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục phát huy vai trò của HĐT, các tổ chức đoàn thể, hội đồng tư vấn trong thời gian tới. Các đơn vị phối hợp thực hiện triển khai các công việc cần phải lên kế hoạch và báo cáo khi thực hiện xong để có kết quả đánh giá.	HĐT; BGH; các phòng, khoa chuyên môn	Thường xuyên	
5	Phát huy điểm mạnh 2	Hoàn thiện và không ngừng cải tiến cách thức truyền tải các nghị quyết, quyết định cấp trên xuống cấp dưới và đến từng cá nhân	HĐT; BGH; Các đơn vị; Tổ chức đoàn thể	Hàng tháng	
6	Phát huy điểm mạnh 3	Rà soát hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị và điều chỉnh kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả và quản lý rủi ro	HĐT, BGH	Hàng tháng	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 2	4,50
Tiêu chí 2.1	5
Tiêu chí 2.2	4

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 2.3	4
Tiêu chí 2.4	5

Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý

Tiêu chí 3.1. Lãnh đạo cơ sở giáo dục thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Trường ĐHTT được thành lập theo Quyết định số 2154/QĐ-TTg ngày 25/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ, bên cạnh hệ thống quản trị, Trường đã thiết lập cơ cấu tổ chức bộ máy rõ ràng [H3.03.01.01]. Hơn nữa, để tiếp tục kiện toàn, qua đó thúc đẩy các giá trị văn hóa và thực hiện thắng lợi mục tiêu giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn đến năm 2030, Trường thực hiện điều chỉnh, kiện toàn và thành lập mới một số đơn vị. Thông qua quá trình điều chỉnh, cập nhật, cơ cấu quản lý của Trường hiện nay rất rõ ràng, được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật, gồm có: BGH, HĐKH-ĐT, 08 phòng, 02 ban, 02 trung tâm, 06 khoa, 01 tạp chí, 01 Trường THPT năng khiếu ĐHTT [H3.03.01.02].

Mặt khác, để phân định vai trò, trách nhiệm và mối liên hệ giữa các thành phần, đơn vị trong cơ cấu quản lý, quy chế tổ chức, hoạt động của Trường ĐHTT được xây dựng và ban hành [H3.03.01.03]. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng đơn vị, bộ phận thuộc Trường được nêu rõ trong quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị được ban hành năm 2017, sau đó được rà soát và sửa đổi vào năm 2021 [H3.03.01.04], [H3.03.01.05]. Đối với BGH, có sự phân công nhiệm vụ, trách nhiệm phụ trách các lĩnh vực công tác và các đơn vị thuộc Trường [H3.03.01.06]. Hội đồng Trường và BGH cũng đã xây dựng Quy chế phối hợp, trong đó, quy định rõ nguyên tắc quan hệ công tác, phương thức quan hệ công tác và các nội dung quan hệ công tác [H3.03.01.07]. Trường xây dựng đề án vị trí việc làm để mỗi thành phần trong cơ cấu quản lý hiểu rõ tiêu chuẩn năng lực của từng vị trí công việc và các mối quan hệ trong công tác [H3.03.01.08]. Quy trình tuyển dụng nhân sự và tiêu chuẩn các chức danh cũng được công khai, minh bạch [H3.03.01.09]. Bên cạnh đó, nhằm giúp các đơn vị có thể nhanh chóng tiếp nhận và hoàn thành tốt công việc, Trường đã ban hành bản mô tả công việc các vị trí việc làm [H3.03.01.10].

Trên cơ sở được phân định rõ ràng vai trò, trách nhiệm, tất cả các nhân sự tham gia cơ cấu quản lý của Trường ĐHTT được xác định rõ thẩm quyền ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo. Cụ thể, quy chế tổ chức và hoạt động của Trường nêu rõ vai trò, trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch HĐT, các tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, của lãnh đạo các Phòng/Khoa và tương đương, trong đó có thẩm quyền ra quyết định và chế độ thông tin, báo cáo. Theo đó, Hiệu trưởng là người chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động của Trường theo quy định của pháp luật...Hàng năm,

Hiệu trưởng phải báo cáo trước HĐT về kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình và BGH; hay Trưởng phòng có nhiệm vụ tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc xây dựng và hoàn thiện các chủ trương, chương trình, kế hoạch công tác của Trường gắn với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị [H3.03.01.03]. Ban Giám hiệu Trường ĐHTT gồm có 03 người (01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng) quản lý các lĩnh vực hoạt động của Trường. Trong đó, Hiệu trưởng là người ký tất cả các văn bản của Trường trong phạm vi thẩm quyền ra quyết định. Hiệu trưởng phân cấp ký thay đổi với các Phó Hiệu trưởng và giao ký thừa ủy quyền, thừa lệnh đối với Trưởng các đơn vị. Tất cả các Phó Hiệu trưởng, Trưởng các đơn vị khi được giao nhiệm vụ ký các văn bản của Trường, đều phải thực hiện chế độ báo cáo với Hiệu trưởng [H3.03.01.11]. Để đạt được TN, SM và các mục tiêu chiến lược đã đề ra, mỗi năm, Trường ĐHTT đều có xây dựng kế hoạch công tác và thực hiện theo kế hoạch, có báo cáo tổng kết [H3.03.01.12]. Mỗi tháng, BGH và lãnh đạo các khoa, phòng, ban tổ chức họp giao ban nhằm rà soát nhiệm vụ chuyên môn đã đề ra tháng trước và triển khai nhiệm vụ cho tháng tiếp theo. Thông tin giữa các đơn vị và lãnh đạo trường là thông tin hai chiều, chế độ thông tin báo cáo của Trường ĐHTT được thực hiện thường xuyên thông qua các cuộc họp giao ban hàng tháng, thông qua phản ánh trực tiếp của các đơn vị trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao [H3.03.01.13].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 3.2. Lãnh đạo cơ sở giáo dục tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Hội đồng trường ĐHTT đã ban hành CLPT của Trường, trong đó, đã định hướng rõ TN, SM, GTCL, TLGD và các mục tiêu chiến lược của Trường [H3.03.02.01]. Trong năm 2021, Trường cũng ban hành Quyết định tuyên bố TN, SM, GTCL, TLGD [H3.03.02.02]. Ngay sau khi TN, SM, GTCL, TLGD và các mục tiêu chiến lược được xác lập, HĐT đã thông báo yêu cầu triển khai các hoạt động theo TN, SM, GTCL, TLGD và các mục tiêu của Trường ĐHTT [H3.03.02.03]. Sau đó, BGH đã thông báo yêu cầu các đơn vị xây dựng kế hoạch công tác hằng năm chú trọng tới việc thực hiện TN, SM và các mục tiêu chiến lược của Trường ĐHTT [H3.03.02.04].

Ngoài ra, BGH chỉ đạo xây dựng đa dạng kênh kết nối, các hình thức tuyên truyền TN, SM, GTCL, TLGD và các mục tiêu chiến lược đến các BLQ [H3.03.02.05]. Cụ thể, BGH giao phòng TT-TS là đơn vị quản trị trang mạng xã hội của Trường, thực hiện công tác truyền thông nội bộ, phụ trách hoạt động truyền thông các sự kiện của Trường. Theo đó, phòng TT-TS triển khai in TN, SM, GTCL, TLGD thành các poster treo ở các vị trí trung tâm trong Trường để tất cả CB, GV, NV, NH tiện theo dõi. Ngoài ra, những nội dung này cũng được công khai trên website của Trường để các BLQ có thể tiếp cận [H3.03.02.06]. Bên cạnh đó, thông qua việc tổ chức ký kết các biên bản ghi nhớ, thỏa thuận

hợp tác hay phối hợp tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học với các tổ chức, cơ quan, đơn vị trong và ngoài Trường, hình ảnh về Trường, TN, SM và các mục tiêu được quảng bá rộng rãi đến các BLQ [H3.03.02.07]. Thông qua hoạt động tư vấn tuyển sinh, các video giới thiệu về Trường, về các ngành đào, TN, SM, GTCL, TLGD của Trường thông tin, tuyên truyền đến NH và CNH, quý thầy cô các trường THPT, các đối tác tuyển sinh và phụ huynh của NH...[H3.03.02.08]. Qua những hình thức tuyên truyền đó, TN, SM, GTCL, TLGD và các mục tiêu chiến lược của Trường ĐHTT đã được lan tỏa đến các cơ quan, đơn vị, NH, phụ huynh, CNH và các BLQ, giúp mọi người hiểu rõ hơn về TN, SM, GTCL, TLGD và các mục tiêu chiến lược của Trường.

Mặt khác, BGH cũng trực tiếp tổ chức các hoạt động tuyên truyền TN, SM, GTCL, TLGD và các mục tiêu chiến lược đến các BLQ. Trước hết, TN, SM, GTCL, TLGD và các mục tiêu chiến lược được BGH trực tiếp phổ biến, quán triệt đến CB, GV, NV thông qua các cuộc họp giao ban [H3.03.02.09], hay các phát biểu tại các ngày lễ kỷ niệm, lễ truyền thống hoặc trong các kế hoạch năm học [H3.03.02.10]. Ngoài ra, các nội dung nêu trên cũng được BGH triển khai cho NH thông qua các buổi sinh hoạt đầu khóa, khai giảng và lễ tốt nghiệp [H3.03.02.11]. Đồng thời, Trường thực hiện việc khảo sát, lấy ý kiến các BLQ về TN, SM, GTCL, TLGD của Trường ĐHTT để tham mưu cho lãnh đạo Trường điều chỉnh cho phù hợp [H3.03.02.12]. Để việc này được thực hiện thuận lợi, rõ ràng, đúng quy trình, lãnh đạo Trường đã ban hành Quy định việc xây dựng, rà soát, bổ sung TN, SM, GTCL, TLGD của Trường ĐHTT [H3.03.02.13].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 3.3. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được rà soát thường xuyên.

Thực hiện Luật Giáo dục đại học năm 2018, Trường ĐHTT đã tiến hành hội nghị bầu thành viên tham gia HĐT theo đúng quy định về cơ cấu, vị trí thành phần tham gia HĐT [H3.03.03.01]. Chủ sở hữu Trường ĐHTT đã công nhận thành viên HĐT nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua Quyết định số 51/QĐ-CSH.21, ngày 28/8/2021 [H3.03.03.02]. Cơ cấu BGH cũng được Trường ĐHTT rà soát thường xuyên. Cụ thể, đảm bảo hiệu quả quản lý, báo cáo tổng kết hằng năm của Trường đều có nội dung đánh giá kết quả công tác tổ chức bộ máy và công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý [H3.03.03.03]. Vì vậy, Trường luôn kịp thời điều chỉnh, bổ sung nhân sự, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, quản lý qua các giai đoạn biến động. Theo đó, năm 2021, Trường đã thực hiện quy trình tái bổ nhiệm 01 Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng [H3.03.03.04]. Đến năm 2022, Trường ĐHTT thực hiện quy trình bổ nhiệm mới 01 Phó Hiệu trưởng theo đúng quy định pháp luật [H3.03.03.05]. Trong quá trình làm việc, BGH chú trọng sự phân công, phân nhiệm gắn với tự chịu trách nhiệm về phân công việc được giao, làm căn cứ để đánh giá phân loại CB và nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong Trường, nên việc phân công nhiệm vụ trong BGH được rà soát và thay đổi cho phù hợp với thực tiễn khi có sự biến động CB

lãnh đạo, quản lý trong BGH **[H3.03.03.06]**. Cơ cấu cán bộ quản lý cấp Phòng, Khoa, Ban, Trung tâm được thường xuyên rà soát, bổ sung, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, cụ thể: bổ nhiệm 01 Phó Giám đốc trung tâm, bổ nhiệm 06 Trưởng khoa, 05 Phó Trưởng khoa, kéo dài thời hạn chức vụ 01 Trưởng khoa; bổ nhiệm 02 Trưởng phòng, 07 Phó Trưởng phòng, 01 Trưởng ban, 01 Phó Trưởng ban **[H3.03.03.07]**. Ngoài ra, trong thời gian qua, để đáp ứng yêu cầu kế hoạch CLPT Trường giai đoạn 2021-2026, Trường đã triển khai thực hiện rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, cơ cấu lao động, qua đó xây dựng Đề án vị trí việc làm **[H3.03.03.08]**.

Các văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý thường xuyên được rà soát, đánh giá. Cụ thể, Điều 45 Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường ĐHTT cho thấy trong quá trình thực hiện, quy chế này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế **[H3.03.03.09]**. Bên cạnh đó, dự thảo các văn bản về quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị đều được gửi về các khoa, phòng, ban, trung tâm để góp ý hoàn thiện trước khi ban hành và hoạt động rà soát các văn bản này đều được Trường triển khai thực hiện **[H3.03.03.10]**. Cụ thể, năm 2017, Trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHTT. Năm 2021, Trường tiến hành rà soát Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHTT, điều chỉnh, bổ sung thêm một số quy định mới **[H3.03.03.10]**. Ngoài ra, Trường ban hành Quy chế phối hợp giữa HĐT và BGH; Quy chế phối hợp giữa các tổ chức đoàn thể với BGH nhằm đảm bảo sự thống nhất, đồng thuận trong hoạt động quản lý, lãnh đạo và tạo mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý, lãnh đạo của Trường **[H3.03.03.11]**, **[H3.03.03.12]**. Hằng năm, trong Hội nghị CB, CNV, Trường có báo cáo đánh giá về cơ cấu tổ chức, hệ thống văn bản quản trị, quản lý **[H3.03.03.13]**. Nhìn chung, hệ thống văn bản quản lý bước đầu đáp ứng được yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ được giao và hệ thống văn bản quản lý đã đầy đủ.

Nhân sự tham gia vào cơ cấu lãnh đạo và quản lý của Trường ĐHTT được đánh giá định kỳ hằng năm. Trường ĐHTT ban hành quy định đánh giá, xếp loại CB, NV trên nguyên tắc tập trung dân chủ, đảm bảo tính khách quan, toàn diện, công khai, minh bạch, công bằng. Các tiêu chí đánh giá, kế hoạch đánh giá và kết quả đánh giá được công bố công khai cho toàn bộ CB trong Trường và được thể hiện rõ trên mẫu phiếu đánh giá **[H3.03.03.14]**. Trong giai đoạn đánh giá, 100% CB quản lý hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó trên 90% CB xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ. Cụ thể, trong năm học 2018-2019, có 09 CB được công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; vào năm học 2019-2020, trong 07 cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì có 05 thành viên là CB quản lý; năm học 2020-2021, CB quản lý hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiếm tỷ lệ 6/7 trên tổng số cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong năm học này; năm học 2021-2022, có 03 CB quản lý được đề xuất khen thưởng lên Tập đoàn. Kết quả đánh giá phân loại là một kênh

tham khảo quan trọng giúp cho Lãnh đạo Trường thực hiện quy hoạch và sử dụng đội ngũ CB hợp lý [H3.03.03.15].

Trường ĐHTT đã thực hiện quy hoạch đội ngũ lãnh đạo, quản lý của các đơn vị, bộ phận theo quy định pháp luật. Trường giao cho phòng TCHC tham mưu về xây dựng quy trình thực hiện các bước quy hoạch CB. Công tác quy hoạch CB được thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, nhân sự quy hoạch được lựa chọn phù hợp đáp ứng yêu cầu quy hoạch. Trường ĐHTT có kế hoạch triển khai, rà soát, bổ sung quy hoạch đội ngũ CB quản lý hàng năm [H3.03.03.16]. Danh sách nhân sự CB quy hoạch rà soát, điều chỉnh bổ sung qua các năm được phê duyệt theo đúng thẩm quyền và được thể hiện tại Quyết định rà soát, điều chỉnh quy hoạch CB quản lý các cấp giai đoạn từ 2021-2026 [H3.03.03.17]. Trong giai đoạn từ năm 2019-2024, Trường đã thực hiện việc bổ nhiệm 06 Trưởng khoa, 05 Phó Trưởng khoa, bổ nhiệm 02 Trưởng phòng, 07 Phó Trưởng phòng, 01 Trưởng ban, 01 Phó Trưởng ban; sắp xếp lại tổ chức bộ máy, thành lập thêm một số đơn vị thuộc Trường [H3.03.03.18]. Trên cơ sở danh sách CB quy hoạch Trường thực hiện công tác bổ nhiệm CB lãnh đạo, quản lý theo đúng quy trình. Đến nay, Trường đã bổ nhiệm đội ngũ CB quản lý cơ bản đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng theo quy định của pháp luật.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 3.4. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của CSGD như mong muốn.

Trong những năm qua, trên cơ sở hoạt động rà soát, cơ cấu lãnh đạo, quản lý của Trường được cải tiến thông qua việc thành lập một số đơn vị [H3.03.04.01]. Cụ thể, tháng 4/2022, Khoa Nhân văn - Giáo dục khai phóng được thành lập để đảm nhiệm chức năng tổ chức, quản lý, giảng dạy các học phần thuộc chương trình giáo dục khai phóng. Tháng 6/2022, Trường thành lập thêm Trung tâm khởi nghiệp với vai trò hỗ trợ, hướng dẫn SV thực hiện các đề tài, dự án khởi nghiệp. Tháng 7/2022, Giám đốc sở GD&ĐT tỉnh Long An ký quyết định cho phép thành lập Trung tâm Ngoại ngữ trực thuộc Trường ĐHTT với chức năng tổ chức các khóa học ngoại ngữ cho học sinh, SV nhằm nâng cao khả năng sử dụng ngoại ngữ trong học tập, nghiên cứu và giao tiếp quốc tế. Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, Trường thường xuyên rà soát, đánh giá về tính hiệu quả của cơ cấu lãnh đạo, quản lý [H3.03.04.02]. Mặt khác, thực hiện kế hoạch, định hướng chiến lược phát triển của Trường ĐHTT, cơ cấu lãnh đạo và quản lý của Trường hiện nay, được xây dựng theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với yêu cầu phát triển của Trường, bao gồm: BGH, HĐKH-ĐT, 08 Phòng, 02 Ban, 02 Trung tâm, 06 Khoa, 01 Tạp chí, 01 Trường THPT năng khiếu [H3.03.04.03]. Song song với đó, Trường tiến hành kiện toàn BGH và đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý tại các đơn vị [H3.03.03.04]. Cụ thể, Trường thực hiện quy trình tái bổ nhiệm 01 Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng vào năm 2021 [H3.03.04.05], đồng thời miễn nhiệm 01 Phó Hiệu trưởng [H3.03.04.06]. Năm 2022,

Trường thực hiện quy trình bổ nhiệm mới 01 Phó Hiệu trưởng [H3.03.03.07], theo đúng quy định pháp luật. Trường đã thực hiện bổ nhiệm 06 Trưởng khoa, 05 Phó Trưởng khoa [H3.03.04.08], bổ nhiệm 02 Trưởng phòng, 07 Phó Trưởng phòng [H3.03.04.09]. Ngoài ra, để đáp ứng yêu cầu thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của các CB, Trường đã thực hiện rà soát và luân chuyển CB, GV, NV cấp phòng, khoa theo đúng quy định, quy hoạch của Trường [H3.03.04.10].

Các văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý được điều chỉnh, cập nhật nhằm tăng cường hiệu quả quản lý của Trường. Hội đồng Trường hoạt động dựa trên Quy chế làm việc, trong đó quy định quy tắc phối hợp giữa HĐT và BGH [H3.03.04.11]. Ngoài ra, HĐT còn ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHTT, quy định này được rà soát, điều chỉnh và ban hành mới vào năm 2021. Cũng trong năm 2021, để đáp ứng yêu cầu phân cấp, phân quyền, đảm bảo cơ chế vận hành, phối hợp của các đơn vị, đáp ứng tình hình thực tế của Trường, quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị tại Trường ĐHTT được rà soát, điều chỉnh và ban hành mới [H3.03.04.12]. Bên cạnh đó, tại Hội nghị CB, CNV, Trường tổ chức lấy ý kiến sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ (Quy định chế độ làm việc của GV, Quy chế hoạt động KHCN, ...); các quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị được ban hành, cập nhật cho phù hợp với tình hình thực tiễn và nâng cao được vai trò chủ động, tính tự chịu trách nhiệm, giảm được tính phụ thuộc, thiếu chủ động trong thực hiện nhiệm vụ [H3.03.04.13].

Đội ngũ nhân sự tham gia cơ cấu lãnh đạo và quản lý, dựa trên năng lực, kết quả đánh giá, phân loại hàng năm của cá nhân và tập thể [H3.03.04.14]. Để chủ động trong việc điều chuyển về nhân sự, Trường ĐHTT đã xây dựng quy hoạch CB cho từng đơn vị. Từ kết quả rà soát, đánh giá hàng năm, Trường phê duyệt, bổ sung quy hoạch CB lãnh đạo quản lý [H3.03.04.15]. Hằng năm, Trường ĐHTT thực hiện việc rà soát, bổ sung quy hoạch CB quản lý phòng, khoa, trung tâm. Bên cạnh đó, Trường chú trọng công tác bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ để chủ động khi thực hiện điều chuyển, bổ nhiệm CB. Việc thực hiện luân chuyển vị trí công tác đối với đội ngũ CB lãnh đạo quản lý đã giúp Trường nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và hiệu quả công việc, đồng thời tạo điều kiện cho NV phấn đấu thể hiện mình, hạn chế tư duy chủ nghĩa kinh nghiệm và ngăn ngừa các nguy cơ tham nhũng có thể xảy ra [H3.03.04.16].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Cơ cấu quản lý của Trường được xác định và xây dựng đúng quy định của Luật Giáo dục, Luật GDDH, quy chế tổ chức hoạt động của Trường ĐHTT.

Trường đã ban hành đầy đủ các quy định, quy chế phục vụ cho công tác lãnh đạo,

quản lý. Các văn bản được rà soát, sửa đổi, bổ sung phục vụ cho hiệu quả công tác lãnh đạo, quản lý.

Lãnh đạo Trường tích cực tổ chức và tham gia các hoạt động kết nối, tuyên truyền, định hướng TN, SM, GTCL và các mục tiêu chiến lược của Trường trong các Hội nghị, hoạt động tuyển sinh, hướng nghiệp...

Trường đã thiết lập cơ cấu lãnh đạo quản lý rõ ràng, việc phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo được thể chế hóa trong các văn bản quản lý, đây là cơ sở quan trọng để Trường đạt được TN, SM và các mục tiêu chiến lược đã đề ra.

Cơ cấu quản lý của Trường được đánh giá, rà soát và cải tiến.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Việc kết nối và quảng bá TN, SM, GTCL và các mục tiêu chiến lược của Trường chưa được sâu rộng nhất đến các cơ quan, tổ chức bên ngoài trong đó có các cơ quan, đơn vị trong phạm vi cả nước, khu vực và thế giới.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần tuyên truyền và quảng bá sâu, rộng hơn nữa về TN, SM, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Trường đến các BLQ, nhất là đối với cơ quan, tổ chức bên ngoài Trường; cần chú trọng đến quảng bá các giá trị của Trường đến cá nhân, tổ chức trong khu vực và thế giới.	BGH, đơn vị, cá nhân có liên quan	Thường xuyên	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát các nội dung liên quan đến vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo, qua đó có những điều chỉnh, bổ sung kịp thời với điều kiện và tình hình thực tiễn.	BGH, đơn vị, cá nhân có liên quan	Thường xuyên	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 3</i>	<i>4,75</i>

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 3.1	5
Tiêu chí 3.2	5
Tiêu chí 3.3	4
Tiêu chí 3.4	5

Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược

Tiêu chí 4.1. Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Trong cơ cấu tổ chức của Trường, HĐT là cơ quan quản trị, chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động, huy động nguồn lực và thực hiện giám sát các hoạt động của Trường, đảm bảo thực hiện các mục tiêu giáo dục và quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Trường theo quy định của pháp luật [H4.04.01.01]. Với tính cấp thiết của việc hoạch định CLPT của Trường trong giai đoạn mới, HĐT đã ban hành “*Nghị quyết về việc rà soát, cải tiến, xây dựng chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn 2030*” [H4.04.01.02]. Sau khi có Nghị quyết của HĐT, Hiệu trưởng đã ban hành quyết định thành lập Ban soạn thảo [H4.04.01.03]. Để giúp Ban soạn thảo hoạt động hiệu quả, Hiệu trưởng ban hành kế hoạch biên soạn CLPT và kế hoạch thực hiện CLPT Trường giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn 2030. Trong đó, kế hoạch phân công Hiệu trưởng là Trưởng ban, chịu trách nhiệm chung, giám sát quá trình thực hiện; Phó Hiệu trưởng là phó ban, hỗ trợ Trưởng ban giám sát quá trình thực hiện và thực hiện nhiệm vụ của Trưởng ban phân công; ủy viên là lãnh đạo một số đơn vị, được Trưởng ban giao công việc phù hợp với chức năng, nhiệm vụ công tác của từng người [H4.04.01.04].

Để hướng dẫn chi tiết việc xây dựng kế hoạch chiến lược, Trường đã ban hành quy trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh CLPT Trường một cách chi tiết, đảm bảo tính minh bạch và khoa học. Quy trình này không chỉ liệt kê các bước thực hiện mà còn cung cấp hướng dẫn cụ thể cho từng bước, giúp các đơn vị, cá nhân tham gia dễ dàng triển khai. Cụ thể, quy trình gồm các bước sau: (1) Thành lập Ban soạn thảo; (2) Tổng kết đánh giá kết quả thực hiện chiến lược giai đoạn trước; (3) Dự thảo kế hoạch chiến lược; (4) Lấy ý kiến đóng góp của các BLQ; (5) Điều chỉnh dự thảo; (6) Trình BGH phê duyệt; (7) Trình HĐT thông qua và tiến hành công bố; (8) Tiến hành xây dựng kế hoạch chiến lược các đơn vị; (9) Theo dõi các chỉ số trong kế hoạch chiến lược. Đặc biệt, trong mỗi bước, quy trình có các nội dung công việc rõ ràng cần triển khai thực hiện [H4.04.01.05]. Để đảm bảo tính toàn diện và khả thi, CLPT Trường ĐHTT giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn 2030 được xây dựng thành 07 nhóm chiến lược: (1) Nhóm chiến lược phát triển ĐT; (2) Nhóm chiến lược phát triển tổ chức bộ máy và đội ngũ; (3) Nhóm chiến lược đẩy mạnh NCKH và đổi mới sáng tạo;

(4) Nhóm chiến lược phát triển CSVN; (5) Nhóm chiến lược phát triển và quản trị nguồn lực tài chính; (6) Nhóm chiến lược phát triển ĐCLGD; (7) Nhóm chiến lược về truyền thông và quảng bá hình ảnh, TM, SM, các giá trị của Trường [H4.04.01.06].

Kế hoạch chiến lược của Trường luôn được đảm bảo tính phù hợp, hướng đến thực hiện TN, SM, GTCL và các mục tiêu của Trường. Cụ thể, quy trình xây dựng CLPT Trường được xây dựng có bước “xác định tầm nhìn, sứ mệnh của Trường theo giai đoạn chiến lược”, điều này góp phần đảm bảo CLPT được ban hành bám sát và phù hợp với TN, SM cũng như các giá trị mà Trường hướng đến [H4.04.01.05]. Bên cạnh đó, trong quá trình xây dựng CLPT cho giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn 2030, Trường yêu cầu Ban soạn thảo rà soát và báo cáo kết quả thực hiện CLPT trường giai đoạn 2011-2020, nêu rõ thành tựu cần phát huy và tồn tại cần khắc phục. Đồng thời, đánh giá tính cấp thiết, mức độ phù hợp của CLPT trong giai đoạn mới so với định hướng của Trường và tình hình KTXH [H4.04.01.07]. Ngoài ra, Trường còn thông báo tới toàn thể CB, GV, NLD, NH, CNH và các BLQ về việc góp ý CLPT và Kế hoạch thực hiện chiến lược giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn 2030 [H4.04.01.08], tổ chức họp lấy ý kiến góp ý của CB chủ chốt [H4.04.01.09]. Sau đó, Ban soạn thảo tổng hợp ý kiến góp ý của các bên và rà soát, chỉnh sửa dự thảo nhằm đảm bảo kế hoạch chiến lược phù hợp với TN, SM, GTCL cũng như các mục tiêu chiến lược đào tạo, NCKH và PVCĐ của Trường. Theo đó, CLPT và kế hoạch thực hiện CLPT Trường giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn 2030 xác định rõ quan điểm, hướng tới xây dựng Trường ĐHTT thành đại học đa ngành, định hướng nghiên cứu, phi lợi nhuận và theo mô hình giáo dục khai phóng Hoa Kỳ; tạo ra các sản phẩm giáo dục và KHCN chất lượng cao, đóng góp tích cực và có hiệu quả vào sự nghiệp phát triển giáo dục, phát triển KTXH của vùng và cả nước; phát triển các CTĐT có tính kết nối chặt chẽ giữa khối ngành kinh tế, kinh doanh, sức khỏe với khối ngành công nghệ nhằm tạo ra giá trị vượt trội cho NH trong nền kinh tế số và trí tuệ nhân tạo [H4.04.01.06]. Trên cơ sở KHCL chung của Trường, các đơn vị liên quan đã xây dựng KHCL cụ thể cho đơn vị mình trình BGH phê duyệt. Kế hoạch của các đơn vị đều hướng vào việc thực hiện TN, SM và GTCL của Trường [H4.04.01.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 4.2. Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.

Để đạt được các mục tiêu đề ra, các KHCL của Trường được chuyển tải thành các kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, sau đó được thông báo, quán triệt đến các đơn vị triển khai thực hiện. Trong đó, KHCL của Trường xác định các mục tiêu, chính sách và giải pháp cho các hoạt động chung của Trường, bao gồm: phát triển nguồn nhân lực, CSVN, tài chính, ĐT, NCKH và hợp tác đối ngoại [H4.04.02.01]. Việc triển khai các mục tiêu chiến lược được cụ thể hóa trong kế hoạch năm học của Trường [H4.04.02.02]. Các kế hoạch hằng năm nêu

chi tiết các chỉ tiêu và trọng số Trường cần thực hiện để đạt mục tiêu đã ban hành. Kế hoạch ngắn hạn của từng lĩnh vực được các đơn vị xây dựng, cụ thể: phòng TCHC xây dựng kế hoạch ngắn hạn trong phát triển nguồn nhân lực [H4.04.02.03]; phòng TCKT xây dựng kế hoạch ngắn hạn trong lĩnh vực thu, chi tài chính [H4.04.02.04]; phòng QLĐT xây dựng kế hoạch ngắn hạn trong phát triển đào tạo [H4.04.02.05]; phòng QL CSVC-TB xây dựng kế hoạch ngắn hạn trong phát triển CSVC [H4.04.02.06]; kế hoạch hoạt động của phòng KT-BĐCL [H4.04.02.07], kế hoạch các chương trình kết nối và PVCĐ [H4.04.02.08].

Ngay sau khi HĐT có quyết định ban hành, kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn 2030 của Trường ĐHTT đã được công bố rộng rãi đến các BLQ [H4.04.02.09], [H4.04.02.10]. Kế hoạch chiến lược cũng được BGH trực tiếp phổ biến, quán triệt để thực hiện thông qua các cuộc họp, các ngày lễ kỷ niệm, ngày truyền thống. Khi xây dựng KHCL, các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn theo từng lĩnh vực, Trường đều có kế hoạch khảo sát, lấy ý kiến góp ý, phản hồi của các BLQ và thông báo tới các BLQ bằng văn bản cụ thể [H4.04.02.11], [H4.04.02.12].

Căn cứ KHCL, kế hoạch ngắn hạn và dài hạn theo từng lĩnh vực, kế hoạch tổng thể giao chỉ tiêu hàng năm của Trường, các đơn vị trong Trường theo chức năng và nhiệm vụ sẽ xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể theo từng năm học nhằm đạt được các mục tiêu trong KHCL đề ra. Cụ thể, các phòng/trung tâm tiến hành xây dựng kế hoạch hoạt động năm học hằng năm theo chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực phòng/trung tâm mình phụ trách; các khoa tiến hành xây dựng kế hoạch hoạt động năm học hàng năm cho đơn vị mình, cho từng BM và các GV trong các lĩnh vực giảng dạy, NCKH, sinh hoạt chuyên môn, PVCĐ, tuyển sinh, học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ [H4.04.02.13].

Định kỳ, Trường tổ chức rà soát việc thực hiện KHCL chung cũng như các KHCL thành phần của các đơn vị. Hằng tháng, BGH chủ trì tổ chức Họp giao ban, các đơn vị báo cáo công tác, đánh giá kết quả hoạt động trong tháng và xin ý kiến chỉ đạo cho các hoạt động trong tháng tiếp theo [H4.04.02.14]. Nhằm hoàn thành KHCL, hằng năm, các đơn vị trong Trường thực hiện tổng kết, đánh giá năm học và xác định phương hướng hoạt động cho năm học tiếp theo [H4.04.02.15]. Dựa trên kết quả báo cáo của mỗi đơn vị, Trường tiến hành tổng kết, đánh giá những điểm mạnh điểm yếu, qua đó có kế hoạch điều chỉnh cho những năm tiếp theo của Trường sao cho phù hợp với thực tế [H4.04.02.16].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 4.3. Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược, các KPIs, các chỉ tiêu về nguồn nhân lực, ĐT, NCKH, CSVC, tài chính được cụ thể trong chiến lược và kế hoạch phát triển Trường ĐHTT giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn 2030 [H4.04.03.01]. Đối với từng

năm học, Trường đã xây dựng các KPIs, các chỉ tiêu phân đầu chính cho từng lĩnh vực đảm bảo rõ ràng, định lượng, xác định các mốc thời gian, phù hợp trong kế hoạch hoạt động năm học [H4.04.03.02]. Các đơn vị trong toàn Trường cũng đưa ra kế hoạch hoạt động với những chỉ tiêu cụ thể, rõ ràng, phù hợp với điều kiện, chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị [H4.04.03.03]. Nhìn chung, các KPIs/các chỉ tiêu phân đầu chính của Trường luôn đảm bảo rõ ràng, có thể đo lường, có tính khả thi và có mốc thời gian thực hiện cụ thể.

Bảng 4.3.1. Chỉ số thực hiện chiến lược phát triển đào tạo trong kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2026

Mục tiêu	Nội dung/Chỉ số thực hiện
(1) Phát triển quy mô đào tạo đại học và sau đại học phù hợp trường đại học định hướng nghiên cứu;	- Quy mô đào tạo: + Giai đoạn 2021-2023: 1000 NH. + Giai đoạn 2024-2026: 1285 NH.
(2) Chương trình được thiết kế để đảm bảo NH tốt nghiệp là những công dân có tư duy toàn cầu và có trách nhiệm, có năng lực nghiên cứu, có phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng được xu thế phát triển của xã hội trong từng giai đoạn, có thể tiếp tục học tập và làm việc ở môi trường quốc tế, hội nhập;	+ Giai đoạn 2027-2030: 1850 NH. - Đến năm 2024, mở chuyên ngành đào tạo đào tạo bác sĩ Chuyên khoa I. - Đổi mới phương pháp giảng dạy: + Mỗi năm có 25% GV được tập huấn về phương pháp giảng dạy. Tổ chức hội thảo về phương pháp học tập cho NH 1-2 lần/năm. + Đến năm 2023, 100% GV áp dụng phương pháp giảng dạy lấy NH làm trung tâm.
(3) Nâng cao hiệu quả công tác quản lý đào tạo trong bối cảnh tự chủ và hội nhập.	

Trường phân công các đơn vị chức năng hằng năm báo cáo thực hiện việc giám sát, đánh giá, rà soát mức độ thực hiện các chỉ số và chỉ tiêu phân đầu, gồm: phòng TCHC là đơn vị báo cáo giám sát, đánh giá và rà soát mức độ thực hiện các chỉ số KPIs về phát triển nguồn nhân lực; phòng QL CSVC-TB là đơn vị báo cáo giám sát, đánh giá và rà soát mức độ thực hiện các chỉ số KPIs về phát triển CSVC; phòng TCKT là đơn vị báo cáo, giám sát, đánh giá và rà soát mức độ thực hiện các chỉ số KPIs về lĩnh vực tài chính; phòng QLĐT là đơn vị báo cáo, giám sát, đánh giá và rà soát mức độ thực hiện các chỉ số KPIs về phát triển đào tạo; phòng QLKH-HTQT là đơn vị báo cáo, giám sát, đánh giá và rà soát mức độ thực hiện các chỉ số KPIs về thực hiện đề tài NCKH và HTQT; phòng CTSV-HTDN là đơn vị báo cáo, giám sát, đánh giá và rà soát mức độ thực hiện các chỉ số KPIs về PVCĐ [H4.04.03.04]. Kết thúc mỗi giai đoạn phát triển, Trường xây dựng báo cáo tổng kết, rà soát đánh giá kết quả thực hiện theo từng nội dung, từng chỉ tiêu phân đầu đã được đặt ra để từ đó xây dựng kế hoạch phát triển cho giai đoạn tiếp theo, điều chỉnh kế hoạch sao cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Trường [H4.04.03.05]. Ngoài ra, kết quả rà soát đánh giá KPIs của các đơn vị được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm của Trường.

Kết quả này là cơ sở để trường xét tăng lương CB, NV trước kỳ hạn, phân bổ phần lương tăng thêm hàng tháng, khen thưởng NV, NLD có thành tích xuất sắc. Đồng thời, trên cơ sở đó, Trường rút ra nguyên nhân, đề xuất giải pháp và xây dựng chỉ tiêu, kế hoạch cho năm tiếp theo [H4.04.03.06].

Mặt khác, việc giám sát, đánh giá và rà soát mức độ thực hiện các chỉ số/chỉ báo thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính so với các mục tiêu chiến lược được tiến hành định kỳ, nhằm kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện, điều chỉnh kịp thời những tồn tại, bổ sung những chỉ số mới và đảm bảo mục tiêu của chiến lược không đi chệch hướng [H4.04.03.07]. Thể hiện qua báo cáo kết quả thực hiện các KPIs trong KHCL của Trường ĐHTT giai đoạn 2021-nửa đầu năm 2024 [H4.04.03.08]; các biên bản họp về rà soát, bổ sung, điều chỉnh TN, SM, TLGD, mục tiêu và KHCL của Trường [H4.04.03.09], [H4.04.03.10]. Sau đó, Trường đã có bản tổng hợp góp ý cho kế hoạch CLPT để đưa ra bản KHCL hoàn chỉnh nhất về nội dung và hình thức [H4.04.01.11]. Cuối năm, Trường thực hiện công tác giám sát, đánh giá thông qua kết luận của Hội nghị cán bộ nhân viên do Công đoàn trường tổ chức để đánh giá và rà soát mức độ thực hiện các chỉ số, chỉ báo thực hiện chính về các hoạt động của Trường [H4.04.03.12] và Báo cáo công tác Thanh tra, kiểm tra hàng năm [H4.04.03.13]. Căn cứ vào kết quả hoàn thành công việc trong năm, Trường thực hiện khen thưởng cho những cá nhân, đơn vị có thành tích xuất sắc để ghi nhận những cố gắng, hoàn thành nhiệm vụ của các tập thể, cá nhân [H4.04.03.14].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 4.4. Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Cùng với sự phát triển của xã hội, sự thay đổi của các chính sách về giáo dục đào tạo, an sinh xã hội; nhu cầu mới của thị trường lao động trong và ngoài nước khiến các định hướng phát triển Trường cũng phải có sự rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn đặt ra. Theo đó, việc ban hành và áp dụng quy trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh kế hoạch chiến lược, quá trình hoạch định kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021-2026 được triển khai mang tính chặt chẽ, toàn diện và có nhiều cải tiến so với giai đoạn 2011-2020 [H4.04.04.01]. Trước hết, dự thảo kế hoạch chiến lược được xây dựng dựa trên cơ sở tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược giai đoạn trước [H4.04.04.02]. Dự thảo sau đó được triển khai lấy ý kiến đóng góp trước khi trình HĐT thảo luận, góp ý và ban hành. Quá trình thu thập ý kiến đóng góp cho dự thảo kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021-2026 mang tính toàn diện hơn so với giai đoạn trước với sự tham gia của tất cả cán bộ chủ chốt, các GV trong Trường [H4.04.04.03].

Trong quá trình xây dựng chiến lược mới, Trường thực hiện đối sánh với những chỉ tiêu của chiến lược cũ để đề ra những chỉ tiêu cụ thể phù hợp với tình hình thực tế

[H4.04.04.02]. Các chỉ tiêu phấn đấu chính của các hoạt động đều có xu hướng gia tăng, nhiều lĩnh vực đưa vào chỉ tiêu mới.

Bảng 4.4.1. Đối sánh chỉ tiêu của Chiến lược cũ với chỉ tiêu của chiến lược mới

Chiến lược 2011-2020	Chiến lược 2021-2026
<p>1. Thực hiện chiến lược Đào tạo đại học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển chất lượng CTĐT. - Áp dụng PPGD và KT-ĐG tích cực. - Hoàn thiện quy chế đào tạo tín chỉ. - Tăng quy mô đào tạo trên cơ sở mở thêm ngành đào tạo mới. - Mở rộng hợp tác đào tạo với các cơ sở trong, ngoài nước. 	<p>1. Chiến lược Đào tạo đại học:</p> <p>Nâng cao chất lượng đào tạo, quy mô đào tạo mở rộng hợp lý gắn với nhu cầu xã hội, phát triển chú trọng chất lượng CTĐT, định kỳ cập nhật CTĐT, có ít nhất 05 chương trình đạt chuẩn Quốc gia và khu vực, có 20% chương trình tiếp cận chương trình tiên tiến trong khu vực, 95% GV ứng dụng CNTT trong dạy học.</p>
<p>2. Thực hiện Chiến lược Đào tạo sau đại học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng chỉ tiêu hàng năm 5% - Lập đề án trình Bộ GD&ĐT phê duyệt đào tạo... - Đổi mới CTĐT theo hướng kết hợp giữa đào tạo tri thức nghề nghiệp với kỹ năng thực hành, năng lực sáng tạo. - Đổi mới PPGD theo hướng nâng cao kỹ thuật nghề nghiệp. - Đổi mới công tác tổ chức, biên soạn, nghiệm thu giáo trình nhằm nâng cao chất lượng. - Gắn bó chặt chẽ công tác đào tạo của trường với nhu cầu xã hội và thị trường lao động, áp dụng các phương thức đào tạo linh hoạt phù hợp với thực tế phát triển xã hội. 	<p>2. Chiến lược Đào tạo sau đại học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đến năm 2025, trường trở thành trung tâm đào tạo, NCKH và CGCN có uy tín và chất lượng cao, phát triển theo định hướng nghiên cứu, tăng chỉ tiêu tuyển sinh sau đại học 10%,..., đổi mới CTĐT, từng bước tiếp cận CTĐT tiên tiến của thế giới. - Mở ngành đào tạo bác sĩ chuyên khoa I chuyên ngành Nội khoa và Ngoại khoa.
<p>3. Thực hiện CLPT truyền thông, marketing thương hiệu Trường gắn với công tác tuyển sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham gia tổ chức các gian hàng tư vấn tuyển sinh: do các báo tổ chức hàng năm ở các khu vực. 	<p>3. Chiến lược phát triển truyền thông, marketing thương hiệu Trường gắn với tuyển sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tối ưu hóa website, kênh của NH, cựu NH, quảng cáo trên truyền hình, truyền thanh, báo giấy, báo hình và trên sách chuyên

Chiến lược 2011-2020	Chiến lược 2021-2026
<p>-Tham gia tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp theo chương trình phối hợp giữa Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Long An và tại các tỉnh thành trong cả nước.</p> <p>- Đăng tải thông tin tuyển sinh trên Website của trường.</p> <p>- Marketing trực tiếp gồm có thư trực tiếp, catalog, tiếp thị qua điện thoại, truyền hình tương tác, trang web và các thiết bị di động.</p>	<p>ngành, cầm nang tuyển sinh, phối hợp tổ chức các sự kiện (tư vấn tuyển sinh-hướng nghiệp, NCKH, Chiến dịch Mùa hè xanh; giao lưu ...</p> <p>- Sử dụng E-marketing (Google adwords, Mobile marketing, E-mail marketing và mạng xã hội Facebook, Zalo...). Gọi điện thoại, nhắn tin (điện thoại bàn, di động), gửi thư. Hợp tác với các công ty, DN, các cơ quan quản lý giáo dục, BGH các trường THPT/TTGDTX.</p> <p>- Ký kết hợp đồng, xây dựng chế độ chính sách đãi ngộ cho các đại sứ thương hiệu và các đối tác tuyển sinh. Có chế độ chính sách thu hút NH.</p> <p>- Đăng thông tin giới thiệu về công tác tuyển sinh trong cuốn cầm nang tuyển sinh Đại học, cao đẳng của Bộ, một số nhật báo trong nước: Tuổi trẻ Thanh niên...</p> <p>- Giới thiệu NH trực tiếp đến các trường THPT để tuyên truyền.</p>
<p>4. Thực hiện Chiến lược đầu tư về CSVC:</p> <p>- Đầu tư trang thiết bị vật chất phục vụ cho các hướng nghiên cứu ưu tiên, hình thành tổ chức và xây dựng phòng thí nghiệm trọng điểm.</p> <p>- Khai thác các nguồn ngân sách đầu tư từ các quỹ KHCN, các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu .v.v...</p>	<p>4. Chiến lược phát triển đầu tư CSVC:</p> <p>- Sử dụng hợp lý, có hiệu quả diện tích đất hiện có, đầu tư xây dựng thêm các công trình theo quy hoạch tổng thể 1/500, đầu tư, nâng cấp trang thiết bị theo hướng đồng bộ, nâng cấp sử dụng hiệu quả CNTT, đầu tư phát triển 25%.</p> <p>- Xây dựng các dự án đầu tư trung và dài hạn để nâng cao năng lực nghiên cứu và chuyển giao trí thức, đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu và dịch vụ trong lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, khoa học nông nghiệp ...</p>
<p>5. Thực hiện Chiến lược NCKH:</p> <p>- Phổ biến chiến lược KHCN tới toàn thể CB, GV trong toàn trường, thống nhất</p>	<p>5. Chiến lược NCKH:</p> <p>Hình thành hệ thống các phòng thí nghiệm trọng điểm hướng tới sản phẩm đầu ra rõ</p>

Chiến lược 2011-2020	Chiến lược 2021-2026
<p>hoạt động theo chiến lược được phê duyệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường tổ chức các hội nghị, hội thảo theo nhiệm vụ trọng tâm, giao lưu hợp tác với các chuyên gia trong từng lĩnh vực. Đẩy mạnh công tác thông tin trên trang web của Khoa/Phòng. - Thường xuyên rà soát, trao đổi chuyên môn, seminar khoa học, bám sát mục tiêu chiến lược và các nhiệm vụ ưu tiên được phê duyệt. 	<p>ràng, có HTQT và các cơ sở Khoa học trong khu vực, phần đầu có từ 1-2 đề tài/năm được chuyên giao, thương mại hóa, số các bài báo được đăng trên các tạp chí thuộc hệ thống ISI, Scopus đạt mức 15 bài/năm, phần đầu xét tính điểm chức danh cho các bài báo, công trình đăng tại Tạp chí Khoa học. PVCĐ: Phát triển quan hệ, hợp tác với DN theo chiều sâu, hiệu quả hai bên cùng có lợi, phát triển các loại hình dịch vụ gắn với nhu cầu thực tế của DN, gắn kết hoạt động và NCKH của trường với DN.</p>
<p>6. Hợp tác Quốc tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động KHCN-Hội nghị, Hội thảo, báo cáo chuyên đề quốc tế. - Tổ chức Giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao cho CB-GV-NH. - Mở rộng liên kết DN thực hiện chương trình thực tập sinh, đi lao động ở nước ngoài theo dạng kỹ sư hoặc lao động phổ thông. 	<p>6. Hợp tác Quốc tế</p> <p>Hoàn thiện các văn bản về cơ chế, chính sách hoạt động HTQT, phát huy tối đa tinh thần chủ động, tích cực của các đơn vị, cá nhân trong HTQT, đẩy mạnh công tác HTQT theo chiều sâu, thông qua các chương trình liên kết đào tạo, trao đổi học thuật, nghiên cứu ứng dụng, hội thảo khoa học, tích cực tìm kiếm mối quan hệ với các đối tác,... nhằm phát triển theo chiều rộng, chiều sâu, phần đầu đến 2025 có 15 đối tác đến trường giao lưu văn hóa, trao đổi học thuật, ký kết đào tạo, CGCN.</p>
<p>7. Thực hiện Chiến lược nâng cao hiệu quả quản lý và phát triển nhân lực</p> <p>Năm 2020 có 100% GV bảo đảm đủ các tiêu chuẩn quy định và đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển trường đa ngành, đa lĩnh vực theo định hướng nghiên cứu chuyên sâu đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội.</p>	<p>7. Thực hiện Chiến lược nâng cao hiệu quả quản lý và phát triển nhân lực:</p> <p>100% GV đủ chuẩn, 5% GV học tập, tập huấn tại nước ngoài, tuyển dụng CB có năng lực quản lý, tổ chức đào tạo kỹ năng quản lý giáo dục, quản lý hành chính cho CB còn hạn chế về năng lực, phát triển hệ thống quản lý theo chuẩn quốc tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng gắn liền với giao nhiệm vụ thực tế có định hướng đối với

Chiến lược 2011-2020	Chiến lược 2021-2026
<p>8. Thực hiện Chiến lược Phát triển nguồn lực tài chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển và chủ động thực hiện đa dạng hóa các nguồn lực tài chính. - Xây dựng ổn định, hợp lý nguồn thu học phí từ hoạt động đào tạo và liên kết đào tạo. - Quản lý và sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch hiệu quả. - Định kỳ rà soát, điều chỉnh quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp quy định và tình hình hoạt động của trường. 	<p>những GV, CB trẻ có tiềm năng, triển vọng để bổ nhiệm vị lãnh đạo các đơn vị.</p> <p>8. Chiến lược phát triển Tài chính: Phát triển, chủ động đa dạng hóa các nguồn lực tài chính, nguồn thu từ đào tạo và liên kết đào tạo 85%, thu từ NCKH 10%, thu khác 5%, chi cho con người 50%, chi nghiệp vụ chuyên môn 20%, chi đầu tư phát triển 25%, chi khác 5%.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tin học hóa công tác quản lý tài chính, thực hiện công khai các khoản thu chi tài chính hằng năm. - Đẩy mạnh giao dịch tài chính thông qua ngân hàng phòng tránh rủi ro do giao dịch tiền mặt. - Phân bổ tài chính theo định hướng: Chi cho con người: 50% Chi nghiệp vụ chuyên môn: 20% Chi cho CSVC: 30%
<p>9. Chiến lược phát triển QHĐN và PVCĐ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển quan hệ hợp tác với DN theo chiều sâu. - Xây dựng được mối quan hệ với các DN trong khu vực và cả nước. - Tiến hành khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của DN về chất lượng NH ra trường. 	<p>9. Chiến lược phát triển QHĐN và PVCĐ:- Phát triển quan hệ, hợp tác với DN theo chiều sâu, hiệu quả hai bên cùng có lợi, phát triển các loại hình dịch vụ gắn với nhu cầu thực tế của DN, gắn kết hoạt động và NCKH của trường với DN.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển một số chương trình ngắn hạn về kỹ năng, nghiệp vụ và đáp ứng kịp thời nhu cầu thực tế và phục vụ sự phát triển của DN.

Căn cứ báo cáo tổng kết năm học của mỗi đơn vị và báo cáo kết quả thực hiện KHCL, Trường ĐHTT xây dựng kế hoạch bổ sung, điều chỉnh kế hoạch chiến lược và các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính [H4.04.04.04], [H4.04.04.05]. Cụ thể, tại các cuộc họp giao ban, BGH giao cho các đơn vị thực hiện kế hoạch công tác năm, việc cải tiến chủ yếu theo hướng điều chỉnh sự phù hợp giữa các chỉ tiêu đề ra nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng tuyển sinh, chất lượng NCKH, chất lượng CTĐT, chất lượng GV, chất lượng đội ngũ NV, CSVC; đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý, đào

tạo, cũng như chất lượng dịch vụ đáp ứng quy mô ngày càng mở rộng của các ngành học [H4.04.04.06]. Bên cạnh đó, thông qua Hội nghị CB, CNV, Trường thực hiện đánh giá các chỉ tiêu phấn đấu của năm và các đơn vị đề xuất giải pháp, hướng phát triển mới để bổ sung cho kế hoạch chung của Trường ĐHTT trên cơ sở bám sát các mục tiêu trong chiến lược tổng thể [H4.04.04.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Một là, với việc phân công cán bộ chuyên môn phụ trách công tác xây dựng chiến lược, theo dõi chiến lược, Trường đã có được kế hoạch, chiến lược dài hạn nhằm đạt được TN, SM và GTCL cũng như các mục tiêu chiến lược trong ĐT, NCKH và phát triển các nguồn lực.

Hai là, các kế hoạch chiến lược được tập thể lãnh đạo Trường quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch trung hạn và ngắn hạn để triển khai thực hiện.

Ba là, các chỉ tiêu phấn đấu trọng yếu được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của trường; các chỉ tiêu của cá nhân gắn với chỉ tiêu của tập thể; các chỉ tiêu được giám sát và báo cáo định kỳ.

Bốn là, có cải tiến từ khâu lập kế hoạch, xây dựng chiến lược, tổ chức thực hiện và giám sát tiến độ hoàn thành các chỉ tiêu.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Một là, Trường chưa có kế hoạch dự phòng cụ thể để phòng ngừa rủi ro trong kế hoạch chiến lược.

Hai là, một số mục tiêu về nguồn nhân lực và quy mô đào tạo trong kế hoạch chiến lược chưa phù hợp với tình hình phát triển của Trường.

Ba là, chưa thực hiện phân tích sự tương quan giữa mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân và các đơn vị thuộc/trực thuộc Trường với mức độ đạt được mục tiêu chung của Trường.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng kế hoạch dự phòng ngừa rủi ro	BGH, Ban quản lý chiến lược	Quý I-II/2025	
2	Khắc phục tồn tại 2	Rà soát lại hệ thống các chỉ tiêu trong các kế hoạch chiến lược để định lượng phù hợp với tình hình thực tế.	HĐT, BGH, Lãnh đạo các đơn vị	Từ năm 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
3	Khắc phục tồn tại 3	Thực hiện phân tích sự tương quan giữa mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân và các đơn vị thuộc/trực thuộc Trường với mức độ đạt được mục tiêu chung của Trường	Ban quản lý chiến lược; Các tổ xây dựng kế hoạch chiến lược	Quý I-II/2025	
4	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục phát huy hiệu quả và bám sát những trọng tâm của Kế hoạch chiến lược chung trong một số lĩnh vực thế mạnh, từ đó xây dựng KHCL cho giai đoạn mới.	HĐT, BGH, lãnh đạo các đơn vị	Từ năm 2024	
5	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục phát huy những hiệu quả nhất định từ việc triển khai các kế hoạch ngắn hạn để cụ thể hóa KHCL chung.	HĐT, BGH, lãnh đạo các đơn vị	Từ năm 2025	
6	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục phát huy các chỉ tiêu phấn đấu chính, triển khai các hành động cụ thể, đánh giá và điều chỉnh liên tục để đạt được hiệu quả tối ưu.	HĐT, BGH, lãnh đạo các đơn vị	Từ năm 2025	
7	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục nỗ lực và không ngừng cải tiến để ban hành KHCL của giai đoạn mới theo hướng hiện đại, dân chủ, phù hợp để đáp ứng được nhu cầu của xã hội và tiềm năng của Trường.	HĐT, BGH	Từ năm 2025	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 4	4,00
Tiêu chí 4.1	4
Tiêu chí 4.2	4
Tiêu chí 4.3	4

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 4.4	4

Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và PVCĐ.

Tiêu chí 5.1. Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Việc ban hành các chính sách về các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ được Trường hết sức chú trọng bởi đây chính là công cụ giúp Trường triển khai các hoạt động quản lý, điều hành. Việc xây dựng các chính sách này được thực hiện bởi các đơn vị chức năng cụ thể theo Quy định tổ chức và hoạt động của Trường và Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị. Cụ thể, HĐT là cơ quan quản trị, chịu trách nhiệm quyết định các chủ trương, chính sách, chiến lược, kế hoạch của Trường; HĐ KH&ĐT chịu trách nhiệm tư vấn, tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác tổ chức, quản lý, điều hành và triển khai thực hiện các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ; BGH có trách nhiệm chỉ đạo, điều hành thực hiện các mặt hoạt động của Trường, từ xây dựng chính sách, kế hoạch đến tổ chức thực hiện... Trong đó, Hiệu trưởng có trách nhiệm trình văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của HĐT sau khi tổ chức lấy ý kiến các BLQ, đồng thời có thẩm quyền ban hành các quy định khác theo quy chế tổ chức hoạt động của Trường ĐHTT [H5.05.01.01]. Để triển khai đồng bộ và hiệu quả các mặt hoạt động nói chung và công tác hoạch định chính sách nói riêng, Trường đã ban hành quy chế tổ chức, hoạt động và quy định chức năng nhiệm vụ các đơn vị, trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, mối liên hệ giữa các bộ phận trong cơ cấu tổ chức [H5.05.01.02]. Phòng QLĐT đóng vai trò tư vấn, xây dựng các chính sách về ĐT; phòng QLKH – HTQT có chức năng tư vấn các chính sách về hoạt động KH-CN; đối với lĩnh vực PVCĐ, phòng CTSV – HTDN được giao nhiệm vụ soạn thảo, xây dựng các chính sách và quy định liên quan đến hoạt động này.

Trong quá trình xây dựng các chính sách của các phòng chức năng, phòng TCHC đóng vai trò hỗ trợ trong việc rà soát các văn bản, tài liệu hướng dẫn có liên quan và cung cấp cho các phòng chức năng. Một số quy trình nghiệp vụ như quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính, quy trình khảo sát các BLQ bao gồm các biểu mẫu cần thiết, quy trình xây dựng, cập nhật CTĐT đã được thiết lập để hướng dẫn quá trình hoạch định, xây dựng các chính sách của Trường [H5.05.01.03], [H5.05.01.04]. Ngoài ra, dựa trên các quy định của Nhà nước và Bộ GD&ĐT, Trường tổ chức tập huấn và hướng dẫn các cá nhân, đơn vị xây dựng chính sách phù hợp với chủ trương, quy định hiện hành [H5.05.01.05].

Trên cơ sở tuân thủ hệ thống văn bản pháp quy của Nhà nước, Bộ GD&ĐT cũng như tham chiếu, bám sát vào TN, SM, GTCL và CLPT của Trường, các chính sách về ĐT,

NCKH và PVCĐ đã được cụ thể hóa bằng các văn bản và được phê duyệt, ban hành để triển khai thực hiện [H5.05.01.06], [H5.05.01.07]. Một số văn bản quan trọng gồm:

i) Trong lĩnh vực đào tạo: các chính sách về ĐT được cụ thể hóa qua đề án tuyển sinh hằng năm [H5.05.01.08]; quyết định ban hành bản mô tả CTĐT và CTĐT trình độ đại học hệ chính quy ngành Y khoa [H5.05.01.09]; quy chế đào tạo [H5.05.01.10]; các quy định liên quan đến khóa luận tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp [H5.05.01.11]; các quy định tổ chức kiểm tra-đánh giá [H5.05.01.12]; quy định công tác cố vấn học tập [H5.05.01.13]; quy định công tác sinh viên [H5.05.01.14]; quy chế đánh giá điểm rèn luyện [H5.05.01.15]; các chính sách học bổng [H5.05.01.16]. Bên cạnh đó, để nâng cao chất lượng đào tạo và nắm bắt tâm tư nguyện vọng của NH, Trường ĐHTT mở hội nghị đối thoại giữa NH và Lãnh đạo Trường để trao đổi những vướng mắc và từ đó điều chỉnh lại một số chính sách đào tạo phù hợp hơn đối với NH [H5.05.01.17].

ii) Trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học: Trường đã ban hành các quy định liên quan đến NCKH như: quy định về hoạt động KHCN của Trường, hoạt động NCKH của NH [H5.05.01.18]; quy định về quản lý đề tài NCKH cấp trường [H5.05.01.19]; quy định về cách thức tổ chức Hội thảo khoa học, Hội nghị, tọa đàm [H5.05.01.20]. Để khuyến khích việc NCKH của GV và NH, Trường đã ban hành một số chính sách như: Chính sách khen thưởng đối với CB, GV, NH và người NCKH, chính sách nâng cao trình độ của CB, GV trong trường, chính sách thu hút nhân tài về làm việc tại trường [H5.05.01.21], [H5.05.01.22], [H5.05.01.23].

iii) Trong lĩnh vực phục vụ cộng đồng: Trường ĐHTT chỉ đạo phòng TTTS tổ chức kế hoạch tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp để giúp học sinh phổ thông định hướng và lựa chọn ngành nghề phù hợp với năng khiếu và xu hướng của thị trường [H5.05.01.24]. Bên cạnh đó, để thu hút NH, Trường xây dựng nhiều chính sách giảm học phí, học bổng cho học sinh, SV giỏi và học sinh, SV có hoàn cảnh khó khăn [H5.05.01.16]. Ngoài ra, Trường ĐHTT chỉ đạo Phòng TTTS và các đơn vị có liên quan triển khai hoạt động hiến máu nhân đạo, mùa hè xanh, kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho GV, khám sức khỏe đầu khóa cho NH và kế hoạch tổ chức khám sức khỏe từ thiện...[H5.05.01.25], [H5.05.01.26], [H5.05.01.27], [H5.05.01.28].

Hơn nữa, để đảm bảo yêu cầu pháp lý và tính khả thi, các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ được tổ chức lấy ý kiến các BLQ trước khi trình lãnh đạo Trường phê duyệt và ban hành thực hiện. Cụ thể, dự thảo kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2026 được triển khai đóng góp ý kiến của toàn thể CB, GV trong Trường trước khi tổng hợp, hoàn chỉnh trình HĐT phê duyệt ban hành [H5.05.01.29]. Tương tự, các chính sách cụ thể khác về ĐT, NCKH và PVCĐ, trong quá trình xây dựng, được tổ chức thu thập ý kiến đóng góp của các đơn vị thông qua các cuộc họp và đóng góp ý kiến trước khi hoàn thiện trình Ban giám hiệu ra quyết định ban hành [H5.05.01.30]. Ngoài ra, trong quá trình

thực hiện, để đảm bảo nội dung các chính sách phù hợp với tình hình thực tiễn và nhu cầu của các BLQ, Trường tổ chức lấy ý kiến các bên về nội dung văn bản tại Hội nghị CB, NV hằng năm [H5.05.01.31].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 5.2. Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến và thực hiện.

Nhiệm vụ theo dõi, giám sát thực hiện các chính sách ĐT, NCKH, PVCĐ được Trường quy định, phân công cho các tổ chức, đơn vị bằng văn bản cụ thể. Theo đó, quy chế làm việc của HĐT nêu rõ HĐT có nhiệm vụ giám sát việc thực hiện quyết định của mình, việc tuân thủ pháp luật, thực hiện quy chế dân chủ của Trường và trách nhiệm giải trình của Hiệu trưởng [H5.05.02.01]; các phòng, ban, trung tâm chức năng có nhiệm vụ theo dõi, tổng hợp, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các công việc có tính nghiệp vụ của phòng đối với các đơn vị khác trong Trường [H5.05.02.02]. Bên cạnh đó, nhằm mục đích thực hiện các chính sách một cách đồng bộ giữa các đơn vị và đảm bảo sự phù hợp trong việc áp dụng các chính sách vào thực tiễn, Trường giao việc theo dõi, giám sát chính sách ĐT cho phòng QLĐT chịu trách nhiệm chính, phòng QLKH-HTQT chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát chính sách về NCKH và phòng CTSV-HTDN trách nhiệm theo dõi, giám sát chính sách về các hoạt động kết nối và PVCĐ [H5.05.02.03]. Ngoài ra, Ban TT-PC chịu trách nhiệm lập kế hoạch giám sát, thanh tra thực thi chính sách ĐT của các đơn vị, kiểm tra công tác giảng dạy của GV theo quy định và quản lý công tác học tập của NH theo đúng nội quy [H5.05.02.04].

Trường ĐHTT ban hành các văn bản về quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ. Ban Thanh tra-Pháp chế dựa theo các văn bản hướng dẫn quy trình giám sát gồm: Quy trình thanh tra, kiểm tra nội bộ của trường, Quy định tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh tại Trường ĐHTT [H5.05.02.05], [H5.05.02.06]. Các đơn vị có trách nhiệm theo dõi, giám sát thực hiện các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ có trách nhiệm lập kế hoạch cụ thể như sau: phòng QLĐT phối hợp với ban TT-PC lập kế hoạch theo dõi giám sát việc thực hiện các chính sách về ĐT ở các đơn vị có liên quan, phòng QLKH-HTQT lập kế hoạch theo dõi giám sát việc thực hiện chính sách về NCKH, phòng CTSV-HTDN lập kế hoạch theo dõi giám sát việc thực hiện chính sách PVCĐ [H5.05.02.07].

Trường ĐHTT có phổ biến các quy định về việc theo dõi, giám sát việc thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ rộng rãi đến toàn CB, GV và NV trong Trường bằng nhiều hình thức khác nhau như: thông qua các cuộc họp giao ban hằng tháng, Hội nghị CB, GV, NLD [H5.05.02.08], [H5.05.02.09]. Ngoài ra, nhằm đưa thông tin về chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ đến tất cả NH, CB, GV và NV trong Trường một cách nhanh chóng và

hiệu quả nhất thì các nội dung liên quan đến các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ đều được lồng ghép vào Sổ tay SV [H5.05.02.10].

Định kỳ hằng năm, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm chính đều báo cáo tình hình cụ thể công tác thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ. Cụ thể, Trường báo cáo tổng kết năm học và đưa ra phương hướng nhiệm vụ cho năm học tiếp theo; phòng QLĐT báo cáo về thực hiện các hoạt động về tổ chức đào tạo; phòng KT-BĐCL báo cáo về tình thi kết thúc học phần; phòng QLĐT báo cáo kết quả thực hiện giờ chuẩn và kết quả khảo sát chất lượng giảng dạy của GV; phòng QLKH-HTQT báo cáo tổng kết năm học và phương hướng NCKH cho năm tiếp theo; phòng CTSV-HTDN dựa trên các văn bản hướng dẫn tổ chức, lập báo cáo công tác đánh giá rèn luyện SV, báo cáo hoạt động PVCĐ; công đoàn báo cáo tình hình hoạt động năm học và phương hướng nhiệm vụ cho năm học tiếp theo [H5.05.02.11], [H5.05.02.12], [H5.05.02.13], [H5.05.02.14], [H5.05.02.15], [H5.05.02.16], [H5.05.02.17]. Dựa vào báo cáo của các đơn vị về việc thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ, Trường đánh giá tình hình hoạt động của các đơn vị, từ đó phát huy các điểm mạnh và khắc phục những hạn chế và tồn đọng. Bên cạnh đó, trong các cuộc họp giao ban hàng tháng, các đơn vị báo cáo công việc đã thực hiện được và những hạn chế còn tồn đọng trong tháng và kế hoạch công việc cần thực hiện trong tháng tiếp theo [H5.05.02.08]. Qua đó, Trường ĐHTT tổng hợp ý kiến, kết luận kết quả đạt được và những hạn chế của từng đơn vị. Trên cơ sở các hạn chế của đơn vị có liên quan, BGH cùng các đơn vị khác đóng góp ý để hoàn thiện hơn về chính sách ĐT, NCKH, PVCĐ trong tương lai.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 5.3. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên.

Trường ĐHTT thực hiện rà soát, đánh giá các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ theo định kỳ hoặc đột xuất, tùy thuộc vào tính chất, nội dung và phạm vi của từng chính sách. Hoạt động này nhằm đảm bảo sự phù hợp với thực tiễn, cập nhật kịp thời các văn bản pháp luật mới ban hành, đáp ứng yêu cầu phát triển của Trường, đồng thời đảm bảo các hoạt động luôn bám sát mục tiêu chiến lược và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước và Bộ GD&ĐT. Thực hiện nghiêm túc Quy chế về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa hệ thống văn bản do Trường ban hành, các phòng chức năng thường xuyên tự rà soát, cập nhật quy định, quy chế liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình để đảm bảo phù hợp với sự điều chỉnh, thay đổi của các quy định Nhà nước và đáp ứng yêu cầu thực tế của các BLQ [H5.05.03.01]. Bên cạnh đó, việc định kỳ rà soát các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ cũng được Trường quy định tại các điều, khoản về tổ chức thực hiện của các chính sách này [H5.05.03.02]. Cụ thể, tại khoản 4 Điều 48 Quy chế ĐT nêu rõ trong trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng có thể quyết định điều chỉnh một số quy định cụ thể, định lượng cho phù

hợp với tình hình thực tế để tạm thời áp dụng nhưng phải báo cáo HĐQT tại phiên họp gần nhất để xem xét sửa đổi, bổ sung chính thức. Theo đó, quy chế ĐT đã được triển khai rà soát, điều chỉnh, bổ sung qua nhiều phiên bản. Mặt khác, khoản 3 Điều 27 Quy định về hoạt động KHCN cũng nêu trong quá trình thực hiện, nếu có ý kiến đề xuất sửa đổi hoặc bổ sung, các đơn vị phản ánh về BGH thông qua phòng QLKH-HTQT để trình Hiệu trưởng xem xét quyết định. Bên cạnh đó, tại khoản 2 Điều 16 Quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị nêu rõ Ban TT-PC có nhiệm vụ giám sát, kiểm tra việc thực hiện quy chế, quy định của Trường và của Bộ GD&ĐT [H5.05.03.03]. Ngoài ra, theo quy định về hoạt động khảo sát tại Trường quy định hằng năm Trường tổ chức khảo sát ý kiến các BLQ về các mặt hoạt động của Trường, trong đó có nhiều nội dung liên quan đến chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ [H5.05.03.04]. Chẳng hạn, khảo sát GV về hoạt động NCKH hoặc khảo sát CB, GV, NV về môi trường làm việc đều có nội dung phục vụ rà soát chính sách như “thầy/cô có hài lòng về mức độ phù hợp của chính sách NCKH?”, “Trường có những văn bản quy định, chính sách hỗ trợ cho việc NCKH?”, “quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả NH phù hợp, đáp ứng chuẩn đầu ra?” [H5.05.03.05].

Thực tế, việc tổ chức rà soát hệ thống văn bản, chính sách nói chung và các chính sách ĐT, NCKH, PVCĐ nói riêng là hoạt động thường xuyên của Trường, được cụ thể trong kế hoạch năm học, kế hoạch BĐCL [H5.05.03.06], [H5.05.03.07]. Kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách được tổng hợp trong báo cáo tổng kết năm học của Trường [H5.05.03.08]. Trên cơ sở báo cáo tổng kết năm, tại Hội nghị CB, CNV, Trường tổ chức lấy ý kiến các bên tham dự về việc thực hiện chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ, từ đó có phương hướng điều chỉnh phù hợp [H5.05.03.09]. Ngoài ra, để tăng cường rà soát các chính sách, Trường chỉ đạo các đơn vị chức năng tiến hành khảo sát lấy ý kiến các BLQ nhằm mục đích rà soát, cải tiến các chính sách, góp phần nâng cao chất lượng [H5.05.03.10]. Kết quả khảo sát được phân tích, viết thành các báo cáo gửi đến các đơn vị liên quan, các báo cáo này chính là một kênh thông tin quan trọng trong việc rà soát, cải tiến các hoạt động của các đơn vị [H5.05.03.05]. Ngoài ra, việc rà soát các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ còn được thể hiện trong Quy định so chuẩn đối sánh của trường [H5.05.03.11], thể hiện trong các báo cáo đối sánh, kết quả rà soát cho thấy một số chỉ tiêu đáng chú ý như các bài báo, báo cáo khoa học hằng năm tăng trên 5%, số lượng đề tài NCKH cấp cơ sở tăng trên 5%, các hoạt động tình nguyện mùa hè xanh, hiến máu nhân đạo, thiện nguyện được duy trì hằng năm; báo cáo công tác rà soát các chính sách ĐT trình bày rõ các nội dung thuộc chính sách cần rà soát trong từng năm học chẳng hạn như: Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ; Quy định, quy trình phát triển, xây dựng, thẩm định, cập nhật và ban hành CTĐT hệ đại học; Quy chế tổ chức và hoạt động KHCN; Quy định quản lý văn bằng, chứng chỉ; Quy định về Thực tập của SV; Quy định về chính sách học bổng; Quy định công tác khảo thí [H5.05.03.12]. Ngoài ra, công tác rà soát các chính sách ĐT,

NCKH và PVCĐ được Trường tiến hành thường xuyên định kỳ hằng tháng trong phạm vi toàn Trường. Hằng tháng, các bộ phận rà soát việc thực hiện nhiệm vụ trong tháng, đánh giá mức độ hoàn thành, tiến độ và đưa ra nhiệm vụ, phương hướng, giải pháp hoạt động cho thời gian tháng tiếp theo, đây là cơ sở để Trường có những điều chỉnh chính sách để phù hợp với TN, SM và điều kiện thực tế hiện nay [H5.05.03.13]. Trên cơ sở kết quả rà soát hằng năm, trong 05 năm của chu kỳ đánh giá, BGH đã chỉ đạo cập nhật, điều chỉnh, bổ sung nhiều chính sách quan trọng về ĐT, NCKH và PVCĐ [H5.05.03.14].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 5.4. Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Trên cơ sở tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược phát triển Trường ĐHTT giai đoạn 2011-2020, Trường xây dựng và ban hành Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn 2030 với nhiều điều chỉnh, bổ sung quan trọng về mục tiêu phát triển ĐT, NCKH, PVCĐ [H5.05.04.01]. Hơn nữa, trong 05 năm qua, Trường đã triển khai rà soát, điều chỉnh và xây dựng mới nhiều chính sách quan trọng về ĐT, NCKH và PVCĐ [H5.05.04.02], cụ thể:

Về đào tạo: so với quy chế ĐT năm 2017, quy chế ĐT sửa đổi, bổ sung năm 2018 và 2023 đã sửa đổi các điều khoản về thời gian tối đa của khóa học, đăng ký thi lại; thay thế một số điều khoản liên quan đến đánh giá kết quả học phần. So với phiên bản cũ, các nội dung về công nhận kết quả học tập, chuyển đổi tín chỉ được quy định cụ thể, chi tiết hơn, tạo thuận lợi hơn cho NH [H5.05.04.03]. Trong thời gian dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, để đảm bảo tiến trình đào tạo, Trường đã chuyển đổi hình thức giảng dạy các học phần lý thuyết theo hình thức dạy học online phù hợp với từng giai đoạn [H5.05.04.04]. Trường ban hành Quy định về đào tạo trực tuyến, Hướng dẫn xây dựng nội dung khóa học trực tuyến để làm căn cứ giúp Khoa, Bộ môn chuyển đổi hình thức đào tạo linh hoạt hơn [H5.05.04.05]. Ngoài ra, Trường cũng triển khai xây dựng quy định KTĐG trực tuyến để phù hợp với tình hình mới [H5.05.04.06]. Bên cạnh đó, các quy định về thực tập tốt nghiệp, quản lý văn bằng, công nhận tốt nghiệp cũng dần được hoàn thiện [H5.05.04.07]. Mặt khác, các CTĐT được Trường triển khai rà soát, cập nhật theo hướng bổ sung các nội dung về đổi mới, sáng tạo, kỹ năng, tăng cường thực hành, thí nghiệm, thực tập nghề nghiệp, giảm thời lượng lý thuyết [H5.05.04.08]. Bên cạnh CTĐT, quy chế ĐT thì Trường đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó có các chính sách thu hút nhân tài, hỗ trợ kinh phí cho CB, GV học tập nâng cao trình độ [H5.05.04.09]. Đối với công tác tuyển sinh, Trường liên tục cải tiến các chính sách tuyển sinh trong Đề án tuyển sinh hàng năm theo hướng hỗ trợ việc làm, cấp học bổng tuyển sinh, đa dạng hóa các phương thức tuyển sinh [H5.05.04.10].

Về NCKH: so với quy định hoạt động KHCN năm 2014, nội dung điều khoản về mục tiêu của hoạt động KHCN năm 2023 có sự cải tiến theo hướng tạo môi trường thuận lợi để nâng cao năng lực nghiên cứu, nâng cao khả năng tư duy, hình thành các ý tưởng, dự án khởi nghiệp cho CB, GV và NH (phù hợp với SM của Trường là đào tạo nên những con người có tính sáng tạo, tư duy logic...) [H5.05.04.11]. Ngoài ra, để hỗ trợ và khuyến khích NH tích cực tham gia hoạt động NCKH, Trường triển khai xây dựng và ban hành quy định NCKH của NH, trong đó các điều khoản quy định về trách nhiệm, quyền hạn của NH tham gia NCKH cũng được quy định rõ [H5.05.04.12]. Bên cạnh đó, Trường đã thực hiện việc cải tiến quy định về chế độ làm việc GV bằng cách tăng khối lượng, thời lượng NCKH của GV, đặc biệt là GV cơ hữu [H5.05.04.13]. Mặt khác, quy định khen thưởng thành tích NCKH xuất sắc của CB, GV và NH cũng được ban hành và triển khai thực hiện [H5.05.04.14].

Về PVCĐ: đối với hoạt động PVCĐ, từ chỗ thiếu định hướng, tập trung chủ yếu vào các hoạt động thiện nguyện và được triển khai lồng ghép trong kế hoạch hoạt động của các đơn vị, đến năm 2023, Trường ban hành quy định hoạt động kết nối và PVCĐ để hướng dẫn công tác này [H5.05.04.15].

Kết quả hội nghị CB, CNV, hội nghị KHĐT, hội nghị đối thoại NH cho thấy những quan điểm tích cực của CB, GV, NV và NH đối với chính sách ĐT, NCKH, PVCĐ hiện nay [H5.05.04.16], [H5.05.04.17], [H5.05.04.18]. Dữ liệu khảo sát các BLQ trong nhiều năm liên cũng cho thấy, đại đa số CB, GV, NV và NH đang học tại Trường hài lòng với hầu hết các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ hiện hành của Trường. Cụ thể, kết quả khảo sát NH về chất lượng đào tạo của Trường cho thấy có hơn 85% NH hài lòng với các tiêu chí đánh giá kết quả học tập, chính sách học bổng và các quy định liên quan đến NCKH [H5.05.04.19]; kết quả khảo sát CB, GV về môi trường làm việc cho thấy có hơn 90% CB, GV cho rằng các chính sách về NCKH của Trường đầy đủ, rõ ràng, đáp ứng nhu cầu... [H5.05.04.20].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 5:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Trường đã phân công rõ các đơn vị/bộ phận chịu trách nhiệm xây dựng các chính sách. Việc phân cấp để xây dựng các chính sách đã phát huy được tính chủ động, sáng tạo của các đơn vị trong xây dựng các chính sách.

Nội dung các chính sách phù hợp với các chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước và phù hợp với chiến lược phát triển của Trường. Các chính sách được lấy ý kiến các BLQ, được cụ thể hóa bằng văn bản và được lãnh đạo Trường phê duyệt và ban hành để triển khai thực hiện.

Có nhiều chính sách hỗ trợ trong hoạt động NCKH, nên ngày càng có nhiều đề tài có

tính ứng dụng thực tiễn cao gắn liền với hoạt động ĐT, phát triển nguồn lực của Trường và CGCN cho các bệnh viện trong khu vực và toàn quốc.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Các công tác tập huấn về việc xây dựng các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ còn hạn chế. Các đơn vị chức năng chủ yếu tự nghiên cứu, đề xuất các chính sách theo lĩnh vực mà đơn vị mình phụ trách.

Việc lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan cần được thực hiện đầy đủ và kịp thời.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Tăng cường việc xây dựng các kế hoạch tập huấn và triển khai thực hiện các hoạt động tập huấn về xây dựng các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ cho các phòng chức năng	Phòng TCHC	Hằng năm	
2	Khắc phục tồn tại 2	Thực hiện lấy ý kiến các BLQ đối với các chính sách định kỳ hằng năm, kịp thời hơn để có cơ sở điều chỉnh các chính sách này ở đầu năm học	Các đơn vị có liên quan	Hằng năm	
3	Phát huy điểm mạnh 1	Duy trì công tác phân công các đơn vị, phòng ban chịu trách nhiệm xây dựng, giám sát, rà soát và cải tiến các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ	HĐT; BGH; Các đơn vị, Tổ chức đoàn thể	Hằng năm	
4	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục xây dựng hệ thống các văn bản quy định về các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ phù hợp với hoạt động của Trường trong từng giai đoạn	HĐT; BGH; Các đơn vị, Tổ chức đoàn thể	Hằng năm	
5	Phát huy điểm mạnh 3	Tăng cường đầu tư và khuyến khích các đề tài ứng dụng cao;	HĐT; BGH; Các đơn vị	Thường xuyên	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		đẩy mạnh hợp tác với bệnh viện để CGCN; tổ chức đào tạo nâng cao năng lực nghiên cứu; gắn kết chặt chẽ NCKH với hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực			

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 5	4,50
Tiêu chí 5.1	5
Tiêu chí 5.2	4
Tiêu chí 5.3	4
Tiêu chí 5.4	5

Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực

Tiêu chí 6.1. Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Đối với hoạt động rà soát, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực, hằng năm BGH chỉ đạo phòng TCHC xây dựng báo cáo tình hình nhân sự và nhu cầu tuyển dụng của Trường trên cơ sở tổng hợp kết quả rà soát, đánh giá nhu cầu nhân sự của các đơn vị trong Trường [H6.06.01.01], [H6.06.01.02]. Thực trạng về số lượng, chất lượng đội ngũ của Trường phần nào được thống kê, đánh giá trong báo cáo tổng kết năm học [H6.06.01.03]. Hơn nữa, việc rà soát, đánh giá để bổ sung quy hoạch đội ngũ nhân sự cũng là nhiệm vụ được triển khai trong CLPT [H6.06.01.04]. Kết thúc mỗi giai đoạn chiến lược, Trường chủ động đánh giá kết quả phát triển nguồn nhân lực làm cơ sở hoạch định chiến lược giai đoạn tiếp theo [H6.06.01.05].

Trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá, Trường tổ chức xây dựng các quy hoạch/kế hoạch phát triển nguồn nhân lực. Cụ thể, trên cơ sở khắc phục những tồn tại đối với nguồn nhân lực giai đoạn 2011-2020 (tỉ lệ GV có trình độ tiến sĩ vẫn còn thấp so với bình quân chung của các nước; thiếu lực lượng chuyên gia đầu ngành để nâng cao chất lượng đào tạo, tiến tới mở mã ngành đào tạo sau đại học,...), mục tiêu của phát triển tổ chức bộ máy và đội ngũ trong CLPT Trường giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn 2030 được xác định là: (1) Xây dựng mô hình quản trị đại học đáp ứng yêu cầu tự chủ với hoạt động thực tế của Trường theo hướng đồng bộ, tinh gọn, hiệu quả với đội ngũ nhân lực chuẩn hóa, đảm bảo đủ về số lượng, đạt yêu cầu về chất lượng với cơ cấu hợp lý và tinh giản; (2) Đội ngũ nhân

lực có phẩm chất đạo đức, có năng lực và tinh thần trách nhiệm để đảm trách sứ mệnh đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ cho khu vực miền Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long; (3) Đến năm 2026, số lượng GV, nhân viên của Trường đảm bảo đảm đương tốt công việc của Trường giao phó; đội ngũ GV Khoa Y vững mạnh cả về số lượng và chất lượng với hơn 45% GV là Tiến sĩ/BS Chuyên khoa II [H6.06.01.04]. Để thực hiện CLPT của Trường về việc phát triển đội ngũ nguồn nhân lực, Trường ĐHTT đã chỉ đạo xây dựng CLPT đội ngũ CB, GV giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn năm 2030. Mục tiêu trọng tâm của Chiến lược là xây dựng và phát triển đội ngũ CB quản lý, GV, NV có năng lực tham gia thực hiện tốt TN, SM, TLGD và các mục tiêu chiến lược của Trường ĐHTT; chuẩn hóa và nâng cao trình độ đào tạo, NCKH của GV; tinh giảm số lượng, nâng cao chất lượng và tính chuyên nghiệp của nguồn nhân lực [H6.06.01.06].

Trên cơ sở đó, Trường ĐHTT đã triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm [H6.06.01.07], quy hoạch CB lãnh đạo, quản lý [H6.06.01.08]. Nội dung quy hoạch nguồn nhân lực được cụ thể hóa bằng các Kế hoạch hàng năm của phòng TCHC, dựa trên cơ sở đó, Trường ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ hàng năm [H6.06.01.09], [H6.06.01.10]. Kết thúc mỗi năm học, phòng TCHC đều rà soát nhu cầu nguồn nhân lực, đánh giá tình hình nhân sự và báo cáo lãnh đạo Trường [H6.06.01.11]. Nguồn nhân lực hiện nay được Trường quy hoạch để đáp ứng nhu cầu của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Tính đến tháng 08/2024, tổng số CB, GV, NV, NLĐ của Trường là 126 người, cơ bản đáp ứng nhu cầu hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Đặc biệt là tỉ lệ NH/GV được đảm bảo, thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT, Trường có hơn 459 SV đang học và 70 GV tham gia giảng dạy, đạt tỉ lệ 6.55 SV/GV (trong đó 36 GV có trình độ tiến sĩ trở lên, 32 GV có trình độ thạc sĩ); 03 CB quản lý, 59 chuyên viên, nhân viên phục vụ [H6.06.01.12], [H6.06.01.13].

Bảng 6.1.1. Cơ cấu về trình độ của cán bộ, GV cơ hữu

Năm học	Tổng số	GS, PGS	TS, BSCK2	ThS, BSCK1	Đại học	Khác
2020	126	8	26	49	28	15
2021	123	7	26	47	30	13
2022	153	8	25	68	31	21
2023	125	8	29	34	36	18
2024	126	9	28	36	39	14

(Nguồn: Phòng TCHC)

Để xây dựng đội ngũ CB quản lý kế cận có chất lượng, Trường ĐHTT giao cho phòng TCHC làm đầu mối thực hiện công tác quy hoạch cán bộ. Trường ĐHTT có những văn

bản cụ thể để triển khai và hướng dẫn công tác quy hoạch CB quản lý của đơn vị [H6.06.01.14]. Cán bộ đưa vào quy hoạch phải đảm bảo các tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị đạo đức lối sống; về năng lực thực tiễn; có uy tín trong đội ngũ CB, GV, NV; đảm bảo sức khỏe để hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ; có chiều hướng triển vọng, phát triển khi được bố trí vào chức vụ cao hơn (chú trọng quy hoạch những CB có nhiều thành tích trong hoạt động giảng dạy, công tác đoàn thể). Các bước tiến hành quy hoạch:

Bước 1: Trường, phó phòng hoặc trưởng, phó khoa họp dự kiến danh sách CB, GV đưa vào quy hoạch trình hội nghị phòng hoặc khoa.

Bước 2: Các phòng, khoa họp đơn vị tổ chức giới thiệu các chức danh quy hoạch và bỏ phiếu giới thiệu.

Bước 3: Phòng TCHC tổng hợp danh sách kèm theo thông tin về CB dự kiến đưa vào quy hoạch trình HĐT, BGH thảo luận, bỏ phiếu giới thiệu.

Bước 4: Họp tập thể lãnh đạo (BGH, HĐT), bỏ phiếu quyết định quy hoạch.

Bước 5: Ban hành quyết định phê duyệt quy hoạch của Hiệu trưởng, làm căn cứ để bổ nhiệm thay thế CB quản lý lớn tuổi, CB hết nhiệm kỳ không được bổ nhiệm lại, bổ nhiệm mới theo yêu cầu cơ cấu tổ chức. Hằng năm, Trường tiến hành rà soát để đưa ra khỏi quy hoạch và bổ sung quy hoạch [H6.06.01.08]. Ngoài ra, Trường đã xây dựng và thực hiện tốt các chính sách về nhân sự, công tác quy hoạch, chính sách về tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng, bổ nhiệm, chế độ phúc lợi, môi trường làm việc và chính sách thu hút, giữ chân nhân tài, từ đó đảm bảo được đội ngũ và chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho các mục tiêu phát triển.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định và được phổ biến.

Để đảm bảo quá trình và kết quả tuyển dụng được khách quan, công bằng, Trường ĐHTT đã ban hành Quy định về tuyển dụng có nêu rõ các quy định về quy trình, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ CB, GV, NV [H6.06.02.01]. Theo đó, hình thức tuyển dụng GV, NV, NLD tại Trường là hình thức xét tuyển bao gồm 2 vòng: vòng 1 kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển đăng ký tại phiếu đăng ký dự tuyển và lý lịch người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm, nếu phù hợp thì người dự tuyển được tham dự vòng 2 (phỏng vấn). Sau khi tổng hợp hồ sơ, phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng xem xét các điều kiện về điều kiện, tiêu chuẩn và tổ chức phỏng vấn. Kết quả tuyển dụng công khai toàn Trường và đến các ứng viên dự tuyển. Hội đồng tuyển dụng báo cáo Hiệu trưởng kết quả xét tuyển và trình Hiệu trưởng ra quyết định tuyển dụng và ký kết hợp đồng lao động với người trúng tuyển. Hằng năm, căn cứ Đề án vị trí việc làm và nhu cầu nhân lực của các đơn vị, Trường ĐHTT ban hành kế hoạch tuyển dụng và thông báo tuyển

dụng trong đó có yêu cầu cho từng vị trí tuyển dụng [H6.06.02.02], [H6.06.02.03], [H6.06.02.04], [H6.06.02.05].

Để phục vụ công tác quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm đội ngũ CB quản lý, quy chế tổ chức và hoạt động Trường ĐHTT quy định rõ tiêu chuẩn của các chức danh lãnh đạo cấp trường, cấp phòng, khoa và tương đương [H6.06.02.06]. Hơn nữa, Trường đã ban hành Quy định tiêu chuẩn và quy trình thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm của Trường ĐHTT và văn bản hướng dẫn công tác quy hoạch lãnh đạo, cán bộ quản lý cấp phòng, khoa, bộ môn và tương đương [H6.06.02.07], [H6.06.02.08].

Nhìn chung, các quy chế, quy định, quy trình liên quan đến công tác CB, nhân lực của Trường được triển khai đầy đủ đến các đơn vị thông qua hệ thống email nội bộ. Cán bộ, GV, NV trong trường có thể tiếp cận các quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự thông qua hệ thống văn thư, lưu trữ của Trường. Quy trình, tiêu chí tuyển dụng nhân sự của Trường cũng được phổ biến thông qua các kế hoạch tuyển dụng hằng năm. Ngoài ra, trong quá trình thực hiện công tác quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm thì các quy định, tiêu chuẩn cụ thể đối với các công tác này đều được quán triệt đầy đủ đến các BLQ [H6.06.02.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.3. Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên khác nhau.

Trường ĐHTT đã ban hành CLPT của Trường [H6.06.03.01], trong đó, có nội dung về kế hoạch nguồn nhân lực. Trên cơ sở đó, Trường xây dựng đề án vị trí việc làm và cơ cấu chức danh CB quản lý, GV, NV quy định về các tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ CB, GV, NV [H6.06.03.02]. Đề án đã nêu rõ số lượng vị trí việc làm và được phân chia thành 4 nhóm công việc. Trong mỗi nhóm công việc, đều có các vị trí việc làm; mỗi vị trí việc làm đều được mô tả công việc, khối lượng công việc và đưa ra tiêu chuẩn năng lực cụ thể:

(i) *Đối với nhóm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý* yêu cầu về năng lực và kỹ năng gồm: phẩm chất đạo đức, trình độ, kinh nghiệm, uy tín, tư duy, khả năng đoàn kết, tập hợp, quy tụ CB, GV, NV, NLD trong đơn vị; yêu cầu về kỹ năng gồm có kỹ năng giao việc, ngoại giao, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề, ra quyết định, kỹ năng tổng hợp, phân tích, nhận định và đánh giá trong quản lý, điều hành công việc. Tùy từng vị trí quản lý là các khoa chuyên môn hay các phòng ban chức năng, các tiêu chuẩn năng lực được xác định cụ thể; theo yêu cầu của công tác quản lý, một số trường đơn vị phải có học vị Tiến sĩ, ví dụ như, Trưởng các khoa chuyên môn, Trưởng phòng QLKH-HTQT, Trưởng phòng QLĐT, ...; các vị trí quản lý cấp cao như Chủ tịch HĐT, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có các yêu cầu về số năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực giáo dục.

(ii) *Đối với nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành* yêu cầu về

năng lực trình độ chuyên môn phải là Thạc sĩ (đối với trường BM có chuyên ngành đào tạo phải có trình độ Tiến sĩ).

(iii) *Đối với nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành dùng chung* yêu cầu năng lực trình độ chuyên môn là đại học, trình độ tin học căn bản để áp dụng tin học trong chuyên môn.

(iv) *Đối với nhóm vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ:* nhân viên tạp vụ, cây xanh và lái xe có tiêu chuẩn riêng so với 03 nhóm vị trí việc làm trên, do tính chất công việc khác nhau.

Để chuẩn hóa chất lượng của đội ngũ nhân sự, Trường đã xây dựng một số văn bản quy định các tiêu chuẩn năng lực, trình độ cần thiết (bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo) đối với đội ngũ CB, GV, NV. Cụ thể, quy chế tổ chức và hoạt động của Trường quy định một số tiêu chuẩn cụ thể đối với chức danh chủ tịch HĐT, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, lãnh đạo các khoa, phòng, ban trong Trường [H6.06.03.03]. Bên cạnh đó, quy định tiêu chuẩn và quy trình thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm quy định rõ tiêu chuẩn của các chức danh lãnh đạo cấp trường, phòng, khoa và tương đương [H6.06.03.04]. Trường cũng có ban hành quy định về tuyển dụng, trong đó quy định cụ thể điều kiện đăng ký dự tuyển CB, GV, NV, NLD, quy trình và các bước thực hiện trong tuyển dụng, nhận việc và ký hợp đồng làm việc [H6.06.03.05]. Trong các Quyết định tuyển dụng, hợp đồng lao động có nêu rõ vị trí công việc mà người được tuyển dụng phải thực hiện. Mỗi CB quản lý, GV, NV, theo phân công của lãnh đạo đơn vị, đều có Bản mô tả vị trí công việc, nêu rõ khối lượng công việc mà mình phụ trách [H6.06.03.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.4. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu.

Trường ĐHTT đã ban hành CLPT của Trường, trong đó có nội dung về đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ CB, GV, NV [H6.06.04.01]. Để phục vụ yêu cầu phát triển nguồn nhân lực, năm 2022, Trường ban hành và triển khai thực hiện quy trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CB, GV [H6.06.04.02]. Tại Trường ĐHTT, đội ngũ CB, GV, NV được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn thường xuyên, bằng nhiều hình thức. Căn cứ chủ trương của BGH về ĐT, bồi dưỡng, phòng TCHC thông báo các đơn vị trong Trường triển khai rà soát và đăng ký [H6.06.04.03]. Cụ thể, CB, GV, NV tự xem xét lại tiêu chuẩn, vị trí và nhu cầu của mình, gửi đăng ký đào tạo tới lãnh đạo đơn vị. Trường đơn vị căn cứ vào nhu cầu phát triển của đơn vị, tính phù hợp của ngành và chuyên ngành đăng ký đào tạo của CB, GV, NV, nếu thấy phù hợp thì trường đơn vị làm tờ trình đề cử CB, GV, NV của đơn vị mình cho Trường xem xét cử đi đào tạo, bồi dưỡng [H6.06.04.04]. Trên cơ sở đó, phòng TCHC tham mưu cho lãnh đạo Trường ban hành Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn cho đội ngũ CB, GV, NV

[H6.06.04.05]. Trường căn cứ vào danh sách đề nghị của từng đơn vị, rà soát lại xem ứng viên có đáp ứng đủ yêu cầu của từng CTĐT không, chuyên ngành có phù hợp với sự phát triển của đơn vị không, CB, GV, NV được cử đi đào tạo, bồi dưỡng có phù hợp với nguồn tài chính đã được duyệt không... để ra quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng [H6.06.04.06]. Ngoài ra, Trường còn tạo điều kiện, khuyến khích cho CB quản lý, GV tham gia các hội thảo khoa học quốc tế, hội thảo khoa học quốc gia, tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn ở trong nước và nước ngoài, nhằm đáp ứng đa dạng nhu cầu về đào tạo và phát triển của đội ngũ CB, GV, NV [H6.06.04.07]. Đối với các khóa đào tạo do CB, GV, NV tự tìm hiểu và có nhu cầu học tập nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, CB, GV, NV có thể đề xuất với BGH để được hỗ trợ toàn bộ hoặc một phần kinh phí hoặc có hình thức biểu dương, khen thưởng, công nhận kết quả tự đào tạo, bồi dưỡng [H6.06.04.08].

Bảng 6.4.1 Bảng thống kê số liệu đội ngũ CB, GV, NV đi đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2019-2024

	Mã số	Tổng số	Số lượng (Đơn vị tính: Người)			
			Trong nước	Trong đó: Nữ	Ngoài nước	Trong đó: Nữ
A	B	1=(2+4)	2	3	4	5
Tổng số	01					
1. Theo nội dung CTĐT bồi dưỡng	/	/	/	/	0	/
a) Chuyên môn						
- Tiến sĩ	/	/	/	/	/	04
- Thạc sĩ	/	/	/	/	/	/
b) Lý luận chính trị						
- Cao cấp	/	/	/	/	/	/
- Trung cấp	/	/	/	/	/	/
c) Kiến thức quốc phòng và an ninh	/	/	/	/	/	/
d) Quản lý nhà nước						
- Chuyên viên	/	/	/	/	/	/
- Cán sự	/	/	/	/	/	/
2. Tham gia hội nghị, hội thảo		53	52	19	1	0

Hàng năm, phòng TCHC đều có tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng CB, GV, NV, NLD để nắm bắt được tiến độ hoàn thành CTĐT, kế hoạch

đào tạo của các đơn vị, cá nhân [H6.06.04.09]. Bên cạnh đó, để thực hiện chỉ tiêu chiến lược về tỉ lệ GV có học vị Tiến sĩ, Trường xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ đào tạo Tiến sĩ, có thưởng cho các Tiến sĩ hoàn thành đúng thời hạn được thể hiện trong quy định về đào tạo và bồi dưỡng, quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.04.10]. Dữ liệu khảo sát CB, GV, NV về môi trường làm việc cũng cho thấy các kế hoạch ĐT, bồi dưỡng của Trường được triển khai đầy đủ, thường xuyên và nhận được sự hài lòng cao của đội ngũ nhân sự [H6.06.04.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 6.5. Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Hiện nay, quy trình và các tiêu chí để đánh giá hiệu quả, chất lượng công việc của đội ngũ CB, GV, NV Trường ĐHTT được áp dụng theo quy định đánh giá đội ngũ [H6.06.05.01]. Theo đó, nội dung đánh giá bao gồm: (1) Việc thực hiện chủ trương, nội quy, quy chế, quy định hiện hành; (2) Mức độ hoàn thành nhiệm vụ thường xuyên được giao; (3) Mức độ thực hiện nhiệm vụ đột xuất được giao; (4) Việc chủ động tham mưu, đề xuất thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; (5) Việc tăng cường tiết kiệm, chống lãng phí; (6) Sự phối hợp trong công tác, sự đoàn kết nhất trí trong tập thể đơn vị; (7) Việc tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc đối với CB, NV được chia làm 03 nhóm mục tiêu, bao gồm: (1) Nhóm mục tiêu khối lượng và hiệu suất công việc; (2) Nhóm mục tiêu về năng lực thực hiện; (3) Nhóm mục tiêu tuân thủ các quy trình, quy định. Các tiêu chí cụ thể của nhóm mục tiêu “Khối lượng và hiệu suất công việc” được thiết lập dựa vào công việc và chỉ tiêu được giao tương ứng vị trí việc làm được phân công. Dựa trên kết quả thực hiện các nội dung trên, hằng năm, nhân sự được đánh, phân loại theo 04 mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ.

Căn cứ các quy định về nội dung và các tiêu chí đánh giá nêu trên, Trường triển khai đánh giá, xếp loại nhân sự hằng năm, trong đó hướng dẫn cụ thể quy trình thực hiện và tiêu chí đánh giá chi tiết cho từng nhóm đối tượng [H6.06.05.02]. Ngoài ra, để làm rõ các nội dung, tiêu chí đánh giá đối với CB, GV, NV, hỗ trợ tích cực cho các đơn vị trong công tác đánh giá, xếp loại hằng năm, Trường cũng đã ban hành một số văn bản quy định trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của CB, GV như quy chế tổ chức và hoạt động, quy định về chế độ làm việc của GV [H6.06.05.03], [H6.06.05.04].

Việc đánh giá kết quả công việc của CB, GV, NV được thực hiện công khai, minh bạch, theo đúng thông báo, hướng dẫn của Trường [H6.06.05.02]. Các đơn vị căn cứ thông báo này tổ chức họp xét đánh giá, xếp loại đội ngũ CB, GV, NV một cách minh bạch, đúng quy trình hướng dẫn và được ghi nhận bằng các biên bản họp đánh giá, xếp loại NV, GV

[H6.06.05.05]. Căn cứ dữ liệu khảo sát CB, GV, NV về các mặt hoạt động của Trường trong nhiều năm liền cho thấy phản hồi tích cực đối với tính công bằng, khách quan của công tác đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ CB, GV, NV trong Trường [H6.06.05.06]. Nhìn chung, kết quả đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ CB, GV, NV đều căn cứ trên dữ liệu rõ ràng và được báo cáo đầy đủ. Cụ thể, việc đánh giá, xếp loại trước tiên căn cứ vào các quy định của Trường, phiếu đánh giá, trong đó bao gồm kết quả tự đánh giá, xếp loại và ý kiến nhận xét, đánh giá của cấp trên trực tiếp [H6.06.05.02]. Hàng năm, Trường thực hiện tổng hợp giờ chuẩn giảng dạy, NCKH, công tác khác của CB, GV làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại [H6.06.05.07].

Kết quả đánh giá, xếp loại CB, GV, NV hằng năm, mặt khác, là cơ sở dữ liệu quan trọng được sử dụng trong công tác thi đua khen thưởng của Trường. Cụ thể, trên cơ sở đối chiếu kết quả đánh giá, xếp loại của CB, GV, NV với các điều kiện, tiêu chuẩn trong Quy chế Thi đua-Khen thưởng tại Trường, Hội đồng thi đua, khen thưởng tổ chức họp xét, đánh giá và đưa ra quyết định các danh hiệu thi đua [H6.06.05.08], [H6.06.05.09], [H6.06.05.10]. Các chính sách này giúp Trường đánh giá được các hoạt động của đội ngũ nhân sự trong năm học, để có hình thức khen thưởng, động viên xứng đáng, tạo động lực cho đội ngũ nhân sự phát huy năng lực và gắn bó lâu dài hơn nữa với Trường.

Bảng 6.5.1. Tổng hợp số liệu thi đua, khen thưởng

TT	Năm học	Không HTNV	HTNV	HTT NV	HTXS NV	LĐTT	CSTD CS	BK cấp tỉnh	BK cấp bộ	BK TT
1	2019-2020	0	5	74	7	0	0	0	0	0
2	2020-2021	0	9	70	6	0	0	0	0	0
3	2021-2022	0	13	60	9	0	0	0	0	0
4	2022-2023	4	39	54	12	0	0	0	0	0

Kết quả thi đua khen thưởng được báo cáo hàng năm để đánh giá hiệu quả công việc và phương hướng nhiệm vụ của năm học tiếp theo. Mặc dù chưa có quy định cụ thể, tuy nhiên Trường cơ bản đã sử dụng kết quả đánh giá CB, GV, NV làm cơ sở để xác địnhk đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng để hỗ trợ các mặt hoạt động. Chẳng hạn, các đối tượng được cử tham gia các buổi tập huấn, hội nghị, hội thảo đều được xem xét dựa trên năng lực công tác, triển vọng nghề nghiệp và tính phục vụ lâu dài cho chiến lược của Trường [H6.06.05.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.6. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên.

Công tác rà soát, điều chỉnh các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực của Trường được triển khai thường xuyên và theo chu kỳ kế hoạch chiến lược và

theo từng năm học. Cụ thể:

Về quy hoạch và triển khai công tác phát triển nguồn nhân lực: kết thúc chu kỳ thực hiện kế hoạch chiến lược giai đoạn 2011-2020, Trường đã tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện các mặt hoạt động (trong đó có nội dung về chính sách và thực trạng công tác phát triển nguồn nhân lực) làm cơ sở hoạch định chiến lược giai đoạn 2021-2026 [H6.06.06.01]. Ngoài ra, hằng năm phòng TCHC đều xây dựng báo cáo tình hình nhân sự và nhu cầu tuyển dụng trình BGH làm cơ sở để xây dựng kế hoạch tuyển dụng cho năm học tiếp theo [H6.06.06.02].

Về tiêu chuẩn và đánh giá năng lực đội ngũ CB, GV, NV: trên cơ sở đáp ứng các quy định hiện hành, nhu cầu phát triển của Trường, nhiều đề án, quy chế, quy định liên quan đến năng lực đội ngũ được rà soát, cập nhật hoặc xây dựng mới trong từng năm học, giai đoạn cụ thể [H6.06.06.03], [H6.06.06.04], [H6.06.06.05].

Bảng 6.5.2. Các chính sách nhân lực được rà soát, cập nhật, bổ sung giai đoạn 2019-2024

TT	Chính sách	Ban hành lần đầu	Năm rà soát, cập nhật
1	Đề án vị trí việc làm	2022	
2	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường	2017	2021
3	Quy chế chi tiêu nội bộ	2020	
4	Quy định chế độ làm việc của GV	2017	2022
5	Quy định giờ chuẩn	2018	
6	Quy định đánh giá đội ngũ	2017	2022
7	Quy định ĐT, bồi dưỡng	2023	

Mặt khác, quá trình rà soát, điều chỉnh các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực của Trường đều có sự tham gia đóng góp ý kiến của các BLQ, đặc biệt là GV, NV. Trước hết, việc thực hiện chế độ, chính sách về phát triển nguồn nhân lực được định kỳ rà soát, đánh giá thông qua hoạt động khảo sát CB, GV, NV về môi trường làm việc [H6.06.06.06]. Hằng năm, Trường ĐHTT thông báo cho các đơn vị về việc góp ý, rà soát; tổng hợp rà soát, góp ý của các đơn vị; thống nhất góp ý và ra quyết định ban hành về kết quả rà soát [H6.06.06.07]. Tại Hội nghị người lao động, các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được Trường ĐHTT và toàn thể CB, GV, NV và NLD rà soát. Sau khi nghe báo cáo của Chủ tọa hội nghị về việc tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực, CB, GV, NV và NLD sẽ nêu các ý kiến đóng góp. Kết quả là Trường ĐHTT đã có tiếp thu góp ý, điều chỉnh các chế độ chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường cho phù hợp [H6.06.06.08]. Việc rà soát, đánh giá về chế độ, chính sách được căn cứ trên các ý kiến

đánh giá của CB, GV, NV. Cụ thể là các chế độ, chính sách về tiền lương, lương tháng 13, phụ cấp, trợ cấp hiệu quả công việc, làm thêm giờ, chế độ lao động, chế độ đào tạo CB, GV, chế độ phúc lợi tập thể, khen thưởng,... đã được Trường điều chỉnh, thể hiện trong Quy chế chi tiêu nội bộ Trường ĐHTT, được ban hành vào tháng 09/2020, sau khi lấy ý kiến của CB, GV, NV [H6.06.06.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.7. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Trong thời gian qua, Trường đã triển khai rà soát, điều chỉnh và xây dựng mới nhiều chính sách, quy chế, quy định quan trọng về phát triển nguồn nhân lực. Một số cải tiến đối với các chính sách có thể kể đến như: So với quy chế trước đây, quy chế tổ chức và hoạt động năm 2021 của Trường có một số điều chỉnh liên quan đến yêu cầu trình độ năng lực của một số vị trí chức danh nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn và quy định hiện hành [H6.06.07.01]. Từ chỗ thực hiện tuyển dụng thiếu định hướng rõ ràng, chưa phát huy hết năng lực của nguồn nhân lực hiện có, đến năm 2022 Trường đã xây dựng đề án vị trí việc làm trong đó mô tả rõ trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chức danh nghề nghiệp và công việc chính phải đảm nhiệm của các vị trí việc làm trong Trường [H6.06.07.02]. Ngoài ra một số quy định như quy định ĐT, bồi dưỡng CB, GV, NV, quy định đánh giá đội ngũ, quy định thi đua-khen thưởng, quy định chế độ làm việc của GV cũng được xây dựng và ban hành để hỗ trợ, hướng dẫn công tác ĐT, phát triển nguồn nhân lực [H6.06.07.03], [H6.06.07.04], [H6.06.07.05], [H6.06.07.06]. Trường luôn quan tâm đến việc cử các GV đi học tập nâng cao trình độ, trong đó chế độ chính sách đối với các GV học Tiến sĩ được ưu tiên tối đa. Đặc biệt, đến năm 2022, Trường đã có quy định về cơ chế đặc thù riêng cho GV đi Nghiên cứu sinh [H6.06.07.07]. Bên cạnh đó, Trường đã có chủ trương xem xét đưa các GV trình độ cao như Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ trong việc đề bạt vào các vị trí lãnh đạo, được đưa vào quy hoạch CB để cống hiến trí tuệ, nguồn tri thức chất lượng cao để phát triển Trường [H6.06.07.08].

Ở cấp chiến lược, quy hoạch về nguồn nhân lực trong kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021-2026 được xây dựng trên cơ sở khắc phục những tồn tại, hạn chế của công tác phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011-2020 [H6.06.07.09]. Ngoài ra, việc CLPT chung của Trường trong đó có mục tiêu phát triển nguồn nhân lực được cụ thể hóa thành chiến lược cụ thể là một cải tiến quan trọng so với giai đoạn 2011-2020 nhằm tổ chức thực hiện tốt các mục tiêu chiến lược đã đặt ra.

Bên cạnh việc liên tục cập nhật, cải tiến các chế độ chính sách về nguồn nhân lực, căn cứ kế hoạch CLPT đội ngũ CB, GV giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn đến 2030; Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt, Trường tiến hành phê duyệt Quy hoạch nguồn lực cho các đơn vị trực thuộc và được rà soát, bổ sung Quy hoạch hàng năm, để từ đó có cơ sở đầu

tư cho phát triển nhân lực của Trường trong từng giai đoạn phát triển [H6.06.07.10], [H6.06.07.11], [H6.06.07.02].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Trường đã thực hiện tốt công tác quản lý nguồn nhân lực. Trường đã xây dựng chiến lược phát triển trường, xây dựng Đề án vị trí việc làm mang tính tổng thể và đồng bộ ở các nhóm và các khâu của công tác cán bộ;

Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát và báo cáo thường xuyên, đảm bảo thực hiện đúng quy định, kịp thời và được cải tiến. Do đó, số lượng và chất lượng đội ngũ NV, NLD ngày càng phát triển, đáp ứng tốt công tác ĐT, NCKH và PVCĐ;

Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ NV, NLD được trường xác định cụ thể cho từng năm, đến từng NV, đồng thời, bất cứ khi nào NV có nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với vị trí việc làm đều được trường khuyến khích và tạo điều kiện đào tạo bồi dưỡng. Nhờ xây dựng được các chế độ, chính sách tích cực, nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nhân viên của Trường đã chuyển thành nhu cầu tự thân của mỗi cá nhân nên đã tạo được động lực và quyết tâm thực hiện, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ NV của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Các chế độ, chính sách trong chu kỳ đánh giá được rà soát thường xuyên quy trình tổ chức thực hiện vẫn còn chậm, vẫn chưa đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu của CB, GV, NV, NLD.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cải tiến quy trình rà soát các chế độ, chính sách để đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu của CB, GV, NV, NLD. Xây dựng và triển khai thực hiện nghiêm túc kế hoạch rà soát các chế độ, chính sách để đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu của CB, GV, NV, NLD.	BGH, Phòng TCHC, Phòng TCKT	Từ năm học 2025 - 2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục xây dựng các kế hoạch phát triển nhân sự, kế hoạch quy hoạch cán bộ lãnh đạo và kế hoạch tuyển dụng với các bộ tiêu chí (tiêu chí tuyển dụng, tiêu chí chức danh, tiêu chí bổ nhiệm) rõ ràng. Ứng với mỗi chức danh đều có bộ tiêu chuẩn năng lực các vị trí và bản mô tả công việc tương ứng	BGH, Phòng TCHC	Theo nhiệm kỳ và hằng năm	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng quy mô phát triển Trường	BGH, Phòng TCHC	Theo nhiệm kỳ và hằng năm	
4	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục xây dựng hệ thống quản lý nguồn nhân lực đầy đủ quy định, quy trình. Thực hiện tốt công tác đánh giá nhân sự	BGH, Phòng TCHC	Hằng năm	
5	Phát huy điểm mạnh 4	Thường xuyên rà soát, cải tiến các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực	BGH, Phòng TCHC	Hằng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 6	4,85
Tiêu chí 6.1	5
Tiêu chí 6.2	5
Tiêu chí 6.3	5
Tiêu chí 6.4	4
Tiêu chí 6.5	5

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 6.6	5
Tiêu chí 6.7	5

Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất

Tiêu chí 7.1. Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của CSGD để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Trường đã xây dựng và ban hành cơ cấu tổ chức trong đó có phòng TCKT với chức năng tham mưu cho Lãnh đạo Trường quản lý, thực hiện công tác quản lý tài chính, hạch toán kế toán. [H7.07.01.01].

Căn cứ CLPT qua các giai đoạn nhằm thực hiện TN, SM, GTCL và mục tiêu chiến lược [H7.07.01.02], Trường đã xây dựng kế hoạch phát triển các nguồn lực tài chính phục vụ ĐT, NCKH và PVCĐ theo quy định của Nhà nước đối với đơn vị tự chủ tài chính [H7.07.01.03].

Hàng năm, kế hoạch tài chính của Trường sau khi trình HĐT phê duyệt được ban hành, qua đó, gửi đến các đơn vị để triển khai thực hiện theo kế hoạch [H7.07.01.04].

Trong quá trình thực hiện, Trường có rà soát, đánh giá, cập nhật cơ cấu nguồn thu, chi trong từng năm, để đưa ra kế hoạch hợp lý phù hợp với đặc điểm và sự phát triển của Trường nhằm đảm bảo tài chính cho ĐT, NCKH và PVCĐ.

Qua rà soát, đánh giá, cập nhật cơ cấu nguồn thu, chi trong từng năm có thể thấy cơ cấu nguồn thu chính của Trường được thu từ học phí và các loại phí khác, hoạt động NCKH và CGCN và từ các nguồn thu khác, cụ thể ở bảng sau:

Bảng 7.1.1 Cấu trúc nguồn thu của Trường

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung thu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Học phí và các loại phí khác	46.877	47.174	39.741	39.560	44.500
Thu từ NCKH & CGCN (nguồn kinh phí nhà nước cấp)	628	433	0	338	975
Từ các nguồn thu khác (tiền hỗ trợ từ các công ty thành viên trong tập đoàn, thu nhập khác, doanh thu hoạt động tài chính...)	18.421	32.385	8.933	55.389	21.839

Tổng cộng	65.926	79.992	48.674	95.287	67.314
------------------	---------------	---------------	---------------	---------------	---------------

Thông qua các báo cáo tài chính và báo cáo kết quả kiểm toán hàng năm cho thấy kết quả thực hiện các kế hoạch tài chính phục vụ cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ trong 5 năm qua được thể hiện trong các bảng sau:

Bảng 7.1.2 Cấu trúc nguồn chi của Trường

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung chi	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Chi cho hoạt động ĐT	37.780	44.572	38.600	39.945	43.246
Chi cho nghiên cứu KHCN	542	404	18	349	937
Chi cho hoạt động PVCĐ	1.024	1	0	107	325
Chi cho hoạt động chung	26.562	18.137	17.807	24.822	24.643
Chi cho hợp tác, đầu tư	3.097	29.000		41.130	
Tổng cộng	69.005	92.114	56.425	106.353	69.151

Bên cạnh hoạt động thường xuyên của Ban kiểm soát, hàng năm Trường có mời các đơn vị kiểm toán độc lập tiến hành kiểm tra, thẩm định Báo cáo tài chính. Các kết luận của kiểm toán độc lập về chỉ tiêu tài chính kế toán là cơ sở để Trường thực hiện điều chỉnh kế hoạch tài chính cho những năm tiếp theo, đồng thời đưa ra các kiến nghị, giải pháp để phục vụ tốt hơn cho các hoạt động của Trường [H7.07.01.05].

Vào đầu mỗi năm học, căn cứ kế hoạch và Báo cáo tài chính của năm trước, BGH và phòng TCKT rà soát so sánh giữa thực tế và kế hoạch, từ đó có giải pháp tăng nguồn thu và tiết kiệm chi [H7.07.01.06]. Bên cạnh đó, công tác tài chính thường xuyên được đánh giá qua các kênh phản hồi từ CB, GV, NH trong Trường. Thông qua Hội nghị người lao động hàng năm và cập nhật các văn bản quy định của pháp luật để có những điều chỉnh kịp thời, điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với thực tế và phù hợp với CLPT của Trường, đặc biệt trong quy chế chi tiêu nội bộ đã điều chỉnh các chỉ số tài chính nhằm khuyến khích GV và NH NCKH [H7.07.01.07], [H7.07.01.08].

Trường có hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính đảm bảo đúng quy định và hàng năm được kiểm tra, đánh giá thực hiện tốt TN, SM, GTCL và các mục tiêu chiến lược trong ĐT, NCKH và PVCĐ.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 7.2. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ được thiết lập và vận hành.

Cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng là một trong những điều kiện ĐBCL giáo dục. Phát triển CSVC là yếu tố nền tảng có ý nghĩa quan trọng đối với việc đảm bảo và nâng cao CLGD. Theo Quy định về chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường, phòng QL CSVC-TB chịu trách nhiệm chính, phối hợp với phòng TCKT và các đơn vị liên quan có chức năng tham mưu và giúp BGH trong việc quản lý tài sản, tổ chức thực hiện các công tác về quy hoạch, xây dựng, sửa chữa, mua sắm CSVC và CSHT của Trường. Ngoài ra, Trường các đơn vị thuộc Trường có trách nhiệm phối hợp với phòng QL CSVC-TB để quản lý, sử dụng có hiệu quả CSVC và các trang thiết bị được giao [H7.07.02.01], [H7.07.02.02].

Mục tiêu phát triển CSVC của Trường được nêu trong Chiến lược xây dựng phát triển Trường giai đoạn 2021-2026 và tầm nhìn 2030 [H7.07.02.03]. Về cơ bản, CSVC của Trường đáp ứng được yêu cầu theo quy định hiện hành của một trường đại học định hướng ứng dụng, ĐBCL đào tạo; Bên cạnh đó, định hướng đến năm 2030 CSVC được phát triển đồng bộ, hiện đại, quy mô lớn, diện tích sàn xây dựng đạt tiêu chuẩn quy định. Căn cứ CLPT, hằng năm phòng QL CSVC-TB, phòng TCKT phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch ngắn hạn và trung hạn về đầu tư cho CSVC, CSHT phục vụ cho ĐT, NCKH và PVCĐ [H7.07.02.04], [H7.07.02.05]. [H7.07.02.06]. Các kế hoạch được xây dựng trên phương án tự chủ tài chính và căn cứ theo Nghị định Chính phủ số 152/NĐ-CP ngày 27/12/2017 quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT ngày 10/02/2020 của Bộ GD&ĐT quy định chi tiết về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo, Quy chế Tài chính của Trường ĐHTT [H7.07.02.07], [H7.07.02.08].

Trên cơ sở kế hoạch được phê duyệt, Trường đã tổ chức công tác mua sắm, trang bị máy móc, thiết bị và triển khai các hạng mục đầu tư xây dựng, cải tạo, bảo trì bảo dưỡng, sửa chữa các công trình xây dựng, trang thiết bị, đảm bảo tính hiệu quả, khoa học của hệ thống CSVC trong đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH và PVCĐ. Nhìn chung, kết quả thực hiện kế hoạch của Trường trong các năm qua là đạt yêu cầu. Từ năm 2019 đến nay, Trường đã đầu tư và có được hệ thống hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị, phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm tương đối đồng bộ, hiện đại, đủ để phục vụ cho ĐT, NCKH và PVCĐ [H7.07.02.09], [H7.07.02.10], được thống kê cụ thể như sau:

Bảng 7.2.1 Bảng thống kê diện tích sàn trực tiếp phục vụ đào tạo giai đoạn 2019-2024

Năm học	Tổng diện tích sàn trực tiếp phục vụ đào tạo (m ²)	Diện tích sàn trực tiếp phục vụ đào tạo (m ² /NH)
---------	--	--

2019-2020	36.533	75,17
2020-2021	36.533	77,40
2021-2022	36.533	86,16
2022-2023	36.533	83,40
2023-2024	36.533	75,02

Nhằm thực hiện tốt công tác quản lý vận hành CSVC, CSHT, Trường có xây dựng CSDL để theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng CSVC, CSHT thông qua việc kiểm kê tài sản định kỳ hằng năm, báo cáo quyết toán tài chính hằng năm và qua các sổ nhật ký thí nghiệm-thực hành [H07.07.02.11], [H07.07.02.12], [H07.07.02.13]. Bên cạnh đó, Trường còn thực hiện rà soát, đánh giá qua các kênh thông tin phản ánh về CSVC từ CB, GV, NLD thông qua các buổi họp giao ban hằng tháng, báo cáo tổng kết năm [H07.07.02.14], nhận thông tin phản ánh về CSVC từ NH thông qua hộp thư góp ý, các Hội nghị đối thoại với BGH, các cuộc khảo sát lấy ý kiến hàng năm [H07.07.02.15]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV và NH về CSVC, trang thiết bị của Trường đã có nhiều phản hồi tích cực [H07.07.02.16].

Trên cơ sở kế hoạch được duyệt, ý kiến đóng góp của người sử dụng cùng với việc thường xuyên rà soát các trang thiết bị cần sửa chữa thay thế, Trường đã triển khai thực hiện việc sửa chữa, nâng cấp và cải thiện tình trạng CSVC và CSHT. Giai đoạn 2019-2024, Trường ưu tiên kinh phí để thực hiện công tác duy tu, bảo trì bảo dưỡng hệ thống CSVC và CSHT đã có như: cải tạo 01 hội trường hơn 200 chỗ, 02 giảng đường hơn 100 chỗ, 19 phòng học lý thuyết, 06 phòng thực hành, thí nghiệm; bảo trì, sửa chữa kính hiển vi phòng thí nghiệm; bảo trì, sửa chữa hệ thống điều hòa không khí hệ trung tâm; thi công, sửa chữa bậc tam cấp; thi công, lắp đặt bảng chỉ dẫn, bảng tên phòng/ban [H07.07.02.17]. Trường đã tập trung đầu tư trang thiết bị mới như: mua mới bàn ghế cho các phòng học, mua máy tính có trạm GPU cho Khoa CNTT, mua thiết bị làm việc mới (bộ máy vi tính) cho Phòng QLĐT; thi công lắp đặt, màn hình led cho Hội trường; thi công lắp đặt thiết bị phòng họp của Khoa Y và BGH; mua các thiết bị, máy móc của Khoa CNSH để phục vụ giảng dạy và NCKH; mua vật dụng cho phòng thí nghiệm [H07.07.02.18].

Trong giai đoạn tự đánh giá, giải pháp bổ sung nguồn học liệu, tài liệu số để đáp ứng yêu cầu học tập cho CB, GV và NH trong Kế hoạch đầu tư Thư viện điện tử đã được Trường chú trọng quan tâm bằng việc ký kết hợp đồng với Công ty cổ phần dịch vụ thông tin và công nghệ ITGROUP để sử dụng cơ sở dữ liệu Proquest với hơn 26,000 tài liệu, truy cập tại trường qua website: <https://lhtv.vista.gov.vn/> và đăng ký sử dụng tài khoản bạn đọc đặc biệt Vista, các CSDL có thể truy cập được từ tài khoản bạn đọc Vista như Tài liệu Khoa học và Công nghệ (KH&CN) Việt Nam, Nhiệm vụ KH&CN Việt Nam, CSDL sách số hóa của Thư viện KH&CN quốc gia, ScienceDirect, IEEE Xplore Digital Library, Springer Nature, Cơ sở dữ liệu SAGE Premier Journal Collection... Ngoài ra, Thư viện còn

xây dựng Thư viện số Dspace được truy cập tại địa chỉ: <https://dspace.ttu.edu.vn/> cung cấp hơn 3300 tài liệu giảng dạy thuộc các chuyên ngành đào tạo tại Trường. các tài liệu lịch sử của Trường và Tập đoàn...[H7.07.02.19]

Đánh giá công tác bảo trì CSVC, CSHT sẽ ảnh hưởng đến nền tảng của các hoạt động đào tạo và tài chính của Trường, do đó hoạt động này được chú ý và thực hiện đảm bảo các tiêu chí: tăng tiện ích, giảm tổng chi phí và tăng giá trị sử dụng CSVC và trang thiết bị [H07.07.02.20]. Nhìn chung, Trường đã thực hiện tốt công tác sửa chữa, nâng cấp, bảo trì CSVC và CSHT, các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, trang thiết bị theo các kế hoạch đã được ban hành, đảm bảo cho nhu cầu ĐT, NCKH và PVCĐ [H07.07.02.21]. Trong thời gian tới, Trường sẽ tiếp tục cải tiến các vấn đề liên quan đến CSVC và CSHT để đảm bảo xây dựng một môi trường học tập tốt nhất cho NH.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 7.3. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ được thiết lập và vận hành.

Theo Quy chế tổ chức hoạt động Trường, Ban CNTT được Trường giao chịu trách nhiệm chính phối hợp với các đơn vị liên quan để tổ chức quản lý, khai thác bảo dưỡng hệ thống trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT về hệ thống mạng, máy chủ, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập mạng máy tính. Đồng thời tham mưu cho BGH trong việc tổ chức triển khai nghiên cứu, phát triển và ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý, điều hành và công tác ĐT, NCKH, PVCĐ và xây dựng Quy định về quản lý hệ thống CNTT của Trường [H7.07.03.01], [H7.07.03.02], [H7.07.03.03].

Trong CLPT Trường giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2035 đã xác định mục tiêu: ứng dụng CNTT trong quản lý và điều hành [H7.07.03.04]. Xuất phát từ CLPT và nhu cầu quản lý điều hành, phục vụ ĐT, NCKH và PVCĐ, Hệ thống kế hoạch, bảo trì, đầu tư và nâng cấp CSVC, trang thiết bị CNTT được cập nhật kịp thời, đảm bảo cho việc vận hành hạ tầng, thiết bị CNTT và hệ thống phần mềm được ổn định và thông suốt; Trên cơ sở kế hoạch đã duyệt, Ban CNTT phối hợp với phòng QL CSVC-TB, phòng TCKT và các đơn vị liên quan đã triển khai mua sắm, sửa chữa, bảo trì trang thiết bị CNTT và thiết bị hệ thống mạng để đáp ứng nhu cầu về quản lý, ĐT, NCKH và PVCĐ [H7.07.03.05].

Trường đã đầu tư mua sắm, vận hành sử dụng, thực hiện bảo trì thiết bị CNTT và CSHT như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập xuất phát từ chiến lược đầu tư và nhu cầu của các đơn vị thuộc Trường và NH. Hệ thống CNTT của Trường đến tháng 07/2024 đã được đầu tư với: 165 bộ máy vi tính, 05 bộ máy chủ để quản lý hệ thống Thư viện điện tử, quản lý CSDL NH, đào tạo, công tác tài chính kế toán; hệ thống mạng và các thiết bị hỗ trợ khác. Số lượng máy tính được trang bị đủ theo tiêu

chuẩn quy định cho NV văn phòng, các đơn vị khoa, trung tâm và đảm bảo nhu cầu dạy học tại các phòng thực hành. Trường có 02 phòng thực hành tin học với máy tính phục vụ học tập của SV là 80 máy tính nối mạng internet trang bị ở phòng Computer Lab 1 có 50 máy và phòng Computer Lab 2 có 30 máy và 01 phòng học online. Hệ thống hạ tầng CNTT của Trường bao gồm trung tâm dữ liệu (DataCenter) đã được đầu tư trên 2.000.000 USD và xây dựng theo tiêu chuẩn TIER 3, đảm bảo sự ổn định và an toàn cho các hoạt động dạy-học, NCKH và quản lý. Hệ thống máy chủ sử dụng công nghệ ảo hoá và HA (High Availability) với 5 server Dell vật lý, cùng hệ thống lưu trữ SAN, đảm bảo cung cấp VPS server cho các nhu cầu nghiên cứu, học tập và quản lý. Kết nối mạng LAN được đảm bảo qua thiết bị chuyên dụng của các hãng Cisco, Aruba. Hạ tầng mạng LAN (đường truyền nội bộ) được xây dựng với hệ thống trục chính cáp quang 10Gbps được đầu tư thiết bị Firewall và các ứng dụng IDS phát hiện cảnh báo sớm được trang bị nhằm giám sát an ninh mạng trên toàn mạng lưới trục phân phối, giúp cho quản trị viên có thể đánh giá an ninh và phản ứng phù hợp. Các hệ thống phần mềm giám sát mạng, giám sát máy chủ được sử dụng hiệu quả, vận hành liên tục 24/7 giúp cho việc theo dõi các tài nguyên CNTT, hiện trạng hệ thống nhằm chủ động trong việc xử lý các vấn đề phát sinh, đảm bảo tính liên tục trong quá trình khai thác. Nhằm để quản lý toàn bộ hệ thống mạng hoạt động phục vụ công tác ĐT, NCKH, PVCĐ và đảm bảo vấn đề an toàn thông tin cho trường. Trường cũng trang bị 5 đường truyền Internet tốc độ cao FTTH 500Mbps đảm bảo kết nối ổn định ra Internet. Ngoài ra trường kết hợp sử dụng hệ thống Access Point wifi hiệu suất cao, quản lý cloud tập trung của hãng Cambium và OpMesh để cung cấp kết nối internet wifi miễn phí toàn trường.

Về hệ thống phần mềm và các trang tin điện tử, Trường có website ttu.edu.vn để đăng tải, trao đổi các thông tin hoạt động, chuyển giao kết quả NCKH, công nghệ và các chức năng nhiệm vụ khác của Trường, Các trang tin điện tử của các Khoa, Phòng, Ban và hệ thống phần mềm quản lý đáp ứng được các nhu cầu quản lý, học tập, nghiên cứu của NH và các đơn vị của Trường thể hiện qua bảng liệt kê:

Bảng kê Hệ thống phần mềm quản lý, trang tin điện tử và các link Giảng dạy và học tập trực tuyến [H7.07.03.06]:

TT	Phần mềm quản lý	Nội dung
1	Tất cả các trang tin điện tử của Trường do Ban CNTT tự xây dựng, vận hành hoạt động, bảo trì bảo dưỡng nâng cấp theo	<ul style="list-style-type: none"> - Website Trường ĐHTT (ttu.edu.vn) - Website các khoa (sit.ttu.edu.vn, medicine.ttu.edu.vn, sbe.ttu.edu.vn, biotech.ttu.edu.vn, shl.ttu.edu.vn) - Website Phòng QL NCKH-QHQT (research.ttu.edu.vn) - Tạp chí TTU Review (review.ttu.edu.vn) - Tạp chí Y Sinh TJBS (tjbs.ttuscience.org)

TT	Phần mềm quản lý	Nội dung
	nhu cầu hoạt động thực tế của Trường.	<ul style="list-style-type: none"> - Website thư viện (lib.edu.vn) - Website thư viện số (dspace.ttu.edu.vn)
2	Phần mềm Quản lý đào tạo: intranet.ttu.edu.vn. Trường tự xây dựng tích hợp các module quản lý	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý sinh viên-lớp học - Quản lý chương trình đào tạo - Quản lý điểm số, bảng điểm - Quản lý thời khóa biểu - Quản lý tài chính học vụ - Quản lý học bổng, chính sách miễn giảm - Quản lý hoạt động, sự kiện ngoại khóa - Xét tốt nghiệp và QL văn bằng chứng chỉ - Quản lý các loại khảo sát, đánh giá - Đánh giá môn học - Quản lý cố vấn học tập - Quản lý tiếp nhận yêu cầu sinh viên - Quản lý điểm rèn luyện sinh viên
3	Phần mềm Quản lý tuyển sinh: tuyensinh.ttu.edu.vn do Trường tự xây dựng theo nhu cầu thực tế của trường	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý hồ sơ đăng ký xét tuyển sinh - Quản lý xét duyệt hồ sơ đăng ký tuyển sinh - Quản lý thông báo trúng tuyển, nhập học,
4	Phần mềm văn phòng điện tử: internal.ttu.edu.vn do trường tự xây dựng theo nhu cầu thực tế của trường.	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý Nhân sự - Quản lý văn bản - Quản lý báo cáo công việc - Lịch làm việc
5	Link học online Google meet	Google hỗ trợ giáo dục, Trường Đại Tân Tạo được cấp 10.000 tài khoản sử dụng miễn phí tất cả các dịch vụ của Google với tên miền riêng ttu.edu.vn
6	Link học online Microsoft Team	Microsoft hỗ trợ giáo dục, Trường ĐHTT được cấp 10.000 tài khoản sử dụng miễn phí tất cả các dịch vụ của Microsoft với tên miền riêng ttu.edu.vn
7	LMS	Courses.ttu.edu.vn trường tự phát triển dựa trên mã nguồn

TT	Phần mềm quản lý	Nội dung
		Moodle

Hàng năm, căn cứ vào báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và phương hướng nhiệm vụ năm học tiếp theo và đề xuất của Ban CNTT mà Phòng TCKT sẽ lập dự trù kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp và đầu tư phát triển hệ thống CNTT cho Trường [H7.07.03.07], [H7.07.03.08].

Vào đầu mỗi năm học, Ban CNTT lập và triển khai kế hoạch duy tu, bảo dưỡng trang thiết bị CNTT cho các đơn vị trực thuộc Trường để đảm bảo các trang thiết bị luôn sẵn sàng phục vụ hoạt động ĐT và NCKH. Đồng thời tiến hành các thủ tục bảo trì, nâng cấp phần mềm quản lý nhằm đảm bảo hệ thống phần mềm hoạt động chính xác đáp ứng nhu cầu ĐT và NCKH.

Việc rà soát, đánh giá hiệu quả đầu tư hàng năm thiết bị CNTT và CSHT như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập được Trường thực hiện thường xuyên, phối hợp giữa việc tự quản, tự kiểm của đơn vị sử dụng và tổ đánh giá chuyên môn chuyên trách về quản lý hệ thống CNTT toàn Trường. Kết quả rà soát, đánh giá được định kỳ được thể hiện tại Hội nghị họp giao ban hằng tháng. [H7.07.03.09], Báo cáo Hội nghị công tác Đào tạo-Khoa học, [H7.07.03.08.10] Báo cáo Tổng kết hằng năm [H7.07.03.08.11]. Qua theo dõi, đánh giá cho thấy hệ thống thiết bị CNTT, hệ thống mạng hiện có của Trường được đầu tư đúng kế hoạch, đủ để đáp ứng cho quản lý, ĐT, NCKH và PVCD, đảm bảo đồng bộ và có các thông số kỹ thuật chủ yếu phù hợp với yêu cầu của từng ngành đào tạo, từng nội dung công việc và phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

Về dữ liệu theo dõi, đánh giá sử dụng thiết bị CNTT và CSHT như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, Ban CNTT, Phòng QL CSVC-TB phối hợp với Khoa tiến hành bố trí các sổ nhật ký tại các phòng máy thực hành, phòng lab và lấy ý kiến NH qua hộp thư góp ý, các cuộc họp giao ban SV, đối thoại với BGH [H7.07.03.12], [H7.07.03.13]. Hằng năm, Trường tiến hành khảo sát ý mức độ hài lòng của đội ngũ CB, GV, SV về CSVC, trang thiết bị, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ hoạt động đào tạo. Kết quả khảo sát thể hiện mức độ hài lòng của các BLQ đối với CSVC và trang thiết bị trong đó có CNTT và CSHT CNTT.

Kết quả khảo sát và lấy ý kiến được CB, GV, NH đánh giá hài lòng đối với mức độ đáp ứng thiết bị CNTT, hệ thống mạng; qua đó cho thấy việc đầu tư CSVC, trang thiết bị CNTT và CSHT của Trường là có hiệu quả, mức độ đáp ứng về: hệ thống Internet, Wifi, máy tính, hệ thống quản trị mạng, cơ sở hạ tầng thông tin của Trường là đảm bảo, đáp ứng được nhu cầu ĐT, NCKH và PVCD [H7.07.03.14].

**Bảng 7.3.1 Bảng thông kê kết quả đầu tư CSVC, CSHT về CNTT
giai đoạn 2019-2024**

Năm học	Kế hoạch, dự toán (triệu đồng)	Thực hiện (triệu đồng)	Tỷ lệ thực hiện (%)
2019-2020	992.4	452.6	45.61%
2020-2021	132.9	84.6	63.66%
2021-2022	845.5	301	35.60%
2022-2023	804.7	52.8	6.56%%
2023-2024	797.8	76.7	9.61%

Hàng năm, phòng QL CSVC-TB và Ban CNTT tổng hợp kết quả đầu tư, sử dụng trang thiết bị CNTT, thực hiện đối sánh qua các năm, từ đó làm nền tảng để đầu tư cho Hệ thống CNTT của Trường được hiệu quả và khoa học. Trên cơ sở đó cùng ý kiến đánh giá, kết luận của hội nghị và đề xuất từ các đơn vị, Trường đã triển khai việc nâng cấp, cải tiến thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng đáp ứng được nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ. [H7.07.03.15], [H7.07.03.16], [H7.07.03.17] Trường đã có sự cải tiến trong đầu tư mua sắm, sửa chữa, bảo trì, nâng cấp các thiết bị CNTT, hạ tầng mạng, đường truyền internet, các phần mềm quản lý phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ trên cơ sở theo dõi quá trình sử dụng CNTT, quá trình hoạt động CSHT CNTT cùng kết quả khảo sát các đối tượng và sự phát triển chung của Trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 7.4. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến, v.v. để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Ngay từ khi mới thành lập, Thư viện đã có bộ phận quản trị nguồn lực học tập nhằm đáp ứng nhu cầu khai thác, tìm kiếm và sử dụng nguồn lực đó vào công tác giảng dạy, học tập, NCKH, triển khai ứng dụng và quản lý của Trường. Thư viện là nơi lưu trữ sách báo, tài liệu và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho CB, GV và NH khai thác thông tin phục vụ nhu cầu tìm kiếm tài liệu. Để thực hiện việc quản lý sử dụng và khai thác các tài liệu có hiệu quả, Thư viện đã ban hành chức năng, nhiệm vụ để hoạt động kèm nội quy riêng [H7.07.04.01], [H7.07.04.02].

Hiện tại, Ban Thư viện có 2 biên chế nhân sự [H7.07.04.03], [H7.07.04.04], hoạt động phục vụ Thư viện nằm ở tầng 5 tòa nhà Gillis gồm: quầy thông tin, khu trưng bày sách, 10 máy tính phục vụ nhu cầu tra cứu Thư viện điện tử tại chỗ; 2 phòng xử lý nghiệp vụ; 2 phòng đọc tại chỗ, 4 phòng học nhóm với tổng diện tích 800m² đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng Thư viện của bạn đọc tại trường [H7.07.04.05].

Hàng năm, kế hoạch đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của Thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến được ban hành dựa trên cơ sở kế hoạch mục tiêu chất lượng và các kế hoạch liên quan khác của Trường. Ban Thư viện đã chủ động rà soát thực trạng việc đáp ứng của nguồn lực học tập đối với các hoạt động của Trường so với yêu cầu, từ đó xây dựng các kế hoạch đầu tư, bảo trì nguồn lực học tập gắn liền với thực tiễn và được ban hành để triển khai thực hiện. Để phục vụ ngày một tốt hơn cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ, Ban Thư viện đã triển khai đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập bao gồm giáo trình, sách tham khảo, tạp chí chuyên ngành cho các CTĐT của Trường.

- Về bản cứng: Tính từ năm 01/2019 đến tháng 8/2024, Thư viện có tổng 15,932 cuốn sách [H7.07.04.06], trong đó có 1,500 tựa giáo trình giảng dạy của các khoa [H7.07.04.07], 16 nhan đề báo, tạp chí in [H7.07.04.08], 200 đề tài NCKH của GV và SV, tạp chí khoa học, khóa luận tốt nghiệp và hệ thống máy tính phục vụ miễn phí nhu cầu tra cứu thông tin cho bạn đọc nói chung [H7.07.04.09], [H7.07.04.10]

- Về bản mềm: Kế hoạch đầu tư Thư viện điện tử đã được Trường chú trọng quan tâm bằng việc ký kết hợp đồng với Công ty cổ phần dịch vụ thông tin và công nghệ ITGROUP để sử dụng cơ sở dữ liệu Proquest với hơn 26,000 tài liệu, và đăng ký sử dụng tài khoản bạn đọc đặc biệt Vista, các cơ sở dữ liệu có thể truy cập được từ tài khoản bạn đọc Vista như Tài liệu Khoa học và Công nghệ (KH&CN) Việt Nam, Nhiệm vụ KH&CN Việt Nam, cơ sở dữ liệu sách số hóa của Thư viện KH&CN quốc gia, ScienceDirect, IEEE Xplore Digital Library, Springer Nature, Cơ sở dữ liệu SAGE Premier Journal Collection... Ngoài ra, Thư viện còn xây dựng Thư viện số Dspace được truy cập tại địa chỉ: <https://dspace.ttu.edu.vn/> cung cấp hơn 3300 tài liệu giảng dạy thuộc các chuyên ngành đào tạo tại Trường. các tài liệu lịch sử của trường và tập đoàn... [H7.07.04.11], [H7.07.04.12], [H7.07.04.13], [H7.07.04.14].

Giai đoạn 2019-2024 với mục tiêu nâng cao chất lượng phục vụ nhu cầu học tập, giảng dạy, nghiên cứu cho bạn đọc ngày một tốt hơn, Ban Thư viện đã không ngừng hoàn thiện dự án Thư viện điện tử bằng cách đầu tư mới, bảo trì các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của Thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ.

Ban Thư viện đã xây dựng kế hoạch đầu tư, trang bị phần mềm quản lý Thư viện chuyên dụng Koha, phần mềm có đầy đủ các phân hệ tra cứu, biên mục, lưu thông, thống kê, bạn đọc... tra cứu trực tiếp thông qua website: <https://khadmin.ttu.edu.vn/> [H7.07.04.15]. Nhằm giúp bạn đọc sử dụng nhanh chóng và hiệu quả nguồn tài liệu, học liệu có trên trang web Thư viện, Ban Thư viện ban hành thông báo và hướng dẫn cách thức đăng nhập, truy cập và tìm kiếm tài liệu đến bạn đọc [H7.07.04.16], [H7.07.04.17],

[H7.07.04.18], đặc biệt là đầu năm học, Thư viện tổ chức lớp tập huấn hướng dẫn sử dụng và tìm kiếm tài liệu cho các bạn tân sinh viên [H7.07.04.19].

Đối với một số hoạt động chuyên đề hỗ trợ cho việc nâng cao hiệu quả học tập, giảng dạy và kết nối cộng đồng, Ban Thư viện có kế hoạch và triển khai cho từng hoạt động như tổ chức cuộc thi viết cảm nhận sách, các hoạt động trưng bày sách, tổ chức ngày hội văn hóa đọc Việt Nam, hay giao lưu, tặng sách đến các đơn vị bạn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cộng đồng [H7.07.04.20], [H7.07.04.21], [H7.07.04.22].

Sau khi triển khai thực hiện các kế hoạch đầu tư, bảo trì, ban thư viện tiến hành rà soát đánh giá hiệu quả đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của Thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến phục vụ ĐT, NCKH và PVCĐ. Qua kết quả theo dõi, đánh giá hiệu quả đầu tư hằng năm cho thấy, các nguồn lực học tập được Trường đầu tư như sách, tạp chí, cơ sở dữ liệu điện tử, phần mềm quản trị Thư viện, website, tổ chức cải tiến không gian, trang thiết bị của Thư viện đã thu hút bạn đọc giúp gia tăng tần suất sử dụng nguồn lực học tập, đáp ứng được nhu cầu sử dụng nguồn lực học tập của SV, GV, và CB nghiên cứu tại Trường [H7.07.04.23].

Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ bạn đọc hài lòng và rất hài lòng tăng lên qua các năm đối với hoạt động phục vụ tại Thư viện. Cụ thể qua bảng thống kê sau:

Bảng 7.4.1 Bảng thống kê kết quả khảo sát

Năm học	Rất hài lòng	Hài lòng	Bình thường	Không hài lòng
2019-2020	34.00%	40.00%	14.00%	12.00%
2021-2022	39.00%	40.00%	11.00%	10.00%
2022-2023	59.00%	23.00%	12.00%	6.00%

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng về nguồn lực học tập của NH được ghi nhận qua số phiếu khảo sát online cho thấy tỉ lệ rất hài lòng của NH đã tăng lên qua các năm, từ 34% trong giai đoạn 2019-2020 đến 59% trong năm 2022-2023. Đồng thời, các tiêu chí về tài liệu học tập, cơ sở vật chất, trang thiết bị, dịch vụ và hoạt động của Thư viện cũng được NH đánh giá cao và có xu hướng tăng dần qua từng năm. Trên cơ sở đó, Ban Thư viện đã tiến hành thống kê, thu thập ý kiến đóng góp của NH và lập báo cáo kết quả dựa trên khảo sát mức độ hài lòng của bạn đọc đối với hoạt động quản lý và phục vụ của Thư viện [H7.07.04.24]. Bên cạnh đó, Ban Thư viện cũng thực hiện các cập nhật đổi mới và lập kế hoạch cải tiến để Thư viện ngày càng hoàn thiện hơn [H7.07.04.25].

Bên cạnh đó, để nắm được hiệu quả hoạt động phục vụ, Ban Thư viện có dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực học tập như nguồn học liệu, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến. Trong giai đoạn tự đánh giá, bình quân mỗi năm có 6.000

lượt đọc giả đến khai thác nguồn học liệu Thư viện bao gồm mượn sách, nghiên cứu tài liệu, tra cứu thông tin điện tử,...[H7.07.04.26] [H7.07.04.27].

Ban Thư viện có trách nhiệm báo cáo kết quả hoạt động phục vụ bạn đọc và thực hiện nhiệm vụ của đơn vị hàng năm [H7.07.04.28]. Có thể nói, trong các năm qua, nguồn lực học tập của Thư viện như nguồn học liệu, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến phục vụ ĐT, NCKH và PVCĐ được cập nhật. Các nguồn học liệu của Thư viện được cập nhật thể hiện thông qua việc hàng năm đều mua mới tài liệu, tái ký hợp đồng thư viện điện tử. Ngoài nguồn sách tặng từ các đơn vị, tổ chức, cá nhân, Ban Thư viện gửi thông báo và lập kế hoạch bổ sung, cập nhật tài liệu mới dựa trên cơ sở đề xuất từ các Khoa [H7.07.04.29].

Ngoài ra, sau mỗi năm học, Trường lên kế hoạch thành lập Ban Kiểm kê tài sản, tổ chức kiểm kê tài sản toàn trường nói chung và Ban Thư viện nói riêng để nắm bắt tình hình nhằm kịp thời chỉ đạo, khắc phục những bất cập giúp cho hoạt động phục vụ bạn đọc, phục vụ cộng đồng tại Thư viện ngày một tốt hơn [H7.07.04.30].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 7.5. Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành.

Đối với công tác vệ sinh cảnh quan môi trường, cây xanh, PCCC, CSVC các hoạt động dịch vụ đáp ứng nhu cầu đặc biệt được giao cho phòng QL CSVC-TB, phòng TCHC phối hợp với các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện [H7.07.05.01].

Trong giai đoạn 2019-2024, trên cơ sở các kế hoạch, dự toán đã được lập và phê duyệt, Trường đã triển khai thực hiện đầu tư, xây dựng hoặc sửa chữa các công trình CSVC, CSHT, trang thiết bị nhằm phục vụ cho nhu cầu về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và tạo khả năng tiếp cận cho những người có nhu cầu đặc biệt [H7.07.05.02], [H7.07.05.03]. [H7.07.05.04] cụ thể như sau:

i) Đối với lĩnh vực vệ sinh học đường, môi trường: Trong giai đoạn vừa qua Trường đã tập trung tài chính đầu tư xây dựng, mua sắm mới, cải tạo sửa chữa hệ thống CSVC phục vụ giảng dạy, học tập, NCKH và PVCĐ ngày càng khang trang, hiện đại; đặc biệt, Trường còn quan tâm đầu tư hệ thống thang máy, lối đi riêng dành cho những người có nhu cầu đặc biệt, tạo ra môi trường nghiên cứu, học tập, rèn luyện cho CB, GV và NH của Trường ngày càng tốt hơn [H7.07.05.05]. Bên cạnh đó, với tiêu chí phát triển môi trường đào tạo Xanh-Sạch-Đẹp, khuôn viên Trường đã và đang được đầu tư, cải tạo đạt sự thông thoáng với nhiều cây xanh, thảm cỏ, bồn hoa [H7.07.05.06].

Các yếu tố về môi trường tự nhiên như không khí, nước thải định kỳ hàng năm được thực hiện kiểm nghiệm và được đánh giá đạt tiêu chuẩn an toàn [H7.07.05.07].

Môi trường không khí của Trường đạt được sự thoáng mát, gần gũi với thiên nhiên nhờ cơ cấu bố trí xây dựng CSVC, CSHT phục vụ ĐT, NCKH và PVCĐ đồng hành cùng

phát triển khuôn viên cây xanh rộng lớn. Diện tích xây dựng CSHT giai đoạn 1 là 43,73 ha **[H7.07.05.08]**.

Môi trường nước bao gồm: nước sinh hoạt, nước thải được Trường đầu tư và đảm bảo nhu cầu sử dụng cho các hoạt động về đào tạo và sinh hoạt của Trường. Đối với nhu cầu nước uống, Trường có trang bị các máy nước nóng lạnh tại các hành lang và cung cấp nước lọc của hãng Lavie cho CB, NV, GV và NH **[H7.07.05.09]**.

Rác thải được Trường phân loại theo tính chất độc hại, từ đó có hướng xử lý đúng quy định, đảm bảo an toàn vệ sinh học đường. Định kỳ hàng ngày đều có đơn vị chuyên nghiệp thực hiện thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt và rác thải nguy hại khác. Bên cạnh đó, hằng năm Phòng TCHC tổ chức cho CB, NV, GV các đơn vị lao động, làm vệ sinh khuôn viên Trường **[H7.07.05.10]**.

ii. Đối với lĩnh vực chăm sóc sức khỏe: Sức khỏe là điều kiện tiên quyết đảm bảo chất lượng sống, chất lượng làm việc của NLD và chất lượng học tập của NH. Nhận định được tầm quan trọng của sức khỏe, Trường đã có nhiều chính sách, nhiều hoạt động trong công tác phòng bệnh, hỗ trợ điều trị bệnh cho CB, GV, NLD và NH của Trường.

Trường đã thành lập Bộ phận y tế và bố trí CB có năng lực, chuyên môn và kinh nghiệm phụ trách để phục vụ công tác sơ cấp cứu và chăm sóc sức khỏe ban đầu tại cơ sở. Bộ phận y tế Trường đã lập kế hoạch, đề xuất và phối hợp với phòng QL CSVC- TB và phòng TCKT thực hiện mua thuốc, vật tư, trang thiết bị y tế theo danh mục quy định của Bộ Y tế để phục vụ công tác y tế tại chỗ của Trường **[H7.07.05.11]**.

Đối với sức khỏe CB, GV và NLD được quan tâm từ khâu tuyển dụng, NLD được Trường tuyển chọn phải có xác nhận của cơ quan y tế đủ sức khỏe làm việc. Hằng năm, Trường lên kế hoạch và phối hợp với Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo tổ chức thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho CB, GV, NLD. Trường cũng có chính sách hỗ trợ, động viên cho NLD khi nằm viện điều trị bệnh **[H7.07.05.12]**, **[H7.07.05.13]**, **[H7.07.05.14]**.

Đối với sức khỏe NH, Trường đã xây dựng kế hoạch khám sức khỏe đầu khóa cho tân NH nhằm đảm bảo NH có đủ sức khỏe học tập tại Trường và kịp thời phát hiện những trường hợp bất thường để có hướng điều trị tạo sự yên tâm cho NH và phụ huynh **[H7.07.05.15]**.

Đi đôi với việc phòng chống, khám chữa bệnh thì việc rèn luyện TDTT để nâng cao sức khỏe cũng được Trường quan tâm. Trường đã đầu tư mới, cải tạo, nâng cấp các CSVC phục vụ TDTT như: cải tạo sân bóng đá Hoàng Tử, hồ bơi, sân tập golf, lắp đặt các thiết bị dụng cụ tập thể dục tại KTX NH, bố trí sân tập luyện bóng bàn,... Hằng năm, Công đoàn Trường phối hợp với phòng TCHC, và các khoa phòng lập kế hoạch và phát động các phong trào, hội thi TDTT trong CB, GV, NLD và NH nhân các dịp lễ tết như: ngày thành lập Đoàn Thanh Niên 26/03, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11,... để nâng cao tinh thần rèn luyện thân thể, bảo vệ sức khỏe **[H7.07.05.16]**.

Trường có kế hoạch tổ chức cho CB, GV, NLD và NH mua BHYT, BHTN cho từng năm học và tuyên truyền đến tất cả NH trong Trường hiểu rõ về mục đích, ý nghĩa và lợi ích của BHYT, BHTN. 100% NLD của Trường được đóng BHYT, BHTN và tỷ lệ tham gia Bảo hiểm thất nghiệp khá cao. Số lượng NH tham gia BHYT, Bảo hiểm thân thể cũng đạt ở mức khá cao [H7.07.05.17].

Bảng 7.5.1. Bảng thống kê kết quả thực hiện lĩnh vực chăm sóc con người giai đoạn 2019-2024

Nội dung	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Xét nghiệm môi trường: không khí, nước SH	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm
Phòng chống bệnh	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm
Khám sức khỏe đầu khóa, định kỳ cho NH	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm	Hàng năm
Khám sức khỏe định kỳ cho CB, GV	Hàng năm	Hàng năm	Vì dịch bệnh Covid 19 nên không thực hiện được	Vì dịch bệnh Covid 19 nên không thực hiện được	Hàng năm
Công tác BHYT, BHTN, Bảo hiểm thất nghiệp	100% NLD tham gia	100% NLD tham gia	100% NLD tham gia	100% NLD tham gia	100% NLD tham gia

iii. Đối với lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn trong Trường:

Công tác thực hiện an toàn về phòng chống cháy nổ, an toàn an ninh trật tự luôn được trường quan tâm và đảm bảo thực hiện đúng quy định.

Đối với công tác an ninh, an toàn trật tự xã hội, Trường có hệ thống camera giám sát: khu vực công cộng, hành lang lớp học. Bên cạnh đó, có đơn vị bảo vệ chuyên nghiệp là Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ thực hiện an toàn, an ninh trật tự 24/7 [H7.07.05.18]. Ngoài lực lượng bảo vệ, Trường còn thực hiện nghiêm túc quy chế phối hợp chặt chẽ với chính quyền, cơ quan Công an địa phương để phối hợp tốt trong công tác bảo vệ an ninh chung trong khu vực [H7.07.05.19].

Trong công tác PCCC, thực hiện theo Thông tư 06/2022/TT-BGDĐT ngày 11/05/2022 về “*Hướng dẫn trang bị kỹ năng về PCCC và cứu nạn, cứu hộ cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục*”, Trường đã đầu tư trang bị các CSVC phục vụ công

tác PCCC theo quy định; song song đó, Trường cũng đã thành lập đội PCCC tại chỗ, thường xuyên cử CB đi học tập huấn nghiệp vụ PCCC và tổ chức diễn tập tại chỗ để thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an toàn khi có sự cố cháy xảy ra [H7.07.05.20]. Hệ thống các tòa nhà trong trường được thiết kế đảm bảo an toàn, có lối thoát hiểm, có hệ thống đèn chỉ báo khi gặp sự cố [H7.07.05.21]; các phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, khu làm việc đều có bảng nội quy và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị để đảm bảo an toàn phòng cháy [H7.07.05.22]; có hệ thống thang máy hiện đại và được bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên [H7.07.05.23].

Các vấn đề môi trường, sức khỏe, an toàn an ninh trật tự mang tính chất cộng đồng, vì con người và với nhận định “*ý thức quyết định hành động*”, các phòng khoa thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền kiến thức và ý thức của CB, GV, NLD và NH nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện cùng chung tay bảo vệ môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của người có nhu cầu đặc biệt [H7.07.05.24].

Trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo môi trường, sức khỏe và an toàn, an ninh trật tự theo kế hoạch đã được ban hành, Trường thường xuyên thực hiện tổng kết, rà soát, đánh giá và rút kinh nghiệm thông qua các phản ánh của CB, GV, NLD và NH trong Trường như: Hội nghị họp giao ban định kỳ hằng tháng, phiếu khảo sát để kịp thời điều chỉnh, khắc phục những tồn tại nhằm hoàn thiện tốt hơn [H7.07.05.25], [H7.07.05.26], [H7.07.05.27].

Việc theo dõi hồ sơ cơ sở dữ liệu đánh giá, cải thiện hiệu quả đầu tư cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được giao cụ thể cho từng đơn vị được phân công quản lý, thực hiện theo chức năng nhiệm vụ. Dựa trên các kết quả đánh giá, rà soát, Trường đã cải thiện hiệu quả đầu tư cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt: như trang bị một số phương tiện, trang thiết bị hỗ trợ di chuyển và đầu tư cơ sở vật chất nhằm thuận lợi hóa cho người có nhu cầu đặc biệt [H7.07.05.28].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Chiến lược, kế hoạch ngắn hạn, trung hạn phát triển các nguồn lực tài chính của Trường, theo dõi và giám sát việc phát triển các nguồn lực tài chính phục vụ ĐT, NCKH và PVCĐ được xây dựng và triển khai thực hiện. Kế hoạch tài chính và quản lý tài chính thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Cơ cấu nguồn thu và chi phí được rà soát, đánh giá cập nhật theo chu kỳ 5 năm để hỗ trợ việc thực hiện TN, SM, các mục tiêu chiến lược trong ĐT, NCKH và PVCĐ.

Trường đã thực hiện tốt chức năng xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn phát Huy động hiệu quả các nguồn lực và quản lý, sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm để cơ bản hoàn

thiện công tác xây dựng CSHT, CSVC và trang thiết bị, máy móc phục vụ tốt cho ĐT, NCKH và khám chữa bệnh.

Trường có phần mềm quản trị Trường đại học; trang thiết bị CNTT hiện đại, có hệ thống mạng trục và hệ thống mạng lan băng thông tốc độ cao, có đường internet LeasedLine quốc tế, có wifi Thư viện, khu tự học và các khu làm việc của CB; cung cấp đầy đủ hệ thống CNTT phục vụ nhu cầu ĐT, NCKH và PVCD.

Trường đã thiết lập hệ thống quản trị nguồn lực học tập để quản lý các nguồn lực học tập một cách có hệ thống và hiệu quả và thường xuyên cập nhật và duy trì các nguồn lực học tập, chú trọng xây dựng nguồn tài liệu phù hợp với đề cương học tập và CTĐT để BĐCL trong đào tạo và nghiên cứu. Trường tiến hành đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực học tập và cơ sở vật chất hàng năm thông qua công tác kiểm kê, khảo sát và thu thập ý kiến phản hồi từ GV và SV. Điều này thể hiện sự tập trung vào cải tiến liên tục và đáp ứng nhu cầu thực tế.

Tình hình an ninh trật tự trong toàn Trường được đảm bảo. Bệnh viện trong khuôn viên Trường quản lý với tình hình an ninh tốt, an toàn cho bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và toàn Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Các văn bản liên quan đến sự cải tiến chưa được trình bày thành văn bản rõ ràng mà đang được trình bày lồng ghép ở nhiều văn bản khác nhau.

Việc thực hiện quản lý CSDL phục vụ cho các hoạt động về CSVC, thư viện, phòng thí nghiệm, môi trường, sức khỏe, an toàn chưa khoa học, phân tán, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả xây dựng kế hoạch triển khai khắc phục và cải tiến.

Dịch vụ thông tin TV truyền thông vẫn chiếm ưu thế, thiếu các dịch vụ hiện đại.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Văn bản cải tiến về tài chính kế toán riêng biệt cho từng hoạt động ĐT, NCKH và PVCD	BGH, Phòng TCKT	Hàng năm
2	Khắc phục tồn tại 2	Thực hiện xây dựng và quản lý CSDL một cách khoa học, có CB đầu mối chuyên trách để tổng hợp, tham vấn, đề xuất kế hoạch chung của Trường	BGH, Phòng QL CVC-TB, Thư viện, Các đơn vị liên quan	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
3	Khắc phục tồn tại 3	Tăng cường đầu tư CSVC, tài liệu chú trọng phát triển tài liệu số. Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ tại Thư viện, đẩy mạnh liên kết, chia sẻ và trao đổi tài liệu, kinh nghiệm phát triển với các Thư viện/Cơ quan thông tin, trong thời gian tới sẽ trở thành Thư viện thông minh, hiện đại	Thư viện, Phòng QL CSVC-TB, Phòng TCKT, Khoa	2021-2025
4	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của Trường được thành lập đúng quy định, được phân công nhiệm vụ rõ ràng, hoạt động hiệu quả. Công tác kế toán tài chính thực hiện đúng với các văn bản quy định của các Cơ quan Nhà nước	BGH, Phòng TCKT	Hàng năm
5	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục phân công, phân nhiệm hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và CSHT như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCD đúng quy định.	BGH, Phòng QL CSVC-TB, Phòng TCKT	Hàng năm
6	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục quan tâm, thực hiện công tác vệ sinh môi trường, cảnh quan đảm bảo xanh-sạch-đẹp, việc thực hiện các chế độ bảo hiểm y tế cho CB, GV và SV được thực hiện đầy đủ. Thực hiện công tác an ninh trường học được tăng cường, an toàn về	BGH, Phòng TCKT, Phòng TCHC, Phòng QL CSVC-TB	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
		tài sản và an ninh trật tự trong khu vực được đảm bảo.		

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 7	5,00
Tiêu chí 7.1	5
Tiêu chí 7.2	5
Tiêu chí 7.3	5
Tiêu chí 7.4	5
Tiêu chí 7.5	5

Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại

Tiêu chí 8.1. Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Trường ĐHTT đã có quy định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ bộ phận theo dõi giám sát hoạt động đối ngoại để thực hiện tốt nhiệm vụ mạng lưới và QHĐN. Trong công tác chỉ đạo, giám sát và đánh giá hoạt động QHĐN, Trường đã ban hành quy chế phối hợp giữa HĐT và BGH, đồng thời BGH cũng phân công nhiệm vụ rõ ràng để hoạt động đối ngoại thực hiện đúng quy định [H8.08.01.01]. Theo đó, Phòng QLKH-HTQT có bảng mô tả công việc cụ thể để phân công, phân nhiệm và tự chịu trách nhiệm về hoạt động đối ngoại [H8.08.01.02].

Với chiến lược phát triển Trường ĐHTT qua từng giai đoạn phù hợp với sự phát triển chung của giáo dục, kinh tế của cả nước cũng như quốc tế, Trường ĐHTT luôn coi trọng và đẩy mạnh QHĐN. Dựa trên TN, SM của Trường, Phòng QLKH-HTQT lập kế hoạch hoạt động phù hợp với kế hoạch chung hàng năm của Trường về hoạt động đối ngoại [H8.08.01.03]. Xác định được TN, SM cụ thể, rõ ràng và cơ chế tự chủ trong môi trường hội nhập, Trường ĐHTT đã và đang khẳng định thương hiệu với truyền thống hơn 13 năm xây dựng và phát triển, tăng cường hiệu quả HTQT. Phát triển mạng lưới và quan hệ đối tác được thiết lập dựa trên các văn bản theo quy định của Nhà nước và đặc thù riêng của Trường ĐHTT như: Quy định về quản lý công tác HTQT; Quy chế quản lý người nước ngoài học tập; Quy chế quản lý hoạt động KHCN; Quy định quản lý GV, CBNV công tác, học tập ở nước ngoài [H8.08.01.04]. Quy trình đoàn ra, đoàn vào được cụ thể hóa bằng văn bản và do Phòng QLKH-HTQT chủ trì. GV, CB, NV của Trường đi công tác, học tập ở nước ngoài được phối hợp quản lý giữa Phòng TCHC, Phòng QLKH-HTQT, và các đơn

vị có liên quan theo quy chế hoạt động Trường và dựa trên văn bản của Trường để vận dụng linh hoạt [H8.08.01.05].

Quá trình thực hiện phát triển mạng lưới đối ngoại được các bộ phận giám sát, cải tiến và đã đạt được một số thành tựu nhất định thông qua báo cáo tổng kết về hoạt động đối ngoại và các biên bản ghi nhớ, hợp tác giữa Trường và các đối tác [H8.08.01.06]. Mạng lưới đối ngoại với các đối tác trong và ngoài nước được thực hiện rà soát và được điều chỉnh tại các kế hoạch hoạt động của Trường. Từ đó thông qua Website của Trường, các chính sách đối ngoại được Phòng QLKH-HTQT, Phòng TTTS, Phòng CTSV-HTDN phối hợp liên hệ đến các đối tác để triển khai kế hoạch phát triển mạng lưới đối ngoại. Các hoạt động hợp tác đều được thông tin, quảng bá đầy đủ trên website, fanpage của Trường ĐHTT [H8.08.01.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện.

Trong giai đoạn 2019-2024, Trường có CLPT Trường (giai đoạn 2011-2020; tầm nhìn đến 2030) và CLPT Trường giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn đến 2030 [H8.08.02.01]. Qua đó, Phòng QLKH-HTQT đã xây dựng các Chính sách về HTQT, mở rộng liên kết đào tạo với các trường đại học thông qua Đề án phát triển lĩnh vực Hợp tác và Đào tạo quốc tế Trường ĐHTT giai đoạn 2011-2020 tầm nhìn đến năm 2030 [H8.08.02.02]. Trên cơ sở đánh giá, tổng kết các hoạt động hợp tác hằng năm, Trường đã ký kết và triển khai các biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác, ký kết hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước [H8.08.02.03], [H8.08.02.04], [H8.08.02.05]. Trường đã triển khai các hoạt động đối ngoại nhằm hỗ trợ trong nhiều mặt công tác như:

Về công tác thu hút người nước ngoài tham gia công tác giảng dạy, làm việc, Trường đã mời các chuyên gia từ đơn vị đối tác tham gia làm cố vấn, NCKH trong các lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe, kỹ thuật công nghệ, và ngôn ngữ. Ngoài ra, Trường ĐHTT còn tuyển dụng GV đến từ ĐH Purdue Northwest (Hoa Kỳ), ĐH Akita (Nhật Bản), ĐH Chonnam (Hàn Quốc), Viện nghiên cứu Institut Teknologi Sepuluh Nopember (IST), Indonesia, Đại học Kasetsart, Thái Lan, ĐH Shinawatra (Thái Lan) tham gia công tác giảng dạy nhằm tạo môi trường thực hành, thực tập ngôn ngữ cho NH học tập [H8.08.02.06], [H8.08.02.07], [H8.08.02.08].

Về hợp tác đào tạo, hàng năm Trường ĐHTT triển khai chương trình đưa NH đi thực tập tại Hoa Kỳ [H8.08.02.09], [H8.08.02.10].

Về hợp tác trong NCKH, Trường ĐHTT phát triển HTQT gắn liền với công tác NCKH như thành lập nhóm nghiên cứu với các đối tác nước ngoài để đối ứng công tác hợp tác NCKH với nước ngoài [H8.08.02.11]. Nhiều CB, GV của Trường ĐHTT tham gia

nghiên cứu các đề tài khoa học, công bố công trình NCKH chuyên ngành lên các tạp chí uy tín đạt chuẩn quốc tế **[H8.08.02.12]**.

Về ứng dụng KHCN vào trong đào tạo và giảng dạy góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, Trường ĐHTT đã triển khai các dự án liên kết quốc tế. Các hoạt động tiêu biểu là hợp tác với ĐH Quốc gia Chonnam (Hàn Quốc), Chương trình Fulbright (Hoa Kỳ). Thực hiện đề án hợp tác giữa Trường ĐHTT và ĐH Quốc gia Chonnam trong việc CGCN, NCKH về Năng lượng sinh học với các công nghệ tiên tiến “*Chuyển hóa phụ phẩm nông nghiệp thành các sản phẩm có giá trị kinh tế cao*” (ứng dụng trong thực phẩm, dược phẩm, và y học). Thực hiện đề án hợp tác giữa Trường ĐHTT và Chương trình Fulbright trong việc CGCN, NCKH về phân hủy nhựa sử dụng các biện pháp sinh học.

Về công tác tổ chức và tham gia vào các hội nghị, hội thảo, diễn đàn trong và ngoài nước: Thời gian qua Trường đã đẩy mạnh công tác tổ chức Hội nghị, hội thảo, báo cáo chuyên đề với sự tham gia của các tổ chức, DN trong và ngoài nước đa dạng chủ đề, trong nhiều lĩnh vực. Trường ĐHTT đã tổ chức các hội thảo, báo cáo chuyên đề tiêu biểu trong lĩnh vực giáo dục; lĩnh vực KHCN **[H8.08.02.13]**.

Bên cạnh đó, Trường còn chú trọng công tác cử Lãnh đạo, CB, GV các đơn vị tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, các hội nghị hội thảo quốc tế tại nhiều quốc gia. Tiêu biểu như tham gia các báo cáo tại các hội nghị toàn cầu về chuyên ngành tim mạch **[H8.08.02.14]**, **[H8.08.02.15]**, **[H8.08.02.16]**.

Đối với công tác thu hút SV quốc tế đến học tập tại Trường ĐHTT và công tác giao lưu với SV quốc tế, Trường ĐHTT đã đưa ra thông tin cập nhật trên trang web để thu hút SV quốc tế, ngoài ra, Trường còn nhiều định hướng hành động gồm triển khai công tác tuyển sinh trực tiếp để thu hút NH quốc tế, tăng cường nhiều chính sách hỗ trợ SV quốc tế, thiết lập một cơ chế hiệu quả để quản lý NH quốc tế **[H8.08.02.17]**.

Về giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao, kết nối sinh viên, Trường ĐHTT đã tạo sân chơi, đón tiếp GV-NH các trường đại học, học viện thuộc nhiều quốc gia đến giao cũng như tìm hiểu văn hoá như: Chương trình trao đổi sinh viên, giao lưu văn hóa. Chương trình “*Long An Got Talent*” có sự phối hợp thực hiện giữa Trường ĐHTT với Tỉnh đoàn Long An và Huyện đoàn Đức Hòa tại Trường ĐHTT từ 01/2023 đến 04/2023 **[H8.08.02.18]**.

Trường ĐHTT đã tích cực mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác cả trong nước và ngoài nước. Giai đoạn 2019-2024, Trường đã ký kết 07 biên bản ghi nhớ và thỏa thuận hợp tác với các đối tác trong nước và 04 ghi nhớ hợp tác, thỏa thuận hợp tác, hợp đồng nguyên tắc với các đối tác ngoài nước, bao gồm các trường đại học, viện nghiên cứu, các công ty, doanh nghiệp và các tổ chức với nội dung hợp tác đa dạng như hợp tác trong giảng dạy và nghiên cứu, trao đổi NH, GV, hợp tác trong các dự án, phối hợp tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế, báo cáo chuyên đề. Các hoạt động phát triển mạng lưới hợp tác được tiến hành thường xuyên, liên tục với sự tham gia của nhiều bên, từ đó hoàn thiện hệ sinh thái

đào tạo và đổi mới sáng tạo của Trường. Các hoạt động đối ngoại trong nước và quốc tế thường xuyên được viết bài và đăng tải lên website của Trường [H8.08.02.19], [H8.08.02.20].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát.

Đối với mảng hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế, các lĩnh vực như hợp tác trong thực tập cho NH tại DN, giới thiệu việc làm cho NH, hợp tác trong các đề tài về NCKH với các tổ chức và doanh nghiệp, và các hợp tác cung cấp các dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn cho các CSGD, tổ chức, cá nhân hoặc hợp tác triển khai các dự án quốc tế, đào tạo NH quốc tế được các đơn vị liên quan là Phòng CTSV-HTDN, Phòng QLKH-HTQT và Phòng QLĐT triển khai theo kế hoạch hoạt động hằng năm đã phê duyệt [H8.08.03.01].

Các đối tác, mạng lưới và quan hệ hợp tác trong các lĩnh vực nói trên được tiến hành rà soát định kỳ dựa trên các các yếu tố gồm: kết quả thực hiện được so sánh, đối chiếu với kế hoạch và dự kiến kết quả ban đầu để có những phân tích điểm mạnh, tồn tại, nguyên nhân để từ đó đề xuất phương án cải thiện, điều chỉnh chỉ tiêu hoặc phương pháp thực hiện trong giai đoạn mới [H8.08.03.02]. Các báo cáo công tác của các đơn vị này được trình bày tại cuộc họp giao ban giữa BGH và các trưởng, phó đơn vị trong toàn trường. Các ý kiến góp ý và các chỉ đạo nếu có cũng được đưa ra tại các cuộc họp này để làm cơ sở cho các bước điều chỉnh và thực hiện sau đó. Ngoài ra, công tác rà soát, đánh giá các hoạt động thường xuyên thường được thực hiện tại các cuộc họp phòng hàng tháng, quý, năm hoặc theo từng sự vụ. Tình hình và kết quả thực hiện các công tác này được đưa vào báo cáo tổng kết, đánh giá hàng năm của các đơn vị liên quan, được đưa vào báo cáo công tác đào tạo và phương hướng hoạt động đào tạo hàng năm; báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ năm học tới của lãnh đạo Trường và các cơ quan ban ngành có liên quan [H8.08.03.03].

Kết quả hoạt động được đối chiếu với chiến lược và mục tiêu phát triển của Trường trong giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến 2030 và được dùng làm cơ sở cho việc lên kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021-2026 [H8.08.03.04].

Đối với hoạt động đối ngoại quốc tế, các hoạt động như tổ chức các đoàn vào, đoàn ra để tham gia các chương trình tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ về chuyên môn hoặc quản lý, tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế diễn ra trong hoặc ngoài nước. Quy trình đoàn vào và đoàn ra của công tác HTQT thực hiện, xây dựng hồ sơ công tác đoàn vào của HTQT và hồ sơ công tác đoàn ra hàng năm [H8.08.03.05]. Hiện nay, các công tác liên quan đến mảng HTQT do phòng QLKH-HTQT chủ trì và phối hợp với các đơn vị trong quá trình thực hiện. Nội dung các hoạt động HTQT bao gồm phát triển mạng lưới đối tác và quan hệ quốc tế đều được triển khai theo kế hoạch [H8.08.03.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Trường có phát triển về số lượng đối tác, mạng lưới và QHĐN hoặc về kết quả hoạt động đối ngoại trong 05 năm của chu kỳ đánh giá, số lượng các đối tác tăng dần qua các năm và sự gia tăng số lượng các thỏa thuận hợp tác, biên bản ghi nhớ hợp tác qua các năm. Trong giai đoạn 2019-2024, Trường ĐHTT đã tích cực mở rộng mạng lưới đối tác cả trong nước và ngoài nước. Cụ thể, Trường đã ký kết 03 biên bản ghi nhớ, các thỏa thuận và hợp đồng hợp tác với các tổ chức, CSGD và doanh nghiệp trong nước và 03 biên bản ghi nhớ và thỏa thuận hợp tác với các đối tác nước ngoài, trong số này có nội dung về trao đổi NH, GV và NCKH, các hoạt động đối ngoại trong nước và quốc tế, được đăng tải và đưa tin trên website của Trường và các phương tiện truyền thông khác [H8.08.04.01].

Hàng năm, Phòng QLKH-HTQT báo cáo tổng kết về hiệu quả hoạt động đối ngoại tại Trường, đánh giá tổng kết hoạt động đối ngoại giai đoạn 2019-2023, và phương hướng nhiệm vụ 2023-2025, kết quả so chuẩn, đối sánh về hoạt động đối ngoại hàng năm [H8.08.04.02]. Các Đề án phát triển hợp tác hoạt động đối ngoại của trường được xây dựng phù hợp với CLPT Trường giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn đến 2030 [H8.08.04.03].

Trong quá trình thực hiện các quan hệ hợp tác trong và ngoài nước, Trường ĐHTT đã ký kết hợp tác với nhiều đối tác uy tín như hợp tác toàn diện quốc tế với ĐH Shinawatra (Thái Lan), hợp tác toàn diện trong nước với Sở KH&CN tỉnh Long An, công ty cổ phần đầu tư và công nghiệp Tân Tạo, Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo [H8.08.04.04].

Để tăng hiệu quả công tác hợp tác quốc tế, Trường đã triển khai các biện pháp cải thiện các quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại bằng những hình thức: tăng cường hợp tác tổ chức học thuật, hội thảo, NCKH tham gia viết bài báo quốc tế; chủ động quan hệ với các đối tác liên quan đến đào tạo; hợp tác với các trường quốc tế để nâng cao trình độ chuyên môn cho CB, GV nghiên cứu sinh và cho NH thực tập. Trên cơ sở đó, số lượng trao đổi NH trong chương trình thực tập được duy trì ổn định qua các năm (trừ đợt hoãn năm 2022 do đại dịch Covid-19). Hàng năm, Phòng QLKH-HTQT có đối sánh mục tiêu của Trường đạt được trong công tác HTQT của năm học này so với năm học trước để có biện pháp cải tiến kịp thời [H8.08.04.05].

Trường có xác định những mục tiêu, định hướng cụ thể trong việc phát triển đối ngoại và mạng lưới đối ngoại trong các Nghị quyết về kế hoạch và mục tiêu hằng năm của Trường. Phòng QLKH-HTQT cùng các phòng ban chức năng liên quan có tham mưu, đề xuất các chiến lược, chính sách phát triển đối tác và mạng lưới QHĐN đối với lãnh đạo Trường trong các cuộc họp đánh giá định kỳ, giao ban dựa trên các mục tiêu định hướng phát triển của Trường hằng năm, kế hoạch trung hạn, KHCL cũng như TN và SM của Trường [H8.08.04.06], [H8.08.04.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Trường có chính sách, chiến lược, kế hoạch rõ ràng trong phát triển các đối tác, mạng lưới và QHĐN để đạt được TN, SM và các mục tiêu chiến lược của Trường.

Đa dạng, đa loại hình hợp tác: (i) Tăng cường hợp tác trong nước, mở rộng và phát triển mạng lưới đối tác trong nước trong ĐT và NCKH; (ii) Điều chỉnh phương thức tổ chức các hoạt động HTQT từ trực tiếp sang trực tuyến (bao gồm trao đổi SV, GV); (iii) Xúc tiến, tìm kiếm các chương trình, dự án hợp tác trong nước và quốc tế.

Các cải tiến trong hoạt động QHĐN của Trường bên cạnh cải tiến số lượng theo chiều rộng, đã dần định hướng theo chiều sâu và chọn lọc phát triển các chương trình hợp tác có chất lượng hơn và đóng góp tích cực để Trường đạt được TN, SM và các mục tiêu chiến lược đã đề ra.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Công tác rà soát kết quả triển khai thỏa thuận hợp tác (MOU) trong nước và quốc tế cần được đẩy mạnh và đa dạng hóa làm cơ sở đề xuất cải tiến và tăng cường hiệu quả.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh 1	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục rà soát và có chính sách, chiến lược, kế hoạch rõ ràng trong phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được TN, SM và các mục tiêu chiến lược của Trường - Có quy định chỉ tiêu cụ thể tại chiến lược, kế hoạch QHĐN qua các giai đoạn làm căn cứ trong tổ chức thực hiện. 	Phòng QLKH-HTQT, Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh 2	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát và có cơ chế khuyến khích các đơn vị trong thúc đẩy hội nhập hoà nhập quốc tế - Xây dựng, rà soát và điều chỉnh kế hoạch trong thúc đẩy hợp tác trong nước, đặc biệt 	Phòng QLKH-HTQT, Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường	2024-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		<p>lĩnh vực NCKH và thực hành nghề nghiệp.</p> <p>- Đẩy mạnh hợp tác Trường-Viện-Doanh nghiệp để phát huy toàn diện thế mạnh</p>			
3	Phát huy điểm mạnh 3	<p>- Tiếp tục xây dựng chiến lược và tìm kiếm phát triển đối tác có tiềm năng</p> <p>- Thông tin và hướng dẫn và lấy ý kiến các đơn vị trong Trường, CB, NLD về các CLPT nhằm đảm bảo cải tiến đúng hướng và phù hợp với thực trạng và nhu cầu phát triển của từng đơn vị thuộc và trực thuộc trường</p>	Phòng QLKH-HTQT, Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường	Hằng năm	
4	Khắc phục tồn tại	<p>- Tăng cường công tác triển khai và giám sát kết quả thực hiện MOU</p> <p>- Tổ chức hội thảo các đơn vị chia sẻ kinh nghiệm triển khai hiệu quả các MOU</p>	Phòng QLKH-HTQT, Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường	Mỗi sáu tháng	

4. Mức đánh giá:

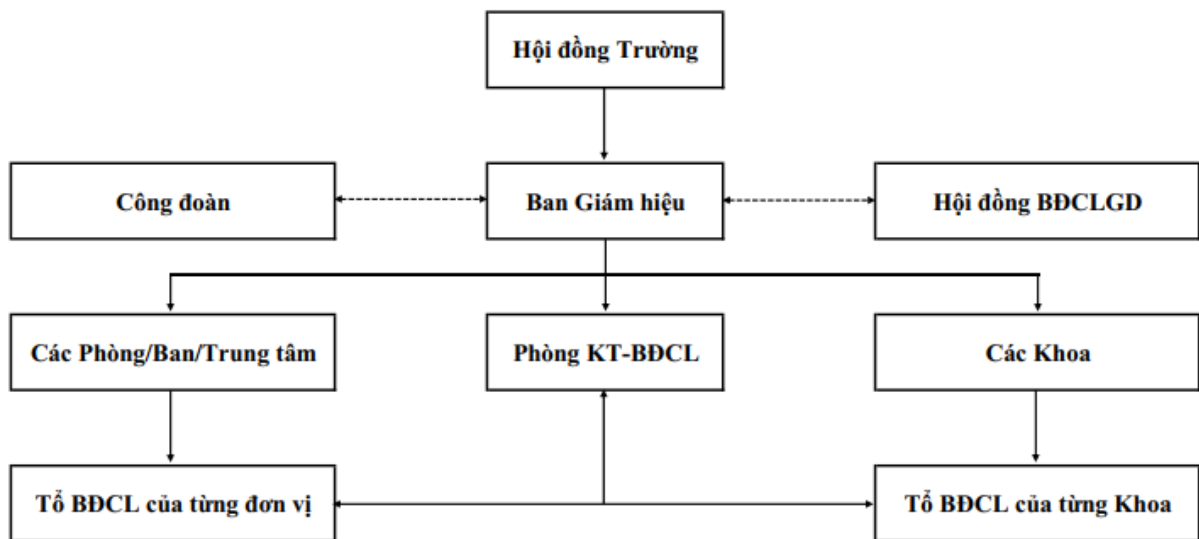
Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 8	5,00
Tiêu chí 8.1	5
Tiêu chí 8.2	5
Tiêu chí 8.3	5
Tiêu chí 8.4	5

Tiêu chuẩn 9. Hệ thống BĐCL bên trong

Tiêu chí 9.1. Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống BĐCL bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và BĐCL của CSGD.

Trường ĐHTT đã thiết lập được một hệ thống BĐCL bên trong gồm các cấp: HĐT, BGH, bộ phận chuyên trách và tổ BĐCL tại các đơn vị [H9.09.01.01]. Ở cấp cao nhất, HĐT có nhiệm vụ ra quyết nghị và giám sát việc thực hiện quyết nghị về phương hướng hoạt động BĐCL dài hạn của Trường. Sau đó BGH phê duyệt các kế hoạch, chương trình BĐCL hằng năm; cử một Phó hiệu trưởng trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các kế hoạch, chương trình đó.

Sơ đồ 09.01.01. Sơ đồ hệ thống BĐCL Trường



Bộ phận chuyên trách công tác BĐCL của Trường là Phòng KT-BĐCL được thành lập theo quyết định số 43/QĐ-TTU.21 ngày 02/08/2021 [H9.09.01.02]. Phòng thực hiện các chức năng, nhiệm vụ công tác BĐCL như tham mưu xây dựng chính sách, chiến lược, kế hoạch BĐCL; hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện công tác BĐCL tại các đơn vị; hướng dẫn, thực hiện công tác kiểm định chất lượng; báo cáo BGH về kết quả công tác BĐCL,... Những chức năng, nhiệm vụ này đều được quy định cụ thể trong các văn bản gồm: Quy định chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng BĐCL [H9.09.01.03], Quy chế BĐCL giáo dục [H9.09.01.04], Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường [H9.09.01.05]. Về mặt nhân sự, phòng có 05 người, trong đó có 01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng. Các nhân sự của phòng đã được Trường tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về công tác BĐCL và KĐCL [H9.09.01.06], [H9.09.01.07].

Bên cạnh phòng chuyên trách, Trường cũng có một mạng lưới các tổ BĐCL tại các khoa chuyên môn, phòng chức năng và trung tâm (sau đây gọi chung là đơn vị). Nhân sự của mạng lưới này luôn được lựa chọn đảm bảo có tối thiểu 01 người/đơn vị và 01 người

là lãnh đạo của đơn vị. Tổ đảm bảo chất lượng có nhiệm vụ triển khai các hoạt động BĐCL, xây dựng kế hoạch năm học theo hướng BĐCL phù hợp với đặc thù của từng đơn vị, nghiên cứu, đề xuất và phối hợp cùng các đơn vị thuộc Trường để triển khai các biện pháp nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng, phấn đấu đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng, góp phần vào việc hoàn thành tầm nhìn, sứ mệnh và các mục tiêu đã đề ra trong chiến lược phát triển của Trường [H9.09.01.08]. Nhằm tạo ra sự phối hợp nhuần nhuyễn khi thực hiện công tác BĐCL giữa các cấp, Trường cũng đồng thời ban hành quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của hội đồng BĐCL [H9.09.01.03]. Các quy định đó, đến tháng 4 năm 2022, được đồng bộ hoá vào Quy chế BĐCL giáo dục và được áp dụng ổn định cho các phiên bản kiện toàn mới của tổ BĐCL [H9.09.01.04]. Về cơ bản, đây chính là những đầu mối triển khai kế hoạch BĐCL của trường về cấp đơn vị; lưu trữ, cập nhật các minh chứng dữ liệu phục vụ công tác BĐCL tại đơn vị; tham mưu cho lãnh đạo khoa, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác BĐCL trong đơn vị.

Nhân sự của hệ thống BĐCL trong Trường trong những năm qua đã được tạo điều kiện tham gia một số chương trình hội thảo, tập huấn, bồi dưỡng liên quan đến công tác BĐCL như: “*Hội thảo kiểm định chương trình đào tạo dành cho CBQL*”, “*Tập huấn xây dựng và vận hành hệ thống ĐBCL bên trong*”, “*Tập huấn Tự đánh giá cấp CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT*”, “*Tập huấn Công tác tự đánh giá phục vụ kiểm định CSGD*”, “*Tập huấn xây dựng, đánh giá CDR CTĐT*”. Tất cả những người tham gia đều được cấp chứng chỉ hoàn thành khóa tập huấn, bồi dưỡng [H9.09.01.07].

Để hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý, Trường cũng thường xuyên cập nhật các văn bản của Bộ GD&ĐT; đồng thời ban hành, phổ biến nhiều văn bản quy định, hướng dẫn nội bộ về hoạt động BĐCL như: Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ về các lĩnh vực hoạt động của Trường ĐHTT (phiên bản 2017); Quy định khảo sát lấy ý kiến các BLQ trong hoạt động BĐCL giáo dục tại Trường ĐHTT (phiên bản 2022); Quy định so chuẩn, đối sánh; Quy chế BĐCL, Quy định hoạt động hệ thống thông tin BĐCL bên trong; Quy định bảo mật dữ liệu hệ thống thông tin BĐCL bên trong; Quy định bảo mật dữ liệu hệ thống thông tin BĐCL bên trong [H9.09.01.09], [H9.09.01.10]. Trường đều có sự rà soát để ban hành phiên bản mới phù hợp hơn với thực tiễn áp dụng. Bên cạnh đó, hằng năm, Phòng KT-BĐCL cũng đều đặn chủ trì xây dựng Kế hoạch BĐCL năm học và phổ biến rộng rãi đến các đơn vị để thống nhất và ghi nhớ thực hiện [H9.09.01.11].

Bảng 09.01.01. Danh mục quy định, hướng dẫn nội bộ về hoạt động BĐCL

TT	Tên văn bản	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
1	Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ về các lĩnh vực hoạt động	x						

TT	Tên văn bản	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
	của Trường ĐHTT							
2	Quy định khảo sát lấy ý kiến các BLQ trong hoạt động BDCL giáo dục tại Trường ĐHTT						s	
3	Quy định so chuẩn, đối sánh tại Trường ĐHTT						x	
4	Quy chế ĐBCL tại Trường ĐHTT						x	
5	Quy định hoạt động hệ thống thông tin BDCL bên trong tại Trường ĐHTT						x	
6	Quy định bảo mật dữ liệu hệ thống thông tin BDCL bên trong tại Trường ĐHTT						x	
7	Quy định lưu trữ và bảo quản tài liệu chuyên môn, nghiệp vụ/thông tin, minh chứng phục vụ công tác BDCL tại Trường ĐHTT						x	
8	Số tay BDCL					x		

(Ghi chú: x = xây dựng mới; s = rà soát, sửa đổi và ban hành lại (nếu cần thiết); b = hủy bỏ)

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.2. Xây dựng kế hoạch chiến lược về BDCL (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các BLQ, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác BDCL và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và BDCL của CSGD.

Năm 2022, nhằm định hướng cho các hoạt động BDCL để đạt được mục tiêu của Chiến lược phát triển tổng thể, Trường đã ban hành “Chiến lược bảo đảm chất lượng giáo dục Trường ĐHTT giai đoạn 2022-2025 và tầm nhìn 2030” trên cơ sở ý kiến góp ý của các bên liên quan [H9.09.02.01].

Bản Chiến lược này có cấu trúc logic gồm hai phần: Chiến lược BDCL và Kế hoạch thực hiện Chiến lược BDCL. Tại phần Chiến lược, tầm nhìn về chất lượng được xác định như sau: “Đến năm 2025, xây dựng thành công văn hóa chất lượng, mọi hoạt động đào tạo

và hoạt động hỗ trợ đào tạo của Trường ĐHTT được thực hiện đầy đủ theo các quy trình, đáp ứng các tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT, hướng đến đạt tiêu chuẩn đánh giá chất lượng tiêu chuẩn Quốc tế. Điều này góp phần thực hiện tốt sứ mệnh đào tạo đội ngũ bác sĩ đa khoa có sức khỏe, có ý đức, vận dụng tốt các kiến thức cơ bản y học vào lâm sàng, trong biện luận chẩn đoán và lựa chọn điều trị; có khả năng tư duy hệ thống để có thể giải quyết các vấn đề thực tế trên lâm sàng; phân tích, tổng hợp, kết hợp được y học cổ truyền và y học hiện đại trong chăm sóc và nâng cao sức khỏe cộng đồng; có năng lực thực hành nghề nghiệp; có khả năng nghiên cứu khoa học, tự học và học tập suốt đời; có trách nhiệm với cộng đồng đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân, góp phần phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế”. Đây là cơ sở để hình thành các mục tiêu và giải pháp trọng tâm về BDCL.

Trong kế hoạch thực hiện Chiến lược giai đoạn 2022-2025, Trường đã vạch ra những nhiệm vụ mà các đơn vị/tổ chức đoàn thể cần triển khai đến hết năm 2025, trong đó việc thúc đẩy công tác BDCL, tăng cường bồi dưỡng, tập huấn năng lực cho đội ngũ làm công tác BDCL được ưu tiên hàng đầu. Kết thúc giai đoạn 2022-2025, Trường sẽ tiến hành rà soát mức độ hoàn thành mục tiêu chiến lược để có hướng điều chỉnh, bổ sung.

Chính sách chất lượng được ban hành thể hiện định hướng ưu tiên, nguyên tắc hành động đối với các vấn đề về chất lượng của Trường [H9.09.02.02]. Trường đã cam kết “xây dựng môi trường học thuật tích cực, trải nghiệm thực tiễn, thích ứng nhanh với sự thay đổi nhằm cung ứng nguồn nhân lực có năng lực khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hội nhập, có sức cạnh tranh cao trong thị trường lao động; góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam, khu vực và quốc tế”. Trên những cơ sở ưu tiên này, Trường đã rà soát, cập nhật vào các văn bản Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định chế độ làm việc của GV, Quy chế đào tạo, bồi dưỡng về các mức hỗ trợ tài chính hoặc quy đổi giờ chuyên môn đối với CBCNV, GV đi học tập nâng cao trình độ; NCKH; tham gia xây dựng, chỉnh sửa các CTĐT, ĐCCTHP [H9.09.02.03], [H9.09.02.04], [H9.09.02.05].

Bảng 09.02.01. Tổng hợp một số chế độ ưu tiên đối với vấn đề khuyến khích GV học tập nâng cao trình độ và tham gia cải tiến CTĐT

TT	Chế độ ưu tiên
1	Hỗ trợ GV, CBCNV học tập bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ - GV, CBCNV đi đào tạo bồi dưỡng hoặc đi công tác tại nước ngoài được hưởng tối đa 50 USD/ngày/người. - Tàu xe, phụ cấp lưu trú, phòng nghỉ: Thanh toán theo quy định về việc cử CBCNV đi công tác.
2	Hỗ trợ GV, NH làm đề tài NCKH: - GV hướng dẫn NCKH cấp trường: 100 giờ/đề tài - NH: Tối đa 1,000,000 đồng/đề tài

TT	Chế độ ưu tiên
3	<p>Hỗ trợ viết, đăng các bài báo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI, SSCI: 40,000,000 đồng/bài báo - Tạp chí quốc tế thuộc danh mục Scopus: 30,000,000 đồng/bài báo - Tạp chí quốc tế nằm trong danh mục ABCD: 20,000,000 đồng/bài báo - Tạp chí quốc tế khác có chỉ số ISSN: hỗ trợ phí đăng bài, nhưng không quá 5,000,000 đồng/bài - Kỷ yếu hội thảo ở nước ngoài có chỉ số ISBN: hỗ trợ 50% lệ phí đăng bài nhưng không quá 2,500,000 đồng/bài - Tạp chí trong nước: 1,000,000 đồng/1 điểm công trình
4	<p>Quy đổi tiết chuyên môn đối với các hoạt động xây dựng, chỉnh sửa CTĐT và ĐCCTHP trình độ đại học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên soạn CTĐT: 38,280,000 đồng/CTĐT - Sửa đổi, cập nhật CTĐT: 48 tiết/CTĐT - Xây dựng đề cương chi tiết học phần: 420 tiết/140 TC

Riêng lĩnh vực BDCL, Trường tạo điều kiện hỗ trợ tài chính cho GV, CBCNV tham gia các khóa tập huấn về BDCL giống như các trường hợp đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Đó là động lực để người được cử đi hoàn toàn chuyên tâm học tập, nghiên cứu và nhận được giấy chứng nhận/chứng chỉ hoàn thành các khóa học [H9.09.02.06].

**Bảng 09.02.02. Thống kê các khóa đào tạo/bồi dưỡng về công tác
BDCL có GV, CBCNV của trường tham gia**

TT	Tên khóa tập huấn/bồi dưỡng	Thời gian tổ chức	Số người tham dự
1	Hội Thảo “Kiểm định chương trình đào tạo dành cho CBQL”	Tháng 4/2018	03
2	Hội Thảo “Triển khai công tác đánh giá cấp chương trình đào tạo”	Tháng 6/2018	07
3	Hội thảo “Đánh giá chất lượng CSGD, nhóm tiêu chuẩn chức năng và kết quả ngày 09/11/2018”	Tháng 11/2018	01
4	Tập huấn “Xây dựng và vận hành hệ thống ĐBCL bên trong”	Tháng 10/2020	05
5	Tập huấn “Tự đánh giá cấp CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT”	Tháng 4/2022	68

TT	Tên khóa tập huấn/bồi dưỡng	Thời gian tổ chức	Số người tham dự
6	Tập huấn “Thiết lập và vận hành hệ thống BĐCL bên trong”	Tháng 08/2024	16
7	Tập huấn “Công tác tự đánh giá phục vụ kiểm định CSGD”	Tháng 09/2024	18
8	Tập huấn “Xây dựng, đánh giá CĐR CTĐT”	Tháng 10/2024	54
9	Tập huấn “Xây dựng, kiểm tra, rà soát ngân hàng câu hỏi đề thi đáp ứng CĐR CTĐT”	Tháng 10/2024	54

Đề cao vai trò của các BLQ, ngay từ trong quá trình xây dựng, Trường đã chủ động triển khai lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về toàn bộ nội dung của bản chiến lược BĐCL, trong đó có việc đánh giá sự phù hợp của kế hoạch hành động với các mục tiêu chiến lược [H9.09.02.07], [H9.09.02.08]. Trường cũng chuyển hoá công tác khảo sát các BLQ về chất lượng các hoạt động của Trường thành một phần của Kế hoạch thực hiện Chiến lược BĐCL [H9.09.02.09]. Đó là cơ sở để có các bản kế hoạch khảo sát hằng năm cụ thể cho từng đối tượng và mục đích khảo sát khác nhau [H9.09.02.10], [H9.09.02.11].

Bảng 09.02.03. Các hoạt động khảo sát thường xuyên trong giai đoạn 2019-2024

TT	Nội dung khảo sát	Chu kỳ
1	Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về CTĐT	Khi cần rà soát, cập nhật CTĐT
2	Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV	02 lần/năm
3	Khảo sát lấy ý kiến NH trước tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Trường	01 năm/lần
4	Khảo sát tình hình việc làm của NH sau tốt nghiệp	01 năm/lần
5	Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của bạn đọc về TV	01 năm/lần
6	Khảo sát lấy ý kiến các BLQ về mức độ đáp ứng của CSVC-TB, phòng Thí nghiệm-Thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ	01 năm/lần
7	Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của GV, CBCNV về điều kiện, môi trường làm việc tại Trường	02 năm/lần

TT	Nội dung khảo sát	Chu kỳ
8	Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của GV về hoạt động NCKH	02 năm/lần
9	Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của GV, CBCNV về hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ	02 năm/lần
10	Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng/doanh nghiệp/chuyên gia về chất lượng NH tốt nghiệp tại Trường ĐHTT	Khi cần rà soát, cập nhật CTĐT
11	Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	01 năm/lần

Các hoạt động khảo sát thường xuyên do Phòng KT-BĐCL phối hợp với các đơn vị thực hiện đối với các đối tượng NH trước và sau khi tốt nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và GV, CBCNV. Nội dung các khảo sát này cơ bản đề cập đến chất lượng toàn bộ các hoạt động như: phương pháp giảng dạy, tác phong lên lớp của GV; phương pháp KT-ĐG; chất lượng thư viện; chất lượng giảng đường, thái độ của CBCNV hỗ trợ NH; lương-thưởng-phúc lợi cho GV, CBCNV; chế độ hỗ trợ GV, NH tham gia NCKH,...[H9.09.02.10].

Thông qua những hoạt động khảo sát trên, Trường đã huy động được sự tham gia của các BLQ vào việc đánh giá mức độ đáp ứng của các hoạt động BĐCL đối với mục tiêu chiến lược và BĐCL của Trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.3. Kế hoạch chiến lược về BĐCL được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.

Chiến lược BĐCLGD ngay sau khi hoàn thành đã được phổ biến rộng rãi tới toàn thể CBCNV, GV, NH của Trường [H9.09.03.01]. Toàn văn Chiến lược đã được đăng tải lên website, đồng thời lãnh đạo các đơn vị đã tổ chức họp nhằm quán triệt các nội dung của Chiến lược đến từng cá nhân trong đơn vị [H9.09.03.02] [H9.09.03.03] [H9.09.03.04]. Mục tiêu trong chiến lược được chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn của các đơn vị như kế hoạch công tác năm học, kế hoạch xây dựng, phát triển đội ngũ. Bên cạnh đó, một số mục tiêu được chuyển tải thành kế hoạch giai đoạn như Kế hoạch truyền thông quán triệt TN, SM, GTCL và TLGD. Riêng Phòng KT-BĐCL với vai trò là bộ phận chuyên trách, hằng năm đều phải chủ trì xây dựng Kế hoạch BĐCL năm học để cụ thể hóa Kế hoạch hành động đã nêu trong bản Chiến lược [H9.09.03.05]. Do đó, các Kế hoạch của Nhà trường nhìn chung đã thể hiện rõ lộ trình các bước hướng tới đạt được các mục tiêu của Chiến lược BĐCL. Đặc biệt với mục tiêu cuối cùng là đến hết năm 2025, Trường phải được Bộ GD&ĐT công nhận đạt chuẩn chất lượng CSGD đại học, Trường đã lập kế hoạch phải rà soát toàn bộ hoạt động của các đơn vị nói chung và của các CTĐT nói riêng. Các kết quả rà soát cùng với Báo cáo kết quả khảo sát các BLQ được sử dụng làm căn cứ để triển khai các biện pháp cải tiến chất lượng giáo dục của Trường như: cập nhật, chỉnh sửa

CTĐT; điều chỉnh cơ chế chính sách khuyến khích GV đi học tập nâng cao trình độ, tham gia NCKH, xây dựng mạng lưới BĐCL bên trong,... Qua những lần rà soát, điều chỉnh, đến năm 2024, Trường vạch rõ kế hoạch TĐG chất lượng CSGD, cải tiến chất lượng sau TĐG và tiến hành ĐGN trong năm 2024.

Trong các cuộc họp giao ban, Trường đã lồng ghép triển khai nhiệm vụ cho các đơn vị về việc thực hiện Kế hoạch BĐCL năm học; chỉ đạo các thành viên đại diện các đơn vị tham gia mạng lưới BĐCL chủ động triển khai hoạt động BĐCL của đơn vị mình [H9.09.03.06]. Trên cơ sở đó, lãnh đạo đơn vị; bộ phận BĐCL đơn vị trực tiếp triển khai các hoạt động tại đơn vị mình.

Phòng KT-BĐCL với vai trò là đơn vị chuyên trách, hằng năm cũng lập kế hoạch và triển khai nhiều hoạt động BĐCL ở phạm vi toàn trường [H9.09.03.07], trong đó, có việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy định, quy trình, hướng dẫn công tác BĐCL; tham mưu cho BGH về việc cử GV, CBCNV của phòng và trong mạng lưới tham gia các khóa đào tạo/tập huấn về BĐCL [H9.09.03.08], [H9.09.03.09]. Phòng cũng là đơn vị đầu mối tiến hành tổng kết toàn bộ công tác BĐCL năm học của Trường và báo cáo với Hiệu trưởng cũng như toàn bộ mạng lưới [H9.09.03.10].

Thông qua sự quán triệt của các cấp lãnh đạo, trong giai đoạn 2019-2024, nhiều hoạt động BĐCL được triển khai khá hiệu quả như: Thành lập các tổ BĐCL (2022), đồng thời thường xuyên rà soát, kiện toàn các tổ (2023); Xây dựng mới hoặc rà soát, chỉnh sửa các văn bản quy định, hướng dẫn về hoạt động BĐCL; Cử CBCNV, GV tham gia các lớp đào tạo/bồi dưỡng về công tác BĐCL; Tự tổ chức tập huấn nội bộ về công tác tự đánh giá; Khảo sát các BLQ về các hoạt động; Rà soát, điều chỉnh CĐR và Bản mô tả CTĐT [H9.09.03.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.4. Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục BĐCL được triển khai.

Nhà trường đã ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ trong đó quy định rõ về việc lập hồ sơ, công việc, nộp hồ sơ và lưu trữ. Đơn vị được giao nhiệm vụ phụ trách về công tác văn thư lưu trữ của Trường là Phòng TCHC. Đối với các văn bản về chính sách, quy trình và thủ tục BĐCL, thực hiện đúng Quy chế BĐCLGD, Phòng KT-BĐCL là đơn vị đầu mối lưu trữ theo quy định. Ngoài ra, tổ BĐCL tại các đơn vị cũng có trách nhiệm lưu trữ minh chứng theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị mình và theo phân công lĩnh vực phục vụ kiểm định chất lượng [H9.09.04.01].

Hệ thống văn bản bản về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục BĐCL của Trường được phân loại gồm: Các báo cáo tổng kết về công tác BĐCL và Kế hoạch BĐCL hằng năm của Trường [H9.09.04.02], [H9.09.04.03]; Chính sách chất lượng [H9.09.04.04]. Các quy định, quy trình và thủ tục BĐCL [H9.09.04.05]. Các kế hoạch công tác BĐCL của

Phòng KT-BĐCL [H9.09.04.06]. Các văn bản của Nhà nước, Bộ GD&ĐT về công tác BĐCL và KĐCL [H9.09.04.07].

Hệ thống văn bản trên được lưu trữ ở 2 dạng: giấy tờ và số hóa (file pdf). Để thuận tiện cho việc truy xuất, Phòng KT-BĐCL lập một danh mục, sắp xếp theo cấp-thời gian ban hành, đồng thời có ghi rõ số hiệu cũng như nội dung trích xuất của mỗi văn bản [H9.09.04.08]. Phòng cũng lưu trữ trực tuyến toàn bộ các văn bản trên ứng dụng Google Drive và chia sẻ cho tất cả các thành viên trong mạng lưới BĐCL của Trường [H9.09.04.09]. Riêng đối với những văn bản cần công khai đến nhiều đối tượng liên quan (GV, NH, doanh nghiệp...), phòng chủ động đăng tải trực tiếp trên website của mình [H9.09.04.10]. Song song với nhiệm vụ lưu trữ, phòng cũng thường xuyên theo dõi, cập nhật các văn bản mới ban hành, do đó đảm bảo được cho hệ thống lưu trữ tính hiện hành, không lỗi thời.

Thực hiện nhiệm vụ của Chiến lược BĐCL, Trường thường xuyên rà soát chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục BĐCL và lập kế hoạch xây dựng mới hoặc chỉnh sửa, bổ sung hằng năm. Các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL của Trường được rà soát trong tổng thể trong hoạt động rà soát các văn bản, quy chế, quy định của Trường. Trong đó, quan trọng nhất phải kể đến các văn bản, quy chế, quy định sau: Quyết định số 156/QĐ-ĐHTT.23, ngày 14/09/2023 thay cho Quyết định số 71/QĐ-ĐHTT.22, ngày 16/05/2022 về việc thành lập các Tổ BĐCL; Quyết định số 219/QĐ-ĐHTT.23, ngày 07/11/2023 về việc sửa đổi, thay thế một số điều trong Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHTT kèm theo Quyết định số 31/QĐ-ĐHTT.21 ngày 30/06/2021; Quyết định số 168/QĐ-HĐTr.21, ngày 25/12/2021 thay cho Quyết định số 0203/QĐ-TTU.17, ngày 02/3/2017 về Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc; Quyết định số 68/QĐ-ĐHTT.22 ngày 10/05/2022 thay cho Quyết định số 111/QĐ-TTU.17 ngày 01/09/2017 về Quy định khảo sát lấy ý kiến các BLQ,... Trong mỗi lần chỉnh sửa, Phòng KT-BĐCL, với vai trò là phòng đầu mối, đều căn cứ vào các quy định mới nhất của Nhà nước để biên soạn dự thảo, thông báo đến toàn bộ GV, CBCNV để lấy ý kiến góp ý cho dự thảo, sau đó tiếp tục điều chỉnh trước khi ban hành chính thức [H9.09.04.05].

Sau mỗi lần ban hành mới, các chính sách, quy trình mới đều cập nhật lên drive, website để thuận lợi cho việc tiếp cận của toàn thể GV, CBCNV và NH [H9.09.04.09], [H9.09.04.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.5. Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác ĐBCL của CSGD.

Trường có một thống KPIs và chỉ tiêu phấn đấu chính để đo lường và đánh giá kết quả công tác BĐCL gồm 2 cấp: Cấp chiến lược và Cấp kế hoạch hằng năm [H9.09.05.01].

Ở cấp chiến lược, mỗi nhiệm vụ thực hiện Chiến lược BĐCL dự kiến thực hiện trong giai đoạn 2019-2024 đều gắn liền với một sản phẩm dự kiến đạt được [H9.09.05.02].

Bảng 09.05.01. Một số KPIs và chỉ tiêu phấn đấu cấp chiến lược

TT	Các nhiệm vụ	Sản phẩm dự kiến (KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính)
1	Củng cố và hoàn thiện hệ thống BĐCL bên trong Trường	<p>Mạng lưới BĐCL bên trong Trường hoạt động ổn định, hiệu quả</p> <p>Các văn bản quy định, hướng dẫn về hoạt động BĐCL được bổ sung và hoàn thiện hằng năm</p> <p>100% các thành viên mạng lưới BĐCL được bồi dưỡng, tập huấn về công tác BĐCL</p> <p>Ít nhất 3 CB chuyên trách BĐCL có chứng chỉ đào tạo kiểm định viên KĐCLGD</p>
2	Xây dựng văn hoá chất lượng trong Trường	<p>100% GV, CBCNV, NH thực hiện đúng quy định về chế độ, giờ giấc làm việc, văn hoá ứng xử</p> <p>100% GV, CBCNV được tuyên truyền TN, SM, GTCL và chính sách BĐCL của Trường</p>
3	Rà soát, chỉnh sửa các CTĐT	<p>CĐR của tất cả các CTĐT được rà soát và công bố</p> <p>CTĐT của các ngành có sự cải tiến về phương pháp dạy-học; phương pháp KT-ĐG...</p>
4	Rà soát, cải tiến chất lượng hoạt động của các phòng chức năng và trung tâm.	<p>Hệ thống các văn bản quy định, quy trình về các hoạt động trong toàn trường được cập nhật thường xuyên.</p> <p>Chất lượng thực hiện nhiệm vụ của các phòng và trung tâm được cải tiến (đạt trên 75% NH hài lòng).</p>
5	Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác BĐCL	<p>Hệ thống thông tin phục vụ công tác BĐCL được vận hành</p>
6	Tiến hành khảo sát các BLQ về chất lượng đào tạo	<p>100% GV được lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy</p> <p>100% NH trước khi tốt nghiệp được lấy ý kiến phản hồi về chất lượng các CTĐT</p> <p>100% Cựu NH được lấy ý kiến về chất lượng CTĐT</p> <p>Các doanh nghiệp được lấy ý kiến khảo sát về chất lượng NH tốt nghiệp các CTĐT của Trường.</p>

TT	Các nhiệm vụ	Sản phẩm dự kiến (KPIs và các chỉ tiêu phần đầu chính)
7	Khảo sát GV, CBCNV về môi trường làm việc	100% GV, CBCNV được lấy ý kiến đánh giá về môi trường làm việc
8	Kiểm định chất lượng CSGD	Báo cáo TĐG chất lượng CSGD được hoàn thành Đăng ký ĐGN; được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng
9	Kiểm định chất lượng CTĐT	35% Triển khai TĐG chất lượng CTĐT các ngành đang đào tạo tại trường

Để đạt các chỉ tiêu phần đầu này, Nhà trường đã cụ thể hóa các chỉ số và chỉ tiêu phần đầu đưa vào trong các kế hoạch trọng tâm và phương hướng cụ thể hàng năm của Trường từ đó các đơn vị, cá nhân xây dựng kế hoạch để triển khai nhằm đạt được các mục tiêu BĐCL **[H9.09.05.03]**. Bên cạnh đó, bám sát vào các KPIs và chỉ tiêu phần đầu chính cấp chiến lược, Phòng KT-BĐCL đã tham mưu xây dựng KPIs và chỉ tiêu phần đầu chính cho từng hoạt động trong Kế hoạch BĐCL năm học **[H9.09.05.03]**. Hoạt động này cùng với việc phân công trách nhiệm cho từng đơn vị, cá nhân cụ thể đã giúp tăng cường đồng lực, thúc đẩy hoàn thành mục tiêu của mỗi năm học.

Đánh giá cho kết quả công tác BĐCL, cuối mỗi năm, theo đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, Phòng KT-BĐCL tiến hành Báo cáo tổng kết công tác BĐCL năm học, trong đó có nội dung so sánh giữa giá trị KPIs thực tế với chỉ tiêu phần đầu chính dự kiến từ đầu năm để xác định mức độ hoàn thành mục tiêu năm học. Sau cả giai đoạn chiến lược, Trường cũng tiến hành so sánh KPIs thực tế với KPIs chiến lược nhằm rà soát kết quả thực hiện Chiến lược BĐCL. Qua đó, nổi bật lên một số chỉ tiêu chưa đạt được như chưa triển khai đạt 35% TĐG CTĐT các ngành đang đào tạo tại trường **[H9.09.05.04]**.

So với giai đoạn trước, kết quả công tác BĐCL giai đoạn 2019-2024 của Trường đã thể hiện sự tiến bộ rõ rệt với nhiều thành tích chưa có trước đó, cụ thể như:

- i) Đã hình thành và vận hành ổn định mạng lưới BĐCL bên trong;
- ii) Xây dựng được hệ thống chính sách, quy định, hướng dẫn về công tác BĐCL;
- iii) Số lượt GV, CBCNV được cử đi đào tạo, bồi dưỡng về công tác BĐCL và KĐCLGD nhiều hơn;
- iv) Công tác khảo sát các BLQ được thực hiện thường xuyên hơn và trên phạm vi rộng, hướng đến nhiều đối tượng hơn (trước đó chỉ khảo sát NH về hoạt động giảng dạy của GV);
- v) Xây dựng và vận hành được hệ thống thông tin phục vụ công tác BĐCL;
- vi) Văn hóa chất lượng trong Trường đã được hình thành. Toàn bộ các đơn vị, GV, CBCNV Trường đều hiểu rõ TN, SM của Trường và thường xuyên rà soát để cải tiến chất lượng các hoạt động của đơn vị (rà soát, cập nhật CTĐT; rà soát, cải tiến phương pháp

giảng dạy; rà soát, cải tiến phương pháp KT-ĐG...).

Những thành tích trên đạt được cơ bản do Trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác BĐCL hằng năm theo Chiến lược BĐCL giai đoạn 2022-2025 và tầm nhìn 2030. Trong khi đó, ở giai đoạn trước, công tác BĐCL chỉ thực hiện theo Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến 2030 với tư cách hỗ trợ cho các mục tiêu về đào tạo và NCKH mà chưa có định hướng riêng cụ thể [H9.09.05.05].

Đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.6. Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phần đầu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và BĐCL của CSGD.

Thực hiện nhiệm vụ “*Chiến lược Bảo đảm chất lượng giáo dục của Trường ĐHTT giai đoạn 2022-2025 và tầm nhìn 2030*” về việc rà soát, cải tiến chất lượng các hoạt động, Trường thường xuyên chủ động việc rà soát, cải tiến quy trình lập kế hoạch hoạt động cũng như các KPIs và chỉ tiêu phần đầu chính [H9.09.06.01].

Đối với quy trình lập kế hoạch năm học, trước năm 2023, phòng KT-BĐCL thường lập dự thảo kế hoạch BĐCL cho năm học mới, sau đó tổ chức họp Mạng lưới BĐCL để thảo luận về bản dự thảo. Trong các cuộc họp đó, Hiệu trưởng đã nhấn mạnh các nhiệm vụ trọng tâm trong kế hoạch dự thảo, đồng thời, đề nghị các đơn vị đề xuất đưa vào những hoạt động cần làm ngay để cải tiến chất lượng ở đơn vị mình nếu chưa thấy trong kế hoạch [H9.09.06.02]. Sau khi rà soát nhận thấy quy trình cũ có thể gây ra sự bị động đối với việc lập kế hoạch của các đơn vị, Phòng KT-BĐCL đã tham mưu BGH thay đổi theo trình tự các bước:

- (1) Các đơn vị lập dự thảo Kế hoạch BĐCL của đơn vị;
- (2) Phòng KT-BĐCL tiến hành lập Kế hoạch BĐCL của Trường;
- (3) Họp thảo luận về các bản kế hoạch;
- (4) Hoàn thiện kế hoạch và triển khai thực hiện [H9.09.06.03].

Đối với Chiến lược BĐCL, Phòng KT-BĐCL được sự chỉ đạo của Hiệu trưởng đã xây dựng Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện Chiến lược BĐCL giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn 2030. Báo cáo đã chỉ ra nguyên nhân chưa hoàn thành mục tiêu đặt ra là việc xác định chưa đúng tình trạng nguồn lực về tài chính, nhân sự đáp ứng cho chiến lược. Báo cũng đề xuất cần phải cải tiến quy trình xây dựng Chiến lược giai đoạn tiếp theo trong đó bổ sung các bước: tổ chức hội thảo để lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động, NH, các nhà khoa học; tăng cường phân tích SWOT về điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thử thách của Trường để xác định mục tiêu chiến lược phù hợp [H9.09.06.04].

Về phía các KPIs và các chỉ tiêu phần đầu chính, theo sự đề xuất trong Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện Chiến lược BĐCL giai đoạn 2022-2025 và tầm nhìn 2030, Hiệu trưởng và mạng lưới BĐCL cũng thống nhất chuyển các KPIs chưa hoàn thành sang giai đoạn 2023-2025, cụ thể:

i) Đến hết năm 2024: Cử ít nhất 02 CBCNV Phòng KT-BĐCL đi đào tạo kiểm định viên KĐCLGD; 90% thành viên mạng lưới BĐCL phải được cấp giấy chứng nhận tham gia khóa bồi dưỡng về công tác BĐCL.

ii) Đến hết năm 2025: Triển khai TĐG chất lượng 35% CTĐT các ngành đang đào tạo ở Trường.

Sự điều chỉnh trên có thể xem là phù hợp với tình hình hiện thực tế của Trường [H9.09.06.04], [H9.09.06.05].

Đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Một là, Trường có đơn vị chuyên trách về BĐCL, trong đó CBCNV được đào tạo, bồi dưỡng về đảm bảo và KĐCL giáo dục. Nguồn nhân lực để tham mưu, quản lý, giám sát, đánh giá các hoạt động (hệ thống BĐCL bên trong) được hình thành dưới dạng mạng lưới BĐCL (tổ BĐCL ở từng đơn vị). Hệ thống BĐCL bên trong được thiết lập có cấu trúc chặt chẽ, mang tính bền vững.

Hai là, Trường có kế hoạch chiến lược dài hạn, trung hạn, ngắn hạn với các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể rõ ràng, có hệ thống chính sách quy định, quy trình về BĐCL cho các hoạt động... làm định hướng để đảm bảo và nâng cao chất lượng cho toàn bộ hoạt động của Trường.

Ba là, chiến lược BĐCL giáo dục được ban hành, thực hiện, rà soát, đánh giá một cách đồng bộ, phù hợp với SM, mục tiêu và CLPT của Trường trong từng giai đoạn. Chiến lược này đã được cụ thể hóa thành kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn nhằm thực hiện các mục tiêu chiến lược của Trường.

Bốn là, Trường có các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đầu chính để đo lường kết quả công tác BĐCL.

Năm là, Trường có hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục về BĐCL và hệ thống này được triển khai trên thực tế.

Sáu là, quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đầu chính của Trường được rà soát, cải tiến trong chu kỳ đánh giá.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Một số BM thuộc Khoa vẫn còn chưa cụ thể trong lập kế hoạch BĐCL giáo dục và minh chứng hoạt động chưa bám sát kế hoạch.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Tập huấn luyện liên tục cho các BM thuộc khoa về BĐCL	Phòng KT-BĐCL, các BM	2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tổ chức nhiều lớp chuyên sâu về BĐCL cho các cá nhân thuộc mạng lưới BĐCL của Trường	Phòng KT-BĐCL	2025	
3	Phát huy điểm mạnh 2, 3	Tiến hành đánh giá nhu cầu các BLQ trong lần đánh giá KHCL trung hạn, KH BĐCL	Phòng KT-BĐCL	2025	
4	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục định kỳ rà soát các công cụ giám sát, công cụ đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu chiến lược	Phòng KT-BĐCL	2024	
5	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục duy trì và không ngừng hoàn thiện hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục về BĐCL	Phòng KT-BĐCL	2025	
6	Phát huy điểm mạnh 6	Tiếp tục duy trì việc rà soát, cải tiến Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đầu chính của Trường.	Phòng KT-BĐCL	2025	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 9	5,00
Tiêu chí 9.1	5
Tiêu chí 9.2	5
Tiêu chí 9.3	5
Tiêu chí 9.4	5
Tiêu chí 9.5	5
Tiêu chí 9.6	5

Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài

Tiêu chí 10.1. Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập.

Trường đã ban hành CLPT trường giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn 2030 [H10.10.01.01] và Chiến lược BĐCL giáo dục giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn 2030 [H10.10.01.02], cụ thể hóa bản chiến lược là Kế hoạch thực hiện chiến lược BĐCL giáo dục trong đó xác định rõ lộ trình cho KĐCL cụ thể như sau:

- Năm 2023, triển khai TĐG chất lượng 01 CTĐT ngành Y khoa, xây dựng Kế hoạch cải tiến chất lượng trước khi ĐGN.

- Năm 2024, triển khai TĐG chất lượng CSGD, xây dựng Kế hoạch cải tiến chất lượng trước khi ĐGN.

- Năm 2024, triển khai TĐG chất lượng 03 CTĐT ngành Quản trị kinh doanh, ngành Khoa học máy tính và ngành Ngôn ngữ Anh.

Để thực hiện mục tiêu chiến lược BĐCL, Phòng KT-ĐBCL tham mưu cho BGH xây dựng Kế hoạch BĐCL năm học. Kế hoạch xác định cụ thể các nhiệm vụ, dự kiến kết quả đạt được cũng như sự tham gia của các BLQ trong trường [H10.10.01.03]. Đối với công tác TĐG, Trường đã xây dựng và ban hành Kế hoạch TĐG CSGD giai đoạn 2019-2024 [H10.10.01.04]. Bản Kế hoạch có nêu rõ trách nhiệm, quyền hạn, nhiệm vụ của từng thành viên trong Hội đồng, Ban Thư ký, các nhóm công tác và lộ trình cụ thể để hoàn thành báo cáo TĐG. Trường cũng đã xây dựng Kế hoạch chuẩn bị cho ĐGN trong đó có nêu rõ tiến độ để thực hiện ĐGN và phân công nhiệm vụ cho các đơn vị, cá nhân một cách cụ thể, chi tiết [H10.10.01.05].

Tháng 09/2023, Trường tiến hành TĐG CSGD theo các công văn hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Trường thành lập Hội đồng TĐG, Ban Thư ký và các nhóm chuyên trách [H10.10.01.06], đồng thời thông báo đến các đơn vị trong trường về việc phổ biến Kế hoạch TĐG và đề nghị các đơn vị hỗ trợ công tác TĐG [H10.10.01.07]. Để công tác TĐG đạt hiệu quả và thực hiện đúng kế hoạch, Trường giao cho Phòng KT-ĐBCL tổ chức tập huấn công tác TĐG. Tại Hội nghị, chủ tịch Hội đồng TĐG đã chỉ ra tính cấp thiết phải thực hiện công tác TĐG CSGD, Thư ký Hội đồng phổ biến Kế hoạch TĐG và hướng dẫn các văn bản liên quan đến ĐBCL, TĐG do Cục QLCL-Bộ GD&ĐT ban hành tới các BLQ và các thành viên của Hội đồng TĐG [H10.10.01.08]. Tài liệu đã được in sao và đóng thành cuốn phát cho từng thành viên trong Hội đồng TĐG [H10.10.01.09]. Trong quá trình TĐG, Trường đã phối hợp với Viện Khoa học Giáo dục Nam Việt tổ chức tập huấn, hướng dẫn và phổ biến về hoạt động TĐG đến các BLQ thông qua hội nghị tập huấn công tác TĐG [H10.10.01.10].

Qua quá trình triển khai công tác TĐG, Trường nhận thấy cần có thời gian để cải tiến các lĩnh vực hoạt động của Trường nhằm đáp ứng Bộ tiêu chuẩn đánh giá CLGD quy định

tại Thông tư 12/2017. Thực hiện theo kế hoạch, Trường các nhóm chuyên trách đã họp và giao nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của nhóm theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí nhằm thúc đẩy công tác TĐG được thực hiện theo đúng kế hoạch [H10.10.01.11].

Để chuẩn bị cho công tác TĐG CSGD, Trường đã cử CB đi tập huấn nghiệp vụ TĐG theo quy định của Bộ GD&ĐT [H10.10.01.12]. Trường cũng phối hợp với Trung tâm KĐCLGD-ĐHQG TP. HCM tổ chức khóa bồi dưỡng công tác BĐCL bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ CB đảm nhận công tác BĐCL, Hội đồng TĐG và các nhóm công tác [H10.10.01.13]; Các nhóm chuyên trách đã triển khai các hoạt động theo Kế hoạch TĐG như nghiên cứu tài liệu hướng dẫn, thu thập minh chứng. Hội đồng TĐG đã họp để rà soát tiến độ, báo cáo BGH các vướng mắc trong quá trình triển khai để có chỉ đạo kịp thời [H10.10.01.14]. Sau khi hoàn thành dự thảo báo cáo TĐG, Hội đồng TĐG đã tổ chức cho các đơn vị góp ý dự thảo và hoàn thiện báo cáo sau góp ý trình Hiệu trưởng ký ban hành báo cáo chính thức để gửi Cục QLCL và đăng ký ĐGN [H10.10.01.15]. Đối với ĐGN, Trường cũng đã chuẩn bị cho đăng ký ĐGN CSGD như: gửi báo cáo hoàn thiện về Cục QLCL theo quy định và đã được cục QLCL đăng tải báo cáo TĐG của Trường trên website của Cục [H10.10.01.16]; Trường đăng ký kế hoạch KĐCL CSGD với Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn [H10.10.01.17]; Trường và Trung tâm thực hiện trao đổi, thương thảo và ký kết hợp đồng thẩm định Báo cáo TĐG. Sau khi nhận kết quả thẩm định báo cáo TĐG của Trung tâm KĐCLGD, Hội đồng TĐG tiếp tục hoàn thiện báo cáo TĐG và giải trình theo yêu cầu của Trung tâm KĐCL. Sau khi hoàn thiện báo cáo TĐG, Trường thỏa thuận ký hợp đồng ĐGN với Trung tâm KĐCL và gửi công văn thông báo về việc đã ký hợp đồng ĐGN kèm theo file văn bản báo cáo TĐG về Cục QLCL. Song song với các hoạt động trên Trường lập kế hoạch chi tiết chuẩn bị ĐGN [H10.10.01.18].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 10.2. Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo.

Thực hiện chiến lược BĐCL, Trường đã triển khai công tác TĐG theo đúng lộ trình. Năm 2023, Trường thực hiện hoạt động TĐG CTĐT và được công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT trình độ đại học ngành Y khoa theo Quyết định số 584/QĐ-KĐCLGDSG ngày 25/7/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn [H10.10.02.01]. Năm 2024, Trường thực hiện công tác TĐG CSGD theo bộ tiêu chuẩn được quy định tại Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT và Công văn số 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục QLCL. Trường đã xây dựng Kế hoạch chuẩn bị ĐGN một cách cụ thể, chi tiết với quyết tâm hoàn thành báo cáo TĐG theo đúng kế hoạch để chuẩn bị cho ĐGN [H10.10.02.02], [H10.10.02.03], [H10.10.02.04], [H10.10.02.05].

Trường đã có 04 CB có chứng chỉ đào tạo kiểm định viên KĐCLGD, có 48 CB đã có chứng chỉ hoàn thành khóa tập huấn về “*Tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá phục vụ*

kiểm định chất lượng CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT” [H10.10.02.06]. Phần lớn các CB thuộc Hội đồng TĐG đã tham dự khóa bồi dưỡng về công tác ĐBCL do Trung tâm KĐCLGD ĐHQG TP. HCM phối hợp với Trường thực hiện và được cấp chứng chỉ về ĐBCL [H10.10.02.07]. Như vậy, đội ngũ CB tham gia vào công tác TĐG của Trường đã được đào tạo và tập huấn về ĐBCL tương đối đầy đủ, tuy nhiên số lượng đội ngũ CB có chứng chỉ kiểm định viên còn hạn chế, mới chỉ có 04 CB được tham dự lớp kiểm định viên, chưa có CB có thể kiểm định viên KĐCLGD. Tuy nhiên, Trường đã cử 03 CB tham gia lớp đào tạo, bồi dưỡng kiểm định viên nhằm chuẩn bị cho kỳ sát hạch kiểm định viên giáo dục trong thời gian tới.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 10.3. Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát.

Trong giai đoạn đánh giá, Trường đã tiến hành TĐG, được ĐGN và được công nhận kiểm định chất lượng đối với CTĐT ngành Y khoa trình độ đại học. Công tác TĐG theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT đã giúp Trường rà soát lại một cách toàn diện và có hệ thống tất cả các mặt hoạt động của Trường, từ đó xây dựng kế hoạch hành động nhằm khắc phục các tồn tại để liên tục cải tiến chất lượng giáo dục. Sau đợt ĐGN, điểm mạnh, tồn tại và các khuyến nghị theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá CTĐT tất cả các hoạt động của Trường đều được đoàn ĐGN xác định và phân tích cụ thể. Các đánh giá này là cơ sở để Trường rà soát và tiến hành cải tiến đối với các hoạt động của Trường [H10.10.03.01].

Căn cứ vào kết quả báo cáo ĐGN, Trường đã triển khai thực hiện các khuyến nghị nhằm cải tiến chất lượng các hoạt động, cụ thể: Từ tháng 8/2024 đến tháng 10/2024, Trường đã tổ chức các buổi tập huấn và mời Viện Khoa học Giáo dục Nam Việt tập huấn về hệ thống ĐBCL bên trong, tập huấn về cách xây dựng, đánh giá CDR CTĐT, tập huấn xây dựng ngân hàng đề thi [H10.10.03.02]. Bên cạnh đó, Trường đã triển khai kế hoạch xây dựng ngân hàng đề thi và bước đầu đánh giá, phân tích phổ điểm thi KTHP để đánh giá chất lượng, độ khó của đề thi và mức độ đáp ứng CDR của NH [H10.10.03.03].

Bên cạnh đó, trong quá trình TĐG chất lượng CSGD, các nhóm công tác đã phân tích, xác định và chỉ ra được các điểm mạnh, điểm tồn tại trên các lĩnh vực hoạt động của Trường [H10.10.03.04]. Trên cơ sở những tồn tại cơ bản được chỉ ra trong quá trình TĐG, Trường nhận thấy một số lĩnh vực hoạt động của Trường chưa đáp ứng đầy đủ với Bộ tiêu chuẩn theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT, Trường đã ban hành kế hoạch cải tiến các hoạt động PVCD; kế hoạch khảo sát các BLQ năm học 2024-2025 [H10.10.03.05]. Kết quả khảo sát thu được là căn cứ để Nhà trường và các đơn vị tiến hành rà soát, cải tiến và hoàn thiện các mặt hoạt động. Tuy nhiên vẫn còn một số điểm tồn tại chưa khắc phục liên quan đến các hoạt động NCKH và CGCN.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 10.4. Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Tháng 09 năm 2023, Hội đồng TĐG CSGD được thành lập theo Quyết định số 154/QĐ-ĐHTT.23, ngày 12/09/2023 để thực hiện quá trình TĐG các lĩnh vực trong Trường [H10.10.04.01]. Hội đồng đã triển khai xây dựng kế hoạch TĐG chất lượng CSGD giai đoạn 2019-2024 [H10.10.04.02], phân công đánh giá theo từng lĩnh vực hoạt động của Trường, quy định rõ mốc thời gian các công việc cần làm.

Hội đồng có nhiệm vụ triển khai TĐG CSGD theo quy định về KĐCL CSGD đại học. Hội đồng TĐG đã lựa chọn các nhóm công tác chuyên trách đến từ nhiều đơn vị trong Trường, phần lớn là các CBCNV, GV trẻ, có trình độ, năng lực nghiên cứu và tâm huyết với sự phát triển của Trường. Trong quá trình triển khai công tác TĐG và chuẩn bị cho ĐGN, Hội đồng TĐG đã tổ chức họp rút kinh nghiệm, chia sẻ thực hành tốt trong công tác TĐG giữa các nhóm chuyên trách [H10.10.04.03]. Kế hoạch TĐG giai đoạn mới có sự cải tiến như: các nhóm công tác có sự phân công cụ thể chi tiết cho từng thành viên trong nhóm [H10.10.04.04]; tăng cường công tác tập huấn cho các nhóm công tác, Trường đã mời Viện Khoa học Giáo dục Nam Việt tập huấn cho toàn bộ Hội đồng TĐG về công tác BĐCL và TĐG CSGD, CTĐT [H10.10.04.05]; ban hành quy định và lưu trữ hồ sơ minh chứng và chỉ đạo các đơn vị thực hiện lưu trữ đầy đủ hệ thống minh chứng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị; tăng cường ứng dụng CNTT trong quá trình TĐG [H10.10.04.06], [H10.10.04.07].

Hiện nay, Trường đang hoàn thành công tác TĐG giai đoạn 2019-2024 và đang chuẩn bị cho công tác ĐGN [H10.10.04.08]. Để chuẩn bị cho công tác ĐGN, sau khi hoàn thành Dự thảo, Hội đồng TĐG tổ chức cho các đơn vị góp ý và hoàn thiện Báo cáo chính thức trình Hiệu trưởng phê duyệt. Quy trình các bước tiếp theo Trường thực hiện gửi công văn và bản Báo cáo TĐG về Cục QLCL [H10.10.04.09]; Đăng ký Kế hoạch TĐG với Trung tâm Kiểm định CLGD [H10.10.04.10]; Xây dựng Kế hoạch chuẩn bị cho khảo sát sơ bộ và khảo sát chính thức [H10.10.04.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Trường có đầy đủ các kế hoạch BĐCL trung hạn (2021-2026), kế hoạch BĐCL hằng năm, trong đó xác định rõ lộ trình và kế hoạch TĐG và chuẩn bị cho việc ĐGN CSGD chu kỳ I và các CTĐT trình độ ĐH. Để quản lý và thực hiện hiệu quả việc TĐG CLGD, Trường xây dựng và rà soát các văn bản về quy trình liên quan công tác TĐG và chuẩn bị cho việc ĐGN; các văn bản được phổ biến đến các BLQ trong Trường bằng nhiều hình thức.

Hoạt động TĐG chất lượng được thực hiện đúng theo quy định và kế hoạch. Trường

thực hiện TĐG CLGD CSGD, đã được công nhận đạt chuẩn CLGD 01 CTĐT/10 CTĐT vào năm 2024. Trường có 04 CBCNV có chứng nhận đào tạo kiểm định viên KĐCLGD. Tất cả các CB tham gia trong hội đồng TĐG CSGD và CTĐT đều được tham dự các khóa tập huấn về BĐCL trong và ngoài trường.

Trong quá trình thực hiện TĐG CLGD 01 CTĐT đại học, TĐG CLGD CSGD; thành viên Hội đồng TĐG và nhóm chuyên trình đều phân tích kỹ lưỡng, cụ thể các điểm mạnh, tồn tại, kế hoạch hành động dựa trên thực trạng và điều kiện của Trường, nhằm đạt được mục tiêu chiến lược của Trường. Các điểm mạnh, tồn tại, kế hoạch hành động được nhiều lần chỉnh sửa, bổ sung, lấy ý kiến của Chủ tịch HĐT, BGH, lãnh đạo các đơn vị, CBCNV, NH. Trường không những triển khai cải tiến theo các khuyến nghị của đoàn ĐGN và báo cáo TĐG (01 CTĐT đại học) mà còn chủ động xây dựng các cải tiến theo các Thông tư hướng dẫn mới của Bộ GD&ĐT trong giai đoạn TĐG.

Để công tác TĐG và ĐGN phù hợp với các văn bản quy định mới, Trường đã xây dựng, rà soát và có những cải tiến, thay đổi trong các quy trình TĐG CLGD, quy trình chuẩn bị ĐGN, quy trình đánh giá nội bộ, quy trình PDCA...; sử dụng công nghệ (phần mềm quản trị ĐH) trong việc lưu trữ minh chứng và hoàn thành hồ sơ TĐG.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Số lượng cán bộ có chứng chỉ kiểm định viên KĐCLGD Đại học và Trung cấp chuyên nghiệp còn ít so với tổng quy mô viên chức của Trường.

Chưa có CB có thể kiểm định viên KĐCLGD.

Công tác TĐG CLGD 10 CTĐT đại học triển khai chậm so với kế hoạch, công tác lưu trữ minh chứng liên quan CTĐT và hoạt động ĐT của các CTĐT đại học chưa hệ thống tốt.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Tổ chức khóa ĐT kiểm định viên theo đúng quy hoạch. Cử CB tham gia kỳ sát hạch kiểm định viên.	Phòng KT-BĐCL	2025	
2	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng quy trình quản lý dữ liệu liên quan CTĐT đại học	Phòng QLĐT, Khoa	2024	
3	Phát huy điểm mạnh 1	Nghiên cứu và tiếp cận các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế để xây dựng các	Phòng KT-BĐCL	2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		quy trình TĐG theo chuẩn quốc tế			
4	Phát huy điểm mạnh 2	Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện lộ trình TĐG CLGD để đạt chỉ tiêu TĐG theo QĐ 78 của Thủ tướng và theo chỉ tiêu giai đoạn 2021-2026 của Trường	Các Khoa	2024	
5	Phát huy điểm mạnh 3	Xây dựng thêm các hình thức lấy ý kiến các BLQ cho các phân tích trong SAR, như: tọa đàm, trao đổi trên diễn đàn.	Phòng KT-BĐCL	2024	
6	Phát huy điểm mạnh 4	Hoàn chỉnh module BĐCL trong hệ thống phần mềm quản trị ĐH để liên kết dữ liệu, thông tin, minh chứng	Các đơn vị thuộc trường	2024	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 10	5,00
Tiêu chí 10.1	5
Tiêu chí 10.2	5
Tiêu chí 10.3	5
Tiêu chí 10.4	5

Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong

Tiêu chí 11.1. Kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các BLQ nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ được thiết lập.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác BĐCL bên trong, BGH chỉ đạo cho Phòng KT-BĐCL xây dựng Kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý thông tin BĐCL bên trong (bao gồm thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các BLQ) nhằm hỗ trợ cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H11.11.01.01]. Trên cơ sở đó, Trường xây dựng kế hoạch quản lý thông tin [H11.11.01.02], trong đó quy định cụ thể về đơn vị đầu mối là

Phòng KT-BĐCL có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo thông tin cho BGH và các BLQ. Các đơn vị trong Trường thực hiện cung cấp, xử lý và báo cáo thông tin trong từng năm học theo lĩnh vực chuyên môn của đơn vị; chịu trách nhiệm phối hợp với đơn vị đầu mối trong việc cung cấp thông tin BĐCL bên trong, thực hiện các khảo sát các BLQ theo nhiệm vụ, chức năng được giao. Trong kế hoạch quản lý thông tin cũng phân định rõ các đơn vị cung cấp thông tin, cụ thể như sau:

Bảng 11.01.01. Bảng tổng hợp các đơn vị cung cấp thông tin BĐCL

TT	Đơn vị	Loại thông tin cung cấp	Ghi chú
1	Phòng TCHC	Thông tin CBQL, NLD: - Hồ sơ viên chức: Lý lịch, hộ khẩu, văn bằng, chứng chỉ, lương-phụ cấp, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, việc thực hiện chức năng nhiệm vụ, đánh giá xếp loại hàng năm, khen thưởng, kỷ luật,... - Hồ sơ đào tạo, bồi dưỡng CB hàng năm.	
2	Phòng QLĐT Ban TV	Thông tin CTĐT: Chương trình khung, chương trình chi tiết, bản mô tả CTĐT, kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu, kế hoạch thi, kết quả đào tạo toàn khóa, kết quả xét học vụ hàng kỳ, tỷ lệ NH thi/học lại, tỷ lệ NH tốt nghiệp,...	
		Thông tin về ĐCCTHP, tài nguyên học liệu, giáo trình,...	
3	Phòng QLKH-HTQT	Thông tin NCKH: kế hoạch NCKH và kết quả NCKH hàng năm, SHTT, kết quả hoạt động tài chính-thị trường từ công tác NCKH và CGCN,...	
		Thông tin hoạt động đối ngoại trong nước và hợp tác quốc tế: kế hoạch, chương trình, cam kết, hợp đồng,... về đào tạo, NCKH và PVCD với các đối tác trong nước và nước ngoài.	
4	Phòng CTSV- HTDN	Thông tin của NH: hồ sơ nhập học, kết quả học tập và rèn luyện từng kỳ, các hoạt động quản lý, phục vụ và hỗ trợ NH, các chế độ chính sách cho NH, thông tin cá nhân của NH có nhu cầu đặc biệt theo quy định,...	
	Công đoàn, HSV	Thông tin hỗ trợ NH: hỗ trợ NH mới nhập học, sức khỏe, tâm lý, kỹ năng sống, các hoạt động xã hội và thiện nguyện, chỗ ở, việc làm thêm, xin học bổng, thực tập, việc làm cho NH sau khi tốt nghiệp,...	
		Thông tin về các hoạt động kết nối và PVCD	

TT	Đơn vị	Loại thông tin cung cấp	Ghi chú
5	Phòng QL CSVC-TB Ban CNTT	Thông tin về CSVC: kế hoạch và kết quả đầu tư CSVC hàng năm; kết quả rà soát, nâng cấp, chỉnh sửa hệ thống phần mềm, Wifi, internet, trang web,... hàng năm; kết quả khảo sát NH và CBCNV, GV về nhu cầu đáp ứng của CSVC và CNTT của Trường,...	
6	Phòng TCKT	Thông tin về tài chính: kế hoạch và dự toán tài chính hàng năm, kế hoạch phân khai dự toán cho các đơn vị, báo cáo tài chính hàng năm,...	
7	Phòng KT-BĐCL	Thông tin về kết quả phản hồi từ các BLQ về các điều kiện BĐCL của Trường. Thông tin về Báo cáo Ba công khai,...	

Thực hiện theo kế hoạch, Trường đã ban hành Quy định Hoạt động Hệ thống quản lý thông tin BĐCL bên trong và giao bộ phận đầu mối có nhiệm vụ quản lý thông tin BĐCL bên trong, điều hành, quản lý trang thông tin điện tử của Trường **[H11.11.01.03]**, bao gồm: thu thập, xử lý, cập nhật các dữ liệu của các đơn vị về lĩnh vực ĐT, NCKH, PVCĐ và đưa thông tin dữ liệu lên website, trích xuất dữ liệu báo cáo Trường và cấp trên, các BLQ khi có yêu cầu theo quy định.

Sau khi có Kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý thông tin với sự hợp bàn trao đổi của các đơn vị liên quan **[H11.11.01.04]**, Trường đã phân công đơn vị đầu mối là Phòng KT-BĐCL và các đơn vị hỗ trợ, phối hợp trong việc quản lý hệ thống quản lý thông tin BĐCL bên trong **[H11.11.01.05]**. Trong đó, Phòng QLĐT chịu trách nhiệm quản lý thông tin, dữ liệu về hoạt động ĐT, về NH, văn bằng chứng chỉ, về tài nguyên học liệu và đầu mối thực hiện các báo cáo Ba công khai theo thông tư của Bộ GD&ĐT; Phòng CTSV-HTDN chịu trách nhiệm quản lý thông tin, hồ sơ về NH, các hoạt động PVCĐ; Phòng TCHC chịu trách nhiệm quản lý thông tin, dữ liệu về GV và CBCNV; Phòng TCKT chịu trách nhiệm quản lý thông tin dữ liệu về công tác tài chính; Phòng QL CSVC-TB chịu trách nhiệm quản lý thông tin dữ liệu về quản lý, sử dụng tài sản; Các khoa chuyên môn chịu trách nhiệm về quản lý thông tin, dữ liệu về NH ở cấp khoa, về CTĐT,... Phòng KT-BĐCL là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm lập kế hoạch quản lý thông tin BĐCL bên trong Trường hàng năm để các đơn vị thực hiện, quản lý hệ thống thông tin khảo sát lấy ý kiến các BLQ về chất lượng ĐT của Trường. Trên cơ sở đó, phòng đã tham mưu BGH ban hành Quy định khảo sát lấy ý kiến các BLQ trong hoạt động bảo đảm CLGD tại Trường **[H11.11.01.06]**, Quy định lưu trữ hệ thống minh chứng phục vụ công tác BĐCL **[H11.11.01.07]**. Hàng năm, Trường đều ban hành Kế hoạch khảo sát các BLQ về hoạt động của trường **[H11.11.01.08]**, trong đó các đơn vị chịu trách nhiệm chủ trì khảo sát các BLQ về các nội dung, công tác

liên quan đến chức năng nhiệm vụ được phân công. Các báo cáo khảo sát được gửi về Phòng KT-BĐCL tổng hợp và tham mưu BGH để đưa ra các giải pháp trong quá trình quản lý. Việc thu thập, xử lý thông tin từ các BLQ được thực hiện định kỳ hàng năm đảm bảo thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các BLQ nhằm hỗ trợ cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

Để nâng cao hiệu quả trong xây dựng hệ thống quản lý thông tin BĐCL bên trong, Trường đã ban hành Quy chế bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng; Quy chế quản lý, vận hành và khai thác hạ tầng CNTT [H11.11.01.09]. Trên cơ sở đó, Trường triển khai hoạt động ứng dụng CNTT trong quản lý hệ thống thông tin BĐCL bên trong để có các phương án cụ thể về ứng dụng CNTT, cụ thể:

i) Trong quản lý thông tin đào tạo về CTĐT, hoạt động ĐT, NH, văn bằng,... Trường sử dụng phần mềm quản lý ĐT với nhiều phân hệ phân cho các đơn vị chức năng liên quan [H11.11.01.10].

ii) Các thông tin về tài chính, tài nguyên học liệu đều sử dụng các phần mềm chuyên dụng trong từng lĩnh vực như phần mềm kế toán MISA [H11.11.01.11], phần mềm thư viện điện tử, thư viện số [H11.11.01.12].

iii) Các thông tin về hoạt động khảo sát các BLQ đều được lưu trữ trên phần mềm Intranet [H11.11.01.13].

iv) Để công tác TĐG đạt hiệu quả cao hơn, Trường đã sử dụng công cụ Google Drive trong quá trình cập nhật minh chứng, có thể phục vụ cho hoạt động ĐGN trực tuyến [H11.11.01.14].

Các hệ thống phần mềm này cho phép người dùng là GV, CBCNV và NH kê khai và truy xuất dữ liệu cũng như các báo cáo liên quan. Việc cập nhật dữ liệu được thực hiện theo quy trình và thông báo của các đơn vị phụ trách nhằm kịp thời cung cấp các số liệu phục vụ công tác quản lý và ra quyết định.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 11.2. Thông tin về ĐBCL bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các BLQ nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn.

Trường đã ban hành Quy định hoạt động hệ thống quản lý thông tin BĐCL bên trong trên nền tảng CNTT để hỗ trợ công tác ra quyết định [H11.11.02.01]. Trường đã đầu tư xây dựng hệ thống phần mềm Intranet gồm các phân hệ quản lý ĐT (quản lý kế hoạch ĐT, xếp thời khóa biểu; quản lý CTĐT; tổ chức thi,...) phân hệ quản lý NH (điểm rèn luyện, xét học bổng, chế độ chính sách,...), phân hệ quản lý thu học phí, phân hệ quản lý điểm học phần,... để phục vụ cho việc lưu trữ thông tin về NH [H11.11.02.02]. Mỗi đơn vị đều được phân quyền truy cập qua phần mềm để cung cấp dữ liệu cũng như lấy các thông tin cần thiết. Ngoài ra các thông tin cơ bản về ĐT, NCKH và PVCĐ cũng như các hoạt động

hỗ trợ đều đăng tải trên website và các cá nhân có thể thông qua hệ thống Wifi phủ sóng khắp toàn trường để cập nhật thông tin một cách thuận lợi nhất [H11.11.02.03]. Công tác khảo sát các BLQ cũng được triển khai trên hệ thống Intranet [H11.11.02.04]. Chính vì vậy, mọi chủ trương, chính sách của Trường đều được phổ biến đến toàn thể GV, CBCNV và NH để thống nhất thực hiện.

Việc xây dựng hệ thống quản lý thông tin BĐCL bên trong trên nền tảng CNTT như trên đã phát huy tác dụng để các đơn vị, cá nhân và các BLQ có được thông tin chính xác, khách quan về các lĩnh vực ĐT, NCKH và PVCĐ. Với việc ứng dụng phần mềm QLĐT Intranet, quá trình học tập của NH được phân tích chính xác, đầy đủ, thuận tiện, giảm thời gian đáng kể và tăng hiệu quả xử lý công việc trong việc xét học vụ, xét điểm rèn luyện và xét tốt nghiệp. Đối với các loại khảo sát về ý kiến các BLQ, nhằm đảm bảo tính khách quan, chính xác, minh bạch, bảo mật và an toàn dữ liệu [H11.11.02.05], [H11.11.02.06], [H11.11.02.07], Trường đã triển khai ứng dụng CNTT vào các khâu tổ chức khảo sát online bằng hệ thống Intranet, xử lý và phân tích dữ liệu trên ứng dụng Excel [H11.11.02.08]. Trên CSDL được phân tích, các đơn vị lập báo cáo và gửi về Phòng KT-BĐCL để tổng hợp và tham mưu cho BGH [H11.11.02.09].

Hằng năm, Trường thực hiện niêm yết báo cáo Ba công khai trên website theo quy định tại thông tư 36/2017/TT-BGDĐT [H11.11.02.10]. Báo cáo Ba công khai được công khai minh bạch trên website của Trường là hình thức Trường công khai, minh bạch các điều kiện BĐCL đối với các đơn vị quản lý Nhà nước và với xã hội. Thông qua website của Trường, các thông tin về hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ được đăng tải [H11.11.02.11] là hình thức tuyên truyền, nâng cao ý thức PVCĐ cho toàn thể GV, CBCNV và NH của Trường. Trên cơ sở các báo cáo về các lĩnh vực hoạt động của Trường được đối sánh giữa các năm học, phân tích kết quả, tìm ra nguyên nhân, từ đó giúp lãnh đạo Trường có các biện pháp ra các quyết định điều chỉnh hợp lý và kịp thời trên các lĩnh vực hoạt động để nâng cao chất lượng.

Để thống nhất và quản lý có hiệu quả hệ thống quản lý thông tin BĐCL bên trong, BGH đã phân công nhiệm vụ cho các đơn vị đảm nhiệm từng mảng hoạt động trong hệ thống quản lý thông tin BĐCL bên trong một cách rõ ràng, các đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm lưu trữ CSDL và sẵn sàng trích xuất khi cần [H11.11.02.12]. Tất cả các thông tin về BĐCL bên trong Trường bao gồm các thông tin sơ cấp và thông tin thứ cấp (các kết quả phân tích dữ liệu) đều được ban hành và lưu trữ theo đúng quy định hành chính nhà nước, phù hợp, chính xác và luôn sẵn có để cung cấp kịp thời cho các BLQ, đồng thời hỗ trợ cho BGH ban hành các chính sách, quyết định giúp cho việc điều hành và quản lý các hoạt động trong Trường một cách thuận lợi và hiệu quả. Thông tin về đào tạo như: kết quả, tiến trình học tập của NH được lưu trữ một cách khoa học theo lớp, ngành, khóa học để thuận tiện trong việc truy xuất và quản lý. Với phần mềm Intranet có thể dễ dàng trích xuất các

dữ liệu liên quan tới ĐT như: kết quả xét học vụ, kết quả xét điểm rèn luyện và kết quả NH tốt nghiệp, kết quả NH nộp học phí,... Các phân hệ trong phần mềm QLĐT kết nối thành hệ thống cho phép phân tích, trích xuất dữ liệu một cách nhanh chóng [H11.11.02.13], [H11.11.02.14].

Các phân hệ trong phần mềm QLĐT kết nối thành hệ thống cho phép phân tích, trích xuất dữ liệu một cách nhanh chóng. Các thông tin liên quan đến NH như: Thông tin cá nhân của NH, kết quả học tập, đăng ký học phần, yêu cầu của NH (xin giấy xác nhận, bảng điểm), tiến trình học tập của NH, kết quả xét học vụ, kết quả xét điểm rèn luyện và kết quả NH tốt nghiệp, kết quả NH nộp học phí,... được lưu trữ một cách khoa học để thuận tiện trong việc truy xuất và quản lý [H11.11.02.13]. Khi NH yêu cầu giấy xác nhận SV để bổ sung hồ sơ hoãn nghĩa vụ quân sự tại địa phương, phần mềm QLĐT sẽ nhận đơn đăng ký của NH qua phân hệ “Yêu cầu cấp giấy xác nhận SV”. Từ phân hệ này CB phụ trách có thể xuất ngay giấy xác nhận SV cho NH thông qua việc trích xuất thông tin cá nhân của NH từ phân hệ “Quản lý SV” và thông báo NH đến nhận trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện/email [H11.11.02.14].

Thông tin sơ cấp là hệ thống CSDL, báo cáo khảo sát về các lĩnh vực hoạt động của Trường như đánh giá hoạt động giảng dạy của GV, tình hình việc làm của cựu NH, đánh giá hệ thống CSVC, CNTT,... [H11.11.02.15]. Hằng năm, các thông tin sơ cấp này được lưu trữ tại Phòng KT-BĐCL và các đơn vị có liên quan có thể dễ dàng trích xuất. Các thông tin về ba công khai, đề án tuyển sinh, CTĐT, CDR, NCKH,... theo quy định của Bộ GD&ĐT được công bố chính thức trên website của Trường và được lưu trữ tại các đơn vị liên quan để dễ dàng trích xuất khi cần [H11.11.02.10], [H11.11.02.11].

Để đảm bảo an toàn, bảo mật cho hệ thống quản lý thông tin BĐCL bên trong, Trường đã ban hành Quy chế bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng [H11.11.02.16] và ban hành Quy định bảo mật hệ thống quản lý thông tin BĐCL bên trong [H11.11.02.17], trong đó nêu rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị trong việc bảo mật an toàn hệ thống thông tin trên từng lĩnh vực. Với hạ tầng CNTT, để đảm bảo vấn đề bảo mật, Trường đã trang bị hệ thống tường lửa với hệ thống máy chủ chạy trên nền Windows Server chức năng sao lưu dữ liệu chéo trên máy chủ và giao quyền truy cập, quản lý cho một bộ phận, cá nhân nhất định để đảm bảo an toàn, bảo mật. Đồng thời, Trường còn quy định hướng dẫn sử dụng phần mềm QLĐT; phân cấp, phân quyền cụ thể cho người sử dụng để đảm bảo tính bảo mật trong quá trình cập nhật thông tin [H11.11.02.18].

Các chính sách, thủ tục bảo mật và an toàn đối với hệ thống quản lý thông tin BĐCL bên trong được thông báo đầy đủ đến GV, CBCNV và NH thông qua việc phổ biến các quy định, chính sách nội bộ tại các đơn vị và qua Hướng dẫn sử dụng các phần mềm [H11.11.02.19], [H11.11.02.20]. Đối với các BLQ như nhà cung cấp, đối tác cũng được thông báo thông qua các điều khoản trong các hợp đồng đã được hai bên ký kết khi xây

dựng và lắp đặt các hệ thống mạng cũng như các phần mềm liên quan [H11.11.02.21]. Điều này đảm bảo cho hệ thống quản lý thông tin BĐCL bên trong của Trường luôn an toàn, bảo mật theo đúng quy định.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 11.3. Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin BĐCL bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin.

Thực hiện Quy định hoạt động hệ thống quản lý thông tin BĐCL bên trong [H11.11.03.01], Trường thường xuyên thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin BĐCL bên trong. Hằng năm, Trường lập kế hoạch rà soát, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin BĐCL bên trong [H11.11.03.02], trong đó phân công cho các đơn vị chịu trách nhiệm rà soát từng nội dung chuyên môn phụ trách: Phòng TCHC chịu trách nhiệm rà soát hệ thống văn bản nội bộ, rà soát các dữ liệu về CBCNV, GV, NLĐ; Phòng QLĐT chịu trách nhiệm rà soát hồ sơ tổ chức giảng dạy của GV, CTĐT; Phòng KT-BĐCL rà soát dữ liệu về đánh giá NH, tổ chức thi, dữ liệu về KĐCL, hệ thống khảo sát các BLQ; Phòng QLKH-HTQT rà soát dữ liệu về hồ sơ NCKH; Phòng CTSV-HTDN rà soát CSDL về quản lý, hỗ trợ NH, hoạt động PVCD.

Định kỳ hằng năm, thông tin, CSDL BĐCL bên trong được rà soát không chỉ về số lượng mà cả chất lượng cũng như sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin. Hệ thống khảo sát các BLQ từ chỗ chỉ khảo sát NH đã mở rộng phạm vi đối tượng khảo sát các BLQ là NH sắp tốt nghiệp, cựu NH, GV, CBCNV và nhà tuyển dụng [H11.11.03.03]. Trên cơ sở đó, nội dung khảo sát cũng được mở rộng phạm vi từ chỗ chỉ khảo sát hoạt động giảng dạy của GV, đến nay Trường đã khảo sát trên các nội dung hoạt động của Trường như: chất lượng CTĐT, CĐR, các hoạt động hỗ trợ NH, môi trường làm việc, chất lượng NH tốt nghiệp, tình hình việc làm của cựu NH, các hoạt động PVCD. Trên cơ sở kết quả khảo sát, các thông tin liên quan đến CTĐT, CTDH, các khoa chuyên môn tiến hành rà soát, tổng kết và đề xuất chỉnh sửa bổ sung [H11.11.03.04]. Để đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn của dữ liệu và thông tin, năm 2022, Trường ban hành Quy chế bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng; Quy chế Quản lý, vận hành và khai thác hạ tầng CNTT, đến năm 2024 rà soát và ban hành Quy định bảo mật hệ thống quản lý thông tin BĐCL bên trong [H11.11.03.05], [H11.11.03.06]. Chính vì vậy, hệ thống quản lý thông tin BĐCL bên trong của Trường luôn đảm bảo an toàn và bảo mật.

Sau khi rà soát, trên cơ sở ý kiến phản hồi của các BLQ, Trường có các giải pháp điều chỉnh, bổ sung hệ thống quản lý thông tin BĐCL bên trong như:

i) Tốc độ và kết nối Wifi tại các phòng làm việc và phòng học còn chậm và yếu: Trường đã cải thiện tốc độ và kết nối Wifi bằng cách lắp đặt, nâng cấp hệ thống mạng Wifi cho các phòng làm việc và phòng học giúp việc giảng dạy và học tập của GV, NH thuận lợi hơn [H11.11.03.07];

ii) Công tác lưu trữ hồ sơ còn nhiều bất cập và thiếu sót: Trường đã tiến hành xây dựng và ban hành quy định lưu trữ hồ sơ chuyên môn nghiệp vụ giúp công tác lưu trữ tốt hơn và đầy đủ hơn [H11.11.03.08];

iii) Việc truy cập tài liệu giảng dạy, học tập còn hạn chế: Trường triển khai hoạt động của thư viện điện tử và cập nhật, số hóa nguồn tài nguyên học liệu, triển khai thư viện số giúp GV, NV có thể truy cập tài liệu giảng dạy, học tập đa dạng và nhanh chóng hơn, không giới hạn thời gian và địa điểm truy cập [H11.11.03.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 11.4. Việc quản lý thông tin ĐBCL bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Việc rà soát hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được Trường thực hiện thường xuyên, định kỳ 01 lần/năm và triển khai về các đơn vị liên quan. Kết quả của việc rà soát là cơ sở quan trọng để Trường xác định kế hoạch hành động và thực hiện cải tiến liên tục hệ thống này nhằm đáp ứng tốt nhất cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Tính đến hiện tại, đã có nhiều cải tiến từ các đơn vị chức năng và các khoa trong việc tiếp nhận thông tin phản hồi và quản lý hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng [H11.11.04.01]. Sau khi rà soát, báo cáo rà soát được tổng hợp để Trường tiến hành xem xét, cải tiến hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong [H11.11.04.02].

Trường bước đầu đã có sự cải tiến về các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong CSGD. Về chính sách, để tăng cường hiệu quả ĐBCL bên trong, Trường đã xây dựng Chiến lược ĐBCLGD giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn 2030 [H11.11.04.03], thành lập Hội đồng ĐBCL [H11.11.04.04], có quy định cụ thể về hoạt động ĐBCL trong Trường [H11.11.04.05], trên cơ sở đó Trường ban hành chính sách chất lượng để đảm bảo cho hoạt động quản lý thông tin ĐBCL bên trong đạt hiệu quả cao hơn [H11.11.04.06]. Dữ liệu hệ thống khảo sát được tích hợp, lưu trữ trên hệ thống phần mềm Intranet [H11.11.04.07]. Kết quả phân tích, lấy ý kiến cho từng lĩnh vực hoạt động giúp Trường có cơ sở để đánh giá, từ đó điều chỉnh cải tiến các hoạt động đạt hiệu quả, chất lượng, cụ thể như: sau khi có kết quả phân tích đánh giá chất lượng NH sau khi ra trường, dựa trên báo cáo kết quả khảo sát các BLQ về chất lượng CTĐT, Trường đã thực hiện cải tiến và đến thời điểm hiện nay, các CTĐT được rà soát và ban hành theo hướng tăng TC thực hành, thực tập của các học phần chuyên ngành, bổ sung môn học kỹ năng mềm, các môn học chuyên sâu theo hướng ứng dụng [H11.11.04.08]. Hiện nay, Trường đang tiếp tục rà soát CTĐT theo hướng đáp ứng CĐR, trên cơ sở đó các ĐCCTHP cũng được chỉnh sửa, cải tiến các phương thức KT-ĐG thông qua các rubric, tăng cường đánh giá quá trình nhằm đáp ứng CĐR [H11.11.04.09]. Căn cứ vào báo cáo kết quả NCKH hằng năm, Trường đã đưa ra những giải pháp cụ thể để tăng số lượng và chất lượng hoạt động NCKH trong

toàn trường [H11.11.04.10]. Dựa trên việc phân tích các báo cáo khảo sát về loại hình và khối lượng các hoạt động PVCĐ qua các năm học, từ đó Trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến các hoạt động hỗ trợ và PVCĐ, có các chính sách cụ thể về hoạt động PVCĐ [H11.11.04.11]. Các hoạt động PVCĐ ngày càng được chú trọng và đa dạng hơn đã có sự gia tăng về khối lượng và số lượng, cụ thể: hoạt động hiến máu tình nguyện, hoạt động tình nguyện mùa hè xanh, xuân tình nguyện,... ngày càng gia tăng [H11.11.04.12].

Trong 5 năm gần đây, các phần mềm ứng dụng CNTT của Trường được cập nhật, bổ sung nhiều tính năng mới phù hợp hơn với đặc điểm các hoạt động của Trường. Cụ thể: Nâng cấp hệ thống CNTT; Nâng cấp phần mềm QLĐT,... Sau khi nâng cấp, hệ thống phần mềm giữa các đơn vị chức năng tăng sự liên thông, kết nối với nhau, chẳng hạn với phần mềm quản lý đào tạo, sau khi nhập điểm trên phần mềm, NH sẽ xem được điểm cập nhật trong tài khoản cá nhân; tình hình thu nộp học phí, NH còn nợ học phí, CSDL về học vụ, xét tốt nghiệp hàng năm,... [H11.11.04.13]. Cổng thông tin điện tử thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật, cải tiến bởi các đơn vị theo quy định về chức năng, nhiệm vụ. Các thông tin công bố về các mặt hoạt động của Trường tới các bên liên quan được thể hiện trên cổng thông tin điện tử <https://ttu.edu.vn/>, các đơn vị chức năng đều có nhánh riêng trên cổng thông tin điện tử để công bố các thông tin hoạt động của đơn vị. Trong thời gian vừa qua, Trường đã ban hành nhiều văn bản, quy trình, quy chế nội bộ nhằm tăng cường hiệu quả hệ thống quản lý thông tin bên trong Học viện như: Quy định về chế độ làm việc của giảng viên; Quy chế thực hiện dân chủ; Quy chế đào tạo các bậc; Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, Chế độ chính sách cho NH... Các văn bản, quy định này được công bố trên cổng thông tin điện tử và các đơn vị chuyên trách. Cổng thông tin điện tử của Phòng KT-BĐCL thường xuyên cập nhật những văn bản, quy định mới của Nhà nước có liên quan đến các hoạt động thanh tra, khảo thí và đảm bảo chất lượng cũng như các văn bản do Trường ban hành thuộc lĩnh vực này [H11.11.04.14]. Trong mảng quản lý thư viện, căn cứ vào kết quả khảo sát ý kiến các BLQ, Trường cũng đã thực hiện những cải tiến, ứng dụng CNTT trong quản lý, triển khai số hóa, thư viện điện tử cùng các công cụ truy cập đến các thư viện, tạp chí khoa học lớn [H11.11.04.15].

Báo cáo Hội nghị GV, NLD hằng năm được phân tích trên tất cả các lĩnh vực công tác chuyên môn: ĐT và NCKH, quản lý tài chính, quản lý CSVC, PVCĐ. Tất cả các thông tin được phân tích đánh giá theo từng lĩnh vực thể hiện qua các báo cáo là cơ sở để BGH và đội ngũ CBQL đưa ra những quyết định, chính sách cải tiến phù hợp và kịp thời hỗ trợ công tác ĐT, NCKH và PVCĐ [H11.11.04.17].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Hệ thống quản lý thông tin BĐCL bên trong của Trường được phân nhiệm quản lý rõ

ràng và đã ứng dụng phần mềm cho hệ thống quản lý này.

Hệ thống quản lý thông tin BĐCL bên trong được xây dựng trên nền tảng CNTT đã hỗ trợ rất nhiều cho GV, CBCNV và NLD trong công tác chuyên môn nghiệp vụ nói chung và công tác ra quyết định nói riêng. Công tác lấy ý kiến các BLQ được xây dựng trên ứng dụng CNTT. Trường có nhiều biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật cho hệ thống quản lý thông tin BĐCL bên trong.

Hàng năm, Trường đều tiến hành rà soát văn bản, kiểm tra tính hợp pháp của văn bản quản lý nội bộ, định kỳ lập danh sách đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ những văn bản lỗi thời, không còn áp dụng. Trường thực hiện rà soát, đánh giá hiệu quả sử dụng hệ thống phần mềm và triển khai xây dựng phần mềm quản trị trường ĐH mới nhằm khắc phục các hạn chế của phần mềm cũ.

Trường đã có nhiều cải tiến trong công tác quản lý hệ thống quản lý thông tin BĐCL bên trong như định kỳ rà soát chính sách, quy trình, nâng cấp phần mềm quản lý, hệ thống CNTT, thư viện, các cải tiến trong công tác quản lý hồ sơ của NH, lấy ý kiến về sự hài lòng của NH, cựu NH về CTĐT; sự hài lòng của nhà sử dụng lao động; chất lượng giảng dạy của GV.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Phần mềm quản lý chưa tích hợp dữ liệu một cách hệ thống, triệt để giữa các lĩnh vực hoạt động trong toàn Trường.

Chưa ban hành quy trình rà soát và cải tiến hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng hệ thống phần mềm tích hợp và cho phép liên thông dữ liệu	Ban CNTT	2024-2026	
2	Khắc phục tồn tại 2	Soạn thảo, lấy ý kiến và ban hành văn bản chính thức về quy trình rà soát và cải tiến hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong	Phòng KT-BĐCL	2025	
3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục ứng dụng CNTT vào các hoạt động của Trường	Các đơn vị có liên quan	Thường xuyên	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 11</i>	5,00
Tiêu chí 11.1	5
Tiêu chí 11.2	5
Tiêu chí 11.3	5
Tiêu chí 11.4	5

Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng

Tiêu chí 12.1. Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của CSGD bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Trường ĐHTT xác định việc nâng cao chất lượng là vấn đề trọng tâm quyết định sự phát triển của CSGD. Vì vậy, Trường luôn chú trọng xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng về chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

i) Về chính sách, hệ thống: Trường ban hành CLPT giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn đến năm 2030 [H12.12.01.01], trong đó tầm nhìn của Trường được xác định là “Đến năm 2030, ĐHTT trở thành một trường đại học nổi tiếng của khu vực ASEAN và trên thế giới, cung cấp nền giáo dục chất lượng cao, thực hành trên nền tảng kiến thức đã nghiên cứu, phục vụ người dân Việt Nam, Đông Nam Á và trên Thế giới”. Đồng thời, Trường ban hành Quy chế BDCLGD nhằm cam kết chất lượng với NH và toàn xã hội [H12.12.01.02]. Trường thường xuyên rà soát, điều chỉnh để cập nhật bổ sung các quy định, hướng dẫn trong ĐT, NCKH, PVCĐ, trong đó thể hiện rõ các chính sách thu hút nhân tài, đặc biệt là GV, CBCNV có trình độ cao [H12.12.01.03]; chính sách thu hút NH giỏi [H12.12.01.04]; chính sách chế độ học bổng cho NH [H12.12.01.05], chính sách PVCĐ [H12.12.01.06]. Mặt khác, Quy định Quản lý KHCN, Quy chế chi tiêu nội bộ được ban hành nhằm khuyến khích, động viên GV, CBCNV, NH tích cực tham gia NCKH [H12.12.01.07], [H12.12.01.08].

ii) Về quy trình, thủ tục: Trường ĐHTT đã ban hành các quy trình thủ tục nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và nâng cao chất lượng. Trường ban hành quy trình rà soát cải tiến SM, TN, GTCL [H12.12.01.09]. Quy trình áp dụng cho lĩnh vực ĐT: quy trình xây dựng, cập nhật CDR, CTĐT, ĐCCTHP, quy trình xét công nhận tốt nghiệp [H12.12.01.10], hướng dẫn xây dựng, cập nhật ĐCCTHP [H12.12.01.11]. Trong lĩnh vực NCKH và HTQT, Trường đã rà soát và xây dựng quy định quản lý đề tài NCKH [H12.12.01.12]. Về công tác thanh tra, khảo thí và BDCL có các quy trình hoạt động bao gồm quy trình ra đề thi, quy trình in sao đề thi, quy trình tổ chức thi, chấm thi, quy trình phúc khảo, quy trình dự giờ góp ý chuyên môn, quy trình khảo sát lấy ý kiến các BLQ, quy trình lập kế hoạch BDCL hằng năm, quy trình TĐG chất lượng CTĐT, quy trình TĐG chất lượng CSGD

[H12.12.01.13]. Đề BĐCL về CBCNV, GV, Trường đã ban hành quy định, quy trình, thủ tục về tuyển dụng [H12.12.01.14]. Trong công tác công khai các điều kiện BĐCL, Trường đã thực hiện quy trình báo cáo thông tin công khai theo quy định của Bộ ban hành [H12.12.01.15].

iii) Về nguồn lực: Trường có CLPT nguồn nhân lực trong đó có kế hoạch, giải pháp để nâng cao chất lượng đội ngũ và kế hoạch nguồn lực tài chính hàng năm [H12.12.01.01], [H12.12.01.16]. Các kế hoạch thu chi tài chính hàng năm thể hiện rõ Trường quyết tâm đầu tư nguồn lực để nâng cao chất lượng ĐT, NCKH và PVCĐ; đầu tư chỉnh sửa CTĐT, biên soạn giáo trình; đầu tư cho các hoạt động nâng cao dạy và học ở các khoa; công tác thi, kiểm tra; công tác BĐCL và KĐCLGD; đầu tư trang thiết bị máy móc, cơ sở hạ tầng phục vụ công tác ĐT; nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội GV, CBCNV; đầu tư cho công tác NCKH và PVCĐ [H12.12.01.17].

Trường ĐHTT luôn chú trọng việc đảm bảo và nâng cao chất lượng ĐT, NCKH và PVCĐ, do đó luôn có các kế hoạch cải tiến liên tục. Trường không ngừng nâng cao chất lượng các hoạt động, cụ thể: Trường ban hành Kế hoạch hoạt động cho từng năm học, trên cơ sở đó các đơn vị cụ thể hóa bằng kế hoạch hoạt động của đơn vị mình. Các kế hoạch này được xây dựng với công việc, mốc thời gian, trách nhiệm chủ trì, trách nhiệm phối hợp một cách cụ thể nhằm thực hiện tốt nhất các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ, không ngừng nâng cao chất lượng [H12.12.01.18], [H12.12.01.19]. Bên cạnh đó, trách nhiệm bảo đảm và nâng cao chất lượng được Trường quy định cụ thể trong chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị, cụ thể như sau [H12.12.01.20]:

i) Để tạo thuận lợi cho việc quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện và kiểm tra hiệu quả của các hoạt động đào tạo, Trường giao nhiệm vụ cho Phòng QLĐT là đơn vị chủ trì trong công tác xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn, các quy chế đào tạo, các quy định về xây dựng, cập nhật CTĐT, CĐR, ĐCCTHP [H12.12.01.10], [H12.12.01.11].

ii) Đối với công tác NCKH, Trường giao Phòng QLKH-HTQT là đơn vị đầu mối trong việc tham mưu, giúp BGH xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm về hoạt động KHCN; tổ chức triển khai các hoạt động KHCN của Trường; ban hành và thường xuyên cập nhật các Quy định về quản lý hoạt động KHCN [H12.12.01.07]. Việc ban hành đầy đủ, chi tiết các quy định giúp hoạt động này đảm bảo chất lượng và đáp ứng các yêu cầu theo quy định hiện hành.

iii) Đối với các hoạt động PVCĐ, Trường giao Phòng CTSV-HTDN là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc triển khai, hướng dẫn và khuyến khích các hoạt động kết nối và PVCĐ. Ngoài ra, nhằm đảm bảo sự thống nhất và phối hợp hiệu quả giữa các BLQ, Trường đã ban hành Quy định về hoạt động PVCĐ [H12.12.01.06].

Có thể nói, các kế hoạch cải tiến nhằm nâng cao chất lượng được Trường ĐHTT xây dựng và triển khai một cách liên tục đồng thời phân công rõ trách nhiệm chủ trì và phối

hợp rõ ràng với các mốc thời gian cụ thể.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 12.2. Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập và các tiêu chí lựa chọn thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập.

Trường ĐHTT đã lựa chọn đối tác để đối sánh, so chuẩn nhằm nâng cao chất lượng, phát huy các nguồn lực sẵn có, mang lại lợi ích thiết thực cho GV, NH, các đối tác và trên hết là phản ánh được TN, đáp ứng được SM của Trường. Vì vậy, Trường ĐHTT ban hành Quy định so chuẩn, đối sánh trong đó có các tiêu chí cụ thể về lựa chọn đối tác [H12.12.02.01].

Trường tiến hành công tác so chuẩn, đối sánh với nội dung thuộc các lĩnh vực: nhân sự, hoạt động ĐT, NCKH, CSVC-TB, tài chính, kết nối và PVCD cùng các kết quả của các hoạt động như tỷ lệ GV/NH, tỷ lệ GV có trình độ tiến sĩ/GV, số ngành đào tạo, quy mô tuyển sinh, quy mô đào tạo, CTĐT, tỷ lệ tốt nghiệp, kết quả NCKH sáng tạo, tỷ lệ có việc làm của NH [H12.12.02.01].

Trên cơ sở quy định so chuẩn, đối sánh, hằng năm Trường ĐHTT ban hành thông báo so chuẩn đối sánh trong đó các hướng dẫn về việc lựa chọn đối tác và các tiêu chí đối sánh chất lượng trên các lĩnh vực hoạt động của Trường [H12.12.02.02].

Về đào tạo: Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình; đối sánh tỷ lệ thi học, tỷ lệ tốt nghiệp hằng năm; đối sánh các phiên bản CTĐT trong trường; đối sánh thời gian ĐT và số TC giữa các trường ĐH trong nước,... Công tác đối sánh trong và đối sánh ngoài CTĐT được thực hiện với việc lựa chọn các trường có uy tín trong nước và có các ngành ĐT gần với các ngành trường đang ĐT, trong đó nội dung so chuẩn đối sánh gồm: mục tiêu, CDR, cấu trúc CTĐT [H12.12.02.03].

Hoạt động NCKH, công nghệ và HTQT: các nội dung so chuẩn gồm số lượng đề tài cấp cơ sở, số lượng đề tài NCKH cấp Tỉnh trở lên, tập san khoa học, số lượng hội thảo cấp trường, số lượng bài báo, báo cáo khoa học trong nước và quốc tế; Số lượng hội nghị, hội thảo tổ chức trong nước [H12.12.02.04].

Hoạt động kết nối và PVCD: tiêu chí để so chuẩn, đối sánh là: ĐT ngắn hạn, các lớp bồi dưỡng kỹ năng sống, kiến thức khởi nghiệp; các hoạt động thiện nguyện, hiến máu nhân đạo [H12.12.02.05].

Kiểm định chất lượng: thông qua hoạt động so chuẩn đối sánh, Trường ĐHTT đã thực hiện công tác BĐCL thông qua đối sánh nội bộ về các nội dung như hoạt động ĐT, KHCN, PVCD, cơ sở hạ tầng phục vụ ĐT, NCKH, hoạt động tuyển sinh, tỷ lệ NH tốt nghiệp [H12.12.02.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 12.3. Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt

động ĐBCL và khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

Căn cứ vào Quy định so chuẩn, đối sánh CLGD đã được ban hành [H12.12.03.01] cùng với với yêu cầu của bộ tiêu chuẩn, từng mảng công tác sẽ thực hiện so chuẩn, đối sánh và cải tiến để ĐBCL trong từng hoạt động. Cụ thể như trong mảng ĐT, Trường đã lập kế hoạch về việc theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả ĐT năm học để theo dõi, giám sát và đối sánh về tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, từ đó đặt ra chỉ tiêu, tìm hiểu nguyên nhân và có giải pháp để nâng cao tỷ lệ mỗi năm [H12.12.03.02].

Trong quy trình thiết kế CTĐT, Trường yêu cầu các Khoa chuyên môn phải thực hiện đối sánh từ CĐR đến cấu trúc và nội dung với CTĐT tương ứng để đảm bảo sự tương đồng [H12.12.03.03].

Qua các lần thực hiện đối sánh các hoạt động, Trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hàng năm để nâng cao hiệu quả ĐT, NCKH và PVCĐ. Hệ thống ĐBCL bên trong ngày càng được hoàn thiện từ cơ cấu tổ chức đến hệ thống các văn bản, chính sách điều hành. Các CTĐT đã khẳng định được sự phù hợp với CLGD mong muốn, hoạt động NCKH ngày càng nâng cao cả về chất và lượng, tăng cường được CLGD trong trường, phương thức tuyển sinh ngày càng đa dạng, các hoạt động PVCĐ ngày càng mở rộng về loại hình và quy mô [H12.12.03.04].

Đối với NCKH của NH có nhiều chuyển biến về chất lượng như: NH tham dự cuộc thi học sinh, sinh viên với ý tưởng và dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp trường ĐHTT, cuộc thi ý tưởng, dự án khởi nghiệp tỉnh Vĩnh Long lần thứ V,... Ngoài ra, Trường khuyến khích các hoạt động khởi nghiệp, sáng tạo thông qua những hội thảo, các cuộc thi nhằm thúc đẩy khởi nghiệp, sáng tạo trong toàn trường [H12.12.03.05]. Qua Bảng 12.1 cho thấy thành tích NCKH của NH Trường ĐHTT.

Bảng 12.1. Bảng kết quả NH NCKH từ năm 2019 đến 2024

TT	Thành tích NCKH	Số lượng				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Số giải thưởng NCKH, sáng tạo	0	0	3	2	7
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	9	4	18	7	4

Bên cạnh đó, Trường ĐHTT sử dụng kết quả so chuẩn và đối sánh để khuyến khích đổi mới, sáng tạo như: Đề án tuyển sinh đã có những điểm mới là đa dạng hóa các loại hình phương thức tuyển sinh, mở rộng phạm vi tuyển sinh; liên tục rà soát CTĐT và ban hành CTĐT mới đáp ứng CĐR [H12.12.03.06]; thành lập tập san, tạp chí của Trường

[H12.12.03.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 12.4. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát.

Trước năm 2022, hoạt động so chuẩn, đối sánh của Trường chưa được triển khai chính thức, chưa có quy định, quy trình cụ thể mà chủ yếu là so sánh, đối chiếu các CTĐT thông qua hoạt động rà soát, điều chỉnh, xây dựng CTĐT, báo cáo tổng kết hoạt động NCKH. Đến năm 2022, trên cơ sở rà soát, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động, Trường ĐHTT ban hành Quy định so chuẩn, đối sánh có hướng dẫn sử dụng kết quả so chuẩn, đối sánh trong cải tiến chất lượng, tổ chức thực hiện với lĩnh vực so chuẩn, đối sánh tập trung chủ yếu là hoạt động ĐT, NCKH và HTQT, PVCĐ [H12.12.04.01 (1)]. Sau khi có các báo cáo kết quả so chuẩn, đối sánh tiêu chí hoạt động của Trường qua từng năm học, trường tổ chức các cuộc họp giao ban triển khai rút kinh nghiệm so chuẩn đối sánh cũng như hướng dẫn các đơn vị thực hiện kết quả so chuẩn, đối sánh trong cải tiến chất lượng [H12.12.04.01 (2)].

Năm 2022, trên cơ sở đã thực hiện công tác so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động BĐCL, Trường ban hành Quy định hoạt động hệ thống quản lý thông tin BĐCL bên trong, trong đó đề cao nguyên tắc bảo mật dữ liệu, bảo mật tài khoản [H12.12.04.02].

Các thông tin so chuẩn trong tất cả các hoạt động: hoạt động ĐT và tuyển sinh, NCKH và hoạt động kết nối và PVCĐ luôn được rà soát, xem xét sự phù hợp nhằm điều chỉnh cải tiến. Các hoạt động của Trường luôn được rà soát thông qua việc TĐG các CTĐT theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT với những điều chỉnh, bổ sung cần thiết nhằm không ngừng nâng cao chất lượng của Trường. Theo lộ trình nâng cao chất lượng ĐT, trong giai đoạn từ năm 2019-2024, CTĐT ngành Y khoa của Trường được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng theo Quyết định số 584/QĐ-KĐCLGDSG ngày 25/7/2024 của Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn [H12.12.04.03].

Nhà trường và các Khoa khi tiến hành rà soát, cập nhật các CTĐT đã tham chiếu các CTĐT của Trường với các CTĐT của các CSGD khác, đồng thời đã tiến hành lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ từ đó đưa ra các nhận xét, căn cứ để ban hành CTĐT sau rà soát [H12.12.04.04].

Hàng năm, Trường tiến hành nhiều loại hình khảo sát khác nhau để có căn cứ đối sánh, so chuẩn nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng, như khảo sát NH về GV, khảo sát NH trước tốt nghiệp về chất lượng CTĐT, khảo sát tình hình việc làm của NH sau tốt nghiệp, khảo sát CSVC, Thư viện... để có được cái nhìn tổng thể và có những điều chỉnh khi cần thiết [H12.12.04.05]. Trong công tác khảo sát cũng đã có những thay đổi tích cực về nội dung và hình thức tổ chức khảo sát, chuyển từ khảo sát trực tiếp bằng phiếu giấy sang hình

thức khảo sát trực tuyến, giúp việc triển khai khảo sát được thuận lợi hơn.

Các tiêu chí so chuẩn, đối sánh đã được tham chiếu từ một số CSGD từ các Trường ĐH khác cho thấy Quy định so chuẩn, đối sánh của Trường còn chưa chặt chẽ, các tiêu chí lựa chọn chưa quy định cụ thể; Đây là cơ sở để cập nhật quy định so chuẩn đối sánh mới với những cải tiến đảm bảo phù hợp hơn trong giai đoạn mới.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 12.5. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Quy định so chuẩn đối sánh của Trường được ban hành năm 2022. Phòng KT-ĐBCL đưa ra kế hoạch rà soát quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh. Công tác rà soát được thực hiện công khai với sự tham gia của các đơn vị có liên quan trong Trường, do đó đã đưa ra được nội dung cải tiến quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong ĐT, NCKH và PVCĐ. Trách nhiệm của các đơn vị trong Quy định so chuẩn, đối sánh được quy định cụ thể, chi tiết, rõ ràng hơn nhằm xác định rõ trách nhiệm cũng như nội dung đối sánh đã được lựa chọn [H12.12.05.01].

Nội dung kế hoạch cải tiến quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh trên các lĩnh vực sau: tuyển sinh, kết quả ĐT, CTĐT, NCKH. Sau khi rà soát các quy chế, quy định, các chính sách mới đã được cải tiến nhằm đạt được các kết quả tốt nhất trong ĐT, NCKH và PVCĐ. Năm 2021, Trường đã ban hành Quy định xây dựng, cập nhật CĐR, CTĐT, ĐCCTHP [H12.12.05.02]. Qua đó, Trường đã ra kế hoạch về quy trình xây dựng, rà soát, phát triển CTĐT, ĐCCTHP, CĐR. Các CTĐT được cải tiến một cách khoa học, các khối kiến thức giảng dạy của mỗi CTĐT được phân bổ hợp lý, đáp ứng điều kiện tiên quyết của các học phần, thống nhất giữa các khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên ngành (kiến thức bắt buộc và kiến thức tự chọn) và kỹ năng mềm. Mỗi CTĐT đều được xây dựng bảng ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR của CTĐT. Tất cả CTĐT của Trường, các học phần đều được bố trí theo thời gian một cách hợp lý và logic. Đến năm 2023, trên cơ sở rà soát, cải tiến để nâng cao chất lượng đào tạo, Trường đã ban hành Quy định đánh giá kết quả học tập của người học. Theo đó, các hình thức đánh giá học phần luôn bám sát nội dung và yêu cầu của mỗi học phần thông qua nhiều hình thức đánh giá như: bài tập nhóm, tiểu luận, thi kết thúc học phần và khóa luận [H12.12.05.03].

Về công tác NCKH, năm 2023, Trường đã ban hành cập nhật mới các Quy định về hoạt động KHCN, quy định quản lý đề tài NCKH, quy định NCKH của NH trên cơ sở rà soát, cải tiến so với quy định cũ [H12.12.05.04]. Trong lĩnh vực PVCĐ, sau khi so chuẩn đối sánh, Trường đã xây dựng Kế hoạch cải tiến các hoạt động PVCĐ nhằm nâng cao hiệu

quả của các hoạt động trong lĩnh vực này [H12.12.05.05].

Việc cải tiến và thực hiện quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn đối sánh đã giúp Trường nhận ra các điểm mạnh, điểm yếu để thường xuyên cải tiến các hoạt động của Trường nhằm đạt kết quả tốt nhất trong ĐT, NCKH và PVCĐ.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 12:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Trường có các kế hoạch nâng cao chất lượng với đầy đủ các chính sách, hệ thống, quy trình về các hoạt động cốt lõi của CSGD ĐH, bao gồm: (i) chính sách về hoạt động đào tạo, (ii) chính sách về hoạt động NCKH, (iii) chính sách về PVCĐ; (iv) các chính sách liên quan các nguồn lực.

Trong giai đoạn TĐG 2019-2024, Trường đã ban hành quy định, quy trình, hướng dẫn lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh để hỗ trợ hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ với các tiêu chí lựa chọn CSGD/CTĐT rõ ràng và thiết lập. Các quy định, quy trình được rà soát, cập nhật và bổ sung làm rõ thêm các hoạt động về so chuẩn và hoạt động về đối sánh giúp Trường có những dữ liệu về kết quả hoạt động, quá trình hoạt động được đối chiếu, so sánh nhằm không ngừng nâng cao chất lượng của Trường.

Trường đã thực hiện so chuẩn chất lượng CSGD và CTĐT với các bộ tiêu chuẩn quốc gia, thực hiện so chuẩn với các bộ tiêu chuẩn xếp hạng đại học (Webometrics, UI Greenmetrics); xây dựng kế hoạch cải tiến sau khi đạt chuẩn chất lượng và đã có nhiều cải tiến trong quản trị chiến lược, hệ thống BĐCL bên trong, ĐT, NCKH và PVCĐ.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Các dữ liệu đối sánh trong quyền niên giám thống kê chỉ dừng ở đối sánh nội bộ, chưa có số liệu đối sánh ngoài; việc đối sánh CTĐT, hoạt động NCKH và PVCĐ chưa có tính hệ thống.

Trường chưa có nghiên cứu, phân tích sâu theo từng tiêu chí trong xếp hạng ĐH sau khi có kết quả xếp hạng ĐH.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Căn cứ MOU ký kết với các trường ĐH, các phòng tham mưu chia sẻ dữ liệu đối sánh và xin dữ liệu đối sánh từ các trường ĐH để đưa vào quyền niên giám thống kê	Các đơn vị	2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2	Khắc phục tồn tại 2	Phòng KT-BĐCL hướng dẫn các Khoa quy trình và kỹ thuật đối sánh CTĐT, hoạt động ĐT...	Khoa, BM, Phòng KT-BĐCL	2025	
3	Khắc phục tồn tại 3, phát huy điểm mạnh 3	Thực hiện nghiên cứu, phân tích sâu theo từng tiêu chí trong xếp hạng ĐH sau khi có kết quả xếp hạng ĐH	Phòng KT-BĐCL và các phòng chức năng	2025	
4	Phát huy điểm mạnh 1	Định kỳ rà soát các chính sách để đảm bảo tính xác hợp, pháp lý	Phòng TCHC và các phòng chức năng	2025	
5	Phát huy điểm mạnh 2	Định kỳ đánh giá các quy trình, quy định về đối sánh, so chuẩn	Phòng KT-ĐBCL	2025	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 12	4,60
Tiêu chí 12.1	5
Tiêu chí 12.2	5
Tiêu chí 12.3	4
Tiêu chí 12.4	4
Tiêu chí 12.5	5

Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học

Tiêu chí 13.1. Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các chương trình đào tạo khác nhau của cơ sở giáo dục.

Hàng năm, Trường ĐHTT đã xây dựng kế hoạch, đề án tuyển sinh, chính sách và truyền thông cho công tác tuyển sinh các trình độ, hình thức đào tạo. Hiện nay, Trường ĐHTT đang tổ chức tuyển sinh 10 ngành đào tạo trình độ đại học chính quy bao gồm: Y khoa, Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Kế toán, Tài chính Ngân hàng, Khoa học máy tính, Ngôn ngữ Anh, Công nghệ sinh học [H13.13.01.01].

Về kế hoạch tuyển sinh: Trên cơ sở đội ngũ GV, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, quy mô hiện có và nhu cầu của xã hội, hàng năm, Trường ĐHTT xây dựng ngành, chuyên ngành, hình thức trình độ đào tạo để đăng ký với Bộ GD&ĐT; xây dựng đề án, kế hoạch,

thông báo tuyển sinh phù hợp với mỗi trình độ hình thức đào tạo, trong đó xác định rõ đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, tổ hợp môn xét tuyển, các chính sách ưu tiên [H13.13.01.02], [H13.13.01.03], [H13.13.01.04]. Để chuẩn bị tốt cho công tác tuyển sinh hằng năm, Trường đã ban hành Dự thảo Đề án tuyển sinh do Phòng TTTS soạn thảo và được thống nhất bởi Ban lãnh đạo Nhà trường. Đề án tuyển sinh bao gồm các thông tin tuyển sinh, quy định tuyển sinh cho từng năm học, căn cứ vào đó quyết định thành lập HĐTS [H13.13.01.05], Ban thư ký HĐTS [H13.13.01.06], có kế hoạch phân công nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể cho các thành viên trong Ban tuyển sinh [H13.13.01.07].

Về chính sách: Trước khi ban hành các thông tin tuyển sinh, HĐTS của Trường tiến hành họp để thống nhất các nội dung cần triển khai và điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với thực tiễn dựa trên cốt lõi Đề án tuyển sinh [H13.13.01.02]. Trường ĐHTT xây dựng và công bố công khai các chính sách tuyển sinh thông qua Đề án, phương án, kế hoạch tuyển sinh, gồm: Đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức và tiêu chí tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, ngưỡng ĐBCL đầu vào, tổ chức tuyển sinh, nguyên tắc xét tuyển, chính sách ưu tiên, lệ phí xét tuyển, học phí dự kiến và các thông tin khác. Các chính sách này tuân thủ theo quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHTT, các quy định của pháp luật có liên quan, các chủ trương của Trường ĐHTT và được điều chỉnh cho phù hợp hằng năm. Đề án, thông báo tuyển sinh được thông qua tại HĐTS [H13.13.01.08].

Về truyền thông: Kế hoạch tư vấn và truyền thông tuyển sinh được xây dựng nhằm truyền tải các thông tin về GTCL, TLGD, ngành nghề đào tạo, CTĐT, chính sách tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh và các thông tin khác có liên quan. Truyền thông tuyển sinh được xác định là nhiệm vụ thường xuyên được cải tiến và được thực hiện trên nhiều kênh truyền thông và được thể hiện trên nhiều ấn phẩm truyền thông. Hằng năm, Trường ĐHTT đều ban hành các kế hoạch truyền thông tuyển sinh hệ đại học chính quy [H13.13.01.09].

Để thông tin tuyển sinh đến gần hơn với các thí sinh trong cả nước, Trường ĐHTT chú trọng truyền thông trên các kênh thông tin [H13.13.01.10], [H13.13.01.11]. Trường còn có kênh tư vấn online [H13.13.01.12], [H13.13.01.13]. Ngoài ra, Trường ĐHTT còn thực hiện đăng tải với các trang báo chí, đài truyền hình về các điểm tin, phóng sự nhà trường, các thông tin về chính sách học bổng, học phí, tuyển sinh, tư vấn hướng nghiệp và chương trình đào tạo của Trường [H13.13.01.14].

Bên cạnh đó, Trường luôn đẩy mạnh các chương trình tư vấn hướng nghiệp tại các trường THPT trên địa bàn các tỉnh. Các chương trình Workshop với các chủ đề đa dạng, nổi bật là chuỗi Chương trình Chọn nghề Hạnh phúc mang thương hiệu Đại học Tân Tạo bắt đầu từ năm 2022 với diễn giả khách mời, qua đó thu hút sự quan tâm học sinh, và gửi đến các thông tin tờ rơi tuyển sinh, thu thập thông tin học sinh để tư vấn về Trường. [H13.13.01.15].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 13.2. Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi chương trình đào tạo.

Xây dựng tiêu chí lựa chọn người học là một khâu quan trọng trong hoạt động tuyển sinh của Trường. Hội đồng tuyển sinh tiến hành các cuộc họp, xây dựng các tiêu chí xét tuyển dựa trên các quy định của Bộ GD&ĐT, Trường đang triển khai tổ chức tuyển sinh đào tạo trình độ đại học với hình thức đào tạo chính quy bằng hình thức xét tuyển tương ứng [H13.13.02.01].

Xác định các tiêu chí: Đối với tuyển sinh trình độ đại học chính quy, Trường thực hiện theo quy chế tuyển sinh và các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT bằng việc xây dựng đề án tuyển sinh và được cụ thể hóa bằng thông báo tuyển sinh và các thông báo xét tuyển đầu vào theo từng đợt. Trong đó cụ thể hóa về phạm vi đối tượng, phương thức xét tuyển, ngành, tổ hợp xét tuyển, chỉ tiêu, thời gian thực hiện và các chính sách khác.

Từ năm 2020 trở về trước, Trường xét tuyển với 03 đối tượng tuyển sinh khác nhau. Đối tượng 01 là thí sinh tốt nghiệp THPT và xét tuyển chủ yếu dựa vào kết quả thi THPT quốc gia và kết quả của học bạ THPT kết hợp với phỏng vấn bởi hội đồng phỏng vấn Đại học Tân Tạo, đảm bảo ngưỡng đảm bảo theo quy định của Bộ GD&ĐT, bên cạnh đó cũng bổ sung thêm phương thức áp dụng kỳ thi Đánh giá năng lực (năm 2020). Đối tượng 02 là học sinh tốt nghiệp THPT ở nước ngoài hoặc trường quốc tế tại Việt Nam. Đối tượng 03 là NH tốt nghiệp cao đẳng, đại học và các bậc học cao hơn sẽ xét theo kết quả học tập bậc học. Đến năm 2021, đối tượng tốt nghiệp các chương trình cao đẳng, đại học được loại bỏ khỏi đối tượng xét tuyển giảm bớt đi phương thức áp dụng kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực. Năm 2022, đối tượng tốt nghiệp các chương trình đại học tại Việt Nam hoặc nước ngoài được áp dụng theo đề án tuyển sinh, nêu rõ phương thức xét tuyển áp dụng phương thức tuyển sinh gồm: xét tuyển thẳng, xét tuyển căn cứ vào kết quả tốt nghiệp THPT quốc gia, xét tuyển căn cứ kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia, xét bằng kết quả tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài và kết quả tốt nghiệp chương trình đào tạo Đại học Việt Nam hoặc nước ngoài. Đến năm 2023, đối tượng tuyển sinh được rút gọn là đối tượng tốt nghiệp THPT tại Việt Nam và xét tuyển theo các phương thức: xét tuyển thẳng, xét tuyển theo kết quả học bạ, xét tuyển theo điểm thi THPT quốc gia và xét theo điểm thi của kỳ thi Đánh giá năng lực. [H13.13.02.02]. [H13.13.02.03], [H13.13.02.04].

Căn cứ tình hình thực tế, Trường có chế độ học bổng tuyển sinh bằng hình thức miễn, giảm học phí cho NH mục đích thu nhằm hút các thí sinh có điểm cao để nâng cao chất lượng đầu vào [H13.13.02.05].

Quy trình tuyển sinh hằng năm đều phải dựa trên các quy định của Luật Giáo dục [H13.13.02.06], Luật Giáo dục Đại học [H13.13.02.07], các quy chế tuyển sinh hằng năm do Bộ GD&ĐT ban hành [H13.13.02.08], [H13.13.02.09], [H13.13.02.10]

[H13.13.02.11], [H13.13.02.12], [H13.13.02.13].

Căn cứ nội dung các thông tư hướng dẫn quy chế tuyển sinh và tình hình thực tế, Lãnh đạo Nhà trường, BGH và Phòng TTTS đã tiến hành họp xây dựng Đề án tuyển sinh để xác định phương thức xét tuyển phù hợp cho các ngành đào tạo [H13.13.02.01]. Mỗi chương trình, mỗi hệ đào tạo đều có tiêu chí lựa chọn riêng thể hiện trong đề án tuyển sinh [H13.13.02.02], các thông báo tuyển sinh để lựa chọn được người học có năng lực phù hợp với ngành đăng ký [H13.13.02.03].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 13.3. Có quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học.

Nhằm triển khai thực hiện và kiểm soát tiến độ, chất lượng công tác tuyển sinh và nhập học, đồng thời để đảm bảo các khâu trong công tác tuyển sinh (thông báo, xét tuyển, nhập học...) khách quan công bằng, minh bạch và đúng quy chế, Trường ĐHTT căn cứ các văn bản pháp quy của Bộ GD&ĐT về thanh tra công tác tuyển sinh đã xây dựng quy trình giám sát công tác tuyển sinh [H13.13.03.01], [H13.13.03.02].

Để thực hiện công tác tuyển sinh, Hiệu trưởng đã thành lập HĐTS và Chủ tịch HĐTS và các ban giúp việc HĐTS [H13.13.03.03].

Hàng năm, Trường ĐHTT áp dụng quy chế tuyển sinh do Bộ GD&ĐT ban hành để thực hiện tuyển sinh cho từng năm học [H13.13.03.04], [H13.13.03.05], [H13.13.03.06], [H13.13.03.07], [H13.13.03.08].

Phòng TTTS của Trường là đơn vị phụ trách tuyển sinh. Hàng năm, Phòng TTTS đều có kế hoạch công tác và phân công nhiệm vụ, trong đó Bộ phận tuyển sinh gồm: Các đơn vị liên quan và Ban thư ký, CB theo dõi thông tin tuyển sinh, cập nhật số liệu thí sinh trúng tuyển và lập bảng thống kê phân tích số liệu [H13.13.03.09]. Phòng TTTS có trách nhiệm đứng ra điều phối công tác xét tuyển với sự chấp thuận của Chủ tịch HĐTS, công tác xét tuyển được thống nhất bởi các thành viên của HĐTS, có tổ chức các cuộc họp để đánh giá, kiểm tra hồ sơ và thủ tục xét tuyển cho thí sinh. Các cuộc họp và kiểm tra đều có biên bản làm việc, ghi nhận lại kết quả. Từ đó, công tác báo cáo thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh được đảm bảo chính xác, và đảm bảo kịp thời theo quy định.

Hàng năm, Trường ĐHTT cũng ra quy trình về việc công tác nhập học với sự phối hợp giám sát của các bên bao gồm phòng TTTS, phòng QLĐT và các phòng ban liên quan. Kế hoạch nhập học chào đón tân sinh viên có nêu rõ quy định nhập học đầy đủ, thời gian nhập học cụ thể, phân công nhiệm vụ các đơn vị trong ngày nhập học [H13.13.03.10].

Phòng QLĐT, phòng CTSV-HTDN kết hợp phòng TTTS được giao nhiệm vụ phối hợp tổ chức thực hiện quy trình nhập học cho NH theo Quy định chức, năng nhiệm vụ của từng đơn vị, phòng QLĐT giữ vai trò giám sát, kiểm tra quy trình nhập học [H13.13.03.11].

Hồ sơ xét tuyển, danh sách trúng tuyển và hồ sơ nhập học được thanh kiểm tra định kỳ, thường xuyên, liên tục hàng năm nhằm hạn chế tối đa sai sót, kịp thời khắc phục sai

sốt trong quá trình thực hiện. Nội dung kiểm tra, giám sát công tác tuyển sinh được thực hiện từ khâu nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển của thí sinh đến khâu xét tuyển, nhập học. Hằng năm, phòng TTTS, phòng QLĐT đều có báo cáo kết quả công tác xét trúng tuyển và công tác nhập học cho thí sinh, từ đó làm cơ sở lưu trữ để làm công tác báo cáo cho Bộ GD&ĐT [H13.13.03.12].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 13.4. Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học.

Để thực hiện công tác giám sát việc tuyển sinh và nhập học, Trường cũng luôn có những biện pháp nhằm tăng cường tối đa công tác này, gồm:

i) Giám sát chất lượng tuyển sinh qua việc xác định điểm trúng tuyển hằng năm:

Công tác tuyển sinh và nhập học được Trường ĐHTT giám sát chặt chẽ ở các khâu. Căn cứ các tiêu chí đã được ban hành trong Đề án tuyển sinh [H13.13.04.01] hằng năm, Trường ra thông báo tuyển sinh theo các mốc thời gian cụ thể. Sau khi Bộ công bố kế hoạch chung tổng thể về ngưỡng điểm (điểm sàn) đại học, HĐTS Trường ĐHTT họp để xác định điểm trúng tuyển vào các ngành học [H13.13.04.02]. Những tiêu chí để đưa ra điểm sàn của Trường ĐHTT, bao gồm: Tiêu chí về chất lượng, sau đó căn cứ vào kết quả thi của thí sinh, chỉ tiêu Bộ cho phép tuyển cho từng khối thi và năng lực đào tạo tối đa của Trường và số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển ĐH của năm. Tiêu chuẩn xét tuyển của Trường đảm bảo điều kiện xét tuyển của Bộ GD&ĐT (Điểm sàn không nhân hệ số, Điểm trúng tuyển của Trường không được thấp hơn điểm sàn).

Hằng năm, Trường ĐHTT đều triển khai kế hoạch, thông báo thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác tuyển sinh [H13.13.04.03]. Mỗi đợt kiểm tra, giám sát công tác tuyển sinh đều có biên bản làm việc giữa các bên có liên quan [H13.13.04.04]. Các phòng ban phối hợp lập báo cáo cụ thể về những nội dung kiểm tra, giám sát [H13.13.04.05]. Việc ban hành các kết luận thanh tra, giám sát công tác tuyển sinh hằng năm tại Trường ĐHTT, góp phần kịp thời nắm bắt thông tin chính xác về việc tổ chức tuyển sinh và việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của tổ chức, cá nhân có liên quan. Về cơ bản công tác tuyển sinh và nhập học được thực hiện theo đúng quy chế, tuy nhiên đoàn kiểm tra đề nghị Trường ĐHTT thực hiện điều chỉnh một số nội dung (rà soát số liệu báo cáo trên hệ thống, yêu cầu thí sinh nộp đầy đủ hồ sơ xét tuyển), Trường đã nghiêm túc tiếp thu các kiến nghị đồng thời triển khai đúng quy định trong công tác thu hồ sơ xét tuyển từ năm 2018 đến nay [H13.13.04.06].

ii) Giám sát việc tuyển sinh và nhập học thông qua báo cáo kết quả tuyển sinh hằng năm:

Việc tổ chức, đánh giá và phân tích kết quả tuyển sinh hằng năm được biểu hiện qua số liệu báo cáo chỉ tiêu tuyển sinh [H13.13.04.07]. Bên cạnh đó, phòng TTTS lập báo cáo đối sánh tuyển sinh [H13.13.04.08] để phân tích, đánh giá số liệu công tác tuyển sinh hằng

năm. Cuối năm học, phòng TTTS lập Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh và dự thảo phương hướng hoạt động công tác tuyển sinh năm tiếp theo nhằm phát huy những thế mạnh và khắc phục nhược điểm của công tác tuyển sinh trong năm học [H13.13.04.09]. Từ đó, BGH và Hội đồng Trường sẽ đưa ra quyết định, định hướng chung cho công tác tuyển sinh của năm tiếp theo.

Tự đánh giá tiêu chuẩn đạt mức: 5/7

Tiêu chí 13.5. Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả.

Trường ĐHTT có sử dụng kết quả đánh giá công tác tuyển sinh và nhập học làm căn cứ điều chỉnh chiến lược/chính sách/kế hoạch tuyển sinh và nhập học. Trường biết rõ được tầm quan trọng của công tác tuyển sinh và nhập học nên hằng năm, ngoài việc phòng TTTS làm đề án tuyển sinh trình Bộ GD&ĐT theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT với sự chỉ đạo của BGH Trường [H13.13.05.01], phòng TTTS còn lên kế hoạch tư vấn tuyển sinh và Kế hoạch đón học sinh về Trường tham gia chuỗi chương trình Open House “*Hành trình Định hướng tương lai*”, đề học sinh tham quan khuôn viên trường, gặp gỡ giao lưu với GV, lãnh đạo các khoa, tham gia các lớp học trải nghiệm nhằm giúp học sinh định hướng đúng ngành theo sở thích và xu hướng thị trường, và để nâng cao chất lượng tuyển sinh. Trường ĐHTT cũng tổ chức hội nghị tuyển sinh dành cho CB, GV và nhân viên của trường để báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học, từ đó đề ra các phương hướng đưa thông tin trường đến rộng rãi các thí sinh trên các địa bàn tỉnh khác [H13.13.05.02], [H13.13.05.03], [H13.13.05.04].

Trường còn đánh giá kết quả công tác tuyển sinh nhập học và dựa vào báo cáo thống kê, phân tích, đánh giá chi tiết về dữ liệu đăng ký xét tuyển, kết quả trúng tuyển và kết quả nhập học từ phòng TTTS để điều chỉnh chiến lược, chính sách, kế hoạch tuyển sinh và nhập học cho phù hợp đối với từng thời điểm [H13.13.05.05].

Bảng 13.05.01. Tổng số người học đăng ký dự thi vào Trường ĐHTT, trúng tuyển và nhập học trong 05 năm gần đây hệ chính quy

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	2023
Số thí sinh dự tuyển (người)	233	222	334	723	531
Số lượng nhập học (người)	79	55	71	113	128
Tỷ lệ NH nhập học/thí sinh dự tuyển (%)	33,91%	24,77%	21,26%	15,63%	24,11%

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi và thu hút được NH, Trường ĐHTT có nhiều cải tiến về quy trình, hình thức, chính sách tuyển sinh và công tác tổ chức nhập học phù hợp với tình hình thức chẳng hạn khác nhau: ngoài các hình thức nộp hồ sơ qua đường bưu điện, nộp hồ sơ trực tiếp khi đến trường, trong thời gian dịch bệnh trường đã cho xét tuyển, nhập

học online. Trong những đợt tuyển sinh gần đây trường lên kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin vào việc thu thập thông tin thí sinh, phòng TTTS còn đưa ra nhiều hình thức kết nối thí sinh thông qua nhiều kênh mạng xã hội [H13.13.05.06]. Ngoài ra, Trường đã ký bảng ghi nhớ với các doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm giới thiệu nơi thực tập và giới thiệu việc làm cho NH sau khi tốt nghiệp, chương trình này thu hút được nhiều sự quan tâm của NH và các doanh nghiệp trong và ngoài nước [H13.13.05.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 13:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Trường luôn quan tâm, cải thiện công tác tuyển sinh và nhập học đáp ứng sự thay đổi để tạo điều kiện cho NH. Công tác này được quy định và thực hiện chi tiết, rõ ràng, có phân công nhiệm vụ cho từng bộ phận và thông tin về tuyển sinh được công khai rõ ràng theo đúng quy chế tuyển sinh và đào tạo. Bên cạnh đó, Trường cũng sử dụng nhiều phương tiện, phương pháp để quảng bá, truyền thông cho hoạt động tuyển sinh nhằm mở rộng tuyển sinh.

Thí sinh được cung cấp đầy đủ về các ngành tuyển sinh, chỉ tiêu, hình thức tuyển sinh và các điều kiện tuyển sinh.

Trường đã thực hiện lựa chọn các tiêu chí phù hợp với mục tiêu đào tạo của Trường nhằm ĐBCL NH cho CTĐT đáp ứng Quy định tuyển sinh các trình độ.

Trường đã xây dựng hệ thống xét tuyển và nhập học trực tuyến của trường hỗ trợ cho thí sinh ở các vùng miền tiếp cận thông tin và thực hiện xét tuyển trực tuyến, cũng như nhập học trực tuyến. Truyền thông tuyển sinh được đẩy mạnh dựa vào công nghệ thông tin và kết nối internet như qua mạng xã hội, báo điện tử, email,...

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Do có nhiều đối tượng NH nên giám sát công tác tuyển sinh hiện đang được thể hiện trong nhiều văn bản của Trường, Trường cần có văn bản hợp nhất, nhất là quy định về quy trình giám sát để thuận lợi cho triển khai nội dung giám sát.

Trường chưa có kế hoạch và xây dựng được ban thanh tra, giám sát riêng biệt cho công tác tổ chức xét tuyển.

Về kế hoạch Truyền thông còn hạn chế trong các công tác ký kết các đơn vị Báo chí trong công tác quảng bá hình ảnh.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng hoàn thiện quy định về quy trình giám sát tuyển sinh, đào tạo, tốt nghiệp cho tất cả các đối	Phòng TTTS Phòng QLĐT	02/2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		tượng NH dựa trên các văn bản hướng dẫn của Thanh tra Bộ GD&ĐT. Xây dựng các Ban Thanh tra Tuyển sinh, Đào tạo.			
2	Khắc phục tồn tại	Xây dựng ký kết với các đơn vị Truyền thông, Báo chí đẩy mạnh công tác quảng bá thông tin, thương hiệu	Phòng TTTS	02/2025	
3	Phát huy điểm mạnh	Duy trì, nâng cấp hệ thống thông tin để tiếp tục triển khai hoạt động tuyển sinh và nhập học trực tuyến	Phòng TTTS Ban CNTT	11/2024	
4	Phát huy điểm mạnh	Công khai thông tin tuyển sinh đại học và sau đại học đầy đủ và kịp thời trên các phương tiện thông tin	Phòng TTTS Ban CNTT	01/2025	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 13	5,00
Tiêu chí 13.1	5
Tiêu chí 13.2	5
Tiêu chí 13.3	5
Tiêu chí 13.4	5
Tiêu chí 13.5	5

Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát CTDH

Tiêu chí 14.1. Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các CTDH cho tất cả các CTĐT và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các BLQ.

Trường ĐHTT hiện đang tổ chức đào tạo 10 ngành trình độ đại học. Việc thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các CTĐT và các học phần được thực hiện một cách có hệ thống. Trước khi xây dựng chương trình, Ban xây dựng chương trình đã nghiên cứu, tham khảo các văn bản hướng dẫn liên quan như: Luật giáo dục, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giáo dục đại học, Quyết định phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam, Thông tư ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình

độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, Thông tư ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học **[H14.14.01.01]**.

Trường đã xây dựng văn bản Quy định xây dựng, cập nhật CDR, CTĐT và ĐCCTHP **[H14.14.01.03]**

Trường ĐHTT có hệ thống văn bản về xây dựng hệ thống đề thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các CDR, CTĐT và ĐCCTHP để tổ chức và quản lý một cách hiệu quả các hoạt động như: Kế hoạch rà soát, đánh giá, điều chỉnh, cập nhật các CTĐT, Thông báo về việc rà soát, đánh giá, điều chỉnh, cập nhật ĐCCTHP của các CTĐT **[H14.14.01.02]**, Quy định xây dựng, cập nhật CDR, CTĐT và ĐCCTHP **[H14.14.01.03]**, Quyết định thành lập Tổ rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT **[H14.14.01.04]**.

Trường ĐHTT đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị liên quan như: phòng QLĐT phối hợp với các khoa rà soát chương trình, nội dung, mục tiêu... Phòng QLĐT là đơn vị đầu mối giám sát, đôn đốc việc thực hiện rà soát CTĐT của các khoa, báo cáo tiến độ thực hiện của các khoa với BGH Trường ĐHTT. Các khoa chủ trì công tác rà soát, điều chỉnh CTĐT, chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về tiến độ và chất lượng hoàn thành công việc, xây dựng kế hoạch. Các đơn vị khác chịu trách nhiệm phối hợp với phòng QLĐT và các khoa thực hiện các công việc liên quan đến công tác xây dựng, rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT. Nhiệm vụ của từng thành viên trong Tổ soạn thảo, cập nhật CDR, CTĐT, ĐCCTHP như sau:

i) Tổ trưởng: chỉ đạo chung tất cả hoạt động của Tổ, cung cấp các văn bản pháp quy, tài liệu và duyệt các mẫu biểu liên quan;

ii) Ủy viên: chịu trách nhiệm xây dựng, rà soát và hoàn thành các biểu mẫu liên quan CTĐT, xác định khối lượng cấu trúc kiến thức cần thiết của CTĐT, thu thập các minh chứng liên quan đến quá trình xây dựng, rà soát CDR, CTĐT và ĐCCTHP, hoàn thành dự thảo trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các BLQ;

iii) Ủy viên thư ký: sưu tầm và đối sánh CTĐT dự thảo với CTĐT cùng khối ngành, cùng trình độ của các CSGD, đồng thời là thư ký các cuộc họp, hội thảo và hoàn thành các công việc khác của ủy viên.

Trường đã ban hành Quy định công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV Trường ĐHTT, Kế hoạch về việc khảo sát ý kiến các BLQ (GV, NH, CNH, doanh nghiệp) về các hoạt động của Trường ĐHTT **[H14.14.01.05]**, **[H14.14.01.06]**.

Trường ĐHTT tiến hành khảo sát ý kiến các BLQ về CTĐT và CDR nhằm rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT và CDR cho phù hợp với mục tiêu đào tạo của Trường; khảo sát ý kiến phản hồi của NH về chất lượng môn học và hoạt động giảng dạy của GV để cập nhật ĐCCTHP phù hợp với CDR **[H14.14.01.07]**. Dựa trên kết quả thực hiện lấy ý kiến

phản hồi từ các BLQ, bộ phận chức năng tổng hợp Báo cáo kết quả thực hiện. [H14.14.01.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 14.2. Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh CDR của chương trình đào tạo và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các BLQ.

Căn cứ Công văn hướng dẫn xây dựng và công bố CDR ngành đào tạo của Bộ GD&ĐT [H14.14.02.01], Quy định xây dựng, cập nhật CDR, CTĐT và ĐCCTHP [H14.14.02.02], BGH đã ban hành Quyết định thành lập Tổ rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT [H14.14.02.03]. Phòng QLĐT phối hợp các khoa tiến hành lấy ý kiến đóng góp về CDR CTĐT và các học phần [H14.14.02.04]. Căn cứ ý kiến đóng góp, HĐKH-ĐT hợp thống nhất các nội dung xây dựng, rà soát, điều chỉnh CDR CTĐT và học phần [H14.14.02.05].

Căn cứ quy trình và các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT, Trường đã giao trách nhiệm, thời gian hoàn thành cho các đơn vị về việc lấy ý kiến đóng góp, phản hồi các đơn vị liên quan về xây dựng, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định CDR, CTĐT và ĐCCTHP, trong đó: Phòng QLĐT khảo sát NH trước khi TN; Phòng CTSV-HTDN lấy ý kiến phản hồi từ CNH; các khoa chịu trách nhiệm lấy ý kiến doanh nghiệp, trong đó có khảo sát ý kiến doanh nghiệp về CTĐT và nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp [H14.14.02.06]. Trên cơ sở báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi, Trường tiến hành xây dựng, rà soát, sửa đổi, bổ sung CDR của CTĐT [H14.14.02.07]. Trường công bố CDR của CTĐT và các CTĐT tới NH ở tuần sinh hoạt công dân đầu khóa và website của Trường [H14.14.02.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 14.3. Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của CTĐT và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên CDR.

Trường ĐHTT luôn xác định đề cương chi tiết học phần là một trong những yếu tố then chốt mà qua đó người học có thể đánh giá được nội dung, chất lượng và tầm quan trọng của học phần. Qua đó, BGH đã chỉ đạo rà soát ĐCCTHP cùng chu kỳ với chu kỳ rà soát CTĐT [H14.14.03.01]. Dựa trên CTĐT đã ban hành [H14.14.03.02], BGH chỉ đạo các Khoa chuyên môn tiến hành xây dựng, rà soát ĐCCTHP theo Hướng dẫn xây dựng, cập nhật ĐCCTHP [H14.14.03.03]. Đề cương chi tiết học phần được ban hành đáp ứng yêu cầu CDR của CTĐT, cụ thể: thông tin chung về học phần; thông tin về GV tham gia giảng dạy; mô tả học phần, mục tiêu học phần, CDR học phần; ma trận giữa CDR và nội dung học phần; đánh giá học phần, ma trận đánh giá học phần; học liệu, quy định học phần [H14.14.03.04], [H14.14.03.05].

Theo đó, ĐCCTHP sau khi ban hành được giới thiệu, phổ biến đến người học thông qua việc gửi email, đăng lên các trang thông tin điện tử của các khoa [H14.14.03.06]. Đề

cương chi tiết học phần còn được các GV phụ trách học phần phổ biến ngay từ buổi đầu tiên của học phần theo quy định của Trường [H14.14.03.07].

Vào đầu mỗi năm học, phòng QLĐT xây dựng Kế hoạch đào tạo và biểu đồ năm học để các khoa xây dựng kế hoạch giảng dạy và thời khóa biểu [H14.14.03.08]. Thời khóa biểu sau khi ban hành được nhà trường giới thiệu, phổ biến bằng nhiều hình thức khác nhau đến người học như trang thông tin cá nhân NH; thư điện tử cá nhân NH [H14.14.03.09].

Căn cứ vào kế hoạch giảng dạy, kế hoạch hoạt động năm đã được duyệt, các hoạt động dạy học trong đề cương môn học được triển khai đúng tiến độ, đôi khi có sự điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế nhưng vẫn đảm bảo thực hiện được theo CDR của CTĐT. Tất cả hoạt động giảng dạy của GV cũng như kế hoạch học tập của NH được giám sát thông qua phần mềm quản lý đào tạo Intranet. Việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của GV đúng theo tiến độ còn được phòng QLĐT và các khoa giám sát, theo dõi và đánh giá một cách công khai và khách quan [H14.14.03.10], [H14.14.03.11]. Các CVHT tổ chức các buổi sinh hoạt tập thể nhằm kiểm tra, giám sát và trao đổi về tình hình học tập và rèn luyện với người học [H14.14.03.12].

Ngoài ra, nhằm hướng tới đảm bảo CDR ở mức cao nhất, việc thực hiện các hoạt động dạy học trong đề cương môn học còn được trao đổi chia sẻ và rút kinh nghiệm qua các buổi dự giờ chuyên môn [H14.14.03.13].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 14.4. Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát CTĐT được thực hiện.

Căn cứ vào các quy định của Bộ GD&ĐT như: Thông tư ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học [H14.14.04.01], Thông tư ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học [H14.14.04.02] và chỉ đạo của BGH về việc rà soát, điều chỉnh các quy trình xây dựng, cập nhật CDR, CTĐT và ĐCCTHP [H14.14.04.03], Trường giao phòng QLĐT phối hợp các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch về việc rà soát quy trình xây dựng, cập nhật CDR, CTĐT và ĐCCTHP [H14.14.04.04]. Phòng QLĐT đã xây dựng bản dự thảo quy trình gửi các đơn vị góp ý, sau khi tổng hợp ý kiến góp ý của các đơn vị, phòng QLĐT trình Hiệu trưởng ban hành Quy trình xây dựng, cập nhật CDR, CTĐT và ĐCCTHP [H14.14.04.05].

Căn cứ vào quy trình xây dựng, cập nhật CDR, CTĐT và ĐCCTHP, trong quá trình thực hiện cập nhật CTĐT, Trường đã thực hiện đối sánh sự thay đổi CTĐT các năm và đối sánh CTĐT với các trường đại học trong nước và lấy ý kiến đóng góp của các BLQ để rà soát, chỉnh sửa các CTĐT [H14.14.04.06].

Bảng 14.04.01. Đối sánh số TC giữa các năm của các CTĐT

Ngành	Năm 2019	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Quản trị kinh doanh	120 TC	120 TC	130 TC	130 TC
Kinh doanh quốc tế	120 TC	120 TC	130 TC	130 TC
Tài chính-Ngân hàng	120 TC	120 TC	130 TC	130 TC
Kế toán	120 TC	120 TC	130 TC	130 TC
Ngôn ngữ Anh	120 TC	120 TC	130 TC	130 TC
Khoa học máy tính	126 TC	126 TC	130 TC	130 TC
Công nghệ sinh học	130 TC	130 TC	130 TC	130 TC
Điều dưỡng	123 TC	123 TC	130 TC	130 TC
Kỹ thuật xét nghiệm y học	123 TC	123 TC	130 TC	130 TC
Y khoa	296 ĐVHT	227 TC	227 TC	210 TC

Năm 2021, CTĐT ngành Y khoa được cập nhật chuyển từ đào tạo niên chế theo đơn vị học trình sang đào tạo tín chỉ. Năm 2022, Trường có 08 CTĐT được điều chỉnh tăng lên 130 tín chỉ. Năm 2023, Trường điều chỉnh CTĐT ngành Y khoa giảm xuống còn 210 tín chỉ [H14.14.04.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 14.5. Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các BLQ.

Trên cơ sở Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục trình độ ĐH của Bộ GD&ĐT [H14.14.05.01], Trường ban hành các quy định, quy trình xây dựng, cập nhật CDR, CTĐT và ĐCCTHP [H14.14.05.02], [H14.14.05.03] và được BGH đề ra các chỉ đạo nhằm cụ thể hóa theo kế hoạch của hoạt động [H14.14.05.04]

Quy định, quy trình xây dựng, cập nhật CDR, CTĐT và ĐCCTHP được cải tiến nhằm nâng cao chất lượng xây dựng của CTĐT đã ban hành. Trường đã lập kế hoạch rà soát quy trình xây dựng, cập nhật CDR, CTĐT và ĐCCTHP và thông báo đến các đơn vị để thực hiện [H14.14.05.05]. Trường phân công Phòng QLĐT chủ trì và thực hiện rà soát các nội dung quy trình là: Lưu đồ quy trình và diễn giải, đơn vị phụ trách các bước của quy trình, biểu mẫu thực hiện. Trong quá trình cải tiến, Trường có thu thập, tổng hợp các ý kiến góp ý của các BLQ [H14.14.05.06] trước khi ban hành quy định, quy trình mới [H14.14.05.02], [H14.14.05.03].

Trên cơ sở có các quy định, quy trình xây dựng, cập nhật CDR, CTĐT và ĐCCTHP, và chỉ đạo của BGH, phòng QLĐT chủ trì làm đầu mối trong việc rà soát, cập nhật CTĐT của các ngành. Phòng đã lập kế hoạch rà soát, đánh giá, điều chỉnh, cập nhật các CTĐT [H14.14.05.04], tham mưu thành lập Tổ rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT [H14.14.05.07].

Đối với CTĐT, trong quá trình triển khai, Trường luôn điều chỉnh, cải tiến phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các BLQ. Theo đó, các khoa chuyên môn tiến hành tham khảo các CTĐT của các Trường ĐH có uy tín để đối sánh với CTĐT hiện tại để cải tiến [H14.14.05.08]. Bên cạnh đó, theo chức năng và nhiệm vụ được phân công, hằng năm, phòng KT-BĐCL phối hợp với các đơn vị thực hiện lập kế hoạch và tiến hành khảo sát các đối tượng như NH, CNH, người sử dụng lao động và báo cáo kết quả khảo sát này [H14.14.05.09], [H14.14.05.10].

Căn cứ vào ý kiến góp ý của các BLQ, đơn vị đầu mối là phòng QLĐT kết hợp các Khoa chuyên môn đã rà soát, trao đổi và điều chỉnh cải tiến CTĐT. Tất cả các CĐR, CTĐT và ĐCCTHP đều dựa trên sự góp ý của các BLQ và được sự thống nhất của Hội đồng KH&ĐT, Trường đã ban hành CTĐT sau khi được rà soát và điều chỉnh này [H14.14.05.11]. Trong đó các nội dung chỉnh sửa, thay đổi bao gồm: Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, CĐR của CTĐT, CĐR của các học phần; phương pháp đánh giá của các học phần; kết cấu CTĐT. Tất cả CTĐT trình độ đại học được Hiệu trưởng ký quyết định ban hành và được công bố trên trang thông tin điện tử của Trường [H14.14.05.12].

Qua quá trình rà soát, chỉnh sửa CTĐT ở các ngành đào tạo, cho thấy các khối kiến thức giảng dạy của mỗi CTDH được phân bổ hợp lý, đáp ứng điều kiện tiên quyết của các học phần, thống nhất giữa các khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên ngành (kiến thức bắt buộc và kiến thức tự chọn) và kỹ năng mềm. Mỗi CTĐT đều thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR của CTĐT. Tất cả CTĐT của Trường, các HP đều được bố trí theo thời gian một cách hợp lý và logic. Các hình thức đánh giá HP luôn bám sát nội dung và yêu cầu của mỗi HP thông qua nhiều hình thức đánh giá như: bài tập lớn, tiểu luận, thi kết thúc HP và khóa luận [H14.14.05.13].

Khi chuẩn bị kết thúc học phần, kết thúc kỳ học đối với NH năm cuối, phòng QLĐT kết hợp với các khoa chuyên môn tiến hành lấy ý kiến phản hồi của NH trước khi tốt nghiệp về hoạt động đào tạo. Kết quả khảo sát cho thấy: ý kiến đánh giá CTĐT, ĐCCTHP có mục tiêu đào tạo rõ ràng; đánh giá CĐR phù hợp với nội dung HP, đáp ứng được các vị trí công việc sau khi ra trường; ý kiến đánh giá CTĐT có các HP được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết liền mạch, có tỷ lệ cân đối giữa kiến thức chung, kiến thức chuyên ngành và kỹ năng mềm; ý kiến đánh giá thời gian và trình tự bố trí các môn học (tiền trình đào tạo) hợp lý và logic [H14.14.05.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 14:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Chương trình dạy học được rà soát định kỳ, việc rà soát được thực hiện theo quy trình PDCA, có tham khảo ý kiến của các BLQ và đối sánh với CTĐT các nước tiên tiến.

Trường đã có những điều chỉnh trong Quy định về đào tạo cũng như quy trình và các biểu mẫu cho thiết kế, đánh giá và rà soát CTĐT.

Trường phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị/cá nhân liên quan trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT.

Chương trình đào tạo được phổ biến, công khai đến các BLQ.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Trường chưa thực hiện đối sánh CTĐT của Trường với CTĐT nước ngoài.

Trường chưa thực hiện rà soát quy trình thiết kế, phát triển và đánh giá CTĐT.

Việc lấy ý kiến chuyên gia còn hạn chế về phương pháp lấy ý kiến, mới chỉ sử dụng phương pháp lấy ý kiến thông qua phiếu thu thập số liệu.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện rà soát quy trình thiết kế, đánh giá CTDH	Phòng QLĐT	Năm 2025	
		Phân công CB phụ trách lên kế hoạch đối sánh với các CTĐT của các nước đào tạo khối ngành khoa học sức khỏe. Bước đầu có thể chọn các nước đã từng hợp tác hoặc có CB đang du học	Phòng QLĐT	Năm 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Mở rộng hơn phạm vi đối tượng lấy ý kiến các BLQ để làm cơ sở điều chỉnh CTĐT	Phòng KT-BĐCL	Hằng năm	
		Phối hợp với các Khoa, BM trao đổi, làm việc với các chuyên gia nước ngoài để đối sánh CTĐT	Phòng QLĐT	Năm 2025	
		Ứng dụng công nghệ 4.0 trong việc lấy ý kiến khảo sát về sự thống nhất CDR và CTĐT, đề cương chi tiết học phần dành cho CB và NH	Phòng QLĐT	Năm 2025	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 14</i>	<i>4,60</i>
Tiêu chí 14.1	5
Tiêu chí 14.2	5
Tiêu chí 14.3	5
Tiêu chí 14.4	4
Tiêu chí 14.5	4

Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập**Tiêu chí 15.1. Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được CDR.**

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Tân Tạo được tuyên bố chính thức vào năm 2021, trên cơ sở xác định rõ ràng triết lý giáo dục, triết lý giáo dục của Trường hướng đến đào tạo nguồn nhân lực có tính hợp tác, nỗ lực, chất lượng, sáng tạo, tôn trọng, lãnh đạo với tư duy khai phóng có tinh thần học tập suốt đời, trung thực, có trách nhiệm với đất nước [H15.01.01]. Trường đã có công văn yêu cầu các đơn vị phổ biến, thông báo triết lý giáo dục đến CB, GV, NV, NH và các bên liên quan. Nội dung TLGD phù hợp với mục tiêu, Sứ mạng của Trường và với xu thế phát triển chung được đăng tải lên Website của Trường [H15.15.01.02]. Trong đào tạo, Trường đảm bảo chất lượng giáo dục và chương trình đào tạo, đào tạo dựa trên năng lực và chuẩn đầu ra. Triết lý giáo dục của Nhà trường được chuyển tải vào quá trình giảng dạy nhằm đề cao sự sáng tạo, tư duy phân biện từ đó tạo ra nguồn nhân lực có năng lực tư duy, sáng tạo, có khả năng tự học, tự thích nghi và hoàn thiện bản thân trong môi trường mới, có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và ra quyết định dựa trên cơ sở phân tích các bằng chứng và dữ liệu. Cụ thể, triết lý giáo dục của Trường với các quan điểm như sau:

Triết lý “khai phóng”: Trường xây dựng trong CTĐT thông qua HP con người và môi trường, thể hiện các nguyên lý sinh thái học ứng dụng trong môi trường và có mối liên hệ đến dân số. Bên cạnh là những sự biến đổi của khí hậu có sự tác động đến môi trường sống và sức khỏe của con người. Học phần truyền tải thông điệp về bảo vệ môi trường, trên tinh thần tự do tư duy - tự do suy nghĩ để tự do lựa chọn, giúp rèn luyện người học khả năng tự học, tự thích nghi và hoàn thiện bản thân trong môi trường cạnh tranh và đổi mới liên tục [H15.15.01.03]

Triết lý “Học suốt đời”: Trường xây dựng phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp và hoàn thiện bản thân để làm việc suốt đời, đặc biệt việc học suốt đời gắn liền với tính chất học tập và hoạt động nghề nghiệp của ngành Y khoa, là thước đo về nhân cách, về đạo đức nghề nghiệp và trình độ chuyên môn. Người học được rèn luyện tính tự giác và khả năng

thích nghi với việc học tập không ngừng, chủ động xây dựng mục tiêu học tập, mục tiêu cuộc đời, áp dụng kiến thức và kỹ năng một cách linh hoạt, hội nhập những kiến thức mới với bản sắc riêng, thể hiện sự cam kết duy trì nỗ lực liên tục để thành công trong sự nghiệp. Triết lý giáo dục còn thể hiện qua sự kết hợp giữa nhà trường và các bệnh viện lâm sàng và các trường đại học trên thế giới tạo điều kiện cho người học có điều kiện học tập suốt đời **[H15.15.01.04]**

Trường ĐHTT đã ban hành Quy chế đào tạo, triển khai phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ từ năm 2017, đây là phương thức đào tạo tiên tiến hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, giúp người học chủ động xây dựng kế hoạch học tập, nghiên cứu. Năm 2017, quy chế đào tạo nêu bật nội dung đào tạo, phương pháp giảng dạy, học, kiểm tra đánh giá và phương thức quản lý phải gắn với chuẩn đầu ra của CTĐT, nâng cao chất lượng, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu xã hội và khả năng thu hút các nguồn lực. Quy chế đào tạo có sự thay đổi, cập nhật vào năm 2018, 2021 và 2023 về đánh giá kết quả học phần, hình thức kiểm tra học phần, cách tính điểm học phần **[H15.15.01.05]**.

Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, cử giảng viên tham gia các hội thảo nghiên cứu khoa học trong và ngoài trường, tổ chức các buổi dự giờ giảng nhằm học tập, trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau trong công tác giảng dạy **[H15.15.01.06]**. Sau các đợt tập huấn, bồi dưỡng, dự giờ giảng viên, bộ môn thảo luận và lựa chọn các phương pháp dạy và học phù hợp với học phần và từng đối tượng người học.

Các phương pháp dạy và học cũng như phương pháp kiểm tra, đánh giá người học được lựa chọn dựa vào đặc thù mỗi học phần nhằm hướng đến đạt chuẩn đầu ra học phần, cũng như chuẩn đầu ra của chương trình. Trên cơ sở hướng dẫn này, các giảng viên tham gia giảng dạy tiến hành xây dựng tổ hợp các phương pháp dạy học đa dạng nhằm giúp người học tích lũy kiến thức, phát triển năng lực tư duy logic, kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy phản biện, có kỹ năng thực hành, kỹ năng mềm, năng động sáng tạo, có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập, cụ thể:

Học lý thuyết trên giảng đường: GV áp dụng nhiều phương pháp và cách thức tổ chức khác nhau như thuyết giảng và giải thích các nội dung trong bài giảng, trong đó GV có thể sẽ kết hợp các câu hỏi gợi mở, các tình huống mô phỏng và các yêu cầu tham luận để tăng tính chủ động tư duy và phản biện của NH. Để NH có thể tự do khám phá và tìm hiểu điểm mấu chốt, GV có thể chia NH thành từng nhóm nhỏ để tranh luận, thảo luận và đóng vai, NH sẽ phát triển kỹ năng làm việc nhóm và khả năng giao tiếp hiệu quả hoặc NH có thể hoạt động với một số trò chơi mang tính thử thách của GV mang kích thích nhằm tăng cường sự hứng thú trong việc tự học nâng cao kiến thức thực tế. GV luôn linh hoạt trong việc giảng dạy nhằm đáp ứng CDR của học phần và CTĐT **[H15.15.01.07]**

Học tại phòng thực hành, thí nghiệm: đối với Khoa Y, GV áp dụng các phương pháp dạy học theo bảng kiểm và dạy học lâm sàng không có người bệnh, NH được thực hành trực tiếp trên các mô hình hiện đại, với các chi tiết được thiết kế gần giống với tỷ lệ người thật. Bên cạnh đó NH được tham gia đóng vai dàn dựng các tình huống lâm sàng để tăng khả năng xử lý tình huống. Người học được thực hiện tại các phòng thí nghiệm hiện đại đạt tiêu chuẩn với các dụng cụ trang thiết bị tiên tiến như bàn phẫu tích mô phỏng để NH có thể học giải phẫu 3D, NH có thể thực hành đo điện tim, đo điện cơ...trên bộ máy đo, máy đọc Elisa dùng để đo quang phổ, máy ly tâm lạnh sử dụng xử lý các mẫu xét nghiệm, máy hóa sinh bán tự động và hệ thống kính hiển vi hiện đại giúp NH có thể trải nghiệm sát với thực tế nhất của các HP thực hành đáp ứng được CDR của CTĐT **[H15.15.01.07]**

Học tập trải nghiệm: Nhà Trường tổ chức cho NH đi thực tập tại các bệnh viện lớn ở TP.Hồ Chí Minh, các doanh nghiệp trong và ngoài nước dưới sự hướng dẫn của các giảng viên. Tại đây, NH sẽ được trải nghiệm thực tế về các hoạt động của nghề nghiệp và GV sẽ đưa ra các trường hợp thực tế để NH có thể học tập và xử lý các tình huống. Tổ chức cho NH làm KLTN: vào năm cuối của khóa học sẽ chọn 10% số NH (tính theo điểm trung bình năm học), sau đó các bộ môn sẽ cung cấp các đề tài và người hướng dẫn, cho NH chọn đề tài và viết đề cương. Sau khi được duyệt đề cương NH tiến hành nghiên cứu và báo cáo theo lịch **[H15.15.01.08]**.

Tất cả các phương pháp giảng dạy sẽ được người dạy phổ biến đến người học trong những buổi học đầu tiên trong nội dung chương trình đào tạo **[H15.15.01.09]**, CTĐT được thiết kế với thời lượng thực hành, thực tập nhiều hơn, tăng khả năng tự học của người học nhiều hơn, đòi hỏi người học phải tìm hiểu và thực hiện chứ không đơn thuần tiếp thu kiến thức một cách thụ động, phù hợp với quy định tại Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT **[H15.15.01.10]**.

Trường Đại học Tân Tạo xây dựng các quy định, hướng dẫn lựa chọn phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá và phân tích kết quả học tập của người học nhằm đạt CDR. Các phương pháp giảng dạy được hướng dẫn lựa chọn như: phương pháp dạy học trực tiếp nhằm truyền tải thông tin đến người học một cách trực tiếp, phương pháp này giúp người dạy và NH có thể trực tiếp thảo luận và xử lý các tình huống một cách trực quan nhất. Một trong các phương pháp được giảng viên sử dụng tích cực đó là dạy học dựa vào hoạt động – trải nghiệm, giúp NH có nhiều cơ hội thực hành, thúc đẩy NH khám phá, lựa chọn và giải quyết các tình huống mô phỏng hoặc thực tế. Ngoài ra theo quy định còn có các phương pháp mới như dạy học tư duy, dạy học lâm sàng và phương pháp hướng dẫn NH tự học, nhằm phát triển khả năng tư duy phản biện, phản xạ, sáng tạo và độc lập của người học... Tương ứng với các phương pháp giảng dạy đa dạng và tích cực, Trường có các hướng dẫn về lựa chọn phương pháp đánh giá phù hợp như: đánh giá tiến trình học tập của NH bằng các hình thức chuyên cần, bài tập nhỏ, thuyết trình, vấn đáp, chiếm trọng số

từ 30 – 40 % tổng số điểm của HP và các hình thức lượng giá cuối học phần như kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, viết báo cáo, thi thực hành dựa trên bảng kiểm, chạy trạm... nhằm lượng giá một cách khách quan nhất về kiến thức, kỹ năng trong từng học phần. Mục đích hướng dẫn Khoa/bộ môn xây dựng chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các học phần, tổ chức thực hiện CTĐT đáp ứng CĐR theo đúng quy định [H15.15.01.11].

Chuẩn đầu ra các ngành đào tạo của Trường Đại học Tân Tạo được ban hành trong giai đoạn 2019-2024 [H15.15.01.12], đáp ứng yêu cầu, quy định về chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với các trình độ đào tạo của Bộ GD&ĐT về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực, mức độ tự chủ và trách nhiệm mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi chương trình đào tạo. Nội dung xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được thực hiện theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg [H15.15.01.13]. Quy trình xây dựng chuẩn đầu ra của nhà trường không có quy định riêng mà lồng ghép vào quy trình xây dựng CTĐT, trong đó việc xây dựng CĐR đảm bảo thống nhất với mục tiêu đào tạo, đảm bảo có sự đóng góp ý kiến của đơn vị sử dụng lao động, phản ánh được các yêu cầu về năng lực đạt được của NH sau khi tốt nghiệp của các bên liên quan. Quy trình này được thực hiện theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, đến năm 2021, việc rà soát CĐR được thực hiện theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT [H15.15.01.14].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 15.2. Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ GV, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.

Nhằm đáp ứng yêu cầu của Bộ GD&ĐT, Trường Đại học Tân Tạo xây dựng đội ngũ GV giảng dạy cơ bản đều có học vị từ thạc sĩ trở lên [H15.15.02.01]. Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Long An lần thứ X nhiệm kỳ 2015-2020 [H15.15.02.02], Trường xây dựng “Chiến lược phát triển Trường Đại học Tân Tạo giai đoạn 2011- 2020, giai đoạn 2021 - 2026, tầm nhìn đến năm 2030” [H15.15.02.03], trong đó có Kế hoạch chiến lược phát triển nhân sự nhằm thu hút đội ngũ GV có trình độ cao, có năng lực chuyên môn tốt, có kinh nghiệm giảng dạy, đáp ứng với tầm nhìn, sứ mạng Trường đã công bố đến năm 2030, Đại học Tân Tạo trở thành một Trường đại học nổi tiếng trong khu vực, cung cấp nền giáo dục chất lượng cao, thực hành trên nền tảng kiến thức đã nghiên cứu, phục vụ người dân Việt Nam, Đông Nam Á và trên Thế giới [H15.15.02.04]. Kế hoạch phát triển của Trường Đại Học Tân Tạo giai đoạn 2012 - 2015 – 2020, giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn 2030 [H15.15.02.05], kế hoạch đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên giai đoạn 2018 – 2024: Xây dựng đội ngũ CB, GV đảm bảo chất lượng về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giảng dạy, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, có bản lĩnh chính trị, đạo đức và lối sống, lương tâm nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển nhà trường cũng như yêu cầu giảng dạy và nghiên cứu, số lượng đội ngũ có trình độ TS, PGS ngày càng tăng

[H15.15.02.06]. Theo quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020, Trường có chính sách hỗ trợ CB-NV-GV học tập nâng cao trình độ được hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ chi phí trong thời gian học tập cho CB-NV-GV khi được Hiệu trưởng Nhà trường cử đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu công tác. **[H15.15.02.07].**

Hoạt động tuyển dụng được diễn ra thường niên: Ngày 04/06/2018, Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Tạo đã ký ban hành Quy trình tuyển dụng cán bộ, giảng viên; theo đó, hàng năm, căn cứ vào nhu cầu nhân lực. Trường Đại học Tân Tạo đã ra các thông báo tuyển dụng CB-NV-GV, thành lập thành lập Hội đồng tuyển dụng; sau đó công bố các Quyết định tuyển dụng và đánh giá năng lực người được tuyển dụng sau khi làm việc, thử việc **[H15.15.02.08].** Bên cạnh việc thu hút, tuyển dụng, Trường còn quan tâm đến việc bổ nhiệm và phát triển đội ngũ GV. Trường Đại học Tân Tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn và quy trình thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm của Trường Đại học Tân Tạo. Nhân sự tham gia làm việc tại Trường sẽ có cơ hội học tập, phấn đấu và làm việc trong môi trường cạnh tranh công bằng và cùng phát triển **[H15.15.02.09].** Qua đó, Trường Đại học Tân Tạo đã có các quyết định bổ nhiệm CB Trường trong giai đoạn vừa qua **[H15.15.02.10].**

Hàng năm, Trường Đại học Tân Tạo đã lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng với mục tiêu tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, người lao động của Trường đồng bộ về số lượng, chuyên nghiệp về chất lượng, có đầy đủ phẩm chất, trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm trong thời kỳ mới, đồng thời đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ trọng tâm của Trường Đại học Tân Tạo **[H15.15.02.11].**

Hiện nay, số lượng GV của Trường Đại học Tân Tạo được tăng về chất lượng nhằm đáp ứng khối lượng công việc ngày càng nhiều, nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH. Hàng năm, căn cứ văn bản quy định về việc phân công nhiệm vụ cho GV của Trường **[H15.15.02.12]** **[H15.15.02.13]**, các Khoa giao cho các tổ bộ môn phân công nhiệm vụ cho từng GV về các hoạt động cụ thể như giảng dạy, NCKH, hoạt động chuyên môn **[H15.15.02.14]**, **[H15.15.02.15]**, dựa trên Bảng tự nhận xét đánh giá và phân loại, **[H15.15.02.16]**, **[H15.15.02.17]**, kết quả khảo sát NH về hoạt động giảng dạy của GV hàng năm **[H15.15.02.18]**, kết quả dự giờ chuyên môn tại các khoa **[H15.15.02.19]**. Đánh giá về tuyển dụng, bổ nhiệm và phát triển đội ngũ GV, phân công nhiệm vụ cho GV được thể hiện trong Báo cáo hội nghị người lao động của Trường giai đoạn 2019 – 2024 **[H15.15.02.20].**

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 15.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được CDR.

Tất cả các CTĐT của Trường Đại học Tân Tạo đều hướng đến khả năng học tập suốt đời cho NH. Đa số các ngành, khối lượng kiến thức giáo dục chuyên ngành chiếm trên 70% đủ để trang bị cho người học một cơ sở kiến thức vững vàng để có thể chuyển đổi hoặc tự mở rộng nghiên cứu thêm những ngành nghề mới khi xã hội có nhu cầu. Kế hoạch đào tạo được thiết kế phù hợp cho từng ngành nghề, thời gian học được phân bổ phù hợp, NH không bị quá tải về lượng kiến thức cũng như tăng thời gian tự học của NH nhằm thúc đẩy khả năng tự học và tự nghiên cứu [H15.15.03.01], [H15.15.03.02].

CDR trong các CTĐT đã đặt ra yêu cầu tối thiểu:

Về kiến thức: NH được cung cấp các kiến thức chuyên môn, năng lực nghề nghiệp liên quan đến ngành đào tạo.

Về kỹ năng: NH được rèn luyện cả kỹ năng cứng và các kỹ năng mềm như: kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giao tiếp. NH có năng lực tư duy, phân biện, sáng tạo

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: NH có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo, tự học tập, tích lũy kiến thức để nâng cao trình độ, năng lực tự nghiên cứu, học tập suốt đời [H15.15.03.03].

CDR trong các CTĐT cũng yêu cầu rõ về năng lực và trình độ ngoại ngữ người học cần đạt được. Quá trình đào tạo, nhà trường luôn chú trọng khả năng học tập ngoại ngữ của NH, bên cạnh đào tạo chính khoá còn có các hoạt động ngoại khóa giúp NH trau dồi năng lực ngoại ngữ, tin học như thành lập các câu lạc bộ nhằm để NH có nhiều cơ hội giao lưu, học hỏi và được tham gia nhiều chương trình cùng với các thầy, cô, chuyên gia, diễn giả trong và ngoài nước, giúp NH nâng cao được các kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ [H15.15.03.04]. Các lớp bồi dưỡng kỹ năng mềm được nhà trường lồng ghép trong hoạt động đào tạo của nhà trường [H15.15.03.05]. Tư duy về học tập, phương pháp học tập, các kỹ năng cần phải trang bị được nhà trường phổ biến cho người học thông qua các lớp học tuần sinh hoạt công dân đầu khoá ngay từ khi mới bước chân vào nhà trường. NH sẽ được phổ biến và hướng dẫn các phương pháp cơ bản để có thể đáp ứng với môi trường học tập mang tính chủ động [H15.15.03.06]. Các kỹ năng về ngoại ngữ, phương pháp học tập, các kỹ năng mềm góp phần rất lớn giúp cho người học có thể học tập tốt trong quá trình theo học tại nhà trường và đáp ứng cả mục tiêu học tập suốt đời của người học.

Trong chương trình học, nhiều học phần đã đưa vào phương thức thảo luận nhóm, seminar, để kích thích tính tự học, tự tìm tòi nghiên cứu, và rèn luyện khả năng mềm khác cho NH. Chương trình học còn thiết kế các bài tập lớn, tiểu luận, học tại phòng thực hành, thí nghiệm, với NH khối ngành sức khỏe NH còn tham gia học thực hành thực tế tại bệnh viện. Người học được phân công theo dõi buổi bệnh và bệnh nhân cụ thể, hàng ngày cùng

với nhân viên y tế thăm khám, chăm sóc theo dõi diễn biến bệnh, hàng tuần NH làm 1 bệnh án của bệnh nhân buồng mình phụ trách. Giảng viên sẽ triển khai các phương pháp dạy học lâm sàng có người bệnh như: Giao ban, dạy học bên giường bệnh, thảo luận ca bệnh, báo cáo ca bệnh, đi buồng thảo luận nhóm, thuyết trình, gợi mở vấn đề, giải đáp các câu hỏi,... nhằm không ngừng trau dồi khả năng tư duy, tự học, độc lập nghiên cứu của NH **[H15.15.03.07]**.

Ngoài việc học tập tại giảng đường, Trường ĐHTT còn tổ chức đưa NH đi thực tập, thực tế ngắn hạn, tham quan tại các doanh nghiệp, phối hợp cùng các doanh nghiệp tổ chức hội thảo, tọa đàm, trao đổi, chia sẻ giúp NH tích lũy kinh nghiệm, tạo ra những kỹ năng học tập đa dạng như: kỹ năng phân tích, tổng hợp tài liệu, kỹ năng phát hiện, trình bày, giải quyết vấn đề, thúc đẩy NH tìm tòi và khám phá kiến thức, đáp ứng nhu cầu đa dạng của NH **[H15.15.03.08]**, **[H15.15.03.09]**.

Thực tập cuối khoá là nội dung quan trọng trong CTĐT của các Khoa, giúp NH có điều kiện khảo sát thực tế, quan sát và ghi nhận thực tiễn của các kiến thức đã học tại giảng đường, tiếp cận các điều kiện thực tế kỹ thuật **[H15.15.03.10]**. NH được GV hướng dẫn trình bày, phân tích và đánh giá các vấn đề thực tế, tại cơ sở thực tập, NH cũng được quản lý bởi CB hướng dẫn tại cơ sở **[H15.15.03.11]**.

Phòng CTSV-HTDN thường xuyên tổ chức các hoạt động phục vụ cộng đồng như tổ chức các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, từ thiện như: Mùa hè xanh, hiến máu tình nguyện, tiếp sức mùa thi, quyên góp, ủng hộ người nghèo, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt, trao học bổng... Nhằm giúp NH rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, làm việc độc lập, giải quyết tình huống, rèn luyện đạo đức, lối sống có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng, học tập suốt đời. **[H15.15.03.12]**.

Bên cạnh việc học tập nâng cao trình độ và phát triển các kỹ năng mềm, Trường chú trọng tạo điều kiện cho NH tham gia NCKH. Hằng năm, trường tổ chức để NH tham gia đăng ký đề tài NCKH cấp trường và được cấp ngân sách để thực hiện đề tài. NH tham gia NCKH, tự tìm hiểu nghiên cứu tài liệu trên mạng internet, thư viện, thực hiện thảo luận nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn, thuyết trình, viết thuyết minh và báo cáo đề tài là các bước quan trọng giúp nâng cao kỹ năng của NH, góp phần nâng cao khả năng tự học của NH, hướng đến việc học tập suốt đời **[H15.15.03.13]**. Các NCKH có tính sáng tạo, tính ứng dụng vào thực tiễn của NH được xem xét khen thưởng để khích lệ khả năng NCKH của NH và góp phần thúc đẩy đam mê nghiên cứu tự học của NH **[H15.15.03.14]**.

Trường ĐHTT luôn chú trọng đến chất lượng giảng dạy nên việc đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ giảng dạy hiện đại luôn được đặt lên hàng đầu. Trong giai đoạn 2019-2024, Trường đã tổ chức các buổi hội nghị, hội thảo tập huấn xây dựng và đánh giá CDR về đổi mới phương pháp dạy học, dạy học tích cực, ứng dụng công nghệ

giảng dạy hiện đại cho GV. Các Khoa tổ chức họp thảo luận phương pháp giảng dạy mới, phù hợp với chương trình, môi trường và nhu cầu của xã hội [H15.15.03.15]. Trường đã cử GV tham dự hội nghị, hội thảo tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học, dạy học tích cực, ứng dụng công nghệ giảng dạy hiện đại (trong và ngoài nước) [H15.15.03.16]. Các hoạt động giảng dạy và học tập được lựa chọn cùng với việc thiết lập môi trường học tập trải nghiệm phù hợp với đặc trưng từng lĩnh vực ngành nghề đã giúp cho NH Trường ĐHTT được học hỏi, rèn kỹ năng, khám phá kiến thức thông qua các hoạt động thực tế. Các môi trường học tập đa dạng, thuận lợi cho NH đạt CĐR như mong đợi, khuyến khích người học tìm tòi, học hỏi, khám phá kiến thức. Các CTĐT đều được tích hợp một cách đa dạng các hoạt động học tập nhằm giúp cho người học có cơ hội rèn luyện kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề, làm việc hiệu quả; tư duy biện luận và hình thành các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Các hoạt động dạy và học được triển khai đa dạng nhằm đạt được CĐR, bao gồm: Tích hợp hoạt động thực hành khi dạy - học lý thuyết; thực hành tại phòng thí nghiệm, thực hành, phòng máy tính; thực tế tại cơ sở; thực tập tốt nghiệp; hoạt động ngoại khóa [H15.15.03.17]

Ngoài việc trang bị các phương tiện tại phòng học lý thuyết như tivi, máy chiếu, wifi, các phòng lab với hệ thống máy tính kết nối internet, thiết bị hỗ trợ về âm thanh để phục vụ cho việc học ngoại ngữ và tin học thì các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại cũng được Trường ĐHTT quan tâm, chọn lọc áp dụng phù hợp với đặc điểm từng ngành. Nhằm thúc đẩy hơn nữa việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy và học tập, trường đã mua sắm và đưa vào sử dụng phần mềm dạy học trực tuyến [H15.15.03.18]. Đến năm 2021, Trường đẩy mạnh giảng dạy theo hình thức E-Learning nhằm tăng cường, ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy và học, GV sẽ giảng dạy trực tuyến trên hệ thống. Thông qua hình thức giảng dạy trực tuyến, NH có thể dễ dàng tiếp cận với các bài giảng bằng file hoặc các video quay các bài giảng của GV, bên cạnh là các tài liệu học tập, tài liệu ôn tập, bài tập được giao, giúp NH vẫn tiếp thu được kiến thức đồng thời rèn luyện NH khả năng tự học, tự nghiên cứu [H15.15.03.19]. Trường ĐHTT xây dựng môi trường học tập khá đầy đủ, thuận lợi giúp người học đạt CĐR của các học phần trong CTĐT, từng bước hình thành năng lực tự học, đồng thời thúc đẩy việc học tập suốt đời trong NH.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 15.4. Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng.

Trường ĐHTT dựa trên quy định của Bộ GD&ĐT; các văn bản chỉ đạo của Ban Giám hiệu về đánh giá các hoạt động giảng dạy của giảng viên. Quy định này sẽ là những tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá đội ngũ của Trường với mục tiêu làm cơ sở cho việc xét nâng lương, thi đua khen thưởng, bổ nhiệm, luân chuyển, kỷ luật cán bộ công nhân viên Nhà trường [H15.15.04.01], P.QLĐT xây dựng kế hoạch thực hiện hệ thống giám sát và

đánh giá, ĐBCL bao gồm: Các nội dung thực hiện đánh giá việc giám sát dạy và học, giám sát tiến độ, giám sát chất lượng giảng dạy, giám sát việc học tập của NH và các hoạt động giảng dạy của GV [H15.15.04.02].

Đầu mỗi kỳ học, Phòng QLĐT xây dựng kế hoạch giảng dạy; Lịch giảng dạy và các hoạt động của CB, GV toàn trường được gửi đến các Khoa qua email để từng cá nhân GV có thể truy cập, triển khai thực hiện và theo dõi, NH truy cập email cá nhân để theo dõi về kết quả học tập, lịch thi và các thông báo có liên quan [H15.15.04.03], [H15.15.04.04]. Các Khoa báo cáo tổng kết năm học về tình hình giảng dạy và hoạt động của Khoa [H15.15.04.05]. Quá trình giảng dạy và học tập, CVHT theo dõi và báo cáo tình hình học tập của NH về cho Phòng QLĐT [H15.15.04.06]. Việc giám sát hoạt động dạy và học được Phòng QLĐT thực hiện và báo cáo [H15.15.04.07]. Qua đó, Phòng QLĐT và Phòng CTSV-HTDN đưa ra báo cáo hằng năm về quá trình học tập và rèn luyện của người học [H15.15.04.08], [H15.15.04.09].

Thực hiện đánh giá xếp loại GV được Trường chú trọng định kỳ và thường xuyên. Đánh giá thông qua quy định về công tác dự giờ, tổ chức thao giảng [H15.15.04.10]. Trường tổ chức khảo sát ý kiến của người học về hoạt động giảng dạy của GV theo các tiêu chí cụ thể và lượng giá theo 5 mức độ từ rất không hài lòng đến rất hài lòng của thang đo Likert. Trong các nội dung khảo sát có các nhóm câu hỏi về hoạt động của GV như: thực hiện giảng dạy đúng nội dung của Đề cương, phương pháp giảng dạy, sử dụng nguồn tài liệu, tác phong, kỹ năng... [H15.15.04.11] và đánh giá xếp loại lao động hàng năm theo các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định, đối với GV ngoài điều kiện hoàn thành nghĩa vụ giảng dạy còn có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu, kết hợp tốt giữa công tác truyền đạt kiến thức và bồi dưỡng nhân cách cho NH, tích cực học tập nâng cao trình độ, chuyên môn [H15.15.04.12]. Việc tổ chức dự giờ ở các bộ môn được thực hiện thường xuyên theo kế hoạch của tổ, trong các đợt thi đua, dự giờ đột xuất của bộ môn. GV có thể sẽ không được thông báo trước trong các lần đột xuất, nhằm đánh giá cụ thể được các kỹ năng và sự tuân thủ trong các quy định giảng dạy của GV. Hầu hết các biên bản dự giờ đều cho kết quả nhận xét tốt, tuy còn một số lưu ý GV cần khắc phục như kỹ năng bao quát lớp, lượng giá cuối buổi,... [H15.15.04.13]. Sau dự giờ thường xuyên, định kỳ, hội giảng, dự giờ đột xuất các đơn vị tiến hành đánh giá và tổng kết báo cáo kết quả [H15.15.04.14], [H15.15.04.15]. Nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, Trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của GV để kịp thời điều chỉnh và làm cơ sở cho việc đánh giá tổng kết cuối năm. Năm 2023, mức điểm trung bình khi khảo sát mang kết quả tương đối tốt ở mức 4.31-4.36. Tỷ lệ GV được đánh giá ở mức A (Xuất sắc – Tiếp tục duy trì và phát triển) chiếm tỷ lệ 62% [H15.15.04.16].

Hằng năm, Trường ĐHTT thực hiện đánh giá chất lượng từ người học của các ngành đào tạo trước và sau khi ra trường. Phòng KT&ĐBCL tiến hành triển khai công tác lấy ý

kiến khảo sát NH. Mục đích nhằm thu thập các ý kiến đánh giá của người học trước khi tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường. Từ đó tạo căn cứ để Trường ĐHTT xem xét, rút kinh nghiệm và điều chỉnh CTĐT nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo. Việc lấy ý kiến đánh giá của người học trước khi tốt nghiệp về chất lượng CTĐT tập trung vào các nội dung như: mục tiêu và nội dung CTĐT; hoạt động giảng dạy trong khóa học; tổ chức đào tạo và đánh giá NH; tài liệu và cơ sở vật chất phục vụ học tập; tư vấn hỗ trợ NH. Ban khảo sát đã sử dụng phiếu khảo sát gồm các câu hỏi tương ứng với 6 tiêu chí phản ánh chất lượng đào tạo của Trường. Các câu hỏi được đánh giá theo thang đo Likert gồm 5 mức độ, Phiếu khảo sát được phòng KT&ĐBCL chuyển thành dạng google form, chuyển cho các CVHT để phát trực tiếp NH và thu nhận kết quả thông qua buổi tập trung cuối khoá. Quy mô khảo sát được xác định gồm tất cả NH trước khi tốt nghiệp thuộc tất cả các ngành đào tạo của Trường [H15.15.04.17].

Trên cơ sở đó, nhà trường cũng tiến hành khảo sát ý kiến của người sử dụng lao động về chất lượng người học sau khi tốt nghiệp. Kết quả khảo sát về tỷ lệ NH sau ra trường có việc làm với tỷ lệ gần 100%, kết quả NH đáp ứng về năng lực so với nhu cầu của nhà tuyển dụng ở mức đáp ứng trở lên và chiếm 60,87% đạt mức rất tốt (Khảo sát năm 2023). Ngoài ra khi khảo sát về mối quan hệ giữa kết quả đào tạo và tình trạng việc làm của NH tốt nghiệp cho thấy có ứng dụng cao chiếm 52,17%. Đây là dấu hiệu cho thấy NH đã khá hài lòng về chất lượng đào tạo của Trường ĐHTT [H15.15.04.18].

Trên cơ sở kết quả khảo sát, Trường ĐHTT triển khai cải tiến chất lượng, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá người học. Việc cải tiến được thể hiện qua các hoạt động: Hướng dẫn GV, NH sử dụng phần mềm giảng dạy trực tuyến [H15.15.04.19]; đa dạng hình thức thi học phần của một số ngành đào tạo từ hình thức thi tự luận sang vấn đáp, hoặc ngược lại. Ngoài ra, từ năm 2019 do tình hình dịch bệnh Covid-19, NH không thể tập trung để trực tiếp thi kết thúc học phần, Trường cũng đã tiến hành cho NH làm bài tiểu luận, bài tập lớn lấy điểm thi kết thúc học phần để đảm bảo đúng tiến độ học tập của NH [H15.15.04.20], nguồn học liệu của Trường ĐHTT luôn được tăng cường cập nhật và bổ sung là căn cứ cho thấy mức độ học tập, NCKH của người học cũng như khả năng đáp ứng nhu cầu về tài liệu từ đó nâng cao chất lượng, số lượng nguồn tài liệu và hoạt động của thư viện, phục vụ công tác giảng dạy và học tập của GV, NH [H15.15.04.21]. Các hoạt động đào tạo và NCKH hằng năm được đánh giá tổng thể tại Hội nghị tổng kết NCKH [H15.15.04.22], Hội nghị người lao động, trong đó có báo cáo tổng kết rút kinh nghiệm về kết quả hoạt động và triển khai phương hướng hoạt động năm học [H15.15.04.23].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 15.5. Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được CDR, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời.

Trên cơ sở chiến lược phát triển Trường ĐHTT tầm nhìn đến 2030, triết lý giáo dục của Trường được ban hành vào năm 2021. Nhằm bắt kịp với xu thế phát triển giáo dục đại học trên thế giới trong xu thế hội nhập và cạnh tranh, nội dung triết lý giáo dục mà Trường xây dựng phù hợp với chuẩn đầu ra, tiếp cận với xu hướng mới, xu hướng toàn diện, sáng tạo, hội nhập thế giới và cùng phát triển bền vững [H15.15.05.01].

Hoạt động dạy và học được rà soát, cải tiến để đạt được CDR, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời. Các CTĐT được cập nhật, điều chỉnh theo triết lý giáo dục của Trường, theo đó mỗi chuyên ngành đào tạo đều chú trọng đến việc xây dựng mục tiêu đào tạo và CDR cho từng ngành [H15.15.05.02], [H15.15.05.03]. Định kỳ 02 năm 01 lần, Trường tiến hành rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT trình độ ĐH [H15.15.05.04], rà soát, hoàn thiện CDR CTĐT và ĐC CTHP hệ ĐH chính quy [H15.15.05.05], để có những điều chỉnh phù hợp với triết lý giáo dục của Trường nhằm đạt CDR. Các hoạt động cập nhật, điều chỉnh CTĐT tuân thủ theo các quy trình quản lý, cải tiến và thiết kế CTĐT mà Trường ĐHTT đã ban hành. Các bước của quy trình được phân cấp và kiểm soát chi tiết theo hệ thống biểu mẫu và phân công trách nhiệm cho từng đơn vị, GV có sự chủ động tham gia và đề xuất thực hiện. Các nội dung điều chỉnh được thực hiện bao gồm mục tiêu đào tạo, CDR và nội dung của CTĐT, ĐCCTHP. Các hình thức điều chỉnh được triển khai: (1) cải tiến lớn, định kỳ 2 năm/lần, theo quy định hoặc theo các yêu cầu điều chỉnh lớn của Bộ GD&ĐT và (2) cải tiến nhỏ, được thực hiện trước khi hoàn tất lập kế hoạch thời khóa biểu của mỗi học kỳ. Các bước điều chỉnh của từng quy mô cải tiến được thực hiện một cách hệ thống từ thu thập ý kiến phản hồi nội bộ, lập cơ sở đề xuất, thu thập dữ liệu ý kiến của các bên, đối sánh với các CTĐT tiên tiến để có sự điều chỉnh nội dung phù hợp. CTĐT của trường được cấu trúc lại, thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo trước khi Hiệu trưởng phê duyệt [H15.15.05.06]. Trên cơ sở điều chỉnh cập nhật CTĐT, các Khoa cập nhật điều chỉnh các ĐCCT HP, chủ động đổi mới các phương pháp dạy và học giúp người học đạt CDR. Từ các phương pháp dạy học truyền thống như thuyết giảng, Trường ĐHTT đã bổ sung đa dạng các phương pháp giảng dạy từ năm 2019 nhằm phù hợp với CDR của học phần như: làm việc nhóm, đóng vai, thuyết trình, giải quyết tình huống, học tập thông qua các hoạt động thực hành, mô phỏng... Đến năm 2021, nhà trường hoàn thiện và kết hợp linh hoạt các phương thức giảng dạy đã triển khai từ năm 2021 với các hình thức đào tạo trực tuyến thông qua nhiều phương tiện, công cụ; kết hợp giữa hình thức đào tạo trực tiếp và trực tuyến; các diễn đàn trao đổi trên các phần mềm đào tạo trực tuyến... [H15.15.05.07].

Trường ĐHTT triển khai điều chỉnh các hình thức kiểm tra - đánh giá phù hợp với phương pháp giảng dạy và CDR của học phần. Trường quan tâm và khuyến khích GV đổi

mới phương pháp dạy học từ khâu góp ý xây dựng CTĐT, đưa các phương pháp dạy học, kiểm tra - đánh giá phù hợp vào ĐCCT HP, thay đổi phương pháp đánh giá linh hoạt và tích cực với NH để phát huy tính chủ động, sáng tạo và giúp người học đạt CĐR. Trường ĐHTT ban hành quy chế đánh giá kết quả và có kế hoạch thường xuyên về phương pháp đánh giá người học tiên tiến giúp GV nắm vững, tự điều chỉnh hoạt động giảng dạy giúp người học đạt CĐR như mong đợi, phù hợp với triết lý giáo dục của Trường [H15.15.05.08].

Trường ĐHTT tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan mức độ hài lòng về triết lý giáo dục và các hoạt động dạy học, chất lượng đào tạo tại Trường ĐHTT. Việc khảo sát được tiến hành theo đúng trình tự, Trường ban hành kế hoạch khảo sát cụ thể, trong đó nêu rõ mục đích, yêu cầu, đối tượng, thời gian khảo sát, thành lập ban chỉ đạo và nhóm tiến hành khảo sát, xử lý số liệu và lập báo cáo khảo sát [H15.15.05.09], [H15.15.05.10], tổ chức khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan dựa trên bộ mẫu phiếu khảo sát [H15.15.05.11].

Sau mỗi đợt khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát sẽ được gửi về cho các phòng, ban, khoa chuyên môn, tất cả các GV đều nhận được các ý kiến phản hồi để cải tiến bản thân, đồng thời lãnh đạo Trường có kế hoạch tuyển chọn, đánh giá và phân công giảng dạy cho phù hợp. Các báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của người học trước khi tốt nghiệp về chất lượng CTĐT của Trường [H15.15.05.12], báo cáo kết quả khảo sát ý kiến đánh giá hoạt động giảng dạy của GV [H15.15.05.13], Báo cáo kết quả khảo sát người sử dụng lao động về chất lượng NH sau khi tốt nghiệp [H15.15.05.14]. Trong các báo cáo kết quả khảo sát đó, Trường đã tổng hợp các thông tin chung về hoạt động khảo sát, nêu và phân tích cụ thể các kết quả khảo sát, các ưu điểm, hạn chế, trên cơ sở đó đưa ra các kiến nghị đối với BGH, các phòng, ban, khoa chuyên môn để có sự điều chỉnh, cải tiến kịp thời khắc phục các hạn chế, phát huy các ưu điểm trong từng lĩnh vực cụ thể.

Kết quả khảo sát là một kênh thông tin quan trọng giúp cá nhân GV, tổ bộ môn, Trường điều chỉnh hoạt động dạy, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của GV, thái độ phục vụ của các CB phòng ban trong Trường. Vì vậy BGH yêu cầu Ban chủ nhiệm khoa, trưởng phòng, các cá nhân và Bộ môn tiếp nhận thông tin đánh giá, phản hồi và có kế hoạch cải tiến về hoạt động dạy và học để đạt được CĐR, đảm bảo dạy và học có chất lượng [H15.15.05.15].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 15:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Trường xây dựng và có văn bản hướng dẫn cụ thể để GV có thể lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục đạt được CĐR, giúp cho NH đạt được nhiều thành tựu nổi bật trong khoa học và công nghệ, phát triển nghề nghiệp.

Trường có các chính sách thu hút đội ngũ GV có năng lực và trình độ cao. Việc phân công nhiệm vụ cho GV được thực hiện theo đúng quy định và công bằng.

Trường có nhiều hoạt động học tập đa dạng giúp phát triển khả năng học tập suốt đời của NH. Trường triển khai áp dụng nhiều dụng phương pháp, công nghệ hiện đại trong dạy học nhằm đạt được CDR.

Hoạt động dạy học được rà soát, điều chỉnh định kỳ nhằm đạt được CDR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm và phù hợp với Triết lý giáo dục.

Mức độ hài lòng về Triết lý giáo dục được định kỳ khảo sát.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Các hoạt động trao đổi, cải tiến phương pháp giảng dạy chỉ mới được diễn ra ở các cuộc họp Khoa/BM, cho CB GV tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng chứ chưa được tổ chức bằng các hình thức hội thảo, hội nghị.

Việc thu hút nguồn nhân lực trình độ cao của Trường chưa đạt được hiệu quả cao.

Việc giám sát hoạt động tự học của một số học phần chưa thực sự hiệu quả

Chưa tổ chức các hội nghị báo cáo tổng kết, rút kinh nghiệm về kết quả hoạt động và triển khai phương hướng hoạt động năm học ở cấp Trường.

Chưa đánh giá được mức độ vận dụng triết lý giáo dục vào hoạt động dạy và học.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Lập kế hoạch, thực hiện việc tổ chức các hội nghị, hội thảo, seminar về việc đổi mới, cải tiến, cập nhật phương pháp giảng dạy cấp Khoa, Trường 2 lần/năm.	Phòng QLĐT Các khoa	Hàng năm	
2	Khắc phục tồn tại 2	Đổi mới, cải tiến và mở rộng các hình thức thu hút nguồn nhân lực trình độ cao, có sự tham gia của Khoa và BM	Phòng TCHC Các Khoa, BM	Hàng năm	
3	Khắc phục tồn tại 3	Trường, Khoa thành lập các đoàn kiểm tra, đánh giá việc tổ chức và quản lý tự học của các BM	Phòng KT- BDCL Các Khoa	Hàng năm	
4	Khắc phục tồn tại 4	Lập kế hoạch, thực hiện việc tổ chức các hội nghị báo cáo tổng kết, rút kinh nghiệm về	Phòng KT- BDCL Phòng QLĐT	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		kết quả hoạt động và triển khai phương hướng hoạt động	Các khoa		
5	Khắc phục tồn tại 5	Trường lồng ghép giới thiệu ý nghĩa của triết lý giáo dục, và cách vận dụng triết lý giáo dục vào hoạt động giảng dạy đến GV, học viên thông qua các buổi sinh hoạt, tọa đàm của Trường	Phòng KT-BĐCL	Hàng năm	
6	Phát huy điểm mạnh 1	Định kỳ tổ chức hội thảo về đánh giá về năng lực cựu NH (có năng lực học tập suốt đời). Tổ chức thường xuyên các buổi họp BM, Khoa, hội nghị rà soát, đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập phù hợp với triết lý giáo dục đáp ứng mục tiêu giáo dục.	Phòng QLĐT Các khoa Các BM	Hàng năm	
7	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục tổ chức tuyển dụng đúng quy trình, quy định nhằm nâng cao số lượng và chất lượng đội ngũ GV	Phòng TCHC	Hàng năm	
8	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục đầu tư phương tiện, trang thiết bị hiện đại phục vụ cho giảng dạy trực tuyến và trực tiếp Xây dựng CTĐT tiên tiến, chất lượng cao, hướng đến tích hợp	Phòng QLĐT Phòng KT-BĐCL Phòng QL CSVC - TB	Hàng năm	
9	Phát huy điểm mạnh 4	Lập kế hoạch và tổ chức các buổi seminar/họp Khoa/họp BM về việc trao đổi các PPDH mới, tích cực	Phòng QLĐT Các khoa Các BM	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		Tiếp tục đẩy mạnh các PPDH thực hành dựa trên các tình huống lâm sàng, tình huống mô phỏng, trải nghiệm và các PPDH tích cực khác			
10	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục lấy ý kiến các BLQ để rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTĐT phù hợp với Triết lý giáo dục trong bối cảnh mới	Phòng QLĐT Phòng KT-BĐCL	Hàng năm 2025-2026	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 15	4,8
Tiêu chí 15.1	4
Tiêu chí 15.2	5
Tiêu chí 15.3	5
Tiêu chí 15.4	5
Tiêu chí 15.5	5

Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học

Tiêu chí 16.1. Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập.

Trên cơ sở những quy định chung của Bộ GD&ĐT về quy quy chế đào tạo trình độ đại học đã được ban hành [H16.16.01.01], Trường ĐHTT đã ban hành quy chế đào tạo đại học chính quy theo tín chỉ [H16.16.01.02]; xây dựng được hệ thống các quy định, quy trình đánh giá người học [H16.16.01.03]. Qua đó, Trường ĐHTT xây dựng hệ thống các kế hoạch đánh giá và lựa chọn các loại hình đánh giá người học trong suốt quá trình đào tạo [H16.16.01.04]. Trường phân công trách nhiệm rõ ràng và cụ thể đối với từng bộ phận, đơn vị, cá nhân có liên quan trong quá trình đánh giá người học [H16.16.01.05], [H16.16.01.06]. Để quá trình đánh giá người học được đảm bảo đúng quy định và chính xác, khách quan, Trường ĐHTT đã có kế hoạch các đợt tập huấn về công tác xây dựng ngân hàng đề thi, các Khoa tổ chức họp trao đổi về các đổi mới trong KT-ĐG người học nhằm BĐCL đào tạo trong giáo dục ĐH. Theo đó các bộ phận, đơn vị đã chủ động triển khai xây dựng và lựa chọn các hình thức đánh giá, kiểm tra cho phù hợp với các môn học và chuyên ngành đào tạo [H16.16.01.07].

Việc đánh giá NH tại Trường ĐHTT được thực hiện trong suốt quá trình đào tạo. Quá

trình đánh giá được thực hiện từ khâu tuyển sinh đầu vào (do HĐTS chịu trách nhiệm) **[H16.16.01.08]**, đánh giá NH trong suốt quá trình đào tạo do phòng QLĐT, phòng KT-BĐCL, Khoa chuyên môn và phòng CTSV-HTDN phối hợp thực hiện.

Quy trình đánh giá được thực hiện theo đúng quy định gồm: NH được đánh giá thông qua các loại hình đánh giá như hệ thống các bài kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ, các bài tập lớn, tiểu luận môn học, thực hiện theo nhiều hình thức khác nhau như thi viết (tự luận, thi trắc nghiệm), vấn đáp,... Tiêu chí, nội dung, hình thức đánh giá của từng loại hình tương ứng với các phương pháp đánh giá được thể hiện qua ĐCCTHP và được GV trực tiếp phổ biến tới người học ngay khi bắt đầu môn học theo quy định **[H16.16.01.09]**. Bên cạnh đó, Trường ĐHTT còn có điểm đánh giá rèn luyện từng học kì do lớp, CVHT, Khoa trực thuộc và phòng CTSV-HTDN cùng đánh giá và quản lý **[H16.16.01.10]**.

Về đánh giá học phần: Để có thể đánh giá chính xác nhất quá trình học tập của NH, cần phải có nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Đánh giá NH thông qua học phần là nhiệm vụ của GV và họ là người chịu trách nhiệm về kết quả học tập của NH trước BM, Khoa và Nhà trường. Tùy theo tính chất của học phần, điểm đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào điểm thành phần và điểm thi kết thúc học phần. Điểm thành phần gồm các loại điểm: kiểm tra thường xuyên, thảo luận, thực hành, chuyên cần, kiểm tra giữa kỳ, bài tập lớn (nếu có). Điểm thành phần chiếm trọng số từ 30% - 50% và điểm thi kết thúc học phần chiếm trọng số từ 50% - 70% **[H16.16.01.11]**.

Việc tổ chức thi kết thúc môn học và đánh giá thi được Trường giao cho phòng KT-BĐCL chịu trách nhiệm, từ việc lập các kế hoạch thi, tổ chức thi đến đánh giá thi, nhằm đảm bảo việc tổ chức thi học kỳ trong trường diễn ra nghiêm túc, chặt chẽ, tạo tính khách quan công bằng cho NH, tránh các tiêu cực có thể xảy ra **[H16.16.01.12]**. Tất cả các đề thi đều phải có đáp án và xây dựng theo biểu mẫu thống nhất theo quy định của Trường **[H16.16.01.13]**.

Đánh giá thực tập, thực tế và khóa luận: Việc thực tập, thực tế và khóa luận được thực hiện thông qua quá trình thực tập thực tế tại cơ sở hoặc tại phòng thí nghiệm của khoa chuyên môn. Thực tập tốt nghiệp cuối khóa được tiến hành theo hình thức NH đến doanh nghiệp, cơ sở sản xuất khảo sát thực tế, tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất. Tại cơ sở, NH cũng được hướng dẫn bởi CB tại cơ sở. Cuối kỳ thực tập, NH có nhiệm vụ viết báo cáo thực tập tốt nghiệp có sự xác nhận, đánh giá của cơ sở thực tập và đánh giá của Khoa **[H16.16.01.14]**.

Khóa luận tốt nghiệp được thực hiện sau khi NH tham gia vào thực tế và theo quy định của Trường, NH có thể tự đăng ký chọn đề tài tốt nghiệp, chọn GV hướng dẫn hoặc BM sẽ phân công GV hướng dẫn. Khoa chuyên môn lập danh sách NH đủ điều kiện thực hiện khóa luận gửi về phòng QLĐT ra quyết định công nhận NH thực hiện khóa luận tốt nghiệp. NH thực hiện đề tài tốt nghiệp theo sự hướng dẫn của GV, sau đó NH nộp khóa

luận đề GV hướng dẫn chấm theo quy định. Khoa chuyên môn đề xuất thành lập Hội đồng đánh giá khóa luận trình BGH ra quyết định. Điểm đánh giá khóa luận tốt nghiệp của NH là điểm trung bình chung của từng thành viên Hội đồng, trong đó bao gồm chủ tịch, phản biện, ủy viên và GV hướng dẫn. Điểm trung bình chung của các thành viên hội đồng được làm tròn đến 01 chữ số thập phân, sau đó được chuyển sang thang điểm 4 theo quy định tại Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHTT [H16.16.01.15].

Đánh giá toàn khóa học: Để được công nhận tốt nghiệp do Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp của Trường ĐHTT họp xét, bên cạnh việc hoàn thành đủ số tín chỉ theo quy định các điều kiện về đạo đức thì người học phải có các chứng chỉ như: Tin học, Ngoại ngữ, chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất, điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những NH đủ điều kiện tốt nghiệp [H16.16.01.16].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 16.2. Các hoạt động đánh giá NH được thiết kế phù hợp với việc đạt được CDR.

Trên cơ sở quy định đánh giá NH của Bộ GD&ĐT, Trường đã xây dựng và ban hành các quy định về đánh giá người học [H16.16.02.01], đồng thời các quy định, quy trình này được công bố công khai bằng văn bản, trên trang website của Trường để NH và các BLQ được biết. Trường đã ban hành CTĐT và CDR cho 10 ngành đào tạo trình độ đại học [H16.16.02.02]; ban hành ĐCCTHP cho các CTĐT [H16.16.02.03].

Tất cả các CTĐT, ĐCCTHP đều được xây dựng, rà soát và điều chỉnh định kỳ dựa trên các quy định đã ban hành, được phổ biến tới người học ngay từ khi bắt đầu nhập học. Việc xây dựng CDR của CTĐT và ĐCCTHP đều dựa vào TLGD của Trường, trong đó, các nội dung trong CTĐT như mục tiêu, CDR của CTĐT và CDR của học phần, nội dung học phần, phương pháp dạy học và KT-ĐG đều đảm bảo tương thích và có gắn kết với nhau [H16.16.02.04]. Khi xây dựng CTĐT, Trường luôn thực hiện bảng ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR của CTĐT. Căn cứ CDR của CTĐT, mỗi học phần sẽ được xây dựng CDR riêng, dựa vào đó các Khoa chuyên ngành và BM phụ trách sẽ lựa chọn tài liệu học tập phù hợp để thiết kế nội dung và phương pháp dạy học, KT-ĐT đáp ứng được CDR của học phần đó.

Căn cứ vào CDR của các ngành, toàn bộ các hoạt động đánh giá người học bao gồm đánh giá quá trình học (đánh giá học phần), và đánh giá cuối khoá (đánh giá tốt nghiệp khoá học) được thiết kế, quy định để giúp người học đạt được CDR [H16.16.02.05], [H16.16.02.06]. Hình thức KT-ĐG thể hiện trong ĐCCTHP, được GV giới thiệu ngay trong buổi học đầu tiên của môn học, hoặc được phổ biến đến NH trong các buổi sinh hoạt công dân hay buổi Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Trường với NH [H16.16.02.07].

Đối với đánh giá các học phần: trên cơ sở CTĐT đã được phê duyệt, các khoa/BM xây dựng ĐCCTHP có nội dung KT-ĐG cả quá trình học phần và kết thúc học phần; thể hiện rõ hình thức đánh giá và phương pháp/cách thức đánh giá đối với mỗi học phần. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ. Yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được các Khoa, BM thiết kế, xây dựng và công bố, làm rõ cho người học trước khi học. Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các BLQ. Từ đó, kịp thời có những điều chỉnh về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học. Các Khoa, BM đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy học và yêu cầu đáp ứng CĐR của từng học phần để lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học [H16.16.02.08]. Việc đánh giá kết thúc học phần cũng được đa dạng theo nhiều hình thức như thi tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, tiểu luận, bài tập lớn, thuyết trình,... theo đề xuất của các Khoa/BM [H16.16.02.09]. Để triển khai thống nhất, đúng tiến độ thực hiện học phần (thong giai đoạn phòng chống dịch COVID-19), Trường đã ban hành kịp thời các hướng dẫn, quy định về việc tổ chức dạy, học và đánh giá kết thúc học phần hình thức trực tuyến đối với các học phần trong CTĐT [H16.16.02.10].

Đối với đánh giá kết thúc khoá học: Mỗi CTĐT đều thể hiện rõ học phần tốt nghiệp/đánh giá kết thúc khóa học theo một trong hai hình thức: thực tập tốt nghiệp, khóa luận/luận văn tốt nghiệp hoặc học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp theo đúng quy chế đào tạo của Trường. Kết quả tốt nghiệp khóa học cho biết người học đã hoàn thành xong CTĐT của Trường và có thể tự tin xin việc làm theo đúng chuyên ngành được đào tạo [H16.16.02.11].

Như vậy, Trường ĐHTT đã có quy định về việc sử dụng nhiều phương pháp, hình thức KT-ĐG người học tương thích nhằm để đạt được CĐR đã quy định. Trong ĐCCTHP đều có ma trận thể hiện sự liên kết sự đóng góp của CĐR môn học vào từng CĐR của CTĐT. Bên cạnh đó, Trường ĐHTT thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV trong đó có đề cập mức độ hài lòng của NH về phương pháp, hình thức KT-ĐG. Tất cả các hoạt động này đều có thể đo lường được mức độ đạt được CĐR của NH [H16.16.02.12].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 16.3. Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá NH được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được CĐR.

Phòng QLĐT căn cứ vào quy chế đào tạo của Trường để lập kế hoạch đào tạo năm học của Trường (bố trí, sắp xếp thời gian tổ chức KT-ĐG). Phòng KT-BĐCL phối hợp xây

dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá người học theo kế hoạch đào tạo năm học **[H16.16.03.01]**, **[H16.16.03.02]**.

Vào đầu năm học phòng KT-BĐCL xây dựng kế hoạch thanh tra nội bộ các hoạt động liên quan đến tuyển sinh, đào tạo, thanh tra thi cuối kỳ/thi tuyển sinh, thanh tra nề nếp giảng dạy,...và các vấn đề có phát sinh **[H16.16.03.03]**. Các nội dung thanh tra được tổng hợp báo cáo và gửi đến các đơn vị liên quan để kịp thời điều chỉnh khi các vấn đề thực thi có bất cập **[H16.16.03.04]**.

Các hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá NH của GV được phòng QLĐT khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ phía NH. Kết quả khảo sát được tổng hợp bằng báo cáo hằng năm làm cơ sở cho việc điều chỉnh, thay đổi các phương pháp giảng dạy và KT-ĐG phù hợp với năng lực NH **[H16.16.03.05]**.

Vào mỗi kỳ học, các Khoa lập kế hoạch ra đề thi theo kế hoạch thi từ phòng QLĐT. Đề thi của GV gửi về Khoa và được Trưởng khoa phê duyệt về hình thức và nội dung đánh giá trước khi gửi về phòng KT-BĐCL để chuẩn bị cho tổ chức thi. Phòng KT-BĐCL đã ban hành quy trình xây dựng ngân hàng đề thi. Các Khoa và GV căn cứ vào quy trình để lên kế hoạch xây dựng ngân hàng đề thi theo biểu mẫu quy định **[H16.16.03.06]**. Hình thức KT-ĐG NH cũng được Trường thay đổi linh động theo điều kiện thực tế xã hội. Năm học 2021 - 2022 do tình hình dịch bệnh covid 19 diễn biến phức tạp, nhà Trường đã chỉ đạo triển khai các hình thức KT-ĐG NH phù hợp với thực tế như kiểm tra trực tuyến, làm bài tập lớn, bài tiểu luận,...**[H16.16.03.07]**.

Việc công bố kết quả đánh giá NH tại Trường được quy định rõ trong Quy chế đào tạo tín chỉ hệ ĐH và Quy định tổ chức thi kết thúc học phần của Trường ĐHTT **[H16.16.03.01]**, **[H16.16.03.08]**. Quy định nêu rõ: GV giảng dạy trực tiếp phải công bố công khai điểm kiểm tra, điểm chuyên cần, điều kiện dự thi ở buổi học cuối cùng; đối với các bài thi kết thúc học phần điểm thi được công bố công khai trên phần mềm quản lý đào tạo của Trường.

Sau khi nhận kết quả thi, NH có quyền làm đơn xin phúc khảo nếu thấy kết quả chưa phù hợp. Việc tổ chức chấm phúc khảo bài thi được thực hiện theo đúng quy định. Các bài thi có sự thay đổi kết quả sau phúc khảo sẽ được gửi về khoa chuyên môn và cập nhật kết quả trên phần mềm quản lý đào tạo của Trường **[H16.16.03.09]**, **[H16.16.03.10]**. Kết quả đánh giá các học phần cũng như kết quả toàn khóa của NH được Nhà trường chú trọng rà soát, đánh giá, xem xét và tổng hợp nhằm đảm bảo tính chính xác, độ tin cậy, sự công bằng và hướng tới đạt được CĐR **[H16.16.03.11]**.

Hằng năm, phòng KT-BĐCL thực hiện khảo sát thường niên lấy ý kiến của NH đặc biệt là NH ở chương trình năm cuối về hoạt động giảng dạy của GV, trong đó có nội dung phản hồi về phương pháp đánh giá NH. Kết quả khảo sát NH cho thấy tỉ lệ đánh giá tổng các tiêu chí nằm trong khoảng giá trị từ 85-96%. Các khảo sát đa số đồng ý với các phương

pháp đánh giá hiện có tại Trường và các phương pháp này phù hợp với ĐCCTHP, phù hợp với kiến thức và CTĐT của ngành. Đồng thời, kết quả khảo sát còn phản ánh được các phương pháp đánh giá hiện đang áp dụng có chất lượng và hiệu quả trong việc phân loại NH. Từ kết quả trên cho thấy các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá NH được Trường rà soát, thực hiện đúng như công khai ban đầu, đảm bảo độ chính xác, độ tin cậy và công bằng hướng tới đạt CĐR [H16.16.03.12].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 16.4. Các loại hình và các phương pháp đánh giá NH được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được CĐR.

Phương pháp, hình thức và nội dung KT-ĐG NH được GV lựa chọn và thông qua sự phê duyệt của Khoa để đánh giá NH nhằm hướng đến đạt được CĐR của HP và CĐR của CTĐT. Các loại hình KT-ĐG được thể hiện rõ trong ĐCCTHP gồm: đánh giá chuyên cần, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ. Các hình thức đánh giá được lựa chọn phù hợp với từng học phần, bao gồm thảo luận, làm bài tập, làm tiểu luận, thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, làm bài tập tình huống, thực hành tại thực địa, thực hành tại doanh nghiệp... [H16.16.04.01]. Hình thức KT-ĐG NH cũng được thay đổi cho phù hợp theo từng điều kiện thực tế của NH và điều kiện xã hội. Năm học 2020 - 2021 là thời kỳ ảnh hưởng của dịch Covid 19, phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá được chuyển từ thi viết trực tiếp tại phòng thi sang hình thức làm bài tập lớn; hay việc Trường chuyển từ đánh giá trực tiếp sang đánh giá trực tuyến trên các nền tảng số online; hình thức thực tập, thực hành cũng được nhà trường chú trọng, quan tâm... nhằm thực hiện việc đánh giá kết quả học tập theo định hướng tiếp cận năng lực, chú trọng vào khả năng vận dụng sáng tạo tri thức trong những tình huống ứng dụng khác nhau [H16.16.04.02], [H16.16.04.03], [H16.16.04.04].

Hàng năm, phòng QLĐT phối hợp với các khoa chuyên môn thực hiện việc khảo sát NH để lấy ý kiến các BLQ về sự phù hợp, độ tin cậy, cũng như tính khách quan của hoạt động đánh giá NH. Kết quả khảo sát cho thấy luôn có sự công bằng, minh bạch trong các hình thức và quá trình KT-ĐG ở Trường [H16.16.04.05]. Dựa trên kết quả phân tích, tổng hợp ý kiến của người học về quy trình và phương pháp KT-ĐG người học, BGH đã chỉ đạo các khoa chuyên môn tiến hành cải tiến các hình thức thi kết thúc học phần trên cơ sở tuân thủ nghiêm các quy trình, quy định liên quan đến hoạt động đánh giá NH hướng tới CĐR nhằm đảm bảo mục tiêu đào tạo của Trường [H16.16.04.06].

Thực hiện chỉ đạo của BGH, các đơn vị chức năng liên quan như: phòng QLĐT, phòng KT-BĐCL, các khoa chuyên môn đã tích cực tham gia các khóa đào tạo, tập huấn về phương pháp đánh giá NH trong giáo dục đại học để từ đó nắm vững các quy trình, quy định, hướng cải tiến nhằm thực hiện việc chuyển đổi các hình thức đánh giá người học một cách có hiệu quả [H16.16.04.07]. Tất cả các phương pháp đánh giá NH, quy trình KT-ĐG

được Nhà trường thực hiện công khai, minh bạch đúng theo kế hoạch đã đề ra. Tất cả hoạt động đánh giá NH được giám sát bởi chính NH thông qua các ý kiến đóng góp phản hồi trực tiếp, qua email của lãnh đạo Trường, qua các buổi đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo Nhà trường với NH **[H16.16.04.08]**.

Các quy trình KT-ĐG kết quả học tập của Nhà trường được xây dựng một cách khoa học trên cơ sở sự phối hợp giữa các Khoa chuyên môn, phòng QLĐT, phòng KT-BĐCL. Các nội dung chính được thể hiện rõ trong quy định khảo thí **[H16.16.04.09]**:

i) Phòng KT-BĐCL chịu trách nhiệm chủ trì, hướng dẫn, giám sát/kiểm soát việc tuân thủ các bước trong quy trình; tổng hợp, báo cáo BGH.

ii) Phòng QLĐT chịu trách nhiệm chính về lịch thi,

iii) Khoa chịu trách nhiệm nhận điểm, công bố điểm thi.

iii) Phòng KT-BĐCL chịu trách nhiệm về phân công coi thi; chấm thi.

iv) Phòng KT-BĐCL tổ chức nhận đơn phúc khảo, tổng hợp kết quả phúc khảo và gửi kết quả phúc khảo cho khoa chuyên môn và thông báo đến NH; lưu giữ đơn phúc khảo; tổ chức cho Khoa thực hiện chấm phúc khảo tại văn phòng KT-BĐCL.

v) Khoa chịu trách nhiệm chính về tổ chức ra đề thi kèm đáp án, thang điểm; nội dung đề thi kèm đáp án, thang điểm;

vi) Phòng KT-BĐCL chịu trách nhiệm sao in, bảo mật và lưu giữ bài thi cho đến hết khóa.

Tính khách quan, độ tin cậy và sự minh bạch của các hình thức KT-ĐG NH luôn được Nhà trường chú trọng. Do đó trong suốt 5 năm qua, Trường ĐHTT có rất ít tình trạng khiếu nại, phản nản của NH về sự thiếu công bằng minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học (các trường hợp khiếu nại đều được phản hồi thỏa mãn thắc mắc của NH). Báo cáo tổng hợp tình hình phúc khảo điểm bài thi kết thúc học phần của phòng KT-BĐCL cho thấy số lượng NH phúc khảo được điều chỉnh điểm thi kết thúc học phần có tỷ lệ rất thấp và có xu hướng giảm dần theo các năm. Một số trường hợp có sự thay đổi về điểm chủ yếu với lý do GV vào nhầm điểm hoặc ở khâu xử lý phách bài thi **[H16.16.04.10]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 16:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Trường có hệ thống các văn bản bao gồm các quy định, quy trình, hướng dẫn từ lập kế hoạch đến việc triển khai, giám sát quá trình tổ chức đánh giá NH rõ ràng và cụ thể giúp NH có thể tự đọc và thực hiện các bước trong quy trình một cách dễ dàng.

Các CTĐT đều có phương pháp và hình thức đánh giá NH đa dạng và phong phú, được khoa/BM nghiên cứu cải tiến nhằm đảm bảo tính chính xác, công bằng, tin cậy hướng tới phù hợp với CĐR và yêu cầu của xã hội.

Việc kiểm tra, giám sát các kỳ thi được thực hiện thường xuyên để BDCL, công bằng và đạt CDR.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Trường chưa có văn bản hướng dẫn đánh giá đề thi cụ thể mặc dù đã có yêu cầu sử dụng kết quả đánh giá đề thi để thực hiện rà soát, điều chỉnh ngân hàng đề thi nhằm nâng cao chất lượng đề thi.

Việc sử dụng kết quả phân tích, nghiên cứu các loại hình, hình thức đánh giá đặc thù đối với mỗi loại học phần chưa được thực hiện đồng bộ ở các BM.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Ban hành văn bản hướng dẫn đánh giá đề thi và sử dụng các kết quả để phân tích, nghiên cứu các loại hình, hình thức đánh giá phù hợp để đạt được CDR	Phòng KT-BDCL	Năm 2025	
2	Khắc phục tồn tại	Định kỳ tập huấn cho GV (đặc biệt là GV trẻ) về thiết kế, phân tích hiệu quả các phương pháp, hình thức KT-ĐG NH phù hợp với học phần	Phòng KT-BDCL	Hàng năm	
3	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát các hệ thống văn bản nhằm kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với thực tế đánh giá NH	Phòng KT-BDCL Các Khoa	02 năm/lần	
4	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đánh giá, cải tiến và xây dựng các phương pháp và hình thức đánh giá NH	Phòng KT-BDCL Các Khoa	Hàng năm	
5	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện kiểm tra, giám sát các kỳ thi theo kế hoạch hàng năm	Phòng KT-BDCL Ban TTPC	Hàng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 16	4,50
Tiêu chí 16.1	5
Tiêu chí 16.2	5
Tiêu chí 16.3	4

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 16.4	4

Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học

Tiêu chí 17.1. Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học.

Trong giai đoạn thực hiện đánh giá, Trường ĐHTT có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được thể hiện thông qua các văn bản, quy chế, quy định được ban hành phù hợp với bối cảnh cụ thể trong từng giai đoạn phát triển của Nhà Trường, bao gồm: Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHTT số 0602/QĐ-TTU.17 ngày 05/02/2017, Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHTT nhiệm kỳ 2021 - 2026 số 147/QĐ-TTU.21 ngày 01/12/2021, Quyết định ban hành Quy định xử lý học vụ CTĐT đại học hệ chính quy do trường ĐHTT cấp bằng số 110/QĐ-TTU.21 ngày 19/11/2021, Quyết định ban hành Quy chế đào tạo Đại học ở Trường ĐHTT số 2702/QĐ-TTU.17 ngày 27/02/2017, Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều trong “Quy chế đào tạo đại học ở Trường ĐHTT số 2702/QĐ-TTU.17 ngày 27/02/2017” số 45/QĐ-TTU.18, ngày 29/6/2018, Quyết định ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHTT số 31/QĐ-ĐHTT.21 ngày 30/6/2021, Quyết định về việc sửa đổi, thay thế một số điều trong Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHTT kèm theo Quyết định số 31/QĐ-ĐHTT.21 ngày 30/06/2021 số 219/QĐ-ĐHTT.23 ngày 07/11/2023, Quyết định ban hành Quy định chế độ làm việc của GV Trường ĐHTT số 136/QĐ-ĐHTT.2022 ngày 24/08/2022, Quyết định về việc ban hành Quy định công tác GVCN/CVHT của Trường ĐHTT số 110/QĐ-TTU.17 ngày 01/09/2017, Quyết định ban hành Quy chế hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, Quyết định ban hành Quy định về chính sách học bổng và hỗ trợ tài chính đối với sinh viên Trường Đại học Tân Tạo số 226/QĐ-ĐHTT.23 ngày 10/11/2023, Quyết định ban hành quy định về công tác tổ chức thi kết thúc học phần dành cho sinh viên đại học hệ chính quy của Trường ĐHTT số 223/QĐ-ĐHTT.22 ngày 30/12/2022, Quyết định ban hành Quy định tổ chức giảng dạy trực tuyến của Trường ĐHTT số 117/QĐ-TTU.20, ngày 29/12/2020, Quyết định ban hành Quy định đào tạo trực tuyến kết hợp đào tạo truyền thống số 118/QĐ-TTU.20, ngày 29/12/2020, Quyết định ban hành Quy định tổ chức thi kết thúc học phần theo hình thức trực tuyến của Trường ĐHTT số 119/QĐ-TTU.20, ngày 29/12/2020, Quyết định ban hành Quy định đánh giá kết quả học tập của sinh viên số 270/QĐ-ĐHTT.23 ngày 29/12/2023 **[H17.17.01.01]**.

Các quy chế, quy định về các hoạt động hỗ trợ NH do Trường ĐHTT triển khai xây dựng đều hướng đến các hoạt động tư vấn phục vụ và hỗ trợ NH. Các quy chế, quy định này giúp NH đảm bảo các điều kiện học tập chuyên môn và hỗ trợ các hoạt động ngoại

khóa, xử lý khiếu nại, đặc biệt, hỗ trợ NH có học lực kém, hoàn cảnh khó khăn,...[H17.17.01.02].

Phòng CTSV-HTDN chịu trách nhiệm chính trong việc triển khai các hoạt động dịch vụ hỗ trợ NH như: tham mưu Hiệu trưởng xét chế độ chính sách, hướng dẫn, giải quyết các thủ tục hành chính, hỗ trợ tài chính cho NH; phổ biến quy chế, quy định của Nhà trường; theo dõi, chăm sóc sức khỏe. Các khoa chuyên môn phối hợp phòng CTSV-HTDN tham mưu BGH phân công GV làm công tác CVHT/GVCN nhằm hỗ trợ tư vấn, theo dõi giám sát hoạt động học tập và rèn luyện của NH. Phòng QLĐT, khoa còn phối hợp với các DN trong công tác hỗ trợ giới thiệu việc làm, quản lý NH trong quá trình thực tập. Phòng QLĐT được phân công phối hợp với các khoa chuyên môn theo dõi sự tiến bộ và kết quả học tập của NH, tư vấn, hỗ trợ NH trong suốt quá trình học tập. Phòng CTSV-HTDN tổ chức các chương trình ngoại khóa để nâng cao kỹ năng, rèn luyện đạo đức, lối sống của NH thông qua hoạt động của các CLB,...[H17.17.01.03].

Hàng năm, trên cơ sở các quy chế, quy định đã được ban hành, Trường ĐHTT xây dựng kế hoạch đào tạo năm học và triển khai đến từng đơn vị [H17.17.01.04], các đơn vị lên kế hoạch năm học cho đơn vị mình và phối kết hợp thực hiện nhiệm vụ [H17.17.01.05].

Hàng năm, dựa vào kế hoạch đào tạo năm học, các đơn vị xây dựng các kế hoạch chi tiết triển khai hoạt động đào tạo, gồm các kế hoạch có thể hiện các chỉ số thực hiện: kế hoạch nhập học, tổ chức tuần sinh hoạt công dân, thực hiện chế độ chính sách NH, tư vấn giải quyết học vụ, phát triển kỹ năng, phẩm chất thông qua hoạt động ngoại khóa và CLB, thực tập tại các khoa, tư vấn việc làm đồng thời phân công nhiệm vụ cho từng cá nhân thực hiện [H17.17.01.06].

Trường ĐHTT sử dụng hệ thống Intranet dùng làm hệ thống quản lý CSDL. Trong đó, hệ thống chương trình QLĐT giúp tổ chức, giám sát, đánh giá tiến trình học tập kết quả học tập của NH, thanh tra đào tạo. Công tác giám sát được thực hiện và kiểm tra định kỳ theo quy định, kết hợp áp dụng các phần mềm trong công tác phục vụ và hỗ trợ NH một cách chặt chẽ, hiệu quả với sự tham gia phối hợp của nhiều đơn vị trong toàn Trường. Phòng QLĐT, phòng CTSV-HTDN và khoa là những đơn vị chính có nhiệm vụ giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện. Các đơn vị trên có nhiệm vụ phân công CB chuyên trách, CVHT/GVCN giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH, cảnh báo học vụ [H17.17.01.07].

Hàng năm, trường ĐHTT có kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hoạt động NCKH và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp nâng cao chất lượng, cải thiện việc học tập của NH. Mỗi đầu năm học, Trường ĐHTT tổ chức tuần sinh hoạt công dân - sinh viên cho NH [H17.17.01.08]. Công tác kiểm tra về hoạt động đào tạo và NCKH được diễn ra định kỳ theo kế hoạch thông qua Báo cáo thanh tra về hoạt động đào tạo [H17.17.01.09].

Các quy định về cảnh báo học tập, dừng học, thôi học, xét tốt nghiệp được phổ biến rộng rãi đến NH [H17.17.01.10]. Hằng tháng, CVHT/GVCN tổ chức họp lớp nhằm tư vấn và hướng dẫn, động viên NH tìm ra phương pháp cải thiện, nâng cao kết quả học tập. Trường luôn kịp thời khen thưởng NH có nhiều thành tích trong học tập và rèn luyện [H17.17.01.11].

Hệ thống tiếp nhận thông tin từ NH được triển khai qua các kênh tiếp nhận thông tin khác bằng nhiều hình thức như trực tiếp đến văn phòng khoa, phòng QLĐT, phòng CTSV-HTDN... và trực tuyến qua các kênh thông tin mạng xã hội, Facebook, Email, Hotline của khoa, phòng và Nhà trường [H17.17.01.12].

Trường ĐHTT đã xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ CB, GV, NV hỗ trợ, đo lường và đánh giá mức độ hài lòng về các dịch vụ. Thể hiện trong nội dung các phiếu đánh giá xếp loại chất lượng CB, GV, NV và NLD theo năm học, bao gồm những tiêu chí chính như: chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, tác phong lề lối làm việc, ý thức tổ chức kỷ luật, hiệu quả thực hiện... Kết quả đạt được và mức độ hoàn thành công việc sẽ do cá nhân CB, GV, NV tự đánh giá vào phiếu xếp loại. Sau đó, tập thể và lãnh đạo từng đơn vị nhận xét, góp ý và cho kết quả xếp loại [H17.17.01.13].

Kết quả khảo sát hằng năm phản ánh ý kiến của NH, CNH, CB, GV, NV về mức độ hài lòng về các dịch vụ hỗ trợ, về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn, học tập, hỗ trợ việc làm. Kết quả khảo sát cho thấy, hơn 95% NH và hơn 90% CB, GV, NV hài lòng các dịch vụ hỗ trợ. Kết quả thu được là cơ sở phục vụ thực hiện cải tiến và nâng cao chất lượng mang lại hiệu quả cao nhất cho NH, phù hợp với mục tiêu và bối cảnh của Trường ĐHTT hiện nay [H17.17.01.14].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 17.2. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các BLQ.

Trường ĐHTT đã và đang từng bước hoàn thiện nâng cao chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHTT số 0602/QĐ-TTU.17 ngày 05/02/2017, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHTT nhiệm kỳ 2021-2026 số 147/QĐ-TTU.21 ngày 01/12/2021, Quyết định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc Trường ĐHTT số 0203/QĐ-TTU.17 ngày 2/3/2017, Quyết định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc Trường ĐHTT số 168/QĐ-ĐHTT.21 ngày 25/12/2021 [H17.17.02.01].

Các đơn vị chức năng trong Trường đều có một hệ thống nhân sự chất lượng, có chuyên môn cao đảm bảo công tác hỗ trợ và phục vụ NH được thực hiện nhanh chóng và chuyên nghiệp dựa trên các quy chế, quy định đã ban hành. Tất cả các quy định về chức năng, nhiệm vụ trên đều góp phần nâng cao chất lượng quản lý đội ngũ tư vấn, hỗ trợ NH, hướng tới sự thỏa mãn nhu cầu của NH [H17.17.02.02].

Bảng 17.02.01. Thống kê số lượng và trình độ đội ngũ NV hỗ trợ của Trường

TT	Trình độ/học vị	Phân loại theo năm				
		2019	2020	2021	2022	2023
1	Tiến sĩ	5	6	6	6	8
2	Thạc sĩ	3	2	5	3	5
3	Cử nhân	29	28	25	26	35
4	Trình độ khác	3	2	3	3	4
Tổng cộng		40	38	39	38	52

Trường thực hiện các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH dựa trên các quy định và kế hoạch được lập từ đầu năm học [H17.17.02.03], nhằm cung cấp các hoạt động và dịch vụ hỗ trợ cho NH trong thời gian học tập tại Trường, gồm các hoạt động:

i) Về hoạt động hỗ trợ học tập: Các khoa đào tạo, phòng QLĐT phân công GV làm công tác CVHT/GVCN chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập, rèn luyện của NH [H17.17.02.04]. Bộ phận CVHT/GVCN là những người được lựa chọn từ các GV hoặc CB quản lý đã tốt nghiệp ĐH thuộc khối ngành đào tạo của các khoa và có ít nhất 2 năm tham gia giảng dạy hoặc tham gia hoạt động QLĐT. Mỗi CVHT/GVCN được giao phụ trách một hoặc nhiều khóa theo ngành đào tạo, có nhiệm vụ trợ giúp NH một cách chuyên nghiệp về mọi mặt của hoạt động học tập, rèn luyện, NCKH.

Các đơn vị như: phòng QLĐT, phòng KT-BĐCL, phòng CTSV-HTDN, các khoa phân công chuyên viên của phòng hỗ trợ NH trong học tập và trong việc sử dụng phần mềm. Các chuyên viên của các đơn vị hướng dẫn, tư vấn và giúp đỡ NH giải quyết các công tác liên quan đến nhu cầu cá nhân của NH như: công tác học tập, đời sống, công tác hành chính, hoạt động hướng nghiệp, khởi nghiệp.... [H17.17.02.05].

Vào đầu khóa học, NH được phổ biến chi tiết đầy đủ mục tiêu đào tạo, CTĐT và các văn bản hướng dẫn của Trường, các chế độ, chính sách liên quan đến hoạt động học tập thông qua đợt học Tuần sinh hoạt công dân-sinh viên [H17.17.02.06]. Các hoạt động NCKH của NH cũng được khuyến khích, nhiều cuộc thi được tổ chức và ngày càng thu hút nhiều NH tham gia [H17.17.02.07]. Kết quả từ cuộc thi khuyến khích tinh thần học tập và nghiên cứu cho NH, tạo sân chơi lành mạnh để NH có thể phát huy khả năng, trau dồi nâng cao kiến thức, mở rộng hiểu biết của NH.

ii) Về hoạt động hỗ trợ tài chính: Ngoài những NH thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định, Trường luôn có những chính sách hết sức kịp thời để hỗ trợ NH, cụ thể: miễn, giảm học phí cho NH trong giai đoạn khó khăn do dịch bệnh Covid-19; tặng tiền vé xe về quê ăn tết cho các NH có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập... [H17.17.02.08].

Ngoài học bổng khuyến khích học tập được trích từ ngân sách, hàng năm Trường,

phòng CTSV-HTDN kêu gọi sự ủng hộ quỹ học bổng tài trợ từ các cá nhân, DN dành trao cho NH có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ vay vốn ngân hàng, giúp các em và gia đình giảm áp lực tài chính trong suốt quá trình học tập tại Trường [H17.17.02.09].

iii) *Về hỗ trợ việc làm và hướng nghiệp*: Khoa kết hợp với phòng CTSV-HTDN hướng nghiệp và hỗ trợ việc làm cho NH thông qua các buổi tập huấn kỹ năng xin việc cho NH, tư vấn hướng nghiệp, tổ chức ngày hội việc làm, thông báo tuyển dụng [H17.17.02.10]. Hướng tới đào tạo gắn với đáp ứng nhu cầu xã hội, tạo cơ hội thực tập cho NH, giải quyết đầu ra cho NH sau tốt nghiệp, Trường đã chủ động đẩy mạnh ký kết hợp tác với nhiều DN [H17.17.02.11]. Để NH năm 3, 4 có cơ hội tiếp cận với DN, Trường ĐHTT có kế hoạch tổ chức tham quan các DN với nhiều lĩnh vực ngành nghề [H17.17.02.12]. Nhằm đáp ứng nhu cầu của NH về thông tin việc làm, Trường đã thành lập phòng CTSV-HTDN phụ trách công tác tư vấn hướng nghiệp và quan hệ DN. Các hoạt động hướng nghiệp do phòng CTSV-HTDN phối hợp với các khoa ngày càng được tổ chức nhiều hơn, bài bản hơn và thu hút được nhiều DN tham gia. Các chuyên viên được phân công thực hiện nhiệm vụ này là những người có kinh nghiệm làm việc lâu năm, có nhiều mối quan hệ với các DN trên địa bàn tỉnh Long An, TP. Hồ Chí Minh và các DN khác ngoài tỉnh [H17.17.02.13].

iv) *Về hỗ trợ kỹ năng*: Việc trang bị kỹ năng cho NH được Trường xác định là một trong những mục tiêu quan trọng nhằm tạo động lực và phát triển năng lực toàn diện cho NH. Hệ thống các hoạt động ngoại khóa như: Hiến máu tình nguyện, mùa hè xanh, các giải bóng đá chào mừng ngày lễ lớn. Các mô hình hoạt động các CLB như: CLB Tổ chức sự kiện, CLB Bóng đá, CLB Tiếng Anh,...đóng góp vai trò tích cực để đạt được mục tiêu này [H17.17.02.14].

Ngay từ khi mới bước vào Trường, NH đã được tham gia vào các chương trình hoạt động ngoại khóa nhằm trau dồi các kỹ năng cần thiết cho tương lai. Phần lớn các hoạt động của CLB là do NH tự đề xuất và triển khai, thực hiện dựa trên sự tư vấn của BGH và Phòng CTSV-HTDN, với sự tham gia nhiệt tình, đồng đạo của NH [H17.17.02.15]. Theo đó các khoa đào tạo cũng thường xuyên cung cấp các lớp kỹ năng mềm cho NH nhằm phát triển kỹ năng bản thân cùng các kiến thức cần thiết khác trong cuộc sống [H17.17.02.16].

v) *Về hỗ trợ đời sống*: Ngoài hoạt động học tập và rèn luyện tại Trường, Trường ĐHTT còn hết sức chú trọng đến đời sống sinh hoạt hàng ngày của NH. Hằng năm, Trường có chính sách miễn, giảm lệ phí chỗ ở ký túc xá dành cho đối tượng NH khó khăn, xa nhà [H17.17.02.17].

Hằng năm, phòng CTSV-HTDN phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức tặng quà hỗ trợ cho NH có hoàn cảnh khó khăn vượt khó vươn lên trong học tập, hỗ trợ NH trong các đợt bị ảnh hưởng do thiên tai, dịch bệnh. Bên cạnh đó, Trường ĐHTT còn tổ chức các đợt xét nghiệm Covid-19 cho NH để đảm bảo sức khỏe trong quá trình học tập

[H17.17.02.18].

Đối với hoạt động y tế, Trường phân công CB phụ trách y tế thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, theo dõi, tư vấn, hỗ trợ NH về sức khỏe. Hàng năm, Trường tổ chức khám sức khỏe cho NH mới nhập học, mua BHYT, BHTN cho NH và tuyên truyền rộng rãi về sự cần thiết khi tham gia BHYT để đảm bảo quyền lợi của NH trong mọi tình huống xảy ra **[H17.17.02.19]**. Có thể khẳng định các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH của Trường được triển khai đầy đủ, kịp thời và hiệu quả đáp ứng được nhu cầu của các BLQ.

Trường ĐHTT đã triển khai hệ thống giám sát để theo dõi tiến trình học tập và hiệu quả học tập của NH thông qua nhiều hình thức: Hệ thống CVHT/GVCN, thư ký các khoa, chuyên viên các phòng chức năng, áp dụng phần mềm quản lý trong công tác phục vụ và hỗ trợ NH như phần mềm quản lý Intranet. Công tác giám sát hoạt động học tập, rèn luyện và NCKH của NH cũng được diễn ra thường xuyên **[H17.17.02.20]**.

Định kỳ, Trường ĐHTT thực hiện các quy trình cảnh báo, dừng học/thôi học, giám sát kết quả tốt nghiệp và thông báo cụ thể đến NH để có những định hướng kịp thời cho bản thân. Đối với NH có lực học yếu, sau khi có kết quả xét học vụ cuối mỗi kỳ, các khoa và bộ phận CVHT hằng tháng gặp gỡ trực tiếp với NH để tư vấn, động viên và đưa ra các giải pháp cải thiện kết quả học tập **[H17.17.02.21]**. Đối với các trường hợp nghỉ học thường xuyên, CVHT gọi điện liên lạc với NH hoặc gia đình để nhắc nhở hoặc giúp đỡ. Ngoài ra, việc theo dõi học tập của NH được GV thực hiện qua việc điểm danh trên lớp và được thể hiện qua điểm kiểm tra, điểm chuyên cần của từng môn học. Việc học tập và rèn luyện của NH còn được giám sát bởi CB chuyên trách của phòng CTSV-HTDN, các thư ký quản lý NH của các khoa.

Kết quả học tập của NH được công bố trên phần mềm, mỗi NH có tài khoản riêng, phòng QLĐT cũng cung cấp bảng ghi kết quả học tập khi NH và gia đình NH có nhu cầu. Đồng thời, Trường cũng quan tâm khen thưởng và kỷ luật kịp thời đối với NH nhằm thúc đẩy những mặt tích cực và hạn chế những hành vi tiêu cực giúp các em phát triển toàn diện hơn **[H17.17.02.22]**. Các hoạt động ngoại khoá cũng được phản ánh qua đánh giá của NH hàng năm **[H17.17.02.23]**.

Thông qua Hội nghị gặp gỡ, đối thoại giữa Lãnh đạo Trường với NH đã giúp Trường ĐHTT cung cấp, phản hồi các thông tin đến NH, từ đó có kế hoạch hành động, cải tiến, từng bước nâng cao chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH ngày một tốt hơn **[H17.17.02.24]**.

Để đảm bảo công tác phục vụ và hỗ trợ NH có hiệu quả và ngày càng phát triển, Trường ĐHTT đã tiến hành khảo sát NH, CNH và đạt được một số kết quả làm căn cứ để đối sánh và cải tiến chất lượng của Trường ĐHTT. Nội dung khảo sát, tỷ lệ trả lời các câu hỏi, mức độ hài lòng được thể hiện thông qua phiếu khảo sát và báo cáo kết quả khảo sát **[H17.17.02.25]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 17.3. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được rà soát.

Trường ĐHTT thực hiện rà soát và đánh giá định kỳ chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH bằng nhiều hình thức khác nhau, các đơn vị thực hiện đều dựa trên những chức năng nhiệm vụ của đơn vị mình thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHTT nhiệm kỳ 2021-2026 số 147/QĐ-TTU.21 ngày 01/12/2021 [H17.17.03.01].

Để thực hiện công tác rà soát, đánh giá chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH tiến đến xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau rà soát. Định kỳ, Trường ĐHTT tổ chức Hội nghị gặp gỡ, đối thoại giữa Lãnh đạo Trường với NH nhằm tiếp thu ý kiến góp ý của NH, cung cấp, giải thích các thông tin và chia sẻ với NH các vấn đề được quan tâm [H17.17.03.02]. Trên cơ sở đó, đưa ra kế hoạch cải tiến và nâng cao chất lượng phục vụ và hỗ trợ NH. Ngoài ra, kênh phản hồi ý kiến từ hệ thống lớp trưởng các lớp, website Trường ... tạo hộp thư hỏi đáp để tiếp nhận thông tin phản hồi về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ từ NH và phụ huynh. Kết hợp việc tiếp thu ý kiến phản hồi của NH thường xuyên qua các kênh online như hotline, trang Facebook các phòng, khoa, Email cũng là một trong những đóng góp quan trọng giúp công tác rà soát thêm các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH ngày một hoàn thiện hơn [H17.17.03.03].

Hàng năm, Trường ĐHTT tiến hành khảo sát NH về chất lượng giảng dạy và hoạt động phục vụ, hỗ trợ NH để đánh giá hiệu quả chất lượng quá trình hoạt động [H17.17.03.04]. Kết quả khảo sát, Trường thông báo đến các đơn vị phục vụ và hỗ trợ NH xây dựng kế hoạch rà soát, cải tiến chất lượng các hoạt động để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của NH [H17.17.03.05].

Hàng năm, Trường ĐHTT, các đơn vị liên quan, các cá nhân đều tiến hành rà soát các hoạt động hỗ trợ và phục vụ NH, xây dựng kế hoạch cải tiến thông qua các báo cáo tổng kết năm học. Trường đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học trên những mặt đạt được và những mặt còn hạn chế. Qua đó, xây dựng kế hoạch cải tiến các hoạt động trong đó có công tác hỗ trợ và phục vụ NH: công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho NH, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, công tác đào tạo, tuyển sinh và NCKH-HTQT, công tác phục vụ dạy và học (đảm bảo CSVC kỹ thuật, quản lý NH, TCKT, an ninh trật tự trong trường học, thanh tra-khảo thí và ĐBCL). Trên cơ sở đó, Trường phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị chức năng thực hiện [H17.17.03.06].

Trường thực hiện rà soát và đánh giá định kỳ hiệu quả của hệ thống giám sát thông qua các số liệu báo cáo hàng kỳ, hàng năm về tình hình học tập và rèn luyện của NH: Tình trạng cảnh báo học tập và thôi học của NH [H17.17.03.07], kết quả rèn luyện của NH [H17.17.03.08], tình hình thực hiện BHYT của NH [H17.17.03.09], NH tốt nghiệp đúng thời hạn [H17.17.03.10], tỷ lệ NH có việc làm sau một năm [H17.17.03.11].

Dựa trên kết quả các báo cáo và phân tích nguyên nhân thực trạng, các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch hỗ trợ NH để cải tiến chất lượng sau rà soát phù hợp với quy chế hiện hành và TN, SM của Trường trong giai đoạn hiện nay cụ thể như sau:

i) Phòng QLĐT: xem xét nghiên cứu CTĐT để rút ngắn thời gian hoàn thành của NH, nghiên cứu đề xuất sửa đổi quy chế đào tạo cho phù hợp với tình hình thực tế và đúng với quy định của Bộ GD&ĐT.

ii) Phòng CTSV-HTDN: tập huấn cho CVHT/GVCN nhằm cung cấp và cập nhật thông tin khi có những thay đổi hoặc điểm mới trong các quy định để đội ngũ CVHT/GVCN có thể hỗ trợ tốt hơn cho NH [H17.17.03.12]. Quy định công tác NH được nghiên cứu bổ sung sao cho phù hợp với tình hình thực tế, đổi mới các nội dung giảng dạy của Tuần sinh hoạt công dân, có kế hoạch trong việc nâng cao kỹ năng thông qua các hoạt động ngoại khóa, tham gia các câu lạc bộ và tìm kiếm các cơ hội việc làm cho NH, có kế hoạch phối hợp với các BLQ [H17.17.03.13].

iii) Cố vấn học tập/GV chủ nhiệm: được trang bị sổ tay CVHT/GVCN từ đó có kế hoạch quản lý lớp và tăng cường theo dõi đối với những trường hợp NH thuộc diện cảnh báo học tập, NH tốt nghiệp không đúng thời hạn nhằm giúp NH cải thiện tình hình học tập và rèn luyện, xây dựng lộ trình học tập phù hợp [H17.17.03.14].

iv) Phòng TTTS, phòng CTSV-HTDN, phòng QLĐT phối hợp với các Khoa: có kế hoạch thiết lập và mở rộng thêm mạng lưới các đối tác, DN nhằm hỗ trợ NH đi thực tế, thực tập [H17.17.03.15].

Để thực hiện rà soát đánh giá định kỳ của hệ thống giám sát NH và xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ NH sau khi rà soát, các đơn vị trong Trường đã thực hiện đánh giá đội ngũ CB, GV phục vụ NH thông qua những tiêu chí xây dựng trên phiếu đánh giá. Kết quả thu được Trường sẽ xem đây là một trong những tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của các bộ phận và đánh giá năng lực của các CB hỗ trợ trong hệ thống giám sát NH [H17.17.03.16].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 17.4. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các BLQ.

Từ năm học 2018-2019 đến nay, trên cơ sở thực hiện đúng Quy chế của Bộ GD&ĐT, Trường luôn nỗ lực cải tiến các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH để đáp ứng tốt hơn nhu cầu và sự hài lòng của các BLQ, gồm các hoạt động:

i) Công tác hỗ trợ học tập: hoạt động hỗ trợ thủ tục hành chính cho NH ngày càng được cải thiện. Các phòng ban, khoa có chuyên viên phụ trách được chuyên môn hoá giúp NH giải quyết nhanh chóng các thủ tục khi cần thiết, các biểu mẫu được đăng trên website. [H17.17.04.01]. Công tác nhập học cho NH khoá mới cũng được cải tiến từ các khâu nộp học phí bằng hình thức chuyển khoản, nộp hồ sơ qua đường ngân hàng, chuyển khoản trực

tuyên, thay vì nộp trực tiếp như trước [H17.17.04.02]. Công tác tổ chức học tập cũng thay đổi linh hoạt để tạo điều kiện cho NH, phòng QLĐT kết hợp với các khoa chỉnh sửa CTĐT hỗ trợ NH hoàn thành kế hoạch học tập sớm hơn [H17.17.04.03]. Hội thảo, hoạt động chuyên môn của các khoa được tổ chức với nhiều nội dung phong phú [H17.17.04.04], cuộc thi NCKH được tổ chức thu hút nhiều NH tham gia [H17.17.04.05]. Trong thời gian dịch bệnh Covid-19 tất cả các hoạt động này được chuyển từ hình thức offline sang online.

ii) *Công tác hỗ trợ kỹ năng*: Từ năm học 2018-2019 đến nay nhiều lớp kỹ năng do phòng CTSV-HTDN tổ chức đào tạo để đáp ứng nhu cầu đa dạng của NH như các lớp kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng xin việc... [H17.17.04.06]. Hệ thống các CLB được kiện toàn để giúp NH phát huy năng lực của mỗi cá nhân [H17.17.04.07].

iii) *Công tác hỗ trợ tài chính*: hoạt động này cũng có nhiều cải thiện thông qua việc duy trì và tìm kiếm học bổng tài trợ của đơn vị, cá nhân dành cho NH có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập. Trong thời gian dịch bệnh, Trường hỗ trợ học phí cho NH khó khăn, chi các khoản hỗ trợ tiền các dịp lễ tết, Quốc Khánh, tặng tiền vé xe về quê ăn Tết nguyên đán cho NH xa nhà [H17.17.04.08].

v) *Công tác hỗ trợ việc làm*: hoạt động này cũng được Trường ĐHTT quan tâm và tổ chức thường xuyên ngay cả trong thời gian dịch bệnh Covid 19. Các chuyên đề hướng nghiệp cuối khoá có sự tham gia của các DN trong và ngoài tỉnh với đa dạng các lĩnh vực ngành nghề [H17.17.04.09].

vi) *Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ khác*: Công tác hỗ trợ đời sống cũng được Trường cải thiện đáng kể đặc biệt là đợt dịch bệnh Covid-19, Trường đã thực hiện các phương án phòng chống dịch, cách ly và xét nghiệm nhanh cho NH trước khi vào lớp học hoặc khi có NH nghi ngờ nhiễm Covid 19, hỗ trợ nhu yếu phẩm cho NH trong thời gian cách ly [H17.17.04.10].

Sở tay sinh viên cung cấp các thông tin hữu ích cho NH trong quá trình học tập được cập nhật thay đổi hàng năm [H17.17.04.11].

Thư viện được nâng cấp, số lượng đầu sách và tài liệu tham khảo ngày càng phong phú hơn, đa dạng hơn đáp ứng yêu cầu của NH [H17.17.04.12].

Trang thiết bị giảng dạy và học tập được cải thiện, các phòng học được trang bị màn hình và máy chiếu đầy đủ chất lượng để phục vụ nhu cầu học tập của NH. Trong thời gian dịch bệnh Trường sử dụng phần mềm Zoom, Microsoft Teams để dạy học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng không bị gián đoạn ảnh hưởng tới chất lượng buổi học [H17.17.04.13].

Dịch vụ căn tin, nhà xe, khu vệ sinh, ký túc xá, được nâng cấp, cải thiện nhằm đáp ứng nhu cầu của NH [H17.17.04.14].

Hệ thống wifi và đường truyền internet không ngừng được nâng cấp để đáp ứng nhu cầu của NH [H17.17.04.15].

Phần mềm quản lý NH của Trường được nâng cấp và cải tiến để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho NH. Kết nối các phân hệ QLĐT, Quản lý NH và Quản lý học phí của NH trong phần mềm tổng thể để tạo điều kiện thuận lợi cho việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ [H17.17.04.16]. Đồng thời Trường đã tăng cường ứng dụng CNTT trong các hoạt động để nâng cao hiệu quả công tác phục vụ và hỗ trợ NH.

Hệ thống giám sát NH được cải tiến và kết quả của NH được cải thiện, cụ thể: sự thay đổi trong chương trình, hoạt động tổ chức đào tạo mà tỷ lệ NH ra trường sớm và đúng thời hạn tăng lên thời gian tốt nghiệp trung bình của NH Trường có xu hướng giảm chứng tỏ việc cải thiện hệ thống giám sát đã mang lại kết quả tích cực [H17.17.04.17].

Bảng 17.04.01. Thời gian tốt nghiệp trung bình của các ngành theo khóa qua các năm

Đơn vị tính: Năm

Khoa/Ngành/Năm nhập học	Thời gian trung bình hoàn thành khóa học (năm)
Khoa CNTT	4.87
Khoa học máy tính	4.93
2011	5.40
2013	6.50
2017	4.33
2019	4.00
Kỹ thuật điện, điện tử	4.00
2011	4.00
Khoa Công nghệ Sinh học	5.33
Công nghệ sinh học	5.00
2013	6.00
2015	6.33
2017	5.00
2018	4.00
Sinh học ứng dụng	6.00
2013	6.00
2014	6.00
Khoa Kinh tế & Quản trị Kinh doanh	4.53
Kế toán	5.00
2011	6.00
2012	4.00
Kinh doanh quốc tế	4.38

Khoa/Ngành/Năm nhập học	Thời gian trung bình hoàn thành khóa học (năm)
2011	4.81
2012	4.27
2013	4.00
2014	7.00
2017	4.00
2018	4.09
2019	3.88
Quản trị kinh doanh	4.81
2011	4.71
2013	5.00
2014	8.00
2017	4.50
2018	4.50
2019	4.00
Tài chính ngân hàng	4.58
2011	4.60
2012	4.50
Khoa Ngôn Ngữ	4.36
Ngôn ngữ Anh	4.36
2011	5.67
2012	4.20
2013	4.40
2015	5.00
2017	4.00
2018	4.17
2019	4.00
Khoa Y	6.20
Y đa khoa	6.20
2013	6.00
2014	6.25
2015	6.30
2016	6.13
2017	6.00
Tổng số SV	5.60

Đội ngũ CVHT/GVCN được tập huấn định kỳ hàng năm để có thể tư vấn giúp đỡ NH trong việc tổ chức học tập, quá trình đánh giá rèn luyện và những khó khăn vướng mắc của NH trong quá trình học tập [H17.17.04.18].

Nhờ nỗ lực của hệ thống giám sát NH từ phòng/khoa đến hệ thống CVHT/GVCN, tình hình NH bị cảnh báo kết quả học tập và buộc thôi học được cải thiện [H17.17.04.19].

Bảng 17.04.02. Số lượng NH nghỉ học hàng năm

Đơn vị tính: người

Nội dung	2019	2020	2021	2022	2023
Cảnh báo	31	24	21	16	10
Thôi học	14	21	15	14	15

Tình trạng tham gia BHYT, BHTN qua các năm cũng được tăng lên nhờ có sự tham gia của các bộ phận liên quan trong hệ thống giám sát, từ việc tuyên truyền lợi ích của việc tham gia BHYT, BHTN đến sự nhắc nhở thường xuyên của bộ phận y tế, Thư ký khoa, CVHT [H17.17.04.20].

Nhờ có công tác hướng nghiệp thông qua các nội dung của Tuần sinh hoạt công dân, tham quan và thực tập DN được phòng CTSV-HTDN, các khoa đào tạo liên kết với các DN tổ chức [H17.17.04.21] mà số lượng NH tốt nghiệp có tỷ lệ việc làm luôn đạt tỷ lệ trên 90% [H17.17.04.22].

Bảng 17.04.03. Tình hình NH tốt nghiệp có việc làm sau một năm

Năm/khoá	2019	2020	2021	2022	2023
Tỉ lệ NH có việc làm (%)	100.0%	100.0%	91.5%	94.5%	99.0%

Để có được đánh giá chung về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH, Trường luôn chú trọng công tác khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ. Kết quả khảo sát cho thấy về cơ bản hài lòng với hoạt động về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH của Trường [H17.17.04.23]. Kết quả các đợt khảo sát làm cơ sở để Trường có sự điều chỉnh phù hợp cho các hoạt động trong năm học tiếp theo.

Mức độ hài lòng của NH: 100% các tiêu chí khảo sát đều có trên 75% NH đánh giá đồng ý và rất đồng ý. Một số tiêu chí đạt trên 90% NH đánh giá đồng ý hoặc rất đồng ý. Chứng tỏ NH đánh giá khá hài lòng về chất lượng phục vụ và hỗ trợ của Trường. Mức độ hài lòng về hoạt động của CVHT/GVCN đều đạt trên 82%, nhiều tiêu chí đạt mức cao. Chứng tỏ NH khá hài lòng về hoạt động của CVHT/GVCN. Việc này không chỉ giúp phát hiện những điểm yếu trong dịch vụ mà còn là cơ hội để lắng nghe ý kiến đóng góp từ chính sinh viên, từ đó xây dựng các chương trình hỗ trợ học tập phù hợp hơn. [H17.17.04.24]

Trường đã tiến hành thực hiện các thay đổi nhằm đảm bảo sự hài lòng của sinh viên luôn được đặt lên hàng đầu [H17.17.04.25]. Điều này sẽ giúp sinh viên thấy rõ sự cố gắng

và cam kết của Trường trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và hỗ trợ học tập, đồng thời củng cố niềm tin của họ vào các hoạt động của Nhà trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 17:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Các hoạt động hỗ trợ, giám sát NH luôn được triển khai, đánh giá và cải tiến nhằm phục vụ tốt hơn cho NH.

Trường luôn tạo một trường học tập và sinh hoạt tích cực cho NH; NH được chăm sóc cả sức khỏe thể chất lẫn tinh thần, chăm sóc sức khỏe tâm thần thông qua các hoạt động hỗ trợ đời sống cho NH.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Một số hoạt động ngoại khóa do các CLB, tổ chức chưa tiến hành khảo sát ý kiến đánh giá của người tham dự.

Chưa tranh thủ được các nguồn xã hội hóa cho các hoạt động hỗ trợ NH.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Đưa yêu cầu khảo sát ý kiến người tham dự vào các kế hoạch triển khai của các tổ chức đoàn thể phục vụ NH	Các đơn vị có tổ chức SHCD/HĐ NK	Năm học 2024-2025	
2	Khắc phục tồn tại 2	Đẩy mạnh công tác giới thiệu, truyền thông về các hoạt động hỗ trợ NH đến các tổ chức ngoài trường	Phòng CTSV-HTDN; Phòng TTTS; Các đơn vị có quản lý NH	Năm học 2024-2025	
3	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục triển khai, đa dạng hóa các hoạt động hỗ trợ, giám sát NH	Phòng CTSV-HTDN; Phòng QLĐT; Các đơn vị có quản lý NH	Từ năm học 2024-2025	
4	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục triển khai, mở rộng các loại hình hoạt động chăm sóc sức khỏe tâm	Phòng CTSV-HTDN; Các tổ tư vấn	Từ năm học 2024-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		thân, pháp luật, tình yêu hôn nhân cho NH			

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 17</i>	5,00
Tiêu chí 17.1	5
Tiêu chí 17.2	5
Tiêu chí 17.3	5
Tiêu chí 17.4	5

Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 18.1. Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu.

Trong giai đoạn đánh giá, Trường ĐHTT đã xây dựng Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2026 tầm nhìn đến năm 2030 và Quy chế tổ chức và hoạt động Trường, với nội dung: Đến năm 2030 trở thành trường có uy tín trong cả nước về đào tạo và nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ [H18.18.01.01], [H18.18.01.02], [H18.18.01.03]. Phát triển NCKH và ĐMST tập trung vào 04 nhiệm vụ sau: (1) nâng cao năng lực NCKH cho GV, CB và NH; (2) hoàn thiện môi trường NCKH; (3) hoàn thiện phương thức quản lý, khai thác tài sản trí tuệ và gia tăng ngân sách bên ngoài Trường cho hoạt động KH&CN; và (4) khuyến khích trao đổi học thuật (trao đổi GV, NH) nhằm tăng cường mối quan hệ hợp tác với các trường [H18.18.01.01]. Để hoạt động KH&CN được triển khai thực hiện và đạt được kết quả cao, Trường đã ban hành Quyết định thành lập phòng QLKH-HTQT và HDKH-ĐT [H18.18.01.04], [H18.18.01.05]. Phòng QLKH-HTQT có chức năng tham mưu, giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổng hợp, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH và CGCN của Trường.

Để hoạt động KH&CN được triển khai và thực hiện đạt hiệu quả, Trường ĐHTT đã xây dựng, ban hành các quy định, chính sách đối với GV tham gia hoạt động NCKH được thể hiện trong phương hướng phát triển các hoạt động KH&CN của HĐT, quy định chế độ làm việc của GV [H18.01.01.06], kế hoạch hoạt động KH&CN hàng năm [H18.18.01.07],

quy chế chi tiêu nội bộ [H18.01.01.08], chiến lược phát triển lĩnh vực KH&CN trường giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn đến năm 2030 [H18.18.01.09], quy định quản lý hoạt động KH&CN [H18.18.01.10].

Hoạt động KH&CN của Trường được thực hiện thông qua hệ thống chỉ đạo, điều hành, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng nghiên cứu. Các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu được thể chế hóa qua các quy định như: Quy định chế độ làm việc của GV [H18.18.01.06], Quy định quản lý hoạt động KH&CN [H18.18.01.10] trong đó có quy định các tiêu chí đánh giá chất lượng KH&CN [H18.18.01.11]. Phòng QLKH-HTQT chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát, đánh giá chất lượng về NCKH, công tác điều hành và hoạt động NCKH trong Trường ngày càng đi vào ổn định [H18.18.01.12].

Hàng năm, Trường đã xây dựng KPIs để thực hiện mọi hoạt động trong toàn trường, trong đó có KPIs của lĩnh vực NCKH. Trên cơ sở kế hoạch hoạt động KH&CN của trường, các đơn vị triển khai thực hiện việc đăng ký thực hiện đề tài NCKH các cấp, biên soạn giáo trình, bài giảng kèm theo dự toán kinh phí để hội đồng xét duyệt của trường xem xét thông qua [H18.18.01.13], [H18.18.01.14]. Việc giám sát tiến độ và dự toán, quyết toán kinh phí được thực hiện bởi phòng QLKH-HTQT và các chủ nhiệm đề tài. Đối với đề tài cấp khoa, sau khi hoàn thành việc tổ chức nghiệm thu, các đơn vị lập báo cáo và gửi kết quả đến phòng QLKH-HTQT. Đây chính là cơ sở để phòng QLKH-HTQT xác nhận khối lượng và chất lượng hoạt động KH&CN, giúp các đơn vị triển khai thanh quyết toán kinh phí cho các hoạt động KH&CN [H18.18.01.15].

Trường ĐHTT có các tiêu chí đánh giá số lượng và chất lượng các hoạt động KH&CN của GV, NH theo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, Bộ KH&CN và của Trường. Đối với các đề tài/nhiệm vụ nghiên cứu, chất lượng các bài báo trên các tạp chí uy tín và tạp chí có uy tín cao, được thể hiện qua cấp độ của đề tài/nhiệm vụ. Đối với các công bố quốc tế, Trường đã phân loại chi tiết và có quy định rõ về các hội thảo quốc tế có uy tín để đánh giá chất lượng các bài viết của hội thảo quốc tế [H18.18.01.09], [H18.18.01.10], [H18.18.01.13], [H18.18.01.14]. Trường ĐHTT giao cho phòng QLKH-HTQT tham mưu xây dựng thành lập các Hội đồng đề xuất, đánh giá nghiệm thu các kết quả nghiên cứu, tổng kết hoạt động KH&CN và xây dựng các báo cáo lên cấp trên. Kết quả này là cơ sở để đánh giá CBCNV, đánh giá thi đua, khen thưởng hàng năm [H18.18.01.16], [H18.18.01.17], [H18.18.01.18], [H18.18.01.19].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 18.2. Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.

Để phát triển hoạt động NCKH, ngoài trang bị về CSVC, việc tìm kiếm các nguồn kinh phí phục vụ cho hoạt động NCKH cũng là một trong những yếu tố quyết định đến chất lượng của NCKH. Trường đã triển khai chiến lược phát triển nguồn kinh phí cho hoạt động NCKH và CGCN thể hiện trong: Chiến lược phát triển Trường đến năm 2026 và tầm nhìn đến năm 2030, chiến lược phát triển lĩnh vực KH&CN Trường giai đoạn 2021-2026, quy chế chi tiêu nội bộ, bảng dự toán kinh phí phục vụ cho NCKH hằng năm, Bảng kê tài chính chi cho lĩnh vực KH&CN hàng năm, các hợp đồng NCKH với các tổ chức ngoài Trường ĐHTT [H18.18.02.01], [H18.18.02.02], [H18.18.02.03], [H18.18.02.04], [H18.18.02.05], [H18.18.02.06].

Trong giai đoạn đánh giá, Trường ĐHTT đã thực hiện 02 nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia với kinh phí 1,883 tỷ đồng. Trong giai đoạn 2019-2024, có 21 đề tài NCKH cấp cơ sở đã được nghiệm thu [H18.18.02.07], [H18.18.02.08]. Ngoài ra, Trường đã thực hiện thành công 02 dự án quốc tế với tổng kinh phí 50,000 đô la Mỹ. Về hoạt động sở hữu trí tuệ, Trường đã được cấp 07 bằng sáng chế tại Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam và Hàn Quốc [H18.18.02.08].

Ngoài thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu trong nước, các hoạt động hợp tác với ngoài nước về KH&CN được triển khai và thực hiện như: Tham gia hoạt động đào tạo, tư vấn, hội nghị, hội thảo khoa học của các tổ chức, cá nhân nước ngoài, các tổ chức trong nước. Hiện nay, Trường ĐHTT đang phối hợp với nhiều doanh nghiệp trong mạng lưới doanh nghiệp hợp tác của Trường để thực hiện các hoạt động phát triển KH&CN gồm: Hỗ trợ tổ chức các chương trình truyền thông, quảng bá thương hiệu và giới thiệu các sản phẩm, tư vấn tuyển dụng NH sau khi ra trường đến làm việc tại doanh nghiệp. Các hoạt động tư vấn đã góp phần nâng cao năng lực cho đội ngũ các nhà NCKH, đội ngũ GV, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển học liệu, tài liệu phục vụ cho hoạt động NCKH [H18.18.02.09].

Nâng cao năng lực NCKH của GV, NH là một trong các nhiệm vụ quan trọng của Trường, để tạo điều kiện thuận lợi cho GV, NH thực hiện nhiệm vụ NCKH với đối tác trong và ngoài nước, Trường đã xây dựng chính sách hỗ trợ cho GV, NH thực hiện các hoạt động NCKH, tham gia tập huấn, hội thảo hội nghị trong và ngoài nước [H18.18.02.03], [H18.18.02.10].

Trường ĐHTT đã ra quyết định thành lập các NNC như: tìm mạch, chuyển hóa sinh học, kinh tế xã hội, và công nghệ thông tin và đã ban hành chế độ chính sách đối với GV, CBCNV tham gia [H18.18.02.11], [H18.18.02.12], [H18.18.02.13].

Hàng năm, các đơn vị trong Trường có trách nhiệm xây dựng kế hoạch KH&CN. Phòng TCKT phối hợp với phòng QLKH-HTQT giúp Hiệu trưởng giám sát việc thực hiện kế hoạch tài chính hàng năm cho hoạt động KH&CN. CBCNV, GV có nhiệm vụ thực hiện hoạt động KH&CN theo kế hoạch đồng thời chịu trách nhiệm cá nhân về các kết quả nghiên cứu theo quy định. Hoạt động NCKH của Trường được triển khai theo kế hoạch đề ra, các kết quả NCKH của GV và NH trong Trường ĐHTT được đánh giá tổng hợp trong báo cáo tổng kết cuối năm, đồng thời có chế độ khen thưởng cho GV, CBCNV và NH trong hoạt động NCKH [H18.18.02.07], [H18.18.02.10], [H18.18.02.14], [H18.18.02.15].

Bảng 18.02.01. Thống kê kết quả NCKH trong 05 năm (2019-2024)

TT	Hoạt động NCKH	Số lượng					
		2019	2020	2021	2022	2023	Tổng số
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	1	0	0	1	2
2	Đề tài cấp Bộ	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	11	4	2	0	2	19
4	Sách chuyên khảo	0	0	0	0	0	0
5	Sách giáo trình	0	0	0	1	0	1
6	Sách tham khảo	1	0	0	0	1	2
7	Tạp chí KH quốc tế	28	19	30	20	19	116
a	Danh mục ISI	13	10	14	15	10	62
b	Danh mục Scopus	9	3	8	5	8	33
c	Khác	6	6	8	0	1	21
8	Tạp chí KH trong nước	2	1	0	5	7	15
9	Hội thảo/hội nghị khoa học trong nước	1	1	2	25	19	48
10	Hội thảo/hội nghị khoa học quốc tế	1	1	3	7	3	15
11	Bằng phát minh sáng chế	0	0	2	3	2	7

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 18.3. Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu.

Để đảm bảo hoạt động NCKH đạt hiệu quả, Trường ĐHTT đã đề ra các giải pháp thực hiện nhiệm vụ KHCN trong kế hoạch hoạt động hàng năm [H18.18.03.01]. Trường ĐHTT cũng đã xây dựng và ban hành hệ thống đánh giá năng lực thực hiện KPIs và chỉ số thực hiện năng lực KPIs trong Trường. Các chỉ số thực hiện hoạt động KH&CN của mỗi GV thể hiện qua việc đăng ký thực hiện và kết quả thực hiện NCKH của từng năm học, các chỉ số chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng thông qua hệ thống đánh giá năng lực thực hiện KPIs nhiệm vụ của mỗi GV, CBCNV: Các chỉ số đánh giá mang

tính định lượng cao giúp nâng cao hiệu quả của việc đánh giá thực hiện nhiệm vụ NCKH của CBCNV, GV và các chỉ số KPIs đã góp phần làm cho việc đánh giá thực hiện công việc trở nên minh bạch, rõ ràng, cụ thể, công bằng và hiệu quả hơn, tạo cơ sở để đối sánh với các năm học trước [H18.18.03.02], [H18.18.03.03], xây dựng chỉ tiêu phát triển trình độ của đội ngũ GV theo lộ trình hàng năm [H18.18.03.04].

Bên cạnh việc sử dụng hệ thống đánh giá năng lực thực hiện KPIs, Trường ĐHTT đánh giá hoạt động KH&CN theo Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT ngày 30/5/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Quy định về hoạt động KHCN trong các CSGD đại học và theo các quy định của Trường, các chỉ số được báo cáo và giám sát bởi HĐT [H18.18.03.05], [H18.18.03.06].

Việc sử dụng KPIs để đánh giá số lượng, chất lượng các đề tài NCKH, SKKN giúp việc nghiệm thu và xếp loại, hệ thống văn bản, biên bản tổng hợp hàng năm về hoạt động NCKH đầy đủ và có tính khoa học [H18.18.03.03].

Bảng tổng hợp kê khai giờ NCKH, danh mục các đề tài, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước, bảng xếp hạng hoạt động NCKH của GV và báo cáo tổng kết đánh giá kết quả thực hiện NCKH trong toàn trường là những chỉ số quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ NCKH và là yếu tố để bình xét danh hiệu thi đua đối với GV trong từng năm học [H18.18.03.07], [H18.18.03.08], [H18.18.03.09].

Tất cả các đề tài, SKKN được đánh giá bằng các chỉ số về số lượng, chất lượng và mức độ ứng dụng đáp ứng thực tế cho xã hội, trong quá trình đánh giá một số đề tài, SKKN có hàm lượng khoa học cao, có nhiều tính mới được lựa chọn là các đề tài sở hữu trí tuệ và được thương mại hóa. Hoạt động NCKH đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao trình độ khoa học của GV, nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời khẳng định vị thế và uy tín của Trường với xã hội [H18.18.03.10], [H18.18.03.11].

Bảng 18.03.01. Kết quả đánh giá xếp loại một số nội dung NCKH

Năm học	Tổng số đề tài, SKKN	Đánh giá xếp loại kết quả thực hiện			Ghi chú
		Xuất sắc	Tốt	Khá	
2019-2020	12	6	2	4	
2020-2021	4	2	2		
2021-2022	2	1	1		
2022-2023	1	1			
2023-2024	4	2	1	1	

Hàng năm, tại các Hội nghị tổng kết năm học và Hội nghị NLĐ, Trường báo cáo tổng kết đánh giá hoạt động NCKH [H18.18.03.12] và báo cáo tổng kết thi đua khen thưởng về NCKH [H18.18.03.13]. Trong quá trình thực hiện các KPIs NCKH, để phù hợp với thực

tiền, Trường có kế hoạch rà soát và điều chỉnh các KPIs trong lĩnh vực KH&CN [H18.18.03.14]. Qua đó, các chỉ tiêu về KH&CN được rà soát, điều chỉnh để triển khai cho năm tiếp theo [H18.18.03.14] trên cơ sở ý kiến phản hồi của các GV và của các khoa, phòng ban, đối tác trong và ngoài Trường.

Trong quá trình thực hiện, để phù hợp với thực tiễn tại các Hội nghị tổng kết năm học, Hội nghị NLD trên cơ sở ý kiến phản hồi của các GV và của các khoa, phòng ban, đối tác trong và ngoài Trường, các chỉ tiêu về KH&CN được rà soát, điều chỉnh để triển khai cho năm tiếp theo [H18.18.03.12], [H18.18.03.13], [H18.18.03.14].

Qua hội nghị tổng kết Trường cũng đã biểu dương khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ và trong hoạt động NCKH. Những năm qua công tác quản lý, NCKH của Trường được thực hiện một cách nghiêm túc, khoa học do đã sử dụng KPIs để xác lập các chỉ số về NCKH nên đã đánh giá tác động của NCKH của Trường và mức độ đóng góp cho xã hội tương đối tốt, một số đề tài NCKH đã được ứng dụng vào thực tiễn [H18.18.03.15].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 18.4. Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học.

Để nâng cao hiệu quả của công tác quản lý NCKH, Trường ĐHTT đã chỉ đạo phòng QLKH phải xây dựng chiến lược cải tiến, phát triển hơn về công tác quản lý trong hoạt động khoa học nhằm nâng cao chất lượng về nghiên cứu và phát triển khoa học [H18.18.04.01].

Hàng năm, phòng QLKH-HTQT xây dựng kế hoạch khảo sát và tiến hành khảo sát ý kiến của GV, NH về hoạt động quản lý NCKH thực hiện tại Trường với nội dung đánh giá về quá trình tổ chức thực hiện, nghiệm thu đề tài NCKH cấp trường, đánh giá về năng lực nghiên cứu cá nhân, về số lượng các nghiên cứu đã công bố với số lượng khảo sát của GV, NH và các BLQ với tổng số phiếu khảo sát hàng năm từ 50-60 phiếu, kết quả khảo sát mức độ hài lòng về hoạt động quản lý NCKH tại Trường đạt từ 83%-100% [H18.18.04.02].

Thông qua hội nghị công tác ĐT-KH; GV và CBCNV tham gia đóng góp ý kiến về các chính sách và công tác quản lý hoạt động cũng như chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học. Tại Hội nghị, GV và CBCNV góp ý cho các văn bản quan trọng của hội nghị bao gồm quy định chế độ làm việc của GV, quy chế chi tiêu nội bộ, quy định về quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động KHCN,... đây là những văn bản quan trọng ảnh hưởng tới công tác quản lý NCKH trong Trường [H18.18.04.03], [H18.18.04.04].

Trên cơ sở khảo sát, đóng góp ý kiến của các BLQ, hệ thống quản lý nghiên cứu KH&CN được cải tiến đáp ứng tốt với tầm nhìn và sứ mệnh của Trường về KHCN sau:

- Triển khai điều chỉnh sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và hoạt động của phòng QLKH-HTQT [H18.18.04.05]; Thành lập các NNC; Ban hành chế độ chính sách đối với GV,

CBCNV tham gia NNC [H18.18.04.06]. Xây dựng và ban hành quy định quản lý trang thông tin điện tử, tuyên truyền về Trường [H18.18.04.07]. Điều chỉnh bổ sung và ban hành mới quy chế chi tiêu nội bộ [H18.18.04.03]. Tăng cường chính sách hỗ trợ động viên, khích lệ GV, NH tích cực trong hoạt động NCKH, khen thưởng, xử phạt rõ ràng Trường đã điều chỉnh bổ sung ban hành mới Quy định về quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động Khoa học và Công nghệ [H18.18.04.04].

- Năm 2022, lập kế hoạch và thực hiện tổ chức hội nghị tập huấn công tác NCKH của NH [H18.18.04.08].

- Xây dựng và ban hành Quy định tổ chức và hoạt động của TV [H18.18.04.10]. Xây dựng và hướng dẫn khai thác thư viện số của Trường [H18.18.04.11].

Thông qua tổ chức lấy ý kiến bằng phiếu khảo sát các BLQ về công tác quản lý hoạt động NCKH cho thấy mức độ hài lòng của lãnh đạo, của các GV và NH đối với việc quản lý hoạt động NCKH của Trường là tốt, hiệu quả [H18.18.04.12], [H18.18.04.13], [H18.18.04.14].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 18:

1. Tóm tắt điểm mạnh:

Trường ĐHTT thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định pháp luật có liên quan về KH&CN, đã có hệ thống chỉ đạo để ban hành nhiều chính sách, quy định mới về hoạt động KH&CN. Hằng năm, phòng QLKH-HTQT đều xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH trong đó có nêu rõ kế hoạch về các tiêu chí đánh giá chất lượng NCKH và phân bổ kinh phí cho hoạt động NCKH.

Ban hành Quy định tổ chức và hoạt động nhóm NC và thiết lập được các NNC.

Xây dựng các chỉ số đánh giá về hoạt động NCKH. Tất cả các đề tài, SKKN được đánh giá bằng các chỉ số về số lượng, chất lượng và mức độ ứng dụng đáp ứng thực tế cho xã hội.

Cải tiến công tác quản lý NCKH bằng những văn bản lấy ý kiến khảo sát của các BLQ về hoạt động NCKH tại Trường trong những năm vừa qua đồng thời bổ sung chỉnh sửa các quy chế, quy định liên quan đến hoạt động NCKH.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Cơ chế chính sách hiện tại chưa đủ mạnh để tạo động lực cho CBCNV, GV phấn đấu học tập, nâng cao trình độ, NCKH, chưa thu hút các dự án nghiên cứu, nguồn kinh phí phục vụ cho NCKH chưa ngang tầm.

Số lượng các đề tài cấp tỉnh, bộ và nhà nước còn ít, hoạt động NCKH của NH chưa nhiều và phạm vi ứng dụng về hoạt động NCKH vào thực tiễn chưa ngang tầm với vị thế.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng chính sách mới để khuyến khích GV, NH tích cực tham gia NCKH. Kinh phí phục vụ cho hoạt động NCKH	Phòng QLKH-HTQT; Phòng TCKT	2024-2025
2	Khắc phục tồn tại 2	Tăng cường công tác hoạt động NCKH ở cấp Tỉnh, cấp Bộ. Mở rộng phạm vi ứng dụng các đề tài NCKH vào thực tiễn	Phòng QLKH-HTQT; Các khoa	Hàng năm
3	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống điều hành, chỉ đạo, quản lý thực hiện hoạt động NCKH hiệu quả	Phòng QLKH-HTQT	2024-2025
4	Phát huy điểm mạnh 2	Triển khai các hướng nghiên cứu theo chương trình nghiên cứu trọng điểm phù hợp với tình hình hiện nay	Phòng QLKH-HTQT; Các khoa	2024-2025
5	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục cải tiến công tác quản lý hoạt động NCKH	Phòng QLKH-HTQT; Các khoa	2024-2025

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 18	5,00
Tiêu chí 18.1	5
Tiêu chí 18.2	5
Tiêu chí 18.3	5
Tiêu chí 18.4	5

Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ

Tiêu chí 19.1. Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu.

Trường ĐHTT luôn tạo ra sự đột phá trong xây dựng và ứng dụng những chương trình và mô hình mới, trong hội nhập và quốc tế hóa giáo dục, trong xây dựng môi trường

giáo dục mở, linh hoạt hướng tới phục vụ NH, PVCĐ ngày một tốt hơn với phương châm "*Khai phóng-học suốt đời*" và các GTCL "*Trách nhiệm, hợp tác, nỗ lực, chất lượng, sáng tạo, tôn trọng, lãnh đạo*". Mục tiêu phát triển của Trường đến 2030, trường ĐHTT trở thành trường có uy tín trong cả nước về đào tạo và NCKH, chuyển giao công nghệ [H19.19.01.01].

Theo quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, các đơn vị thuộc Trường có một số nhiệm vụ chung về KH&CN. Phòng QLKH-HTQT là đơn vị tham mưu, giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổng hợp, phát triển, nâng cao hiệu quả công tác NCKH và CGCN của Trường, chủ trì xây dựng và trình Hiệu trưởng ban hành các quy định về công tác NCKH và CGCN và hướng dẫn tổ chức thực hiện các quy định đó, tham mưu cho BGH về định hướng phát triển KH&CN của Trường, quản lý và hỗ trợ hoạt động của các nhóm nghiên cứu, hỗ trợ các đơn vị, cá nhân trong khai thác, tìm kiếm các cơ hội hợp tác, đấu thầu đề tài, dự án KH&CN, quản lý hoạt động NCKH, nghiên cứu và đề xuất các chính sách, giải pháp nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển hoạt động nghiên cứu và chuyển giao KH&CN, là đầu mối xây dựng cơ sở dữ liệu về KH&CN của Trường. Hội đồng KH và ĐT có nhiệm vụ tư vấn cho Hiệu trưởng về xây dựng quy chế, quy định về hoạt động đào tạo, khoa học, công nghệ và các hoạt động khác. Thành viên hội đồng là những người có trình độ, năng lực chuyên môn sâu trong các lĩnh vực y học, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, kinh tế, và ngoại ngữ và các lĩnh vực khác liên quan [H19.19.01.02]. Bên cạnh đó, phòng QLKH-HTQT đã có sự phân công, quy định cụ thể trách nhiệm của CBCNV trong phòng phụ trách hoạt động đào tạo, khoa học và SHTT. Điều này được quy định cụ thể trong bảng phân công nhiệm vụ của phòng QLKH-HTQT, phòng QLKH-HTQT được giao đầu mối trong việc xuất bản các kỷ yếu hội thảo khoa học các cấp. Giao cho phòng QLKH-HTQT và TV quản lý và lưu trữ tài liệu khoa học [H19.19.01.03].

Trong quá trình thực hiện các hoạt động KH&CN, bảo vệ quyền SHTT là vấn đề luôn được chú trọng và đảm bảo thực hiện. Quy định về quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động KH&CN trong Trường đã quy định chi tiết về SHTT và đạo đức trong hoạt động quản lý khoa học và SHTT [H19.19.01.04]. Nội dung của quy định này làm rõ các nhiệm vụ quản lý TSTT, quyền sở hữu, khai thác TSTT của Trường, các đơn vị thuộc, trực thuộc, CBCNV, NLĐ, NH, phân chia lợi ích từ việc sử dụng và khai thác TSTT, quy tắc bảo mật, hành vi xâm phạm và xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT theo quy định của pháp luật. Việc ban hành quy định về quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động KH&CN với các vấn đề SHTT là một nội dung trọng tâm đã thể hiện những nỗ lực và kết quả mà Trường đạt được trong quản lý và bảo hộ các quyền sở hữu, sáng chế, bản quyền và kết quả NCKH. Hoạt động quản lý và bảo hộ SHTT thành một nhiệm vụ quan trọng của Trường, các đơn vị thuộc, trực thuộc, CBCNV, NH nhằm đảm bảo mức độ phù hợp với yêu cầu của quốc gia và quốc tế. Bên cạnh đó, Trường đã ban hành quy định về trích dẫn và chống đạo văn

tại Trường nhằm quy định cách thức quản lý, kiểm soát và xử lý vấn đề đạo văn trong tất cả các sản phẩm học thuật trong quá trình học tập, đào tạo, NCKH được thực hiện tại Trường **[H19.19.01.05]**.

Các chính sách hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị và hỗ trợ khai thác thương mại hóa các đề tài nghiên cứu được quy định cụ thể tại chương 3, điều 2 chuyển giao công nghệ và tư vấn kinh tế, chính trị, xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn cho các cơ quan, doanh nghiệp, địa phương và điều 3 khuyến khích phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ năm trong quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ **[H19.19.01.04]**. Theo đó, quy trình đăng ký SHTT được quy định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các tác giả và phòng phòng QLKH-HTQT. Việc triển khai ứng dụng hoặc thương mại hóa các sản phẩm trí tuệ đã được quy định chi tiết về trách nhiệm của các bộ phận, cá nhân có liên quan nhằm đảm bảo quyền lợi của tác giả, khuyến khích các nhà khoa học có công trình chuyển giao. Bên cạnh đó, việc khai thác tài sản trí tuệ cũng được tuân thủ theo quy định tại Luật sở hữu trí tuệ và các Nghị định và Thông tư hướng dẫn của Nhà nước **[H19.19.01.06]** và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An **[H19.19.01.07]**.

Các quy định về việc khai thác tài sản trí tuệ được quy định cụ thể tại quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ **[H19.19.01.04]**. Theo đó, quy trình đăng ký SHTT được quy định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các tác giả và phòng QLKH-HTQT. Việc sử dụng, khai thác các tài sản trí tuệ đã được quy định chi tiết quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ nhằm hướng dẫn các tác giả khai thác tài sản trí tuệ theo quy định hiện hành, đảm bảo quyền lợi của tác giả, khuyến khích các nhà khoa học có công trình chuyển giao, các đề tài NCKH các cấp. Bên cạnh đó, việc trích dẫn và chống đạo văn tại Trường đối với các loại tài sản trí tuệ phải đảm bảo thực hiện đúng quy định tại quy định về trích dẫn và chống đạo văn **[H19.19.01.05]**.

Quy định quản lý hoạt động KH&CN số trong Trường năm 2020 đã có những quy định cụ thể về các hình thức khai thác tài sản trí tuệ bao gồm công bố, theo dõi và lưu trữ các kết quả nghiên cứu **[H19.19.01.04]**. Theo đó, Trường có quyền công bố đối với tài sản trí tuệ là kết quả của hoạt động KH&CN mà Trường là chủ sở hữu hoặc đồng sở hữu, không phụ thuộc vào tỷ lệ đóng góp nguồn lực tạo ra tài sản trí tuệ, trừ trường hợp các bên tham gia có thỏa thuận khác. Ban TV có chức năng nhiệm vụ và kế hoạch hoạt động, trong đó có nhiệm vụ tiếp nhận và lưu trữ bản gốc các khóa luận tốt nghiệp đã hoàn thành tại trường, các kết quả NCKH, các ấn phẩm của trường. Bên cạnh đó để nâng cao hoạt động lưu trữ và tra cứu tài liệu, Ban TV đã xây dựng kế hoạch phát triển thư viện điện tử giai đoạn 2020-2025, từng bước số hóa các nguồn tài liệu nội sinh để phục vụ nhu cầu tra cứu của CBCNV, GV và NH thuận tiện, nhanh chóng hơn **[H19.19.01.08]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 19.2. Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai.

Trường ĐHTT đã xây dựng các quy định về đăng ký bảo hộ đối với TSTT theo đúng quy định của Luật sở hữu trí tuệ, các Nghị định và các thông tư của Nhà nước. Việc đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ là yêu cầu bắt buộc nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của tổ chức, cá nhân sở hữu tài sản trí tuệ. Các tài sản trí tuệ phải được đăng ký bảo hộ tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi và tránh các tranh chấp pháp lý. Quy trình đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật để đảm bảo sự bảo vệ hợp pháp và hiệu quả [H19.19.02.01]. Ban hành quy định về quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động KH&CN, Trường đã quy định danh mục các sản phẩm nhãn hiệu hàng hóa, dịch vụ và tên sản phẩm của Trường. Đồng thời ban hành các quy định, quy trình đăng ký bảo hộ TSTT qua đó khuyến khích hoạt động sáng tạo, thúc đẩy quá trình khai thác, chuyển giao quyền SHTT và bảo vệ TSTT của cá nhân, tập thể, tổ chức và của chính Trường [H19.19.02.02].

Trường ĐHTT thường xuyên phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ và tạo điều kiện cho CBCNV, GV, NH tham gia các chương trình tập huấn về quyền SHTT. Trường đã ban hành văn bản hướng dẫn quy trình đăng ký quyền SHTT nhằm quy định cụ thể về quy trình đăng ký tài sản SHTT nhằm hướng dẫn cho các cá nhân, đơn vị trong Trường đăng ký quyền SHTT [H19.19.02.03].

Hàng năm, Trường ĐHTT đã xây dựng kế hoạch tập huấn về hoạt động SHTT đối với CBCNV, GV, NH [H19.19.02.04] cung cấp cho GV, CBCNV và NH kiến thức cơ bản về luật SHTT, quy trình đăng ký SHTT tại Việt Nam qua đó thảo luận các giải pháp nâng cao nhận thức về vai trò của SHTT, thúc đẩy đăng ký SHTT và phục vụ cho hoạt động TĐG của Trường. Đồng thời, phòng QLKH-HTQT đã tổng hợp và phổ biến tài liệu tập huấn về SHTT đối với các cơ quan nhà nước do Cục Sở hữu trí tuệ ban hành cho các cá nhân, đơn vị trong Trường [H19.19.02.05]. Nhằm hỗ trợ cho CBCNV, GV và NH có thể khai thác tài liệu, phục vụ quá trình học tập, nghiên cứu và đảm bảo quy định về SHTT, BGH Trường đã đầu tư, ký kết hợp đồng với các công ty trong khu Công nghiệp Tân Đức và phát hành thông báo về thông tin truy cập trang web thư viện điện tử kèm theo tài liệu hướng dẫn sử dụng [H19.19.02.06].

Trường đã ban hành thông báo về việc triển khai đăng ký SHTT nhằm triển khai việc đăng ký SHTT trong toàn trường [H19.19.02.07].

Trường ĐHTT đã xây dựng được cơ sở dữ liệu và quy trình ghi nhận, lưu trữ và khai thác TSTT. Hàng năm, Trường đã ban hành các quyết định về việc công nhận ĐTKH cấp trường [H19.19.02.08], quyết định về việc nghiệm thu và phát hành giáo trình giảng dạy trong Trường [H19.19.02.09] và thống kê danh mục các bài báo trong nước và quốc tế [H19.19.02.10]. Tại Hội nghị báo cáo đào tạo và khoa học hàng năm, phòng QLKH-HTQT

đã tiến hành đánh giá về kết quả triển khai các hoạt động KH&CN và xây dựng phương hướng hoạt động KH&CN trong năm học tiếp theo [H19.19.02.11]. Nội dung báo cáo hàng năm bao gồm kết quả NCKH, kết quả chuyển giao tri thức, công nghệ, kết quả thực hiện các hoạt động SHTT cùng với các hoạt động KH&CN khác. Trường ĐHTT cũng đã công bố danh mục các đề tài có khả năng thương mại hóa trong giai đoạn 2021- 2022 [H19.19.02.12], [H19.19.02.13]. Bên cạnh đó, phòng QLKH-HTQT và Ban TV được giao nhiệm vụ thực hiện các công tác lưu trữ, quản lý các công trình khoa học và các sở hữu trí tuệ theo quy định [H19.19.02.02], [H19.19.02.14].

Hiện nay, Trường ĐHTT thực hiện hỗ trợ đăng ký giấy phép xuất bản đối với giáo trình, nhưng chưa thực hiện đăng ký bảo hộ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, Trường có thực hiện khai thác thương mại đối với sản phẩm trí tuệ là giáo trình. Giáo trình và tài liệu học tập được phòng QLKH bàn giao cho Ban TV và ngoài ra Ban TV cũng thực hiện lưu trữ các bản gốc của khóa luận tốt nghiệp, giáo trình và đề tài NCKH của GV, CBCNV và NH. Hiện tại, Ban TV đã được đầu tư về tài liệu với 16,235 bản cứng, hơn 26,000 tài liệu số trên cơ sở dữ liệu Proquest, tài khoản bạn đọc đặc biệt Vista có thể tìm kiếm trên các cơ sở dữ liệu tài liệu KH&CN Việt Nam, nhiệm vụ KH&CN Việt Nam, cơ sở dữ liệu sách số hóa của Thư viện KH&CN quốc gia, ScienceDirect, IEEE Xplore Digital Library, Springer Nature, Cơ sở dữ liệu SAGE Premier Journal Collection. Ban TV còn xây dựng Thư viện số Dspace được truy cập tại địa chỉ: <https://dspace.ttu.edu.vn/> cung cấp hơn 3300 tài liệu giảng dạy thuộc các chuyên ngành đào tạo tại trường. các tài liệu lịch sử của trường và tập đoàn. Qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của TV để phục vụ nhu cầu dạy, học và NCKH toàn Trường [H19.19.02.16].

Hàng năm, Trường ĐHTT đã thông báo cho các đơn vị đào tạo triển khai đánh giá, rà soát công tác quản lý TSTT nhằm phát hiện các hành vi vi phạm TSTT [H19.19.02.17]. Trên cơ sở đó, các đơn vị đào tạo tiến hành đánh giá, rà soát công tác quản lý TSTT của đơn vị và phòng QLKH-HTQT có trách nhiệm tổng hợp để báo cáo Hiệu trưởng [H19.19.02.18], [H19.19.02.19]. Phòng QLKH-HTQT tổ chức rà soát vi phạm về SHTT của đề tài KH&CN được nghiệm thu hàng năm nhằm đảm bảo không vi phạm quy định SHTT trong các đề tài NCKH [H19.19.02.20]. Đồng thời, tổ chức rà soát về công tác quản lý TSTT tại Trường để đảm bảo thực hiện hiệu quả công tác ghi nhận, lưu trữ và khai thác TSTT, từ đó đúc rút các yếu điểm để đưa ra các giải pháp khắc phục kịp thời [H19.19.02.21].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 19.3. Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện.

Hàng năm, phòng QLKH-HTQT rà soát công tác quản lý tài sản SHTT của Trường hiện lồng ghép trong hoạt động đánh giá hoạt động khoa học của Trường. Để đảm bảo hiệu

quả trong công tác quản lý TSTT, Trường chỉ đạo phòng QLKH-HTQT triển khai rà soát công tác quản lý TSTT ít nhất hai lần trong mỗi chu kỳ đánh giá. Việc rà soát được thực hiện định kỳ giúp nhận diện các vấn đề còn tồn tại và đưa ra các giải pháp cải tiến kịp thời. Hệ thống rà soát này không chỉ đánh giá hiệu quả của công tác quản lý, mà còn giúp cập nhật và điều chỉnh các quy trình quản lý TSTT theo yêu cầu thực tế. Hoạt động rà soát quản lý TSTT được quy định trong văn bản quy định quy trình xây dựng, giám sát, rà soát chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ [H19.19.03.01]; kế hoạch xây dựng chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ [H19.19.03.02]; kế hoạch NCKH và hợp tác quốc tế [H19.19.03.03].

Hàng năm, phòng QLKH-HTQT đã tổ chức triển khai rà soát công tác quản lý TSTT của Trường. Trong giai đoạn 2021-2022, thư viện tổ chức rà soát về công tác quản lý TSTT theo từng năm; phòng QLKH phối hợp các khoa rà soát SHTT theo từng năm học; Hội đồng khoa học Trường hợp rà soát vi phạm SHTT đối với các sản phẩm KHCN theo từng năm. Bên cạnh đó phòng Thanh tra đã tổ chức thanh tra, kiểm tra phòng QLKH nói chung và công tác quản lý TSTT tại Trường nói riêng. Những lần triển khai rà soát này thể hiện trong hồ sơ rà soát công tác SHTT thường niên [H19.19.03.04], báo cáo thanh tra về đào tạo NCKH [H19.19.03.05], báo cáo công tác quản lý TSTT thường niên của Ban TV [H19.19.03.06], báo cáo tình hình rà soát vi phạm SHTT đối với các sản phẩm KHCN [H19.19.03.07]. Kết quả rà soát đã nêu lên được những nội dung về quản lý TSTT Trường đã thực hiện được, bên cạnh đó cũng chỉ những tồn tại trong công tác quản lý TSTT. Nhờ đó, công tác quản lý TSTT được thực hiện một cách hiệu quả.

Hàng năm, Trường đều thực hiện công tác rà soát, tổng kết, đánh giá công tác SHTT tại cơ sở thông qua Báo cáo tổng kết rà soát công tác quản lý TSTT và Báo cáo nhiệm vụ năm học nhằm phát hiện các hành vi vi phạm TSTT [H19.19.03.08], [H19.19.03.09]. Kết quả tổng kết đánh giá cho thấy công tác quản lý TSTT đã được thực hiện, phòng QLKH đã thực hiện quy trình về hình thành tài sản trí tuệ, giữ gìn, quản lý và bảo vệ TSTT.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 19.4. Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng.

Hàng năm, Trường ĐHTT thực hiện tổng kết công tác rà soát, cải tiến các hoạt động quản lý TSTT [H19.19.04.01]: trong giai đoạn 2021-2022, Trường ĐHTT đã có các hoạt động quản lý TSTT nhưng chưa đầy đủ; hầu hết tài sản trí tuệ của Trường nằm ở giá trị vô hình, phục vụ chủ yếu cho công tác đào tạo. Một số công trình NCKH của GV sau khi công bố kết quả nghiên cứu cần có những hoạt động đăng ký SHTT, đánh giá khả năng thương mại.

Trường đã lập kế hoạch cải tiến chất lượng công tác quản lý TSTT sau rà soát, đánh giá thông qua kế hoạch phát triển trường theo từng giai đoạn [H19.19.04.02], chiến lược phát triển KHCN [H19.19.04.03], kế hoạch NCKH và hợp tác quốc tế hàng năm

[H19.19.04.04], kế hoạch cải tiến chất lượng CSGD [H19.19.04.05] nhằm thực hiện cải tiến công tác quản lý TSTT để bảo hộ của Trường, CBCNV nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng có hiệu quả. Để báo cáo kết quả thực hiện các kế hoạch hoạt động đó, Trường nói chung và phòng QLKH-HTQT nói riêng đã tiến hành báo cáo sơ kết tình hình thực hiện KHCL [H19.19.04.06] và hàng năm báo cáo công tác KHCN [H19.19.04.07], báo cáo nhiệm vụ năm học [H19.19.04.08]. Sự cải tiến rõ nét trong công tác quản lý TSTT thể hiện ở việc Trường đã tiến hành bổ sung các quy định về công tác quản lý SHTT. Quy định quản lý khoa học sửa đổi năm 2022 đã có những quy định cụ thể về SHTT trong hoạt động KH&CN tại Trường [H19.19.04.09]. Đây là những hướng dẫn minh bạch, là cơ sở để tiến hành đánh giá rà soát, cải thiện chất lượng công tác quản lý TSTT, đồng thời là cơ sở để bảo vệ quyền lợi của CBCNV nghiên cứu, NH, Trường và cộng đồng, cùng với các chủ trương khác để khuyến khích hoạt động KH&CN và đổi mới sáng tạo. Ngoài ra, Trường cũng đã tiến hành các thủ tục để ban hành quy định chống đạo văn để bảo vệ quyền SHTT đối với các TSTT [H19.19.04.10]. Bên cạnh đó, Trường đang tiếp tục hoàn thiện chiến lược phát triển thư viện điện tử giai đoạn 2020-2025 và tăng cường liên kết, chia sẻ CSDL với các trường bạn để tăng cường phục vụ nhu cầu học tập và nghiên cứu của GV, CBCNV và NH ngày càng tốt hơn [H19.19.04.11].

Định kỳ, Trường ĐHTT thực hiện lấy phiếu khảo sát mức độ hài lòng về công tác quản lý TSTT của các BLQ bao gồm GV, CBCNV, NH, CNH của Trường và đơn vị sử dụng lao động [H19.19.04.12], [H19.19.04.13]. Trường đã tiến hành khảo sát ý kiến các BLQ về công tác quản lý tài sản trí tuệ, kết quả cho thấy ít nhất 85% số người được khảo sát hài lòng với công tác quản lý tài sản trí tuệ của Trường. Điều này phản ánh sự cải tiến và tiến bộ trong công tác quản lý TSTT tại Trường, cũng như sự đồng thuận từ các bên liên quan. Sự hài lòng cao của các bên liên quan là một minh chứng quan trọng cho thấy công tác quản lý TSTT tại Trường đang đi đúng hướng và ngày càng được cải thiện. Ngoài ra, các đánh giá tích cực từ phía cán bộ, giảng viên và các bên liên quan sẽ là động lực để Trường tiếp tục đầu tư vào công tác quản lý TSTT, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học. Điều này không chỉ giúp bảo vệ quyền lợi của Trường mà còn tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong các hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo trong tương lai. Trường đã tiến hành khảo sát ý kiến các BLQ về công tác quản lý tài sản trí tuệ, kết quả trên 85% người được khảo sát hài lòng với công tác quản lý tài sản trí tuệ của Trường [H19.19.04.14]. Điều này cho thấy công tác quản lý TSTT tại Trường đang được tiến hành tốt và được đánh giá năm sau cải tiến hơn so với năm trước.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 19:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Trong 05 năm qua, từ 2019 đến 2024, Trường từng bước thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu dựa trên hệ thống văn bản quản lý hoạt động SHTT cũng như quản lý TSTT. Đặc biệt là đã ban hành được Quy chế quản lý TSTT của Trường theo hướng dẫn Cục SHTT Việt Nam.

Trường đã thiết lập và triển khai được hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác TSTT tạo ra từ các hoạt động đào tạo và NCKH. Từng bước hoàn thiện hệ thống khai báo, ghi nhận TSTT từ hoạt động KHCN, đặc biệt xác định được những TSTT có khả năng xác lập quyền SHTT để kịp thời bảo mật thông tin.

Thông qua các đơn vị chức năng, Trường đã thiết lập được hệ thống rà soát, và có tổng kết, đánh giá công tác quản lý tài sản trí tuệ theo định kỳ hàng năm.

Trường đã xây dựng và ban hành được hệ thống văn bản trong quản lý hoạt động SHTT của Trường sau đánh giá, khảo sát.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Việc rà soát, đánh giá, tổng kết công tác quản lý tài sản trí tuệ chưa có quy định cụ thể.

Công tác truyền thông, ứng dụng CNTT quảng bá sản phẩm SHTT chưa mạnh.

Việc khai thác và thương mại hóa các sản phẩm SHTT chưa thực hiện hiệu quả.

Do hoạt động SHTT là mảng mới, nhân lực chuyên trách công tác quản lý hoạt động SHTT của Trường còn thiếu, chuyên viên phụ trách chưa được đào tạo chuyên sâu về lĩnh vực SHTT.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng quy trình rà soát, phát hiện các hành vi vi phạm về TSTT; vận hành hệ thống, phần mềm CSDL về KHCN	Phòng QLKH-HTQT đầu mối	2024- 2026	
2	Khắc phục tồn tại 2	Đẩy mạnh truyền thông, quảng bá để thương mại hóa các sản phẩm SHTT tiềm năng.	Phòng QLKH-HTQT đầu mối	2024- 2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
3	Khắc phục tồn tại 3	Tổ chức hội đồng đề xuất các sản phẩm KHCN tiềm năng; xây dựng kế hoạch để phát triển sản phẩm tiềm năng và đăng ký SHTT	Phòng QLKH-HTQT đầu mối	2024- 2026	
4	Khắc phục tồn tại 4	Tổ chức tập huấn hướng dẫn đăng ký, bảo hộ các sản phẩm KHCN như mời các chuyên gia trong mạng lưới TICS và cục SHTT về tập huấn cho CBCNV, GV, NH	Phòng QLKH-HTQT đầu mối	2024- 2026	
4	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục nâng cấp hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ.	Phòng QLKH-HTQT đầu mối	2024- 2026	
5	Phát huy điểm mạnh 2	Tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức về quyền SHTT, ĐMST, khởi nghiệp.	Phòng QLKH-HTQT đầu mối	2024- 2026	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 19	5,00
Tiêu chí 19.1	5
Tiêu chí 19.2	5
Tiêu chí 19.3	5
Tiêu chí 19.4	5

Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 20.1. Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu.

Trường ĐHTT xác định việc thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong việc thực hiện SM của Trường. Tầm quan trọng đó được đưa vào CLPT Trường giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn đến năm 2030 và được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường; đối với lĩnh vực KH-CN và HTQT, chiến lược đề ra cho lĩnh vực này như sau: “*đẩy mạnh hợp tác trong nước và hợp tác quốc tế trong KH-CN, định kỳ tổ chức các Hội thảo khoa học trong nước và quốc tế nhằm khẳng định uy tín cũng như góp phần nâng cao chất lượng NCKH của các CB khoa học của trường, tăng cường hoạt động ký kết thỏa thuận hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế về khoa học công nghệ*” [H20.20.01.01], [H20.20.01.02]. Trong quá trình triển khai thực hiện, Trường ĐHTT ban hành các kế hoạch dài hạn, ngắn hạn nhằm thực hiện chi tiết cho mỗi giai đoạn ba năm, năm năm [H20.20.01.03].

Hàng năm, trong các cuộc họp chiến lược đều có phương hướng hoạt động nhằm củng cố, phát huy, tăng cường hiệu quả hoạt động hợp tác nghiên cứu và mở rộng mạng lưới đối tác, đồng thời có hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn, phổ biến thực hiện: có phân công trách nhiệm cụ thể cho đơn vị, bộ phận phụ trách cụ thể nhiệm vụ này; có kết nối giữa các các khoa và phòng ban trong việc quản lý công tác phát triển hợp tác và đối tác; có quy định rõ về thiết lập các mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu [H20.20.01.04], [H20.20.01.05]. Trong đó, sáu lĩnh vực HTQT được nhấn mạnh như sau [H20.20.01.04]:

1. Hợp tác trong lĩnh vực đào tạo như liên kết đào tạo với các đối tác nước ngoài, mời giảng viên nước ngoài vào dạy cho các chương trình đào tạo tại Trường.

2. Hợp tác trong lĩnh vực NCKH như phối hợp thực hiện đề tài nghiên cứu tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài, đăng bài báo khoa học trên các tạp chí nước ngoài, chuyển giao và tiếp nhận công nghệ mới, tiếp nhận và thực hiện các dự án tài trợ từ nước ngoài và các tổ chức phi chính phủ.

3. Hợp tác trong biên soạn và xuất bản các ấn phẩm và tài liệu chuyên môn như sách giáo khoa, tài liệu tham khảo phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập.

4. Hợp tác trong công tác tìm đầu ra cho sinh viên tốt nghiệp tại các doanh nghiệp hoặc tổ chức nước ngoài tại Việt Nam hoặc nước ngoài.

5. Hợp tác trong công tác quảng bá và truyền thông nhằm mở rộng giao diện và nâng cao vị thế của Trường ở phạm vi quốc tế.

6. Đoàn ra, đoàn vào thăm quan khảo sát, trao đổi sinh viên, giảng viên và chuyên gia với các đối tác nước ngoài nhằm học tập kinh nghiệm, giảng dạy, quản lý, hội thảo, hội nghị quốc tế, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, giao lưu thể thao, văn hóa, v.v...

Trường ĐHTT xây dựng các chỉ số KPIs cho các chiến lược, kế hoạch tăng cường hợp tác để xác định cụ thể các mục tiêu đối tác hợp tác cần xây dựng và phát triển trong NCKH [H20.20.01.06]. Trong quá trình thỏa thuận, hợp tác với một số đối tác trong và ngoài nước, trường xác định quan hệ với các đối tác phải dựa trên nguyên tắc: có thể mạnh về cùng lĩnh vực chuyên môn, quan tâm đến cùng vấn đề nghiên cứu, có năng lực và nguồn lực phù hợp và ưu tiên những đối tác đã ký kết thỏa thuận hợp tác [H20.20.01.07], [H20.20.01.08].

Theo Quy chế tổ chức hoạt động của Trường ĐHTT, phòng QLKH-HTQT phối hợp với các đơn vị chức năng, khoa đào tạo để thực hiện việc kết nối và phát triển hợp tác trong NCKH, đào tạo với các đối tác là các tổ chức DN, các đối tác nước ngoài hợp tác với Trường trong việc triển khai hợp tác CTĐT liên kết quốc tế, các đề tài, nhiệm vụ NCKH các cấp, tổ chức các hội thảo công bố chung hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu của NH và các hoạt động NCKH khác [H20.20.01.09].

Nhằm thu hút các đối tác tiềm năng trong nghiên cứu, phát huy năng lực nghiên cứu của GV, CBCNV. Trường dự kiến sẽ ban hành chính sách khuyến khích các cá nhân và đơn vị có thành tích đưa được nhiều hợp đồng, hợp tác nghiên cứu về trường và hoàn thành tốt các công trình nghiên cứu đó [H20.20.01.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 20.2. Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu.

Trường ĐHTT đã xây dựng được hệ thống, chính sách và quy trình thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu [H20.20.02.01], [H20.20.02.02]. Các chính sách liên quan đến việc thúc đẩy hợp tác nghiên cứu đã được thể chế hóa bằng các văn bản, chiến lược quan trọng và được triển khai, phổ biến đến các cá nhân, phòng, khoa, trung tâm thông qua các buổi họp giao ban, hệ thống email, office, trong các báo cáo Hội nghị KH-ĐT, báo cáo thực hiện nhiệm vụ năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học mới hàng năm để GV, CBCNV nắm được các cơ chế, chính sách về vấn đề này, đồng thời triển

khai đánh giá chỉ số KPIs trong các lĩnh vực. Kết quả có 100% hạng mức đánh giá đạt yêu cầu trở lên [H20.20.02.03], [H20.20.02.04], [H20.20.02.05].

Các mối quan hệ đối tác và hợp tác trong NCKH được xác định phù hợp với quy chế tổ chức, hoạt động, TN và SM của Trường ĐHTT, gồm:

Về Sứ mệnh: *“Với triết lý giáo dục, tiêu chuẩn và thực tiễn dựa trên mô hình giáo dục đại học của Mỹ, Trường ĐHTT khuyến khích suy nghĩ độc lập, rèn luyện phẩm chất kiên trì, tôn trọng sự đa dạng và ngôn ngữ. Trường ĐHTT sẽ đào tạo nên những con người có tính sáng tạo, tư duy logic, học tập suốt đời, trung thực, có trách nhiệm với đất nước và có khả năng lãnh đạo.”*

Về Tầm nhìn: *“Đến năm 2030, ĐHTT trở thành một trường đại học nổi tiếng khu vực ASEAN và trên thế giới, cung cấp nền giáo dục chất lượng cao, thực hành trên nền tảng kiến thức đã nghiên cứu, phục vụ người dân Việt Nam, Đông Nam Á và trên Thế giới.”* [H20.20.02.06].

Các mối quan hệ hợp tác nghiên cứu được xây dựng và phát triển với nhiều hình thức phương pháp đa dạng như: đối thoại giữa các cấp lãnh đạo nhằm thỏa thuận hợp tác đào tạo, nghiên cứu cấp trường liên kết thực hiện các dự án đào tạo, NCKH cấp tỉnh, Bộ [H20.20.02.07]. Trường cử các GV và CBCNV nghiên cứu đi dự hội nghị, hội thảo trao đổi chuyên môn để giao lưu học hỏi và mở rộng mạng lưới quan hệ [H20.20.02.08], liên kết với các DN, cơ quan nghiên cứu để tham gia dự án [H20.20.02.09], nhằm áp dụng kết quả NCKH vào thực tế. Đặc biệt là mở rộng liên kết trong đào tạo, hỗ trợ NH trong quá trình thực tập. Tăng cường gắn kết Trường và các tổ chức xã hội và gắn kết với địa phương tạo điều kiện cho NH được gia nhập, tìm hiểu thực tế, gắn học đi đôi với thực hành, đồng thời liên kết DN để giải quyết vấn đề việc làm cho NH, tạo niềm tin, động lực cho NH sau khi học ngành mình đã chọn đồng thời đáp ứng nhu cầu của DN, xã hội [H20.20.02.10], [H20.20.02.11], [H20.20.02.12] Trường ĐHTT cũng như các cá nhân GV, lựa chọn nghiên cứu ở các Học viện, các trường ĐH có uy tín như: ĐH Purdue Northwest (Hoa Kỳ), Viện Công nghệ Singapore (SIT). Thông qua các chương trình hợp tác đào tạo, CBCNV, GV của Trường có cơ hội tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học, tham dự các hội thảo quốc tế, công bố công trình NCKH chuyên ngành lên các tạp chí uy tín đạt chuẩn quốc tế. Việc Trường thực hiện thành công hợp tác trong NCKH và đào tạo ngày càng nâng cao thể mạnh trong NCKH và thu hút được nhiều sự quan tâm của các đối tác tiềm năng [H20.20.02.13], [H20.20.02.14], [H20.20.02.15], [H20.20.02.16], [H20.20.02.17], [H20.20.02.18].

Nhằm thúc đẩy mở rộng, phát triển các mối quan hệ hợp tác và đối tác, Trường ĐHTT luôn khuyến khích và tạo mọi điều kiện tốt nhất để CBCNV của Trường được học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Hằng năm, dành một tỷ lệ kinh phí cho NCKH trong tổng chi của Trường từ 3% đến 5%, đồng thời huy động các nguồn lực từ hoạt động xã hội hóa công tác NCKH của Trường như việc thực hiện các nhiệm vụ KHCN được cấp kinh

phí từ ngân sách. Trên cơ sở dự toán nguồn ngân sách cấp trong năm về các hoạt động ĐT và NCKH [H20.20.02.19], BGH chỉ đạo phòng TCKT, phòng QLKH-HTQT lên kế hoạch tài chính về hoạt động NCKH trong năm [H20.20.02.20] để có chiến lược đầu tư thích hợp cho việc xây dựng, phát triển các mối quan hệ hợp tác.

Trong những năm qua, các hoạt động hợp tác nghiên cứu đem lại một số hiệu quả nhất định về NCKH, thể hiện các đề tài dự án nghiên cứu KHCN cấp tỉnh, cấp Nhà nước, cấp quốc tế, các kết quả đề tài được chuyển giao ứng dụng vào thực tế, công bố kết quả nghiên cứu trên các hội nghị, hội thảo [H20.20.02.21], [H20.20.02.22].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 20.3. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện.

Thông qua hoạt động tổng kết hàng năm và định kỳ 5 năm, Trường tiến hành rà soát tính hiệu quả trong hợp tác và đối tác nghiên cứu. Đây được xem là một nội dung quan trọng trong hoạt động phát triển hợp tác và đối tác của Trường ĐHTT [H20.20.03.01]. Phụ trách chung đối với hoạt động hợp tác và đối tác phục vụ cho hoạt động NCKH là Phó Hiệu trưởng phụ trách lĩnh vực NCKH và QLĐT. Trường ĐHTT có quyết định về việc thành lập Ban chỉ đạo định kỳ rà soát các chính sách hợp tác và đối tác trong NCKH [H20.20.03.02] và ban hành các văn bản quy định cụ thể các chỉ số đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác, các đối tác [H20.20.03.03], trên CSDL khảo sát [H20.20.03.04]. Hàng năm, việc rà soát được trường thông qua đơn vị đầu mối là phòng QLKH-HTQT theo dõi, đánh giá các đề tài, dự án và chương trình hợp tác nghiên cứu được theo dõi và thường xuyên, nhằm rà soát, đánh giá, điều chỉnh hàng năm. Các đề tài trong Trường ĐHTT phải báo cáo tiến độ sau ½ thời gian thực hiện và tiến hành nghiệm thu theo hợp đồng nghiên cứu. Các dự án, đề tài hợp tác cấp tỉnh, cấp Bộ được Trường phối hợp với các cơ quan chủ quản rà soát tiến độ và kiểm tra tiến trình thực hiện, đồng thời có báo cáo định kỳ (theo giai đoạn và giữa giai đoạn) về tài chính, CSVC, nguồn lực con người và tổng kết hoạt động hợp tác phát triển để nắm bắt nhu cầu, nguyện vọng, tiến trình thực hiện giữa cá nhân, đơn vị của Trường ĐHTT và đối tác [H20.20.03.05], [H20.20.03.06], [H20.20.03.07].

Hàng năm, Trường ĐHTT đều đánh giá việc thực hiện chính sách về hợp tác và đối tác NCKH thông qua cơ chế Hội nghị nhân viên và NLĐ. Các đơn vị trong toàn Trường có ý kiến góp ý về các chính sách KHCN nói chung cũng như chính sách hợp tác và đối tác nghiên cứu. Các đơn vị đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu và đề xuất các giải pháp, kiến nghị để điều chỉnh, hoàn thiện các chính sách hợp tác và đối tác nghiên cứu. Thông qua sự đồng thuận của Hội nghị nhân viên và NLĐ, Trường ĐHTT ban hành các chính sách mới về hợp tác và đối tác nghiên cứu. Đồng thời trường thay đổi dự toán và kế hoạch tài chính về phát triển hợp tác và đối tác nghiên cứu [H20.20.03.08], [H20.20.03.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 20.4. Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu.

Để nâng cao hiệu quả của hoạt động nghiên cứu nhằm đạt được các mục tiêu nghiên cứu, lãnh đạo Trường ĐHTT rất chú trọng đến việc phát triển công tác NCKH, không ngừng tìm kiếm cơ hội hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước về NCKH. Hằng năm, Trường ĐHTT thực hiện định kỳ rà soát, cập nhật chiến lược phát triển hợp tác và đối tác NCKH trong tổng thể chiến lược chung của Trường [H20.20.04.01].

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, bên cạnh việc triển khai kế hoạch đề ra, Trường ĐHTT đã dựa vào các chỉ số đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác, các đối tác, hợp tác để không ngừng rà soát và cải tiến liên tục các kế hoạch về tài chính, vấn đề về hợp tác trong và ngoài nước [H20.20.04.02]. Trường ĐHTT lựa chọn các đối tác sau rà soát để đạt được những hiệu quả từ những hoạt động phát triển hợp tác, phát triển đối tác phù hợp với CLPT hoạt động KHCN của Trường. Sự lựa chọn các đối tác mới để triển khai hoạt động NCKH được thể hiện trong kế hoạch hoạt động từng năm học của Trường. Từ năm 2019 đến nay, Trường đã tích cực mở rộng mạng lưới đối tác, hợp tác cùng các CSGD ĐH, các tổ chức quốc tế, trung tâm nghiên cứu, liên kết với DN. Do vậy kết quả NCKH tăng mạnh đạt được nhiều mục tiêu đề ra [H20.20.04.03].

Trong giai đoạn triển khai hay sau mỗi công trình, dự án, Trường ĐHTT tổ chức thẩm định, đánh giá kết quả đạt được và đề nghị đối tác nào tiếp tục tham gia vào mạng lưới và phát triển các dự án phù hợp với hướng nghiên cứu và đào tạo của Trường [H20.20.04.04]. Các hoạt động HTQT và các đối tác khác về NCKH mà Trường thực hiện ngày càng có hiệu quả, thể hiện qua việc thực hiện dự án, đề án hợp tác NCKH, phát triển công nghệ, hội thảo, các công trình khoa học công bố chung. Trong 05 năm qua, số lượng bài báo của các GV, CBCNV được đăng trong tạp chí khoa học quốc tế ngày càng tăng [H20.20.04.05].

Nhìn chung, trong liên kết đào tạo và hợp tác nghiên cứu đảm bảo nội dung và đi đúng hướng và đạt được kết quả nhất định về nguồn tài lực, nhân lực cho Trường ĐHTT và các BLQ trong các hoạt động hợp tác [H20.20.04.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 20:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Hệ thống quy định, hướng dẫn trong tổ chức thực hiện và quản lý thống nhất hoạt động KHCN được xây dựng, điều chỉnh, cập nhật làm căn cứ cho công tác triển khai. Có quy chế, quy định về quản lý các công trình hợp tác nghiên cứu.

Trường có chính sách thu hút chuyên gia và thúc đẩy mở rộng mạng lưới đối tác NCKH. Có định hướng, chiến lược rõ ràng trong phát triển KHCN và mở rộng hợp tác, đối tác.

Trường có cơ chế và chính sách khen thưởng, động viên NLD trong triển khai hoạt động NCKH. Đồng thời cũng đưa hoạt động NCKH vào KPI đánh giá phân loại lao động đối với GV và được coi là một trong những nhiệm vụ chính với chỉ tiêu cụ thể.

Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện đã góp phần đạt được các mục tiêu trong NCKH và ĐT. Công tác phát triển đối tác, mở rộng mối quan hệ đã được hoạch định và ưu tiên trong nước trong tăng cường thực hành nghề nghiệp cho NH và tìm kiếm, vận động kinh phí và đề tài nghiên cứu hỗ trợ hoạt động NCKH của NH và GV của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Hợp tác với DN lớn để thực hiện các chương trình quốc gia, liên ngành, liên vùng còn hạn chế.

Công tác giám sát triển khai và quản lý tiến độ trong phát triển mạng lưới đối tác trong lĩnh vực KHCN còn hạn chế.

Chưa tập trung đánh giá cụ thể về hiệu quả của mạng lưới hợp tác và đối tác trong NCKH.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng cơ chế để gắn kết, phát huy vai trò của các đối tác đào tạo tham gia phối hợp nghiên cứu. Thành lập các NNC/tổ công tác tìm hiểu nhu cầu của các đối tác, nhu cầu thị trường	Phòng QLKH-HTQT, Các BLQ	2024-2026	
2	Khắc phục tồn tại 2	Cần làm tốt hơn nữa công tác giám sát triển khai và quản lý tiến độ trong phát triển mạng lưới đối tác trong lĩnh vực KHCN (định kỳ)	Phòng QLKH-HTQT/các BLQ	2024-2026	
3	Khắc phục tồn tại 3	Cần tập trung đánh giá cụ thể về hiệu quả của mạng lưới hợp tác và đối tác trong NCKH (định kỳ)	Phòng QLKH-HTQT/các BLQ	2024-2026	
4	Phát huy điểm mạnh 1	Có sự phát triển về kết quả triển khai hoạt động KHCN	Phòng QLKH-	2024-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
			HTQT đầu mối		
5	Phát huy điểm mạnh 2	Có cơ chế và chính sách khen thưởng, động viên CBCNV trong triển khai hoạt động NCKH. Đồng thời cũng đưa hoạt động NCKH vào KPIs đánh giá GV, nghiên cứu viên và được coi là một trong những nhiệm vụ chính với chỉ tiêu cụ thể	Phòng QLKH-HTQT đầu mối	2024-2026	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 20	4,75
Tiêu chí 20.1	5
Tiêu chí 20.2	5
Tiêu chí 20.3	5
Tiêu chí 20.4	4

Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 21.1. Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng để thể hiện tầm nhìn và sứ mệnh của CSGD.

Với Tầm nhìn “Đến năm 2030, ĐHTT trở thành một trường đại học nổi tiếng của khu vực ASEAN và trên thế giới, cung cấp nền giáo dục chất lượng cao, thực hành trên nền tảng kiến thức đã nghiên cứu, phục vụ người dân Việt Nam, Đông Nam Á và trên Thế giới” và với Sứ mệnh của Trường hiện nay là: “Với triết lý giáo dục, tiêu chuẩn và thực tiễn dựa trên mô hình giáo dục đại học của Mỹ, Trường ĐHTT khuyến khích suy nghĩ độc lập, rèn luyện phẩm chất kiên trì, tôn trọng sự đa dạng về ngôn ngữ. Trường ĐHTT sẽ đào tạo nên những con người có tính sáng tạo, tư duy logic, học tập suốt đời, trung thực, có trách nhiệm với đất nước và có khả năng lãnh đạo”. Trường luôn coi công tác kết nối và PVCD là một trong những nhiệm vụ quan trọng. Công việc này được Trường lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và cải tiến hàng năm. Dưới sự lãnh đạo và định hướng của HĐT, BGH Trường đã ban hành các chính sách, kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng. Các chính sách đã xây dựng mục tiêu, các chỉ số thể hiện trong: Chiến lược phát triển

Trường ĐHTT giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn 2030; quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường ĐHTT [H21.21.01.01].

Căn cứ vào các quy định của Luật Giáo dục ĐH, Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH, Quy định về việc KĐCL CSGD, sau khi lấy ý kiến của các BLQ về dự thảo Quy định kết nối và PVCĐ, Trường đã ban hành “*Quy định hoạt động kết nối, PVCĐ và Hệ thống đo lường kết quả hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường ĐHTT*”. Qua đó, Trường ĐHTT đã hướng dẫn chi tiết về cơ chế quản lý, quy trình thực hiện, kiểm tra, giám sát hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ. Để các đơn vị hiểu rõ và vận dụng Quy định hoạt động kết nối và PVCĐ, Trường đã thông báo kế hoạch triển khai tổ chức thực hiện Quy định và được công bố rộng rãi trên thông tin điện tử [H21.21.01.02].

Hàng năm, Trường đã xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ trong đó có phân công nhiệm vụ cho các đơn vị xây dựng kế hoạch thực hiện hoạt động kết nối và PVCĐ năm học trên từng lĩnh vực để thực hiện hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ có hiệu quả [H21.21.01.03]. Các đơn vị căn cứ vào Quy định hoạt động kết nối và PVCĐ, kế hoạch xây dựng và tổ chức thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp dịch vụ PVCĐ hàng năm và định kỳ tiến hành xây dựng kế hoạch riêng cho từng đơn vị để thực hiện hoạt động kết nối và cung cấp dịch vụ PVCĐ cụ thể: phòng QLKH-HTQT, phòng CTSV-HTDN cùng các khoa xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ bồi dưỡng nghiệp vụ cho CB, GV, NV [H21.21.01.04].

Phòng QLKH-HTQT xây dựng kế hoạch thực hiện các đề tài nghiên cứu, chuyển giao KHCN cho địa phương [H21.21.01.05], Công đoàn xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng năm học để thực hiện các hoạt động ủng hộ người nghèo, đền ơn đáp nghĩa và các hoạt động nhân đạo, từ thiện; phòng CTSV-HTDN đã chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động vì cộng đồng như Chương trình Mùa hè xanh, Hiến máu tình nguyện, phòng chống Covid-19, Giáng sinh yêu thương... [H21.21.01.06]. Bên cạnh đó, Trường ĐHTT có các kế hoạch hỗ trợ học bổng cho những NH có hoàn cảnh khó khăn ngoài các trường hợp theo quy định của cơ quan quản lý cấp trên, hỗ trợ đào tạo kỹ năng mềm, tư vấn hướng nghiệp, hỗ trợ CB, GV, NLD có hoàn cảnh khó khăn. [H21.21.01.07]

Tự đánh giá mức tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 21.2. Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện.

Để hướng dẫn triển khai hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội, trường ĐHTT ban hành các văn bản pháp quy nhằm định hướng tổ chức hoạt động kết nối và PVCĐ. Các loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ đóng góp cho xã hội được Trường ĐHTT xác lập và ban hành Quy định hoạt động kết nối và PVCĐ và Quy định Hệ thống đo lường kết quả hoạt động kết nối và PVCĐ [H21.21.02.01].

Trường ĐHTT triển khai các chính sách, kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD để thực hiện TN và SM, gồm:

Bảng 21.02.01. Kế hoạch thực hiện chiến lược kết nối và PVCD

Mục tiêu	Giải pháp	Chỉ số thực hiện theo năm học				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Tăng cường truyền thông tạo sự gắn kết	1.1. Xác định đối tượng và thông điệp truyền thông	Đối tượng truyền thông là các cá nhân, đơn vị liên quan đến mọi hoạt động của trường				
	1.2. Xác định công cụ truyền thông	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định công cụ truyền thông phù hợp cho từng năm - Xây dựng bộ công cụ truyền thông theo tiêu chí đã xác định từng năm 				
	1.3. Xây dựng và thực hiện các mục tiêu truyền thông.	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mục tiêu truyền thông cho năm - Đưa tin về các hoạt động, sự kiện của trường. - Đảm bảo cung cấp đầy đủ và cập nhật các thông tin phục vụ NH theo quy định 3 công khai, văn bản quy định, hướng dẫn thủ tục, CTĐT, kết quả học tập. Đẩy mạnh truyền thông về GTCL của trường, giới thiệu những tấm gương tiêu biểu. 				
2. Đa dạng hóa các loại hình, tăng cường khối lượng tham gia vào các hoạt động kết nối và PVCD	2.1. Đẩy mạnh các hoạt động tình nguyện, mùa hè xanh	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ NH tham gia hàng năm tăng 10%. Tỷ lệ số lượng công trình đóng góp cho xã hội hàng năm tăng 5% 				
	2.2. Hưởng ứng phong trào hiến máu nhân đạo	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng người tham gia hàng năm tăng 5% - Tỷ lệ đơn vị máu thu được năm 2022, 2023 tăng 5% theo số NH 				
	2.3. Phát động các hoạt động thiện nguyện	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ số lượng người tham gia hàng năm tăng 10% - Tỷ lệ số tiền quyên góp hàng năm tăng 5% - Số lượng hoạt động hàng năm tăng 5% 				

Hàng năm, Trường tổ chức trao học bổng cho NH có thành tích xuất sắc trong học tập và rèn luyện, NH có hoàn cảnh khó khăn để hỗ trợ NH một cách tốt nhất, mang tới động lực để NH cố gắng trong học tập [H21.21.02.01]. Trường và các khoa chuyên môn

tiên hành ký kết hợp tác với các DN, hoạt động này vừa hỗ trợ NH được tiếp cận với thực tế vừa hỗ trợ DN trong quá trình tìm kiếm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của DN [H21.21.02.02], đồng thời để góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, các kỹ năng bổ trợ cho đội ngũ CB của các cơ quan, DN. Trong giai đoạn đánh giá, Trường ĐHTT đã tổ chức nhiều khóa bồi dưỡng CB, GV, NV; đào tạo, đánh giá, cấp chứng chỉ (TC ngoại ngữ,...) [H21.21.02.03].

Hoạt động NCKH và CGCN đã được triển khai, thực hiện [H21.21.02.04]. Những hoạt động này đã góp phần mang lại nguồn thu cho Trường. Các chương trình tình nguyện, thiện nguyện: Chương trình tiếp sức mùa thi, Mùa hè xanh, Hiến máu tình nguyện, phòng chống Covid,... được Công đoàn, và Phòng CTSV-HTDN thực hiện thường xuyên mang lại hiệu quả tích cực góp phần thúc đẩy sự phát triển xã hội [H21.21.02.05].

Hoạt động kết nối và cung cấp dịch vụ PVCĐ của Trường ĐHTT luôn được quan tâm một cách đúng mức. Các hoạt động được triển khai dựa trên kế hoạch đã xây dựng, dự trù kinh phí do Trường phê duyệt và các hoạt động luôn tuân thủ theo đúng các quy định, quy chế, quy trình do Trường ĐHTT và các đơn vị ban hành [H21.21.02.06].

**Bảng 21.02.06. Thống kê kinh phí đầu tư của Trường
cho các hoạt động PVCĐ**

TT	Năm	Số tiền	Ghi chú
1	2019	1.024.000.000 đồng	
2	2020	1.000.000 đồng	
3	2021	0 đồng	
4	2022	107.000.000 đồng	
5	2023	325.000.000 đồng	

Kết thúc từng hoạt động, các đơn vị viết bài đăng trên trang thông tin điện tử của Trường [H21.21.02.07], có báo cáo tổng kết, đánh giá, thống kê các số liệu về nội dung kết nối và PVCĐ [H21.21.02.08].

Về công tác giám sát loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội, trường ĐHTT ban hành các văn bản pháp quy để hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm soát các hoạt động kết nối và PVCĐ nhằm đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo. Điều này được thể hiện qua kế hoạch khảo sát hàng năm, định kỳ của Phòng KT-BĐCL đối với các đơn vị trong Trường [H21.21.02.09]. Ngoài ra, công tác kiểm tra, giám sát các loại hình, khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường còn được cụ thể hóa trong Quy định thanh tra, kiểm tra nội bộ của trường [H21.21.02.10].

Tự đánh giá mức tiêu chí: 4/7

Tiêu chí 21.3. Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng.

Hệ thống đo lường, giám sát hoạt động kết nối và PVCĐ được Trường ĐHTT xây dựng, triển khai cụ thể, rõ ràng. Trường ĐHTT đã đo lường, giám sát hoạt động căn cứ vào các chỉ tiêu đã xây dựng trong CLPT Trường qua từng giai đoạn. Trong đó, kế hoạch hoạt động PVCĐ, quy định so chuẩn đối sánh, báo cáo tổng kết, đối sánh về công tác kết nối và cung cấp dịch vụ PVCĐ hàng năm được cụ thể hóa, hướng dẫn chi tiết về cơ chế quản lý, quy trình thực hiện, kiểm tra, giám sát hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ để các đơn vị, tổ chức đoàn thể nắm vững. Từ đó, giúp hoạt động này từng bước đi vào chiều sâu, mang tính chuyên nghiệp, đồng thời đánh giá được hiệu quả mang lại cho cả Trường và cộng đồng [H21.21.03.01].

Trường ĐHTT đã đề ra các tiêu chuẩn để đo lường, giám sát, đánh giá các hoạt động kết nối và PVCĐ của CB, GV, NH, gồm:

i) Đối với CB, GV, NV: Trong Quy định về chế độ làm việc của GV, Trường quy định rõ định mức thực hiện các nhiệm vụ của GV trong Trường gồm định mức giảng dạy, định mức NCKH, định mức hoạt động chuyên môn và tham gia các hoạt động khác như hoạt động PVCĐ. Trường đã ban hành quy định, triển khai tiêu chuẩn đánh giá xếp loại thi đối với đội ngũ CB, GV theo từng năm học ở các mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ. Đồng thời đây cũng là căn cứ để bình xét các danh hiệu thi đua các cấp, xét nâng lương, chi trả thu nhập tăng thêm [H21.21.03.02].

ii) Đối với NH: Kết thúc mỗi kỳ học, căn cứ quy chế công tác NH, quy định đánh giá kết quả rèn luyện của NH ở Trường ĐHTT việc đánh giá kết quả rèn luyện được đánh giá ở 3 cấp: Tự đánh giá, Lớp đánh giá, Khoa đánh giá, sau đó đề xuất lên để Trường công nhận kết quả đánh giá. Điểm đánh giá dựa trên nhiều tiêu chí, trong đó có tiêu chí về tham gia các hoạt động PVCĐ như tham gia các hoạt động tình nguyện, các chương trình văn hóa, văn nghệ, TDTT và các CLB... Bên cạnh đó, Trường còn đánh giá NH dựa trên giờ hoạt động PVCĐ [H21.21.03.03]. Đặc biệt các hoạt động kết nối, PVCĐ của NH là một trong những tiêu chí quan trọng để HĐT, BGH đánh giá, khen thưởng và bình xét học bổng hằng năm [H21.21.03.04].

Cơ sở dữ liệu về hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường được lưu trữ theo từng đơn vị: Các động NCKH, PVCĐ được lưu tại phòng QLKH-HTQT; các hoạt động tình nguyện, từ thiện, nhân đạo được lưu tại phòng CTSV-HTDN, Công đoàn Trường và phòng TTTS viết bài đăng trên trang thông tin điện tử của Trường. Để đảm bảo các hoạt động kết nối và PVCĐ được triển khai hiệu quả, các hoạt động PVCĐ được giám sát chặt chẽ bởi các đơn vị phụ trách theo từng lĩnh vực cụ thể: Các hoạt động thiện nguyện do Công đoàn giám sát,

các hoạt động NCKH, CGCN do phòng QLKH-HTQT giám sát, các hoạt động kết nối và PVCĐ do phòng CTSV-HTDN giám sát [H21.21.03.05].

Để thực hiện công tác giám sát hoạt động kết nối và cung cấp dịch vụ PVCĐ của các đơn vị, các tổ chức đoàn thể, phòng CTSV-HTDN kết hợp phòng QLKH-HTQT giám sát công tác thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả, so chuẩn đối sánh các hoạt động PVCĐ, từ đó đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kết nối và PVCĐ [H21.21.03.06].

Qua số liệu các báo cáo tổng kết công tác năm học của Trường và đặc biệt là báo cáo tổng hợp về kết quả hoạt động kết nối, PVCĐ. Hằng năm, Trường ĐHTT phân tích, đối sánh, chỉ ra các ưu điểm, tồn tại cần khắc phục trong mỗi hoạt động và đề ra các giải pháp cho các hoạt động tiếp theo để phù hợp với bối cảnh cụ thể trong từng giai đoạn và CLPT của Trường [H21.21.03.07].

Việc triển khai đánh giá hiệu quả các hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường ĐHTT được thực hiện thông qua việc lấy ý kiến khảo sát của CB, GV, NH, CNH và DN hàng năm. Kết quả đánh giá được báo cáo BGH để thực hiện tổng hợp, phân tích, làm cơ sở cho việc cải tiến nâng cao chất lượng của từng hoạt động. Số liệu tổng hợp từ các phiếu khảo sát cho thấy CB, GV, NH, CNH và DN đều cảm thấy hài lòng với các hoạt động PVCĐ mà họ tham gia [H21.21.03.08].

Tự đánh giá mức tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 21.4. Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các BLQ.

Hằng năm, căn cứ theo kế hoạch đào tạo năm học, Quy định hoạt động kết nối, PVCĐ và Hệ thống đo lường kết quả hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường ĐHTT, phòng CTSV-HTDN kết hợp phòng QLKH-HTQT lập kế hoạch cho công tác tổ chức thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ của toàn trường, xây dựng CSDL, lưu trữ minh chứng và viết báo cáo tổng hợp về các hoạt động kết nối, PVCĐ trên cơ sở theo dõi, kiểm tra, giám sát và báo cáo của các đơn vị theo quy định: phòng CTSV-HTDN, Công đoàn Trường lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động kết nối và PVCĐ thuộc lĩnh vực tình nguyện, nhân đạo, từ thiện; phòng QLKH-HTQT lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động kết nối và PVCĐ thuộc lĩnh vực ĐT, lĩnh vực KHCN; Phòng TCHC lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động kết nối và PVCĐ thuộc lĩnh vực bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực; phòng TCKT tham mưu xây dựng kinh phí để tổ chức các hoạt động kết nối và PVCĐ, đồng thời hướng dẫn các đơn vị thực hiện thanh quyết toán đúng quy định; phòng QL CSVC-TB phối hợp với các đơn vị trong việc thực hiện các kế hoạch kết nối và PVCĐ, cung cấp trang thiết bị, CSVC cần thiết để tổ chức tốt các hoạt động theo kế hoạch cụ thể; các khoa và đơn vị liên quan chủ trì xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động kết nối và PVCĐ của đơn vị theo các nội dung nêu trên, dựa trên kế hoạch chung của Trường và phù hợp với chức năng,

nhiệm vụ của đơn vị [H21.21.04.01]. Căn cứ nội dung kế hoạch tổng thể của Trường, các phòng, khoa, đoàn thể đã xây dựng kế hoạch của từng đơn vị nhằm cụ thể hóa việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng [H21.21.04.02].

Với mục tiêu không ngừng đề cải tiến đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các BLQ, các đơn vị phụ trách đã tiến hành xây dựng kế hoạch, tổ chức đối thoại dân chủ trực tiếp giữa BGH với NH, thông qua Hội nghị đối thoại đã giúp Trường cung cấp, phản hồi các thông tin đến NH, từ đó có kế hoạch hành động cải tiến, từng bước nâng cao chất lượng phục vụ và hỗ trợ NH ngày một tốt hơn [H21.21.04.03].

Bên cạnh đó, Trường đã phân tích, đối sánh, chỉ ra các ưu điểm, tồn tại cần khắc phục trong mỗi hoạt động những mặt đạt được, những mặt hạn chế từ đó tiếp tục xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động kết nối phục vụ PVCĐ góp phần ngày càng nâng cao mức độ đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các BLQ [H21.21.04.04].

Trong quá trình thực hiện các hoạt động phục vụ và kết nối cộng đồng, Trường ĐHTT dựa vào kết quả phản hồi bằng việc tiến hành khảo sát các BLQ như: NH, CB, GV, CNH và DN về công tác phục vụ và kết nối cộng đồng, kết quả đánh giá được báo cáo và phân tích làm cơ sở cho việc cải tiến nâng cao chất lượng của từng hoạt động [H21.21.04.05]. Căn cứ những dữ liệu thu thập, phòng chức năng đã xây dựng báo cáo kết quả khảo sát các BLQ về hoạt động phục vụ và kết nối cộng đồng của Trường cho thấy: 100% các tiêu chí khảo sát đều có trên 80% NH, CB, GV, CNH và DN đánh giá đồng ý và rất đồng ý, điều này cho thấy các đối tượng tham gia khảo sát đánh giá khá hài lòng về hoạt động phục vụ và kết nối cộng đồng của Trường.

Trường ĐHTT đã nhận được phản hồi tích cực của các BLQ trong công tác PVCĐ thông qua nhiều hình thức như: Trao tặng bằng khen, giấy khen, thư cảm ơn. Điều đó cho thấy các hoạt động PVCĐ của Trường ĐHTT đã có những đóng góp quan trọng đối với sự phát triển chung của cộng đồng và xã hội.

Tự đánh giá mức tiêu chí: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 21:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

BGH Trường phổ biến, triển khai, yêu cầu các đơn vị trực thuộc tích cực thực hiện các kế hoạch kết nối và PVCĐ được thể hiện trong KHCL, Kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm học hàng năm.

Nội dung, hình thức các hoạt động kết nối và PVCĐ phong phú, đa dạng, cập nhật cải tiến thường xuyên, đáp ứng được nhu cầu của các BLQ và đóng góp tích cực cho xã hội, đặc biệt là phục vụ cho người dân tại các địa phương và trong khu vực, qua đó thể hiện rõ tầm nhìn và sứ mệnh mà trường đã công bố.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Số lượng cựu NH và DN tham gia khảo sát về hiệu quả các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Trường còn nhiều hạn chế.

3. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Phân công một đơn vị làm đầu mối tổng hợp khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ về hoạt động kết nối, PVCĐ	BGH Phòng KT-ĐBCL	Kể từ năm 2024	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Huy động sự tham gia của tất cả các đơn vị nhằm tiếp tục phát huy sức mạnh tổng hợp của tập thể, đa dạng hoá các hoạt động kết nối và PVCĐ	Tất cả các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường/các tổ chức đoàn thể	Liên tục	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục cải tiến nội dung, hình thức đánh giá và giám sát các hoạt động kết nối và PVCĐ nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của các BLQ	Tất cả các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường/các tổ chức đoàn thể	Thường xuyên	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 21	4,50
Tiêu chí 21.1	5
Tiêu chí 21.2	4
Tiêu chí 21.3	5
Tiêu chí 21.4	4

Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo

Tiêu chí 22.1. Tỷ lệ sinh viên đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trường ĐHTT tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ. Khóa học là thời gian thiết kế để NH hoàn thành một chương trình cụ thể. Thời gian của một khóa học được

quy định tùy thuộc vào trình độ, ngành đào tạo. Đầu năm học, Phòng QLĐT sẽ dựa trên CTĐT đã ban hành [H22.22.01.01], giao kế hoạch giảng dạy của từng kỳ, của từng khóa học [H22.22.01.02]. Hằng năm, Trường ĐHTT xây dựng kế hoạch công tác các đơn vị thực hiện [H22.22.01.03].

Dựa vào quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, các bộ phận được phân công chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ: tổ chức, QLĐT, đánh giá quá trình đào tạo; Văn bằng, chứng chỉ; ĐBCL đào tạo và KĐCL đào tạo; hoạt động KHCN; hoạt động HTQT [H22.22.01.04].

Trên cơ sở căn cứ vào các quy chế đào tạo đại học [H22.22.01.05], quy định công tác khảo thí [H22.22.01.06], quy chế công tác sinh viên [H22.22.01.07], các đơn vị được phân công thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát và đánh giá. Bên cạnh đó, công cụ hỗ trợ cho việc thực hiện theo dõi, đánh giá là hệ thống phần mềm đào tạo của Nhà trường [H22.22.01.08].

Sau khi có kết quả trúng tuyển, phòng QLĐT thực hiện phân lớp đầu vào cho NH các ngành đào tạo của trường theo khóa đào tạo thông qua quyết định công nhận NH nhập học theo ngành và chuyên ngành đào tạo [H22.22.01.09]. Sau khi có danh sách NH của từng lớp theo ngành và khóa đào tạo, phòng QLĐT sẽ ra quyết định cử CVHT của từng lớp. Hằng tháng, các CVHT sẽ cùng lớp tham gia sinh hoạt theo định kỳ. Trong quá trình học tập, NH đều được đánh giá điểm rèn luyện theo đúng quy định, phần lớn NH đạt kết quả rèn luyện khá cao, trên 90% từ loại khá trở lên [H22.22.01.10]. Bên cạnh đó, trường cũng đã ra quyết định xử lý buộc thôi học, xóa tên và cho thôi học đối với những NH vi phạm quy chế học vụ, quy chế đào tạo trình độ đại học (*ngghi học không lý do trong thời gian dài*) và có nguyện vọng xin được thôi học tại trường [H22.22.01.11].

Bảng 22.01.01. Thống kê tỷ lệ NH thôi học trong 05 năm của toàn Trường

Năm học	Tổng số NH	Số thôi học	Tỉ lệ %
2019-2020	486	14	3%
2020-2021	472	21	4%
2021-2022	424	11	3%
2022-2023	438	19	4%
2023-2024	487	9	2%

Hoạt động đào tạo những năm gần đây gặp không ít khó khăn (*cộng đồng*) tình hình dịch bệnh, chính sách tuyển sinh thay đổi..., nhưng tỷ lệ NH thôi học của Trường có cải thiện tốt hơn, tỷ lệ này có xu hướng giảm dần qua các năm; năm học 2019 - 2020 là 3%, tuy nhiên tỷ lệ thôi học đến năm học 2023 - 2024 giảm xuống còn 2%. Đồng thời, Nhà trường vẫn đảm bảo công tác xét tốt nghiệp cho NH các khóa sau khi tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác [H22.22.01.12]. Trên cơ sở quy định đào tạo các loại hình đào tạo, trường theo dõi, giám sát xây dựng tiến độ học tập cho từng

khóa học, năm học và thời khóa biểu của từng học kỳ, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của tất cả CTĐT [H22.22.01.13], [H22.22.01.14].

Qua báo cáo và đánh giá cấp khoa, Trường tổng kết hoạt động đào tạo và thực hiện đối sánh kết quả học tập giữa các ngành trong trường, đối sánh tỷ lệ NH tốt nghiệp giữa các khóa đào tạo, tỷ lệ NH tốt nghiệp giữa các ngành đào tạo hiện có. Tổng kết số liệu NH bỏ học giữa các khóa, các khối ngành trong trường; phân tích đối sánh dữ liệu đào tạo thu thập được và đề xuất giải pháp cải tiến hoạt động đào tạo. Tuy nhiên, việc đối sánh hiện đang thực hiện nội bộ giữa các khóa trong cùng một ngành, giữa các ngành trong trường; riêng việc đối sánh với các CSGD ngoài trường chưa thực hiện được. Thống kê tỷ lệ NH tốt nghiệp qua các năm được thể hiện tại các Bảng sau:

Bảng 22.01.02. Thống kê tỷ lệ NH tốt nghiệp trong 05 năm của toàn Trường

Khóa học	Số NH nhập học	Số NH tốt nghiệp	Tỷ lệ %	Phân loại tốt nghiệp			
				Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình
Các chương trình đào tạo 4 năm							
2015-2019	11	4	80%	0	1	3	0
2016-2020	0	0	-	-	-	-	-
2017-2021	22	13	72,22%	0	2	7	4
2018-2022	38	24	77,42%	0	10	8	6
2019-2023	47	23	56,1%	9	12	0	2
Chương trình đào tạo 6 năm							
2013-2019	43	20	95.24%				
2014-2020	115	59	100.00%	3	27	29	0
2015-2021	154	102	97.14%	7	43	52	0
2016-2022	92	53	86.89%	2	25	26	0
2017-2023	36	27	87.10%	2	9	16	0

Bảng 22.01.03. Thống kê tỷ lệ NH tốt nghiệp trong 05 năm của các ngành

Khóa học	Số NH nhập học	Số NH tốt nghiệp	Tỷ lệ %	Phân loại tốt nghiệp			
				Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình
Ngành Công nghệ sinh học							
2015-2019	10	3	75%	0	1	2	0
2016-2020	0	0	-	-	-	-	-
2017-2021	2	1	50%	0	0	0	1

Khóa học	Số NH nhập học	Số NH tốt nghiệp	Tỷ lệ %	Phân loại tốt nghiệp			
				Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình
2018-2022	8	5	62,5%	0	2	2	1
2019-2023	1	0	0%	0	0	0	0
Ngành Khoa học máy tính							
2015-2019	0	0	-	-	-	-	-
2016-2020	0	0	-	-	-	-	-
2017-2021	3	3	100%	0	0	2	1
2018-2022	1	0	-	-	-	-	-
2019-2023	8	5	71,43%	1	4	0	0
Ngành Ngôn ngữ Anh							
2015-2019	1	1	100%	0	0	1	0
2016-2020	0	0	-	-	-	-	-
2017-2021	8	3	60%	0	0	2	1
2018-2022	7	6	100%	0	4	1	1
2019-2023	12	7	63,64%	3	4	0	0
Ngành Quản trị kinh doanh							
2015-2019	0	0	-	-	-	-	-
2016-2020	0	0	-	-	-	-	-
2017-2021	2	2	100%	0	1	0	1
2018-2022	6	2	66,67%	0	0	1	1
2019-2023	5	2	50%	1	1	0	0
Ngành Kinh doanh quốc tế							
2015-2019	0	0	-	-	-	-	-
2016-2020	0	0	-	-	-	-	-
2017-2021	7	4	66,67%	0	1	3	0
2018-2022	15	11	84,61%	0	4	4	3
2019-2023	17	8	53,33%	4	2	0	2
Ngành Tài chính-Ngân hàng							
2015-2019	0	0	-	-	-	-	-
2016-2020	0	0	-	-	-	-	-
2017-2021	2	0	-	-	-	-	-
2018-2022	1	0	-	-	-	-	-

Khóa học	Số NH nhập học	Số NH tốt nghiệp	Tỷ lệ %	Phân loại tốt nghiệp			
				Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình
2019-2023	1	0	-	-	-	-	-
Ngành Kế toán							
2015-2019	0	0	-	-	-	-	-
2016-2020	0	0	-	-	-	-	-
2017-2021	1	0	-	-	-	-	-
2018-2022	2	0	-	-	-	-	-
2019-2023	2	0	-	-	-	-	-
Ngành Điều dưỡng							
2019-2023	2	1	100%	0	1	0	0
Ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học							
2019-2023	2	0	0	0	0	0	0
Ngành Y khoa							
2013-2019	43	20	95.24%				
2014-2020	115	59	100.00%	3	27	29	0
2015-2021	154	102	97.14%	7	43	52	0
2016-2022	92	53	86.89%	2	25	26	0
2017-2023	36	27	87.10%	2	9	16	0

Qua các bảng thống kê tỷ lệ người học tốt nghiệp trong 05 năm cho thấy rằng số lượng NH tốt nghiệp ngày càng tăng, mặc dù trong thời điểm dịch bệnh diễn ra. Đồng thời cho thấy, NH thuộc khối ngành sức khỏe, kỹ thuật đạt tỷ lệ tốt nghiệp cao hơn NH thuộc khối ngành kinh tế, xã hội, nhân văn.

Để cải thiện và hỗ trợ cho NH tốt nghiệp và tăng tỷ lệ tốt nghiệp, cũng như giảm tỷ lệ NH bị xử lý học vụ buộc thôi học, xóa tên, vào các buổi họp xét công nhận tốt nghiệp, xét học vụ, Hội đồng đều thảo luận để tìm giải pháp cải tiến như tăng cường bồi dưỡng tiếng anh cho NH để đạt CDR về ngoại ngữ ngay từ khi năm nhất và năm hai [H22.22.01.15], [H22.22.01.16]. Ngoài ra, tại các buổi giao ban hàng tháng, Trường ĐHTT đều chú trọng bàn về hoạt động đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, cải tiến phương pháp dạy học, hỗ trợ NH, đảm bảo cho NH các điều kiện học tập để NH có thể tốt nghiệp đúng kỳ hạn, giảm tỷ lệ NH nghỉ học, thôi học [H22.22.01.17].

Hàng năm, Trường ĐHTT tổ chức hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Khoa, trường với NH để lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của NH để giải đáp và đề ra các biện pháp, giúp NH có điều kiện học tập tốt nhất [H22.22.01.18]; điều chỉnh CTĐT phù hợp với thực tế và điều

kiện học của NH [H22.22.01.19];

Bên cạnh đó, Trường ĐHTT giao nhiệm vụ cụ thể cho đội ngũ CVHT trong việc quản lý, tư vấn, hướng dẫn NH trong quá trình học tập, liên hệ kịp thời với gia đình để hạn chế tình trạng NH nghỉ học dài ngày, lựa chọn môn học phù hợp từng học kỳ, học cải thiện..., đồng thời hằng năm gửi kết quả học tập và rèn luyện về cho gia đình NH để cùng phối hợp quản lý và giáo dục NH [H22.22.01.20]. Trường ĐHTT thực hiện đổi mới giảng dạy, rà soát lại chương trình phù hợp để tăng tính chủ động và năng lực tự học của NH.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 22.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Chương trình đào tạo đại học hệ chính quy các ngành có thời gian thiết kế chuẩn là 4 năm, trừ ngành Y khoa là 06 năm. Căn cứ vào CTĐT cụ thể của từng chuyên ngành Trường đã bố trí các học phần một cách hợp lý đảm bảo khối lượng kiến thức và thời gian tốt nghiệp cho NH [H22.22.02.01]. Dựa vào kế hoạch giảng dạy, phòng QLĐT xây dựng kế hoạch xét công nhận tốt nghiệp và gửi kết quả về các Khoa. Qua đó, thông tin NH tốt nghiệp được Khoa nắm một cách đầy đủ, kịp thời và chính xác [H22.22.02.02], [H22.22.02.03].

Phòng QLĐT là đơn vị được giao nhiệm vụ chuyên trách giám sát thời gian tốt nghiệp của NH [H22.22.02.04]. Bên cạnh đó, công cụ hỗ trợ cho việc thực hiện theo dõi, đánh giá là hệ thống phần mềm đào tạo Intranet của Trường ĐHTT [H22.22.02.05]. Sau khi NH tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác Trường ĐHTT tổ chức xét tốt nghiệp cho NH theo đúng quy định và xuất dữ liệu những NH chưa đủ điều kiện tốt nghiệp để theo dõi và có giải pháp hỗ trợ NH chưa tốt nghiệp. Báo cáo tổng kết đào tạo năm học hàng năm của các đơn vị cũng thể hiện nội dung này [H22.22.02.06], [H22.22.02.07].

Để kiểm soát NH đăng ký môn học từng học kỳ nhằm xem xét tiến độ học tập của NH, hàng kỳ, phòng QLĐT tổng hợp dữ liệu thống kê số lượng NH đăng ký từng học phần [H22.22.02.08]. Hằng năm, căn cứ số lượng NH được công nhận tốt nghiệp, Trường ĐHTT thực hiện việc đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp của khóa trước so với khóa xét trong năm của cùng CTĐT và giữa các CTĐT [H22.22.02.09].

Thời gian tốt nghiệp trung bình của NH học các CTĐT cũng được thể hiện trong CTĐT. Bằng nhiều biện pháp hỗ trợ NH tốt nghiệp đúng hạn và tăng tỷ lệ tốt nghiệp cho NH nhằm giảm thời gian tốt nghiệp trung bình của tất cả các CTĐT của Trường ĐHTT từ 4,1 đến 4,2 năm cho các CTĐT (04 năm) và 6,1 đến 6,2 năm cho CTĐT (06 năm) [H22.22.02.10].

Bảng 22.02.01. Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các CTĐT

Khoa/Ngành /Năm nhập học	Tổng số NH Tốt nghiệp	Số năm hoàn thành khóa học						Thời gian trung bình hoàn thành khóa học (năm)
		3	4	5	6	7	8	
Khoa CNTT	14		7	2	4	1		4.87
Khoa học máy tính	14		7	2	4	1		4.93
2011	5		1	1	3			5.40
2013	2				1	1		6.50
2017	3		2	1				4.33
2019	4		4					4.00
Khoa Công nghệ Sinh học	10		5	2	2		1	5.33
Công nghệ sinh học	10		5	2	2		1	5.00
2013	1				1			6.00
2015	3			1	1		1	6.33
2017	1			1				5.00
2018	5		5					4.00
Khoa Kinh tế & Quản trị Kinh doanh	100	1	61	26	9	2	1	4.53
Kế toán	2		1		1			5.00
2011	1				1			6.00
2012	1		1					4.00
Tài chính ngân hàng	12		6	5	1			4.58
2011	10		5	4	1			4.60
2012	2		1	1				4.50
Kinh doanh quốc tế	60	1	44	8	5	2		4.38

Khoa/Ngành /Năm nhập học	Tổng số NH Tốt nghệ	Số năm hoàn thành khóa học						Thời gian trung bình hoàn thành khóa học (năm)
		3	4	5	6	7	8	
2011	21		10	6	4	1		4.81
2012	11		9	1	1			4.27
2013	5		5					4.00
2014	1					1		7.00
2017	3		3					4.00
2018	11		10	1				4.09
2019	8	1	7					3.88
Quản trị kinh doanh	26		10	13	2		1	4.81
2011	14		5	8	1			4.71
2013	5		1	3	1			5.00
2014	1						1	8.00
2017	2		1	1				4.50
2018	2		1	1				4.50
2019	2		2					4.00
Khoa Ngôn Ngữ	28		20	6	2			4.36
Ngôn ngữ Anh	28		20	6	2			4.36
2011	3			1	2			5.67
2012	5		4	1				4.20
2013	5		3	2				4.40
2015	1			1				5.00
2017	3		3					4.00
2018	6		5	1				4.17
2019	5		5					4.00
Khoa Y	260			1	214	37	8	6.20
Y khoa	260			1	214	37	8	6.20
2013	20				20			6.00
2014	59			1	47	6	5	6.25
2015	101				74	24	3	6.30
2016	53				46	7		6.13

Khoa/Ngành /Năm nhập học	Tổng số NH Tốt nghiệp	Số năm hoàn thành khóa học						Thời gian trung bình hoàn thành khóa học (năm)
		3	4	5	6	7	8	
2017	27				27			6.00
Tổng số NH	418	1	94	37	236	40	10	5.60

Trải qua 05 khóa tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình ở mức 4.77 năm cho các chương trình có thời gian thiết kế 4 năm và 6.2 năm cho các chương trình có thời gian thiết kế 6 năm. Đặc biệt, những năm gần đây thời gian tốt nghiệp trung bình được kéo giảm (*cho khoá 2019-2023: 3.88 - 4.00 năm và khóa 2017-2023: 6.00 năm*) so với trước (*khóa 2018-2022: 4.17 - 4.5 năm và 2016-2022: 6.13 năm*). Với đầu vào NH các ngành của Trường chưa thực sự cao, thì đây cũng là kết quả tốt. Trường có thực hiện đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình (*đối sánh tỷ lệ khóa trước, khóa sau của cùng CTĐT*) dự đoán được thời gian tốt nghiệp trung bình của người học tất cả các CTĐT. Nhìn chung thời gian tốt nghiệp trung bình càng được rút ngắn cho thấy CTĐT thiết kế phù hợp với thực tế, giúp NH chủ động, linh hoạt sắp xếp thời gian học và tốt nghiệp đúng theo quy định. Bên cạnh đó, việc NH tốt nghiệp đúng hạn chứng tỏ công tác tổ chức quản lý NH từ Phòng/Khoa chuyên môn, các đơn vị hỗ trợ NH ngày càng được cải thiện cộng thêm NH cũng có ý thức hơn trong việc tự giác học tập tích lũy tín chỉ để ra trường đúng hạn, hạn chế tình trạng NH do nhiều nguyên nhân không thể ra trường đúng thời hạn. Để cải thiện và hỗ trợ cho NH tốt nghiệp đúng kỳ hạn và tăng tỷ lệ tốt nghiệp, vào các buổi họp xét công nhận tốt nghiệp, Hội đồng đều thảo luận để tìm giải pháp cải tiến [H22.22.02.11].

Hàng năm, Trường đều tổ chức hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Khoa, trường với NH để lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của NH để giải đáp và đề ra các biện pháp, giúp NH có điều kiện học tập tốt nhất để đạt tốt nghiệp [H22.22.02.12].

Bên cạnh đó, Trường ĐHTT giao nhiệm vụ cụ thể cho đội ngũ CVHT trong việc quản lý, tư vấn, hướng dẫn NH trong quá trình học tập, hàng kỳ thông báo và rà soát tiến độ đăng ký học, lựa chọn môn học phù hợp từng học kỳ, học cải thiện... để nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp cho NH [H22.22.02.13]. Trường ĐHTT tổ chức các buổi tập huấn nghiệp vụ để đội ngũ này thực hiện nhiệm vụ tốt hơn, hỗ trợ cho NH tốt hơn, để nâng cao năng lực cho đội ngũ CVHT. Ban Giám hiệu Nhà trường quy định: định kỳ hàng tháng cố vấn học tập họp với NH lớp mình để nhắc nhở, đôn đốc, theo dõi tình hình học tập của NH và gửi biên bản họp lớp cho Phòng QLĐT. Phòng QLĐT tổng hợp lại tất cả các ý kiến của NH và GV để báo cáo BGH. Từ đó Nhà trường sẽ có hướng giải đáp những vấn đề vướng mắc kịp thời theo đúng tâm tư nguyện vọng của NH, giúp NH tiến bộ hơn trong học tập để tốt nghiệp đúng tiến độ theo CTĐT [H22.22.02.14].

Với những cải tiến phù hợp, kết quả quả học tập của NH có nhiều cải thiện. Quá

trình đó có sự giám sát của các bộ phận chăm sóc NH, kịp thời có những giải pháp mở lớp học phần, liên tục có nhắc nhở, cảnh báo đối với NH nằm trong nhóm nguy cơ. Một trong những giải pháp công nghệ đã áp dụng tỏ ra khá hiệu quả đó là NH có nhu cầu mở lớp học lại, học cải thiện khi học phần đó chưa có trong danh mục học phần dự kiến mở lớp ở mỗi học kỳ. Qua đó, Trường ĐHTT, Khoa ghi nhận kịp thời nhu cầu mở lớp học lại của NH để xem xét mở lớp dự kiến cho đăng ký [H22.22.02.15]. Điều đó giúp NH có ý thức hơn trong việc chủ động đề xuất và đăng ký học phần, tăng cơ hội đăng ký học lại, cải thiện, nỗ lực học tập và tuân thủ quy chế đào tạo và xét tốt nghiệp bổ sung cho NH [H22.22.02.16].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 22.3. Khả năng có việc làm của NH tốt nghiệp của tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trường ĐHTT đã ban hành CDR của các CTĐT để làm cơ sở đào tạo, đánh giá sau đào tạo, sự phù hợp giữa việc làm của người tốt nghiệp với ngành nghề được đào tạo. Các CTĐT mô tả đến vị trí việc làm mà người tốt nghiệp chương trình có thể đảm nhiệm [H22.22.03.01]. Ngoài ra, trong xây dựng kế hoạch công tác hằng năm, Trường ĐHTT đều xác định chỉ tiêu tỉ lệ NH có việc làm sau khi tốt nghiệp [H22.22.03.02].

Khả năng có việc làm của NH tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được giám sát. Nhằm thu nhận thông tin khách quan của các nhà tuyển dụng về “sản phẩm” đào tạo, giúp Trường ĐHTT có căn cứ để điều chỉnh trong công tác quản lý, tuyển sinh, đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội. Kết nối với CNH, tranh thủ tối đa sự ủng hộ về trí tuệ, tinh thần, vật chất giúp đỡ NH và góp phần phát triển Trường. Trong nhiệm vụ về hỗ trợ và dịch vụ NH, Phòng CTSV-HTDN là đơn vị đầu mối triển khai lấy ý kiến phản hồi của các BLQ [H22.22.03.03]. Dựa trên kế hoạch khảo sát lấy ý kiến người sử dụng lao động và khảo sát việc làm sau tốt nghiệp để làm căn cứ để xem xét, rút kinh nghiệm và điều chỉnh toàn bộ hoạt động của Trường nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo [H22.22.03.04], [H22.22.03.05].

Trường ĐHTT đã xây dựng hệ thống giám sát để theo dõi tỷ lệ NH có việc làm sau khi tốt nghiệp, dựa trên dữ liệu NH có việc làm của các ngành đào tạo và ý kiến đánh giá người sử dụng lao động về chất lượng NH sau tốt nghiệp Trường. Đây cũng là các căn cứ quan trọng để Trường ĐHTT điều chỉnh và cải tiến CTĐT cho phù hợp nhu cầu xã hội cũng như tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực trong giai đoạn tiếp theo [H22.22.03.06], [H22.22.03.07], [H22.22.03.08].

Bảng 22.03.01. Tỷ lệ có việc làm của người học

Khảo sát năm		2023	2022	2021	2020	2019
7420201	Công nghệ sinh học	100%	100%	100%	100%	
7340101	Quản trị kinh doanh	100%	100%		100%	100%

Khảo sát năm		2023	2022	2021	2020	2019
7340120	Kinh doanh quốc tế	100%	100%			100%
7480101	Khoa học máy tính	100%	100%	100%	100%	
7220201	Ngôn ngữ Anh	80%	100%	100%		100%
7720101	Y khoa	100%	93.75%	91.49%	100%	
Trung bình		97%	99%	98%	100%	100%

Thời gian NH tốt nghiệp tìm được việc làm sau thời gian tốt nghiệp 12 tháng lên đến gần 100%.

Bảng so sánh tỷ lệ có việc làm các năm gần đây cho thấy tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đạt ở mức rất cao từ 97% đến 100%. Điều này cho thấy trong quá trình người học học tập Trường đã định hướng, trang bị cho các em những kiến thức, kỹ năng phù hợp với nhu cầu của xã hội.

Bảng 22.03.02. Mức độ phù hợp của công việc

Mức độ phù hợp của công việc	2019	2020	2021	2022
Đúng ngành đào tạo hoặc liên quan ngành đào tạo	96.3%	95.8%	96.5%	95%
Không liên quan đến ngành ĐT	3.7%	4.2%	3.5%	5%
Tổng	100%	100%	100%	100%

Tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm sau tốt nghiệp là cơ sở để Trường xem xét điều chỉnh và cải tiến chương trình đáp ứng việc đào tạo nhân lực có chất lượng cao và phù hợp nhu cầu của doanh nghiệp trên địa bàn và trong khu vực. Mức thu nhập bình quân/tháng của người học tốt nghiệp Trường sau 01 năm đầu đạt tỷ lệ cao nhất là ở mức từ 8 đến 12 triệu/tháng, đạt tỉ lệ từ 33,4% lên 74,19%.

Bảng 22.03.03. Mức thu nhập bình quân/tháng

Mức thu nhập bình quân/tháng	2019	2020	2021	2022
Dưới 8 triệu	33.3%	29.6%	9.65%	4.35%
Từ 8-10 triệu	16.7%	40.7%	66.13%	8.70%
Từ 10-12 triệu	16.7%	11.11%	8.06%	30.43%
Từ 12-14 triệu	0.0%	0.0%	1.61%	21.74%
Từ 14 triệu trở lên	33.3%	18.5%	14.52%	34.78%
Tổng	100%	100%	100%	100%

Khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được đối sánh để cải tiến. Trường thường xuyên thực hiện việc đối sánh tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng công việc của người học sau khi tốt nghiệp giữa các CTĐT làm cơ sở để cải tiến chất lượng các CTĐT của nhà trường [H22.22.03.09].

Hoạt động hỗ trợ nâng cao khả năng có việc làm cho NH được Trường ĐHTT chú trọng ngay từ khi NH còn đang học tập, có các chương trình hướng nghiệp, thực tập sinh và hợp tác với doanh nghiệp để hỗ trợ tìm việc làm cho NH. Phòng CTSV-HTDN lập kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm cho NH hằng năm [H22.22.03.10], lên danh sách các doanh nghiệp, đối tác hàng năm [H22.22.03.11], thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp đăng trên website Trường [H22.22.03.12].

Như vậy, có thể khẳng định Trường ĐHTT đã luôn chủ động, tích cực và có rất nhiều chủ trương, chính sách và các hoạt động nhằm hỗ trợ người học có việc làm hoặc cơ hội thăng tiến nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp. Tỷ lệ người học có việc làm và việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp ở mức cao.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 22.4. Mức độ hài lòng của các BLQ về chất lượng của NH tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Chất lượng đào tạo bậc đại học là một vấn đề quan trọng thu hút sự quan tâm đặc biệt của Trường và xã hội. Để BDCL đào tạo, ngoài việc phải chú ý các điều kiện BDCL bên trong như cơ sở vật chất, đội ngũ GV, chương trình,... cần phải đáp ứng nhu cầu của cơ quan và doanh nghiệp sử dụng lao động. Trên cơ sở hướng đến mục tiêu đào tạo nhân lực chất lượng cao cho địa phương và khu vực Đông Nam Bộ, ngoài việc tuân thủ các điều kiện cần cho chất lượng đào tạo.

Căn cứ Quy định khảo sát lấy ý kiến các BLQ trong hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục tại Trường ĐHTT, Nhà trường đã triển khai thực hiện kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ về chất lượng đào tạo, bao gồm khảo sát: phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV, phản hồi của các BLQ về CTĐT, ý kiến của NH trước khi tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Nhà trường, phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động về chất lượng NH tốt nghiệp tại Trường ĐHTT, tình hình việc làm của NH sau tốt nghiệp, ý kiến phản hồi của GV, NV về điều kiện, môi trường làm việc tại Trường [H22.22.04.01], thông báo về việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ về các lĩnh vực hoạt động của Trường [H22.22.04.02]. Các đơn vị được phân công lấy ý kiến sẽ tổng hợp và phân tích dữ liệu để đưa ra các chỉ số thông qua các báo cáo, giúp Trường ĐHTT có căn cứ để xem xét rút kinh nghiệm và điều chỉnh toàn bộ hoạt động liên quan nhằm nâng cao chất lượng đào tạo [H22.22.04.03].

Hệ thống thu thập dữ liệu và thông tin của các BLQ về chất lượng NH tốt nghiệp được đảm bảo đúng quy trình, có phương pháp, sử dụng công cụ và chỉ số hợp lý để thu thập chính xác. Hoạt động này đóng vai trò quan trọng và là một động lực để Nhà trường tiếp tục tiến hành các hoạt động cải tiến nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu xã hội của NH thông qua việc điều chỉnh và thay đổi hoạt động đào tạo ngày càng phù hợp hơn, đạt chất lượng cao theo mục tiêu cung cấp nguồn nhân lực cao cho địa phương và khu vực

[H22.22.04.04], [H22.22.04.05].

Mức độ hài lòng của các BLQ về chất lượng của NH tốt nghiệp được giám sát. Nhằm thu nhận thông tin khách quan của các nhà tuyển dụng về “sản phẩm” đào tạo, giúp Trường ĐHTT có căn cứ để điều chỉnh trong công tác quản lý, tuyển sinh, đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội. Hình thức điều tra, khảo sát phong phú, đa dạng; thu nhận kết quả chính xác, phản ánh trung thực, khách quan tình trạng việc làm của NH sau tốt nghiệp. Dựa trên hoạt động khảo sát lấy ý kiến người sử dụng lao động [H22.22.04.06], khảo sát tình hình việc làm của NH sau tốt nghiệp [H22.22.04.07], khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động giảng dạy của GV [H22.22.04.08], khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ NH về chất lượng đào tạo của Nhà trường [H22.22.04.09], khảo sát lấy ý kiến phản hồi của GV, NV về điều kiện, môi trường làm việc tại Trường [H22.22.04.10], từ đó đưa ra mức độ hài lòng của các BLQ về chất lượng của NH tốt nghiệp khóa trước so với khóa sau để làm căn cứ để xem xét, rút kinh nghiệm và điều chỉnh toàn bộ hoạt động của Trường ĐHTT nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo [H22.22.04.11].

Về nội dung của các CTĐT: Theo các báo cáo khảo sát, phần lớn nhận được sự đồng ý khá cao từ NH. Trong đó, NH đánh giá cao nhất về mức độ phù hợp của CTĐT với mục tiêu và chuẩn đầu ra. Bên cạnh đó, khi được hỏi về CTĐT, NH có nhận xét khá tích cực về sự hợp lý của nội dung, cấu trúc CTĐT, sự phân bổ giữa lý thuyết và thực hành trong các môn học. CTĐT cũng được rà soát, cập nhật định kỳ và phản ánh thành công Tâm nhìn và Sứ mệnh của Nhà trường.

Về đội ngũ GV: Theo kết quả khảo sát thu được, hầu hết NH hài lòng về các tiêu chí liên quan đến đội ngũ GV. Đặc biệt, tiêu chí về “trình độ chuyên môn của giảng viên đáp ứng yêu cầu đào tạo” nhận được 88% đánh giá tích cực từ NH. NH cảm thấy hài lòng với phương pháp giảng dạy phù hợp và sáng tạo, cách tổ chức lớp học, sự nhiệt tình, hỗ trợ NH.

Về phương pháp kiểm tra, đánh giá: Nhóm các tiêu chí về kiểm tra, đánh giá nhận được phản hồi khá tích cực từ NH, 98% NH đánh giá cao về độ đa dạng của các hình thức, nội dung kiểm tra và đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra của từng CTĐT. Các kỳ thi của Nhà trường được tổ chức nghiêm túc và khách quan.

Trên cơ sở các thông tin thu nhận được từ hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về chất lượng của NH tốt nghiệp của tất cả các CTĐT. Trường đã có cơ chế giám sát và sử dụng thông tin phản hồi về mức độ hài lòng của các BLQ về chất lượng của NH tốt nghiệp của tất cả các CTĐT thông qua chính sách BDCL [H22.22.04.12]. Tất cả các hoạt động của Nhà trường thường xuyên được rà soát, cải tiến chất lượng [H22.22.04.13], mạng lưới BDCL được thành lập và Quy chế BDCLGD tại Trường được ban hành, Trường các phòng, khoa chịu trách nhiệm chính trong việc giám sát các hoạt động tại đơn vị mình quản lý [H22.22.04.14], [H22.22.04.15].

Mức độ hài lòng của các BLQ về chất lượng của NH tốt nghiệp được đối sánh để cải tiến. Để có số liệu đáng tin cậy báo cáo cho Phòng QLĐT, đồng thời làm căn cứ để xem xét, rút kinh nghiệm và điều chỉnh toàn bộ hoạt động, nâng cao chất lượng đào tạo, Trường đã thực hiện đối sánh về mức độ hài lòng của các BLQ về chất lượng của NH tốt nghiệp khóa trước so với khóa sau [H22.22.04.11].

Nhằm nâng cao mức độ hài lòng của các BLQ về chất lượng của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT, Trường đã đưa ra các biện pháp cải tiến như: rà soát, đánh giá, điều chỉnh, cập nhật CTĐT [H22.22.04.16], [H22.22.04.17], [H22.22.04.18] và tăng cường đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo [H22.22.04.19].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 22:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Trường triển khai hoạt động đào tạo theo đúng kế hoạch; có hệ thống giám sát chặt chẽ tình hình học tập của người học trong quá trình học tập.

Trường xây dựng hệ thống các quy định cụ thể về đào tạo, đánh giá người học từ đầu vào, quá trình học đến khi tốt nghiệp đảm bảo minh bạch, công bằng và công khai với người học trong quá trình học tập.

Tỷ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn cao (trên 90%). Có nhiều kênh hỗ trợ người học hoàn thành khóa học: các đơn vị đào tạo, các CVHT, các trợ lý giáo vụ, phòng CTSV-HTDN, các đơn vị QLĐT.

Tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm và cơ hội thăng tiến nghề nghiệp sau khi ra trường và tỷ lệ có việc làm phù hợp với chuyên ngành được đào tạo rất cao.

Các đơn vị chức năng và đơn vị đào tạo tích cực tổ chức những buổi tọa đàm, các buổi hội thảo, tập huấn, cuộc thi phát triển năng lực cho người học đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

Phong trào hoạt động ngoại khóa của người học Trường rất mạnh, sôi động với hệ thống các CLB chuyên môn gắn với các chuyên ngành đào tạo cũng như các CLB phát triển năng lực đã hỗ trợ cho người học nâng cao hiểu biết về chuyên môn, thái độ làm việc, các kỹ năng mềm cần thiết và trải nghiệm thực tiễn.

Các đơn vị chuyên môn tích cực tổ chức những buổi tọa đàm, các buổi đi thực tế tại doanh nghiệp, bệnh viện, cơ sở y tế để nâng cao kỹ năng của người học.

Trường có đơn vị chuyên môn quản lý và triển khai hệ thống lấy ý kiến phản hồi của các BLQ; thiết lập nhiều kênh thông tin lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ. Ý kiến phản hồi của các BLQ được tổng hợp, phân tích, đánh giá để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, cải tiến CTĐT; tăng cường trải nghiệm thực tiễn cho người học và các hoạt động hỗ trợ học tập và việc làm cho NH.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Tỷ lệ NH tốt nghiệp sớm chưa đáng kể do tổng số lượng TC của CTĐT khá khớp với thời gian học tập nên khó sắp xếp để học vượt.

Kỹ năng mềm của NH sau khi tốt nghiệp theo khảo sát chỉ đạt được ở mức trung bình ở một số ngành.

Việc thu thập dữ liệu đánh giá NH tốt nghiệp của Trường ở đơn vị sử dụng lao động còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Thiết kế lịch học các học kỳ phù hợp, mở thêm lớp học phân, cảnh báo, hỗ trợ NH trong quá trình học tập để hoàn thành CTĐT	Phòng QLĐT Các đơn vị đào tạo	01/2025- 12/2025	
2	Khắc phục tồn tại 2	Tăng cường huấn luyện và tạo nên nhiều chương trình thích hợp để cải thiện kỹ năng mềm của NH	Phòng CTSV- HTDN các đơn vị đào tạo	01/2025 - 12/2025	
3	Khắc phục tồn tại 3	Triển khai việc lấy ý kiến đánh giá của đơn vị sử dụng lao động đối với NH tốt nghiệp của Trường; xây dựng hệ thống để quản lý cơ sở dữ liệu thu thập được hằng năm.	Phòng CTSV- HTDN các đơn vị đào tạo	01/2025 - 12/2025	
4	Phát huy điểm mạnh 1	Theo dõi tiến độ học tập của NH và phát huy tốt vai trò của CVHT	Các đơn vị đào tạo và CVHT	01/2025 - 12/2025	
5	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục tổ chức những buổi tọa đàm, các buổi hội thảo, tập huấn, cuộc thi phát triển năng lực cho NH	Các đơn vị chức năng	01/2025 - 12/2025	
6	Phát huy điểm mạnh 3	Tăng cường quản lý và triển khai hệ thống lấy ý kiến phản hồi của các BLQ; thiết lập nhiều kênh thông	Phòng KT- BDCL, các đơn vị đào tạo	01/2025 - 12/2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		tin lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ, thực hiện cải tiến BĐCL			

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 22	5,00
Tiêu chí 22.1	5
Tiêu chí 22.2	5
Tiêu chí 22.3	5
Tiêu chí 22.4	5

Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Hoạt động KHCN là một trong những nhiệm vụ chủ yếu của trường ĐH nói chung và Trường ĐHTT nói riêng. Vì vậy, loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV được Trường xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến, gồm các hoạt động như sau:

i) Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV được xác lập:

Thực hiện Sứ mạng “*Với triết lý giáo dục, tiêu chuẩn và thực tiễn dựa trên mô hình giáo dục đại học của Mỹ, Trường ĐHTT khuyến khích suy nghĩ độc lập, rèn luyện phẩm chất kiên trì, tôn trọng sự đa dạng về ngôn ngữ. Trường ĐHTT sẽ đào tạo nên những con người có tính sáng tạo, tư duy logic, học tập suốt đời, trung thực, có trách nhiệm với đất nước và có khả năng lãnh đạo*” với Tầm nhìn “*Đến năm 2030, ĐHTT trở thành một trường đại học nổi tiếng của khu vực ASEAN và trên thế giới, cung cấp nền giáo dục chất lượng cao, thực hành trên nền tảng kiến thức đã nghiên cứu, phục vụ người dân Việt Nam, Đông Nam Á và trên Thế giới*”. Trường đã ban hành Chiến lược phát triển Trường ĐHTT và các mục tiêu chiến lược về phát triển hoạt động KHCN. Kế hoạch thực hiện CLPT Trường cũng như kế hoạch phát triển hoạt động KHCN từng năm, từng giai đoạn đã được xây dựng. Thông qua các kế hoạch, các chỉ tiêu đối với từng loại hình KHCN được xác định [H23.23.01.01], [H23.23.01.02], [H23.23.01.03], [H23.23.01.04], [H23.23.01.05], [H23.23.01.06].

Trường đã ban hành các loại hình hoạt động nghiên cứu [H23.23.01.07]; số lượng và chất lượng NCKH [H23.23.01.08] mà đội ngũ GV phải thực hiện. Công tác NCKH của CB, GV được cụ thể hoá trong Quy định hoạt động KHCN của Trường. Năm 2022, Quy định này được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn. Văn bản quy định rõ định mức

NCKH của GV, định mức NCKH ứng với mỗi công việc, giờ nghiên cứu được quy đổi từ nhiều hình thức hoạt động khoa học [H23.23.01.07].

Hàng năm, Trường ĐHTT điều chỉnh, bổ sung Quy chế làm việc để quy định cụ thể chế độ làm việc và định mức chuẩn khối lượng công việc của GV [H23.23.01.08]. Theo đó, định mức giờ NCKH của GV là Giờ NCKH cần hoàn thành đối với GS. TS: 270, PGS.TS: 240, Tiến sĩ. BSK II: 180, Thạc sĩ. BSK I: 120 giờ chuẩn. Mỗi năm, GV phải hoàn thành nhiệm vụ khoa học được giao tương ứng với chức danh hoặc vị trí công việc đang đảm nhiệm.

ii) Công tác theo dõi, giám sát hoạt động NCKH của GV đã được Trường giao cho Phòng QLKH-HTQT có chức năng tham mưu, giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổng hợp, phát triển, nâng cao hiệu quả công tác NCKH và CGCN của Trường [H23.23.01.09]. Việc đăng ký NCKH của GV được xét chọn công khai, với tiêu chí rõ ràng. Việc xét duyệt đề tài được thực hiện thông qua Hội đồng xét duyệt. Việc đăng ký thực hiện đề tài được thông báo đầy đủ, rộng rãi, công khai tới các GV bằng văn bản [H23.23.01.10]. Sản phẩm NCKH sau khi được hoàn thành đều được đánh giá theo đúng quy định và kết quả nghiên cứu được công bố công khai đến CB, GV trong Trường. Hàng năm, GV đều thực hiện kê khai giờ NCKH và gửi về Phòng Quản lý đào tạo và quy đổi theo quy chế làm việc và quy định quản lý hoạt động NCKH của Trường. Phòng QLKH-HTQT xác nhận việc kê khai này để đảm bảo việc kê khai và đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về loại hình và khối lượng nghiên cứu của GV được rõ ràng, cụ thể, đảm bảo độ tin cậy, chính xác [H23.23.01.11], [H23.23.01.12], [H23.23.01.13].

iii) Trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các BLQ về chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ GV, Trường đã tiến hành đối sánh, thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động NCKH của GV, cụ thể:

Trường đã ban hành bộ tiêu chí đánh giá số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH để theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH. Đối với lực lượng nghiên cứu chủ chốt là CB giảng dạy. Trường có quy định cụ thể về hoạt động nghiên cứu và sản phẩm cần đạt được trong một năm, quy đổi về đơn vị giờ nghiên cứu để đối sánh, đánh giá [H23.23.01.14], [H23.23.01.15], [H23.23.01.16].

Hàng năm, hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các BLQ được xác lập thông qua hội nghị sơ, tổng kết của Trường, thông qua các biên bản họp các ban chỉnh sửa Quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế làm việc. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi còn được thực hiện thông qua các báo cáo hoạt động KHCN, báo cáo hội nghị Khoa học và Đào tạo, báo cáo Hội nghị Cán bộ công nhân nhân viên [H23.23.01.17].

Hàng năm, Trường ĐHTT thực hiện thống kê và báo cáo kết quả hoạt động NCKH của GV và đây là một trong những căn cứ chính để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng. Mức quy đổi từ các hoạt động NCKH được quy

định cụ thể trong Quy định quản lý hoạt động KHCN. Đây là căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng [H23.23.01.18].

Trong quá trình xây dựng CLPT Trường và CLPT hoạt động KHCN, Trường đã tiến hành cải tiến, áp dụng những chính sách nhằm khuyến khích cũng như nâng cao chất lượng hoạt động KHCN như: điều chỉnh các định mức chi cho KHCN, mức thưởng cho các GV, CB có công bố quốc tế, ban hành quy định thành lập các nhóm nghiên cứu [H23.23.01.19], [H23.23.01.20], [H23.23.01.21]. Do đó, chất lượng đề tài/nhiệm vụ KHCN có tăng lên đáng kể, các đề tài giai đoạn này tập trung vào phát triển chương trình đào tạo, nghiên cứu những vấn đề liên quan tới hoạt động đào tạo nên có tính ứng dụng cao [H23.23.01.22]. Để thực hiện cải tiến số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của đội ngũ GV và CB nghiên cứu, Trường ra Quyết định ban hành chỉ số năng lực thực hiện hoạt động NCKH hàng năm [H23.23.01.14], sản phẩm đề tài NCKH phải đáp ứng yêu cầu Quy định quản lý hoạt động KHCN [H23.23.01.23]. Trường đã thực hiện việc đối sánh trong nước về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu NCKH của đội ngũ GV trong lĩnh vực khoa học sức khỏe [H23.23.01.24].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 23.2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Hàng năm, Trường ĐHTT thông báo cụ thể cho NH về loại hình và khối lượng nghiên cứu, theo đó NH có 02 lần đăng ký và được Hội đồng xét duyệt thông qua, mỗi đề tài nghiên cứu phải có ít nhất 01 GV hướng dẫn [H23.23.02.01], [H23.23.02.02], [H23.23.02.03], [H23.23.02.04], [H23.23.02.05], [H23.23.02.06].

Kết quả NCKH của NH được coi là một trong những tiêu chí xét điểm rèn luyện và cộng điểm học tập khi đạt các giải thưởng nghiên cứu [H23.23.02.07]. Việc xác định loại hình nghiên cứu của NH được nêu rõ trong quy định quản lý hoạt động NCKH. Quy trình thực hiện, các loại hình nghiên cứu mà NH có thể tham gia cũng như trách nhiệm và nghĩa vụ của NH, GV hướng dẫn [H23.23.02.08].

Để hoạt động NCKH của NH đạt kết quả cao, Trường có những giải pháp, cơ chế tạo điều kiện cho những NH tất cả các khoá có thể tham gia vào NCKH. Trong quy định quản lý hoạt động KHCN đã quy định cụ thể các loại hình hoạt động nghiên cứu, các hình thức NCKH của NH được thực hiện thông qua đăng ký thực hiện đề tài, tham gia các giải thưởng, cuộc thi NCKH. NH được tiếp cận và sử dụng các thiết bị phòng thí nghiệm của Trường thông qua GV hướng dẫn, được Trường hỗ trợ kinh phí thực hiện NCKH [H23.23.02.09].

Ban giám hiệu phân công một phó Hiệu trưởng phụ trách về hoạt động KHCN trong đó có hoạt động NCKH của NH. Phòng QLKH-HTQT có nhiệm vụ phối hợp chặt chẽ với các đơn vị để theo dõi, giám sát loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu, các hoạt

động của NH [H23.23.02.10]. Phòng QLKH-HTQT phối hợp với các khoa đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động khích lệ các hoạt động NCKH của NH.

ii) Công tác theo dõi, giám sát hoạt động NCKH của NH được Trường thực hiện: Phòng QLKH-HTQT là đơn vị đầu mối, theo dõi giám sát việc thực hiện hoạt động NCKH trong toàn Trường. Các đăng ký NCKH của NH được thông báo rộng rãi và công khai tới NH [H23.23.02.11], được xét chọn công khai với tiêu chí rõ ràng. NH được tư vấn đề cải tiến đề xuất/thuyết minh thông qua các hội đồng xét duyệt các nhiệm vụ KHCN [H23.23.02.12]. Các sản phẩm NCKH sau khi được hoàn thành được đánh giá theo đúng quy định và kết quả nghiên cứu được thông báo đến chủ nhiệm đề tài và đơn vị quản lý [H23.23.02.05].

Phòng QLKH-HTQT thường xuyên cập nhật dữ liệu về các loại hình nghiên cứu và khối lượng nghiên cứu đạt được của NH [H23.23.02.13]. Thông qua hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các BLQ về chất lượng hoạt động nghiên cứu của NH, Trường đã thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động KHCN của NH, cụ thể: Các báo cáo hoạt động KHCN hàng năm của phòng QLKH gửi Trường hàng năm, các báo cáo tại hội nghị tổng kết 5 năm NH NCKH. Trên cơ sở đó, Trường đối sánh, đánh giá hiệu quả, chất lượng hoạt động KHCN của NH [H23.23.02.14], [H23.23.02.15]. Thông qua các báo cáo hoạt động KHCN, Trường đã tiến hành đối sánh về mặt số lượng và chất lượng hoạt động KHCN của NH nói chung cũng như của NH ở các CTĐT khác nhau [H23.23.02.16], [H23.23.02.17], [H23.23.02.18]. Trong giai đoạn 5 năm (2019-2024) từ 2019-2024, Trường đã triển khai và nghiệm thu 23 nhiệm vụ khoa học công nghệ (KHCN), bao gồm: 02 đề tài Nafosted, 19 đề tài cấp Trường, và 02 đề tài NCKH của NH.

iii) Công tác đối sánh, nâng cao chất lượng hoạt động NCKH của NH:

Phòng QLKH-HTQT có nhiệm vụ tham mưu, đề xuất với BGH các phương án cải tiến quy định, phương thức, loại hình, quy trình quản lý các hoạt động NCKH của NH. Những cải tiến này được thể hiện trong các kế hoạch hoạt động KHCN hàng năm. Hoạt động NCKH của NH có sự phối hợp triển khai của các Khoa trong Trường ĐHTT [H23.23.02.17], [H23.23.02.19], [H23.23.02.20].

Chất lượng hoạt động NCKH của NH đã được nâng lên. Năm 2019-2020 có 03 công trình tham dự giải thưởng, năm 2021 -2022 có 05 công trình tham gia và có 02 công trình được lựa chọn vào vòng chung kết [H23.23.02.21].

Trường ĐHTT đã xây dựng kế hoạch cải tiến để tăng số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của NH thông qua việc giao định mức thực hiện NCKH của NH đối với các khoa chuyên ngành [H23.23.01.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trong quy định quản lý hoạt động KHCN của Trường ĐHTT, Trường đã xác lập các loại hình công bố khoa học bao gồm: Bài báo đăng tải trên các tạp chí khoa học trong nước, bài báo đăng tải trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/SCOPUS và bài báo đăng tải trên các tạp chí quốc tế khác, báo cáo khoa học đăng trong các kỷ yếu hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế, giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo, sách hướng dẫn, các chương sách [H23.23.03.01].

Các quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các công bố khoa học cho từng năm được thể hiện trong kế hoạch hoạt động KHCN hàng năm [H23.23.03.02].

Trong kế hoạch hàng năm, Trường ĐHTT đề ra các chỉ tiêu cụ thể về các loại hình công bố khoa học như bài báo đăng trên tạp chí quốc tế uy tín, bài báo đăng trên các tạp chí quốc gia, hội thảo khoa học, Thông tin khoa học của Trường, sách giáo trình, sách chuyên khảo, tham khảo, hội thảo khoa học các cấp, đề tài các cấp. Điều này cho thấy Trường quan tâm đến việc gia tăng số lượng các công bố trong và ngoài nước [H23.23.03.03].

Trường luôn quan tâm tới công tác thống kê, tổng hợp và công bố dữ liệu về KHCN. Số liệu thống kê được lấy từ danh sách tổng hợp công bố khoa học hàng năm của giảng viên các sản phẩm khoa học đã công bố. Hằng năm, Trường rà soát, đánh giá kết quả hoạt động, nhận dạng những điểm mạnh và những điểm yếu cần khắc phục. Trường ĐHTT đã tiến hành đối sánh số lượng và chất lượng các công bố khoa học của Trường theo thời gian và giữa các đơn vị [H23.23.03.04].

Thông qua các báo cáo tổng kết đánh giá những hoạt động KHCN hàng năm, Trường luôn quan tâm đến thống kê, tổng hợp và công bố dữ liệu về KHCN. Số liệu thống kê được lấy từ việc kê khai các sản phẩm khoa học đã công bố của GV. Hằng năm, Phòng QLKH-HTQT thực hiện theo dõi, giám sát. Cơ sở dữ liệu được cập nhật về các loại hình và số lượng các công bố khoa học được thực hiện thông qua việc tổng hợp danh sách các bài viết đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế cũng như trong các hội thảo khoa học trong và ngoài nước. Nhiều tạp chí được các GV Trường ĐHTT chọn đăng là các tạp chí thuộc danh mục WoS/Scopus [H23.23.03.04], [H23.23.03.05], [H23.23.03.06].

Đối sánh để cải tiến nâng cao chất lượng công bố khoa học: Thông qua các báo cáo tổng kết đánh giá những hoạt động KHCN hằng năm, Trường đã tiến hành đối sánh kết quả hoạt động công bố [H23.23.03.07], [H23.23.03.08]. Đầu tư nâng cao năng lực đội ngũ và gia tăng số lượng công bố quốc tế thông qua các nhóm nghiên cứu trong giai đoạn 2021-2025. Hỗ trợ nhóm nghiên cứu theo hình thức giảm giờ dạy [H23.23.03.09].

Để nâng cao chất lượng cũng như gia tăng khả năng công bố quốc tế của các GV, Trường đã có chính sách hỗ trợ khen thưởng, hỗ trợ kinh phí cho các nhà khoa học khi

công bố quốc tế, khi đi tham dự các hội thảo quốc tế. Chính sách này cũng được điều chỉnh hàng năm để phù hợp với tình hình thực tế [H23.23.03.10]. Ngoài ra, Trường cũng ưu tiên xét chọn các chương trình nghiên cứu, đề tài KHCN cấp cơ sở có cam kết công bố quốc tế trên các tạp chí quốc tế có uy tín thuộc các danh mục WoS/Scopus. Các chính sách này cũng được thay đổi, điều chỉnh thường xuyên cho phù hợp với tình hình thực tế.

Trường ĐHTT luôn quan tâm tới công tác thống kê, tổng hợp và công bố dữ liệu về KHCN. Số liệu thống kê được lấy từ việc kê khai các sản phẩm khoa học đã công bố của GV. Hằng năm, Trường rà soát, đánh giá kết quả hoạt động, nhận dạng những điểm mạnh và những điểm yếu cần khắc phục. Trường ĐHTT đã tiến hành đối sánh số lượng và chất lượng các công bố khoa học của Trường theo thời gian, giữa các đơn vị [H23.23.03.11], [H23.23.03.12], [H23.23.03.13], [H23.23.03.14], [H23.23.03.15], [H23.23.03.16]. Ngoài ra, để tạo điều kiện cho những nhà khoa học trong Trường công bố các nghiên cứu.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 23.4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Loại hình và số lượng tài sản trí tuệ: Loại hình và số lượng các TSTT được Trường ĐHTT quy định cụ thể trong Quy chế quản lý hoạt động SHTT. Trong đó, các tài sản trí tuệ trong hoạt động KHCN của Trường ĐHTT đã được quy định cụ thể [H23.23.04.01], [H23.23.04.02], [H23.23.04.03], [H23.23.04.04]. Hằng năm, Trường đều tiến hành rà soát công tác SHTT [H23.23.04.05].

Công tác giám sát: Việc nâng cao hiểu biết về quyền sở hữu trí tuệ cho nhân viên và NH là một hoạt động được ưu tiên của Trường. Trường ĐHTT đã thực hiện tuyên truyền phổ biến trong toàn trường về những vấn đề liên quan đến sở hữu trí tuệ và có thông báo về các quy định của Nhà nước về sở hữu trí tuệ trên website của Phòng QLKH-HTQT và của Trường và ban hành quy trình đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ [H23.23.04.06].

Trường ĐHTT khuyến khích các đơn vị thực hiện và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KHCN đăng ký bản quyền SHTT cho các sản phẩm KHCN và có quy định cụ thể về bản quyền SHTT sản phẩm KHCN. Các hoạt động liên quan đến SHTT đã được trình bày cụ thể trong Tiêu chuẩn 19. Tuy nhiên, do đặc thù NCKH của Trường chủ yếu liên quan đến các loại hình nghiên cứu ứng dụng và phục vụ sản xuất nên các sản phẩm nghiên cứu chủ yếu là các thiết kế mô phỏng, dự báo.

Công tác quản lý các TSTT, cũng như việc giám sát đảm bảo tuân thủ các quy định về sở hữu trí tuệ được Trường giao cho Phòng QLKH-HTQT làm đầu mối [H23.23.04.07]. Trường xác định việc nâng cao hiểu biết về quyền SHTT cho nhân viên và NH để không xảy ra vi phạm quyền SHTT là một trong những hoạt động được ưu tiên. Trường đã ban hành hướng dẫn cụ thể về vấn đề trích dẫn nguồn tài liệu, kiểm tra đạo văn là một tiêu chí trong việc đánh giá, nghiệm thu đề tài KHCN. Đối với các bài viết đăng trên tạp chí của

Trường, trong các hội thảo, Trường cũng có quy định cụ thể về trích dẫn nguồn tài liệu, kiểm tra đạo văn [H23.23.04.08].

Công tác đối sánh, cải tiến chất lượng các loại hình tài sản trí tuệ của Trường:

Trường đã thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ. Bên cạnh đó, Trường cũng tiến hành rà soát, điều chỉnh các chỉ số về loại hình và số lượng các TSTT hàng năm. Trường có kế hoạch cải tiến chất lượng các TSTT căn cứ thông tin phản hồi của các BLQ về loại hình và số lượng TSTT của Trường. Các hoạt động này thể hiện qua báo cáo KHCN hàng năm [H23.23.04.09], [H23.23.04.10], [H23.23.04.11], [H23.23.04.12], [H23.23.04.13], [H23.23.04.14], [H23.23.04.15].

Để cải tiến chất lượng các tài sản trí tuệ hàng năm, Trường đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng CSGD, các hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các BLQ về loại hình và số lượng các TSTT và đã ban hành quy chế và quyết định thành lập nhóm nghiên cứu [H23.23.04.16], [H23.23.04.17].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trường ĐHTT đã ban hành văn bản quy định cụ thể việc phân bổ ngân quỹ cho hoạt động NCKH. Cụ thể thông qua việc phê duyệt kế hoạch hoạt động ngân sách (trong đó có kế hoạch hoạt động và kế hoạch ngân sách cho hoạt động KHCN). Căn cứ dựa trên Chiến lược phát triển Trường cũng như chiến lược phát triển hoạt động KHCN để xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN từng năm. Phòng QLKH-HTQT có trách nhiệm xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN và dự trù kinh phí cho từng loại hình hoạt động hàng năm, trên cơ sở phê duyệt của Hiệu trưởng, Phòng TCKT sẽ phân bổ theo từng loại hình nhiệm vụ hoạt động NCKH [H23.23.05.01], [H23.23.05.02], [H23.23.05.03], [H23.23.05.04].

Chi cho hoạt động KHCN được thực hiện theo đúng quy định. Đối với các đề tài/nhiệm vụ cấp tỉnh, Bộ trở lên (nguồn kinh phí được cấp từ ngân sách Nhà nước), việc thực hiện chỉ căn cứ theo quy định của Nhà nước. Các đề tài/nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở cũng như các hoạt động KHCN khác từ ngân sách của Trường được chi theo các định mức trong quy chế chi tiêu nội bộ [H23.23.05.02], [H23.23.05.05].

Trường ĐHTT có hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ thông qua biên bản Hội nghị tổng kết sinh viên NCKH, Hội nghị tổng kết 05 năm NCKH của GV, báo cáo tổng kết của Trường, báo cáo tổng kết hoạt động KHCN của phòng QLKH hàng năm. Bên cạnh đó, thông qua quy chế chi tiêu nội bộ, Trường thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ về hoạt động KHCN [H23.23.05.06], [H23.23.05.07], [H23.23.05.08], [H23.23.05.06].

Trường có hệ thống giám sát việc chi cho hoạt động KHCN theo quy định của Nhà nước (đối với các nhiệm vụ/đề tài sử dụng ngân sách nhà nước) và theo quy chế chi tiêu nội bộ (đối với những nhiệm vụ/đề tài/hoạt động sử dụng kinh phí của Trường). Các kết

quả thanh tra, kiểm toán hàng năm cũng cho thấy việc chi cho NCKH đảm bảo theo đúng dự toán, theo đúng quy định của Nhà nước và của Trường [H23.23.05.02], [H23.23.05.05].

Trường thực hiện đối sánh, điều chỉnh ngân quỹ cho từng loại hoạt động KHCN hàng năm. Thông qua hệ thống giám sát, hệ thống thu thập thông tin về việc chi cho hoạt động KHCN, Trường ĐHTT cân đối và điều chỉnh ngân quỹ cho từng hoạt động NCKH [H23.23.05.09]. Báo cáo thống kê kinh phí chi cho NCKH cho thấy sau đại dịch Covid-19 ngân quỹ chi cho NCKH tăng lên hàng năm từ năm 2021.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 23.6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyên giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trường ĐHTT có quy định cụ thể về kết quả nghiên cứu và sáng tạo ở hoạt động NCKH trong Chiến lược phát triển KHCN Trường. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo bao gồm thương mại hóa và chuyển giao tri thức cho cộng đồng, doanh nghiệp. Các kết quả NCKH và sáng tạo được ghi nhận thông qua các báo cáo hoạt động KHCN. Cụ thể là, các kết quả nghiên cứu từ các đề tài/nhiệm vụ cấp trên cơ sở (cấp quốc gia, cấp Bộ) được chuyển giao cho các cơ quan quản lý Nhà nước. Các đề tài/nhiệm vụ cấp Tỉnh được chuyển giao cho các địa phương. Nhiều đề tài/nhiệm vụ cấp cơ sở được chuyển giao cho các doanh nghiệp, tổ chức [H23.23.06.01], [H23.23.06.02], [H23.23.06.03], [H23.23.06.04].

Trường đã tích cực, chủ động, sáng tạo thực hiện sứ mạng PVCĐ thông qua các hoạt động: Xây dựng các khóa đào tạo để phát triển cộng đồng doanh nhân/người lao động, đổi mới các mô hình đào tạo và hợp tác với doanh nghiệp hướng tới tạo ra giá trị gia tăng cho cộng đồng, đầu tư cho các hoạt động và dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hướng tới PVCĐ, thực hiện các hoạt động thiện nguyện... Đánh dấu cho việc tích cực tham gia hoạt động đổi mới sáng tạo, khuyến khích mọi hoạt động đổi mới sáng tạo, Trường có bộ phận đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp thuộc Trung Tâm Khởi Nghiệp và Phòng QLKH-HTQT [H23.23.06.05], [H23.23.06.06], [H23.23.06.07], [H23.23.06.08].

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các BLQ về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo được thể hiện qua báo cáo hoạt động KHCN hàng năm, các quy định chức năng, nhiệm vụ của Phòng QLKH-HTQT [H23.23.06.9], [H23.23.06.10].

Các báo cáo và kết quả thống kê hàng năm cho thấy có sự gia tăng về công bố khoa học, trong đó có nhiều công bố khoa học chất lượng cao trên các tạp chí WoS/SCOPUS. Với mong muốn thúc đẩy hoạt động NCKH, tăng cường khả năng công bố quốc tế, Trường đã triển khai thành lập 04 nhóm nghiên cứu tập trung theo các định hướng nghiên cứu cơ bản và ứng dụng [H23.23.06.10], [H23.23.06.11].

Đầu mối của đơn vị khởi nghiệp do Trung Tâm Khởi Nghiệp phụ trách, các sản phẩm KHCN còn hạn chế. Để nâng cao chất lượng NCKH, Trường đã tiến hành khảo sát về sự

hài lòng của các cá nhân, đơn vị về công tác KHCN của trường [H23.23.06.12]. Các ý kiến góp ý bao gồm cá nhân, BM, khoa, đơn vị sự nghiệp về công tác quản lý, quy định khen thưởng, thu chi, cơ chế hoạt động đã được tổng hợp, xem xét để cải tiến trong quy chế hoạt động KHCN [H23.23.06.13].

Trường ĐHTT đã bước đầu thực hiện việc đối sánh về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyên giao, thành lập bộ phận phụ trách khởi nghiệp), thực hiện rà soát và điều chỉnh hoạt động nghiên cứu và sáng tạo, có kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các BLQ về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo. Hoạt động này trước hết được thể hiện trong các văn bản chiến lược về KHCN [H23.23.06.14] [H23.23.06.15]. Ngoài ra, việc này còn được thể hiện trong các văn bản của Trường như: báo cáo hoạt động KHCN, Kế hoạch hoạt động KHCN hàng năm [H23.23.06.16], [H23.23.06.17].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 23:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Trường đã xây dựng được hệ thống xác lập, theo dõi, giám sát, thu thập thông tin phản hồi các BLQ và thực hiện đối sánh, cải tiến loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV, nghiên cứu viên đầy đủ, khoa học theo đúng quy định hiện hành và thông tư hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

Định mức về giờ NCKH phù hợp với các đối tượng GV để khuyến khích được các cán bộ nghiên cứu tham gia hoạt động KHCN và nâng cao chất lượng nghiên cứu cũng như vị thế của Trường trong nước và khu vực.

Trường đã xây dựng được hệ thống xác lập, theo dõi, giám sát, thu thập thông tin phản hồi các BLQ và thực hiện đối sánh, cải tiến loại hình và khối lượng nghiên cứu của NH tương đối đầy đủ, khoa học theo đúng quy định hiện hành và thông tư hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

Trường đã xác lập được các loại hình và số lượng các công bố khoa học, có quy định cụ thể về số lượng và chất lượng về các công bố khoa học, có CSDL được cập nhật thường xuyên. Trường thiết lập được hệ thống theo dõi, thống kê số lượng các công bố khoa học và thực hiện đối sánh, cải tiến nâng cao chất lượng về các loại hình và số lượng công bố khoa học.

Trường đã xây dựng được quy định, hệ thống giám sát, theo dõi về các loại hình và số lượng TSTT tương đối đầy đủ, rõ ràng. Đồng thời cũng có hệ thống quản lý CSDL TSTT bằng công nghệ. Trường đã thực hiện tốt công tác đối sánh và cải tiến để nâng cao chất lượng, số lượng các loại hình TSTT và công bố khoa học.

Trường đã xây dựng được hệ thống xác lập, theo dõi, giám sát, thu thập thông tin phản hồi các BLQ và thực hiện đối sánh, cải tiến ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu tương đối đầy đủ, khoa học theo đúng quy định hiện hành của Bộ.

Trường đã xác lập được các chỉ số về kết quả nghiên cứu và sáng tạo, đồng thời có các quy định cụ thể về số lượng và chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo.

Trường đã thực hiện đối sánh các loại hình và số lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo giữa các năm và đối sánh với các mốc chuẩn.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Trường đã có nhiều chính sách hỗ trợ kinh phí cho GV trong NCKH như phê duyệt chương trình đề tài trọng điểm cấp trường, thưởng bài báo đăng trên tạp chí quốc tế và hỗ trợ thêm kinh phí cho đề tài KHCN cấp trường nghiệm thu đạt loại xuất sắc, tuy nhiên chưa có quy định riêng về khen thưởng trong KHCN.

Chưa có các quy định về khen thưởng, cũng như chế độ học bổng cho HV và SV tham gia NCKH.

Cơ sở dữ liệu về loại hình và số lượng công bố khoa học đang được quản lý bằng Google drive tùy phần mềm quản lý khoa học hiện đang xây dựng và sẽ đưa vào hoạt động vào cuối năm 2024, nên Google drive hiện tại chưa đáp ứng được một số yêu cầu thống kê phục vụ báo cáo tổng kết của Trường.

Trường đã xây dựng được hệ thống ghi nhận các TSTT tương đối đầy đủ, rõ ràng, tuy nhiên chưa có danh mục TSTT riêng về kết quả NCKH có thể chuyển giao, thương mại hóa cho các doanh nghiệp.

Ngân quỹ đầu tư cho KHCN của Trường còn khiêm tốn.

Chưa thành lập vườn ươm doanh nghiệp và doanh nghiệp khởi nghiệp.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng quy định khen thưởng trong KHCN của Trường	Phòng QLKH-HTQT là đầu mối	Hàng năm	
2	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng quy định về khen thưởng, cũng như chế độ học bổng cho NH tham gia NCKH	Phòng QLKH-HTQT là đầu mối GV phối hợp	Hàng năm	
3	Khắc phục tồn tại 3	Rà soát, nâng cấp phần mềm quản lý khoa học	BGH Phòng QLKH-HTQT là đầu mối	2023-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
4	Khắc phục tồn tại 4	Xây dựng danh mục TSTT của Trường có khả năng chuyển giao, thương mại hoá	BGH Phòng QLKH-HTQT GV	2023-2025	
5	Khắc phục tồn tại 5	Thu hút, đa dạng hóa các nguồn đầu tư cho KHCN	Phòng QLKH-HTQT là đầu mối Phòng TCKT phối hợp	Hàng năm	
6	Khắc phục tồn tại 6	- Thu hút, đa dạng hóa các nguồn đầu tư cho KHCN. - Duy trì và không ngừng nâng cao tiềm lực KHCN của Trường.	BGH Phòng QLKH-HTQT là đầu mối Phòng TCKT phối hợp	2023-2025	
7	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục phát huy và nâng cao năng lực chủ trì thực hiện đề tài KHCN cấp Quốc gia, cấp Bộ và Hợp đồng dịch vụ, nghiên cứu phát triển sản phẩm	HĐT BGH Phòng QLKH-HTQT là đầu mối GV phối hợp	Hàng năm	
8	Phát huy điểm mạnh 2	Duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động NCKH của NH	BGH GV NH	Hàng năm	
9	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục cập nhật CSDL về loại hình, khối lượng, chất lượng nghiên cứu và tăng cường sử dụng CSDL trong hoạt động quản lý. Xây dựng, đổi mới phần mềm quản lý khoa học Thường xuyên cập nhật các CSDL về NCKH của Trường	Phòng QLKH-HTQT Các cá nhân, đơn vị liên quan	Thường xuyên	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
10	Phát huy điểm mạnh 4	Thường xuyên cập nhật các quy định về SHTT của cơ quan quản lý Nhà nước để nâng cao hệ thống quản lý, giám sát, thực hiện công tác SHTT	BGH Phòng QLKH-HTQT GV	Hàng năm	
11	Phát huy điểm mạnh 5	Duy trì và không ngừng nâng cao tiềm lực KHCN của Trường	BGH GV Phòng QLKH-HTQT là đầu mối Các đơn vị phối hợp	Hàng năm	
12	Phát huy điểm mạnh 6	Ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ kinh phí các kết quả nghiên cứu sáng tạo	BGH Phòng QLKH-HTQT là đầu mối Các đơn vị phối hợp	Hàng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 23	5,00
Tiêu chí 23.1	5
Tiêu chí 23.2	5
Tiêu chí 23.3	5
Tiêu chí 23.4	5
Tiêu chí 23.5	5
Tiêu chí 23.6	5

Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 24.1. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trong “Chiến lược phát triển Trường ĐHTT giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn đến 2030” và “Kế hoạch phát triển trường ĐHTT giai đoạn 2012, 2015, 2020-2020 và đến năm 2030”, Trường ĐHTT xác định rõ mục tiêu chiến lược “Phát triển quy mô đào tạo đại học

và sau đại học phù hợp trường đại học định hướng nghiên cứu; Chương trình được thiết kế để đảm bảo NH tốt nghiệp là những công dân có tư duy toàn cầu và có trách nhiệm, có năng lực nghiên cứu, có phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng được xu thế phát triển của xã hội trong từng giai đoạn, có thể tiếp tục học tập và làm việc ở môi trường quốc tế, hội nhập”. [H24.24.01.01].

Các loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ đóng góp cho xã hội được Trường ĐHTT xác lập và ban hành Quy định hoạt động kết nối và PVCĐ (Quyết định số 44/QĐ-ĐHTT.22 ngày 05 tháng 04 năm 2022) và Quy định Hệ thống đo lường kết quả hoạt động kết nối và PVCĐ (Quyết định số 85/QĐ-ĐHTT.22 ngày 27 tháng 06 năm 2022) [H24.24.01.02]. Hằng năm, Trường xây dựng và tổ chức thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ [H24.24.01.03] và được cụ thể hóa bằng việc triển khai kế hoạch hoạt động năm học [H24.24.1.04], kế hoạch phong trào sinh viên [H24.24.01.05] và kế hoạch công đoàn hằng năm [H24.24.01.06]. Nội dung, số lượng và hình thức tổ chức các chương trình, hoạt động luôn được xác định rõ ràng, cụ thể, hồ sơ hằng năm được lưu trữ cẩn thận [H24.24.01.07], [H24.24.01.08], [H24.24.01.09].

Trong giai đoạn đánh giá, Trường ĐHTT đã ban hành các văn bản pháp quy nhằm định hướng, hỗ trợ, giám sát về loại hình, khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội và được cụ thể hóa trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHTT [H24.24.01.10]. Thành viên trong BGH Trường cũng được phân công nhiệm vụ rất cụ thể các nội dung phụ trách lĩnh vực hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H24.24.01.11].

Trường giao nhiệm vụ cho Phòng CTSV-HTDN triển khai kế hoạch thực hiện công tác giám sát hằng năm. Hoạt động kiểm tra, giám sát các loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ còn được cụ thể hóa trong quy chế làm việc của Trường ĐHTT [H24.24.01.12]. BGH Trường thường xuyên nhắc nhở, triển khai nghiêm túc thông qua kết luận giao ban hàng tháng của Trường [H24.24.01.13]. Dữ liệu về số lượng, hình thức tổ chức các hoạt động kết nối và PVCĐ theo từng lĩnh vực thể hiện trong báo cáo tổng kết hoạt động năm học [H24.24.01.15].

Bên cạnh đó, Công đoàn, Câu lạc bộ, Trường tổ chức nhiều hoạt động tình nguyện, nhân đạo, từ thiện như: Tình nguyện Mùa hè xanh-Summer Service Camp, Ngày Chủ nhật xanh, Hiến máu tình nguyện, Giáng sinh yêu thương. Trong đó, chương trình Tình nguyện “Mùa hè xanh- summer service camp” và Giáng sinh yêu thương là hoạt động nổi bật với các hoạt động tình nguyện ở các xã vùng sâu, vùng xa khó khăn của tỉnh nhà và một số tỉnh ở Đồng bằng Sông Cửu Long tham gia làm đường giao thông nông thôn, các công trình văn hóa xây dựng nông thôn mới, trao quà cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, giúp đỡ học sinh nghèo vượt khó. Trường tuyên truyền và khuyến khích CB, GV, NH cùng tích cực tham gia chương trình hiến máu tình nguyện. Ngoài ra, năm học 2022-

2023 và 2023-2024, Trường đẩy mạnh các hoạt động giao lưu văn hoá nghệ thuật thông qua việc đăng cai tổ chức các cuộc thi văn nghệ thu hút đông đảo thí sinh trong và ngoài tỉnh Long An tham gia. Trường thực hiện đối sánh hoạt động kết nối, PVCĐ từng năm học và từng giai đoạn cụ thể qua mỗi báo cáo tổng kết, Phòng CTSV-HTDN rà soát lại các chỉ số đề ra để KTĐG hiệu quả hoạt động, đồng thời đối sánh kết quả thực hiện với chỉ tiêu đề ra trong kế hoạch của Trường để phân tích, đánh giá tính hiệu quả và xu hướng phát triển của các loại hình và khối lượng tham gia vào các hoạt động cộng đồng, chỉ tiêu nào chưa đạt phải phân tích nguyên nhân, giải trình và có biện pháp cải tiến [H24.24.01.16].

Báo cáo hằng năm Phòng CTSV-HTDN [H24.24.01.17], Phòng QLKH-HTQT [H24.24.01.18], các báo cáo tổng kết hoạt động sinh viên [H24.24.01.19] cho thấy điểm mạnh, điểm yếu, biện pháp khắc phục cùng với báo cáo đối sánh giữa các năm tạo căn cứ cho việc rà soát, điều chỉnh [H24.24.01.20].

Qua kết quả thực hiện trong hoạt động kết nối và PVCĐ hàng năm, Trường ĐHTT tiến hành khen thưởng cho những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tại đơn vị. Nhiều tập thể, cá nhân vinh dự được nhận bằng khen, giấy khen đối với các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H24.24.01.21].

Định kỳ, Trường ĐHTT đã lập kế hoạch tổ chức khảo sát thu thập thông tin phản hồi của các BLQ về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H24.24.01.22] và tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi CNH, đơn vị sử dụng lao động về hoạt động kết nối và PVCĐ và báo cáo cụ thể kết quả khảo sát. Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của NH đang học tập và rèn luyện về hoạt động kết nối và PVCĐ. Đối với CB, GV, Trường đã tiến hành khảo sát về hoạt động kết nối và PVCĐ [H24.24.01.23], thông qua các báo cáo khảo sát từng năm làm căn cứ để điều chỉnh, nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát NH, cải tiến các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội. Các ý kiến đóng góp hằng năm đều được Trường tiếp thu và phân tích để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng cho phù hợp, sát với thực tế, phát huy tối đa nguồn lực và khả năng đáp ứng của Trường [H24.24.01.24].

Trường ĐHTT đã có sự đầu tư về kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị để góp phần thực hiện tốt hoạt động kết nối và PVCĐ. Từng bước nâng cao hình ảnh, thương hiệu, uy tín của Trường đối với xã hội [H24.24.01.25].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 24.2. Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Phòng CTSV-HTDN chịu trách nhiệm lập kế hoạch chung cho việc tổ chức thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ của toàn trường. Xây dựng CSDL, lưu trữ minh chứng và viết báo cáo tổng hợp về các hoạt động kết nối, PVCĐ trên cơ sở theo dõi, kiểm tra, giám sát và báo cáo của các đơn vị theo quy định. Bên cạnh đó, các đơn vị phòng, khoa chức

năng chủ trì xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động kết nối và PVCĐ của đơn vị mình theo các nội dung được giao, dựa trên kế hoạch chung của Trường ĐHTT và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị **[H24.24.02.01]**.

Trường đã đề ra các tiêu chuẩn để đo lường, giám sát, đánh giá các hoạt động kết nối và PVCĐ của CB, GV và SV, gồm các hoạt động:

i) Đối với CB, GV, NLD: Định mức thực hiện các nhiệm vụ cụ thể cho CB, GV gồm định mức giảng dạy, định mức NCKH, tham gia các hoạt động PVCĐ, được quy định cụ thể trong quy định chế độ làm việc đối với GV Trường ĐHTT. Trường ban hành quy định, triển khai đánh giá xếp loại thi đua đối với đội ngũ CB, GV từng năm học ở các mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ. Căn cứ để đánh giá xếp loại, ngoài hoàn thành các nhiệm vụ chuyên môn, CB, GV còn được đánh giá theo các tiêu chí liên quan đến nhiệm vụ kết nối và PVCĐ quy định. Đồng thời, đây cũng là căn cứ để bình xét các danh hiệu thi đua các cấp, xét nâng lương **[H24.24.02.02]**.

ii) Đối với NH: Khi kết thúc mỗi học kỳ, việc đánh giá kết quả rèn luyện được đánh giá ở 3 cấp độ: tự đánh giá, lớp đánh giá và khoa đánh giá, sau đó đề xuất Phòng CTSV-HTDN công nhận kết quả đánh giá. Điểm đánh giá dựa trên nhiều tiêu chí, trong đó có tiêu chí về tham gia các hoạt động PVCĐ như tham gia các hoạt động tình nguyện, các chương trình văn hóa, văn nghệ, TDTT.... Đặc biệt, các hoạt động kết nối, PVCĐ của NH là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá, khen thưởng các cấp, xét danh hiệu **[H24.24.02.03]**. Trên cơ sở đó, BGH Trường hướng dẫn, chỉ đạo cho các phòng ban liên quan **[H24.24.02.04]** và Công đoàn triển khai kế hoạch cụ thể **[H24.24.02.05]**.

Trong báo cáo tổng kết năm học **[H24.24.02.06]**, báo cáo kết quả hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường ĐHTT đều đánh giá tác động xã hội, kết quả của các hoạt động kết nối và PVCĐ đã triển khai trong năm học **[H24.24.02.07]**.

Trường ĐHTT đã phân công nhiệm vụ, chức năng cho Phòng CTSV-HTDN **[H24.24.02.08]**, định kỳ triển khai kế hoạch tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ **[H24.24.02.09]**. Vai trò kiểm tra, giám sát đánh giá tác động xã hội, kết quả của các hoạt động kết nối và PVCĐ được thể hiện trong quy định chức năng, các hoạt động NCKH và CGCN được thể hiện trong nhiệm vụ của Phòng CTSV-HTDN và Phòng QLKH-HTQT. Báo cáo của Phòng QLKH-HTQT và Phòng CTSV-HTDN là một trong những cơ sở quan trọng giúp Trường ĐHTT đưa ra những phương pháp cải tiến kết nối và PVCĐ ngày một hiệu quả hơn **[H24.24.02.10]**.

Hoạt động đối sánh về tác động xã hội, kết quả của các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội được thể hiện trong báo cáo đối sánh hàng năm trong từng giai đoạn cụ thể. Qua bảng số liệu đối sánh, có thể thấy các hoạt động kết nối và PVCĐ giai đoạn 2022-2023 so với năm học 2023-2024 có một số lĩnh vực được nâng cao cả về số lượng và

chất lượng, nổi bật như một số nội dung của lĩnh vực NCKH như: số buổi hội thảo, số buổi học thuật; các hoạt động hợp tác DN được tăng lên đáng kể; đẩy mạnh kết nối, phối hợp với các cấp, chính quyền địa phương tổ chức các hoạt động khởi nghiệp; các hoạt động tình nguyện, thiện nguyện và nhân đạo trong và ngoài tỉnh, đem lại hiệu quả thiết thực được các cấp chính quyền địa phương ghi nhận, góp phần thúc đẩy sự phát triển xã hội nói chung và địa phương tỉnh nhà nói riêng. Giai đoạn 2020-2021 có nhiều hoạt động PVCD giảm so với những năm trước do ảnh hưởng của dịch Covid. Đó là số buổi hội thảo khoa học, thanh niên tình nguyện, các thiện nguyện và giao lưu văn hóa nghệ thuật giảm hơn so với những năm. Điều này được Trường xem xét, khắc phục ngay sau năm học 2021-2022 và các hoạt động này trở nên sôi nổi, mạnh mẽ trong các năm học 2022-2023, 2023-2024. Qua đó, cho thấy các hoạt động này đã được lãnh đạo Trường ĐHTT ngày càng chú trọng, quan tâm chỉ đạo. [H24.24.02.11].

Bảng 24.02.01. Bảng tổng hợp công tác tình nguyện, thiện nguyện, hiến máu tình nguyện qua các giai đoạn

TT	Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Tình nguyện Mùa hè xanh	50	42	0	46	34
2	Hoạt động thiện nguyện, nhân đạo	237	250	170	278	340
3	Hiến máu nhân đạo	23	12	30	18	32

Trường giao cho Phòng CTSV-HTDN và Phòng QLKH-HTQT là đơn vị đầu mối để thực hiện và hỗ trợ các đơn vị trong trường tổ chức thực hiện khảo sát, đánh giá và giám sát tác động của xã hội, kết quả hoạt động PVCD, đóng góp cho xã hội.

Phòng CTSV-HTDN và Phòng QLKH-HTQT phối hợp Phòng KT-BĐCL tham mưu cho BGH ban hành kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi CNH, đơn vị sử dụng lao động về hoạt động kết nối và PVCD [H24.24.02.12]. Kết quả báo cáo thể hiện ý kiến của các BLQ cụ thể theo từng năm học như: báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của CNH và đơn vị sử dụng lao động [H24.24.02.13], báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của NH [H24.24.02.14], báo cáo tổng kết kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của CB, GV [H24.24.02.15].

Báo cáo cụ thể sau các đợt khảo sát để kịp thời có những điều chỉnh phù hợp để cải tiến chất lượng và nâng cao hiệu quả giáo dục và đào tạo. Trường cải tiến chất lượng về hoạt động kết nối và PVCD từng giai đoạn và cải tiến hoạt động phục vụ hỗ trợ và giám sát NH [H24.24.02.16]. Việc cải tiến chất lượng các hoạt động PVCD được cụ thể hóa trong kế hoạch đào tạo, NCKH, các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, từ thiện của các đơn

vị liên quan trong Trường và các tổ chức đoàn thể. Trường đã có những so sánh và đánh giá kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ qua những mảng công tác hàng năm của các đơn vị và đoàn thể trong trường để có cái nhìn khách quan tổng thể và có những điều chỉnh tác động lên kế hoạch cho năm tiếp theo nhằm đạt được những kết quả cao hơn. Các kết quả báo cáo hằng năm, kết quả đối sánh có sự tăng tiến về số lượng và chất lượng loại hình hoạt động, là minh chứng cho thấy sự nỗ lực của tập thể cán bộ, GV của Trường trong công cuộc cải tiến và nâng cao các giá trị của hoạt động kết nối và PVCĐ. Bên cạnh đó, Trường đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị để đáp ứng được yêu cầu từ xã hội trên cơ sở các ý kiến khảo sát của các BLQ [H24.24.02.17].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 24.3. Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với NH và đội ngũ CB, GV, NV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trường ĐHTT có xây dựng kế hoạch và thực hiện có hiệu quả việc đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với NH, đội ngũ CB, GV, NV [H24.24.03.01]; hoạt động kết nối và PVCĐ được cụ thể trong kế hoạch hoạt động từng năm học [H24.24.03.02]. Trên cơ sở kế hoạch của Trường, các đơn vị trực thuộc có liên quan xây dựng kế hoạch của đơn vị và thực hiện đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với NH. Điều này thể hiện cụ thể trong chương trình công tác hoạt động phong trào sinh viên [H24.24.03.03]. Đối với CB, GV, NV tham gia vào các hoạt động kết nối và PVCĐ được cụ thể hóa trong kế hoạch hoạt động Công đoàn hàng năm [H24.24.03.04], thông báo giao ban định kỳ của Trường [H24.24.03.05].

Hoạt động kết nối và PVCĐ được triển khai qua Công đoàn và Phòng CTSV-HTDN luôn được sự đánh giá cao và ghi nhận từ các đơn vị liên quan. Đây cũng là đầu mối thu thập thông tin phản hồi của các BLQ về tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội. Các hoạt động thường xuyên, tích cực của Công đoàn Trường, Phòng CTSV-HTDN với các chiến dịch và hoạt động tình nguyện đa dạng, thiết thực, hiệu quả, hầu hết người hưởng lợi và địa phương đánh giá cao sự đóng góp của Trường vào sự phát triển kinh tế, văn hoá và xã hội của địa phương, được các bộ, ban, ngành từ Trung ương đến địa phương ghi nhận, đánh giá rất cao thông qua các cờ thi đua, bằng khen, giấy khen các cấp. Kết quả hoạt động kết nối và PVCĐ đối với NH và đội ngũ CB, GV, NV được thể hiện cụ thể trong báo cáo thực hiện nhiệm vụ năm học [H24.24.03.06] và các báo cáo tổng kết phong trào sinh viên [H24.24.03.07]. Hằng năm, Trường đều có báo cáo hoạt động kết nối và PVCĐ [H24.24.03.08].

Để giám sát về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội, trường ĐHTT ban hành các văn bản pháp quy nhằm hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm soát các hoạt động kết nối và PVCĐ nhằm đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo. Điều này được thể hiện qua kế hoạch khảo sát hàng năm, định kỳ của Phòng KT-BĐCL

đối với các đơn vị trong Trường [H24.24.03.09]. Ngoài ra, công tác kiểm tra, giám sát các loại hình, khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường còn được cụ thể hóa trong Quy định thanh tra, kiểm tra nội bộ của trường [H24.24.03.10], [H24.24.03.11], Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và quyết định phân công nhiệm vụ của BGH Trường [H24.24.03.12], [H24.24.03.13].

Trường giao cho Phòng CTSV-HTDN là đơn vị trực tiếp đánh giá tác động, kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ [H24.24.03.14], trực tiếp tham mưu cho BGH ban hành Quy định về công tác quản lý NH để tăng cường hơn công tác giám sát tác động xã hội và kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với NH [H24.24.03.15]. Kết quả, hàng năm không có NH sinh vi phạm nội quy, quy chế của Trường, thực hiện tốt nhiệm vụ của NH, tham gia nhiều phong trào hoạt động kết nối và PVCĐ.

Bảng 24.03.01. Tổng hợp số lượng NH tham gia các hoạt động Đoàn-Hội phục vụ cộng đồng

TT	Năm học	NH tham gia Giáng sinh yêu thương- Xuân tình nguyện	NH tham gia Hiển máu tình nguyện	NH tham gia Mùa hè xanh
1	2019-2020	78	23	50
2	2020-2021	86	12	42
3	2021-2022	63	30	0
4	2022-2023	102	18	46
5	2023-2024	91	32	34

Để thực hiện đúng quy định về việc đánh giá, giám sát các hoạt động kết nối và PVCĐ, Trường giao cho Ban Thanh tra là đơn vị trực tiếp thực hiện và hỗ trợ các đơn vị trong trường tổ chức thực hiện khảo sát, đánh giá và giám sát các hoạt động kết nối và PVCĐ. Đồng thời, ban hành quy định tổ chức hoạt động của Thư viện, trong đó có thể hiện vai trò phục vụ và hỗ trợ hoạt động kết nối và PVCĐ đối với NH và đội ngũ CB, GV và NV đối trong quá trình tổ chức thực hiện [H24.24.03.16].

Trường ĐHTT có thực hiện đối sánh về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội. Hàng năm có xây dựng kế hoạch khảo sát lấy ý kiến của các bên có liên quan về PVCĐ. Tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với NH và đội ngũ CB, GV, NV được tổng hợp qua các báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ năm học và báo cáo đối sánh thống kê số lượng hoạt động liên quan đến công tác kết nối và PVCĐ năm học trước với năm học sau, qua đó đánh giá được kết quả thực hiện so với chỉ tiêu đề ra [H24.24.03.17]. Việc đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với NH và đội ngũ CB, GV, NV còn được thể hiện qua báo cáo, kết luận của Ban thanh tra

hàng năm [H24.24.03.18], Báo cáo của Công đoàn [H24.24.03.19] và các báo cáo tổng kết hoạt động sinh viên hàng năm [H24.24.03.20].

Trường ĐHTT có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các BLQ về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với NH và đội ngũ CB, GV, NV. Hàng năm, Trường triển khai kế hoạch hướng dẫn cụ thể về cách thức khảo sát thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ hàng năm, trong đó có khảo sát thu thập thông tin phản hồi của NH và đội ngũ CB, GV, NV về hoạt động kết nối và PVCĐ thông qua các hình thức khảo sát trực tuyến (google forms, intranet) dựa trên mẫu phiếu khảo sát do Trường ban hành [H24.24.03.21]. Sau khi thực hiện quá trình khảo sát, Trường tiến hành thống kê, phân tích, xử lý dữ liệu, đối sánh tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với NH và đội ngũ CB, GV, NV và lập báo cáo trình BGH xem xét [H24.24.03.22].

Qua việc phân tích, đối sánh kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ, Trường triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng PVCĐ theo từng giai đoạn [H24.24.03.23], thực hiện cải tiến chất lượng hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát NH [H24.24.03.24]. Trường đã ban hành Chiến lược phát triển đội ngũ CB, GV đến giai đoạn 2021-2026 và Tầm nhìn đến năm 2030 và đều có báo cáo kết quả thực hiện để thấy được mức độ, sự chuyển biến trong việc cải tiến, đáp ứng được yêu cầu, chất lượng PVCĐ trong CB, GV, NV [H24.24.03.25], [H24.24.03.26].

Bảng 24.03.02. Tổng hợp chi phát triển đội ngũ

Đơn vị tính: đồng

Năm	2019	2020	2021	2022	2023
Số tiền	396.000.000	113.000.000	0	30.000.000	173.000.000

Bảng 24.03.03. Tổng hợp chi cho các hoạt động kết nối doanh nghiệp, tư vấn và hỗ trợ việc làm

Đơn vị tính: đồng

Năm	2019	2020	2021	2022	2023
Số tiền	1.024.000.000	1.000.000	0	107.000.000	325.000.000

Đồng thời, Trường thường xuyên tổ chức Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa NH với BGH để ghi nhận và xem xét các kiến nghị của NH [H24.24.03.27]. Cơ sở vật chất cũng sẽ được chú trọng, đầu tư cho hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo và đổi mới môi trường giáo dục theo hướng hiện đại và hội nhập [H24.24.03.28]. Hoạt động NCKH và chuyển giao KHCN của Trường được tổ chức nghiệm thu hàng năm, góp phần nâng cao chất lượng và đóng góp cho sự phát triển của xã hội.

Bảng 24.03.04. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao KHCN của Trường ĐHTT được nghiệm thu

TT	Phân loại đề tài	Số lượng					Tổng số
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
1	Đề tài cấp Nhà nước	-	1	-	-	1	02
2	Đề tài cấp Bộ*	-	-	-	-	-	-
3	Đề tài cấp trường	11	4	2	0	6	23
	Tổng cộng	11	5	2	0	3	25

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 24.4. Sự hài lòng của các BLQ về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Hàng năm, Trường ĐHTT có xây dựng kế hoạch và thực hiện khảo sát, đánh giá, giám sát sự hài lòng của các BLQ về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội. Điều này được thể hiện trong CLPT của Trường ĐHTT [H24.24.04.01] và được cụ thể hóa thông báo SM, TN, GTCL và TLGD của Trường [H24.24.04.02]. Trường đã ban hành Quy định hoạt động kết nối và PVCD và quy định hệ thống đo lường kết quả hoạt động kết nối và PVCD của Trường [H24.24.04.03]. Qua đó, Trường ban hành kế hoạch xây dựng và tổ chức thực hiện các hoạt động kết nối và PVCD [H24.24.04.04] và được cụ thể hóa trong Báo cáo thực hiện nhiệm vụ năm học và phương hướng nhiệm vụ thực hiện năm học học tiếp theo [H24.24.04.05].

Các hoạt động kết nối và PVCD được triển khai qua các đơn vị Công đoàn và Phòng CTSV-HTDN. Qua khảo sát, các đơn vị luôn nhận được sự đánh giá cao và ghi nhận từ các đơn vị liên quan. Đây cũng là đầu mối thu thập thông tin phản hồi của các BLQ về tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội. Các hoạt động thường xuyên, tích cực của Công đoàn, Phòng CTSV-HTDN với các chiến dịch và hoạt động tình nguyện đa dạng, thiết thực, hiệu quả, hầu hết người hưởng lợi và địa phương đánh giá cao sự đóng góp của Trường vào sự phát triển kinh tế, văn hoá và xã hội của địa phương, được các bộ, ban, ngành từ Trung ương đến địa phương ghi nhận, đánh giá rất cao thông qua các cờ thi đua, bằng khen, giấy khen các cấp. Kết quả về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội được thể hiện trong Báo cáo tổng kết hoạt động kết nối, PVCD [H24.24.04.06], báo cáo tổng kết hoạt động năm học của Công đoàn [H24.24.04.07], và các báo cáo tổng kết phong trào sinh viên [H24.24.04.08]. Ghi nhận những thành tích trong hoạt động kết nối

và PVCĐ, đóng góp cho xã hội, Trường có quyết định khen thưởng cho những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động năm học [H24.24.04.09].

Hoạt động giám sát mức độ hài lòng của các BLQ về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội được Trường giao cho đơn vị đầu mối là Phòng CTSV-HTDN [H24.24.04.10] phối hợp cùng Phòng KT-BĐCL thực hiện và hỗ trợ các đơn vị trong Trường tổ chức thực hiện khảo sát, đánh giá và giám sát các hoạt động kết nối và PVCĐ [H24.24.04.11]. Trên cơ sở đó, Ban Thanh tra hàng năm đều tiến hành triển khai kế hoạch thanh tra; Phòng KT-BĐCL thực hiện công tác Khảo thí và BĐCL theo quy định. Giám sát mức độ hài lòng của các BLQ về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội còn được thể hiện trong quy chế làm việc của Ban thanh tra và kế hoạch thanh tra hàng năm [H24.24.04.12], [H24.24.04.13]. Đặc biệt, vai trò lãnh đạo, giám sát của BGH đối với hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội cũng được thể hiện qua thông báo giao ban hàng tháng của BGH với các đơn vị [H24.24.04.14].

Hàng năm, Trường ĐHTT tiến hành thực hiện kế hoạch khảo sát lấy ý kiến của các BLQ về các hoạt động của trường nói chung và về hoạt động PVCĐ vào tháng 6 nói riêng. [H24.24.04.15], [H24.24.04.16]. Việc triển khai đánh giá hiệu quả hoạt động PVCĐ được thực hiện thông qua việc lấy ý kiến khảo sát của CB, GV, NH, CNH và DN hàng năm. Việc lấy ý kiến khảo sát được thực hiện trên các nền tảng Google forms, intranet dựa trên mẫu phiếu khảo sát do Trường ban hành. Kết quả đánh giá được thực hiện tổng hợp, phân tích, báo cáo BGH làm cơ sở cho việc cải tiến nâng cao chất lượng của từng loại hoạt động, những dữ liệu thu thập phòng chức năng đã xây dựng báo cáo kết quả khảo sát các BLQ về hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường cho thấy 100% các tiêu chí khảo sát đều có trên 90 % NH, CB, GV, CNH và DN đánh giá đồng ý và rất đồng ý. Điều này cho thấy các đối tượng tham gia khảo sát đánh giá khá hài lòng về hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường. Thông qua các báo cáo khảo sát cụ thể Trường có xây dựng các kế hoạch cải tiến chất lượng để thực hiện hiệu quả hơn [H24.24.04.17], [H24.24.04.18].

Qua mỗi lần đánh giá nội bộ, các đơn vị rà soát lại các chỉ số, KTĐG hiệu quả hoạt động kết nối và PVCĐ. Đồng thời, đối sánh kết quả thực hiện với chỉ tiêu đề ra trong kế hoạch chung của Trường. Thực hiện đối sánh theo từng giai đoạn, phân tích, đánh giá tính hiệu quả và xu hướng phát triển của các loại hình, khối lượng tham gia vào các hoạt động cộng đồng, chỉ tiêu nào chưa đạt phải phân tích nguyên nhân, giải trình và đưa ra biện pháp cải tiến kịp thời [H24.24.04.19].

Bảng 24.04.01. Tổng chi cho hoạt động đào tạo (05 năm gần nhất)

TT	Năm	Số tiền	Ghi chú
1	2019	37.780.000.000 đồng	
2	2020	44.572.000.000 đồng	
3	2021	38.600.000.000 đồng	

TT	Năm	Số tiền	Ghi chú
4	2022	39.945.000.000 đồng	
5	2023	43.246.000.000 đồng	

Trường ĐHTT xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động PVCD qua từng giai đoạn cụ thể. Trong kế hoạch cải tiến, Trường xác định rõ từng loại hình, khối lượng công việc cụ thể; xác định mục tiêu, kết quả cần đạt được trong quá trình thực hiện cải tiến; yêu cầu rõ các danh mục văn bản cần có, có sự phân công đến từng cá nhân, đơn vị thực hiện, phối hợp, giám sát; đảm bảo sự tham gia thực hiện của các cấp quản lý, CB, GV, NV, NH, đơn vị khoa đào tạo, phòng chức năng trong toàn Trường và thực hiện theo đúng tiến độ, đi vào chiều sâu. Kết quả thực hiện được phân tích, KTĐG, rà soát, cải tiến và báo cáo định kỳ bằng văn bản được lưu trữ cẩn thận kèm theo kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ, giám sát NH hàng năm [H24.24.04.20]. Căn cứ vào kết quả phản hồi từ các BLQ, Trường ĐHTT đã tiến hành rà soát, sửa đổi bổ sung Quy định hoạt động kết nối và PVCD và Hệ thống đo lường kết quả hoạt động kết nối và PVCD [H24.24.04.21], ban hành Quy định so chuẩn, đối sánh CLGD [H24.24.04.22]. Quy định này nhằm đánh giá được thực trạng chất lượng các hoạt động của Trường nói chung và các CTĐT nói riêng, làm căn cứ để đưa ra các giải pháp để thực hiện các hoạt động cải tiến chất lượng nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo và chất lượng các hoạt động kết nối và PVCD.

Bảng 24.04.02. Tổng hợp nguồn kinh phí chi cho hoạt động NCKH, CGCN và PVCD (05 năm gần nhất)

TT	Năm	Số tiền	Ghi chú
1	2019	1.566.000.000 đồng	
2	2020	405.000.000 đồng	
3	2021	18.000.000 đồng	
4	2022	456.000.000 đồng	
5	2023	1.262.000.000 đồng	

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 24:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Trường đã triển khai được các loại hình và khối lượng hoạt động kết nối, PVCD đa dạng, có chiều sâu, đóng góp tích cực cho xã hội, đặc biệt là người dân tại các địa phương trong khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng bằng Sông Cửu Long.

Tác động xã hội từ những kết quả do hoạt động kết nối và PVCD của Trường mang lại có ý nghĩa đặc biệt đối với người dân trong khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long nói

riêng và cho các địa bàn khác trong cả nước nói chung. Trường đã được Ủy ban nhân dân các địa phương, đơn vị và cá nhân thụ hưởng ghi nhận những đóng góp cho cộng đồng và cho xã hội thông qua những bằng khen, giấy khen, thư cảm ơn.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Sự kết, phối hợp giữa các đơn vị, tổ chức trong trường chưa thật sự chặt chẽ nên chưa huy động sự tham gia đông đảo của CB, GV, NV, NLD, NH trong toàn trường.

Chưa có đơn vị làm đầu mối thực hiện báo cáo kết quả đối sánh về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp xã hội chung cho toàn trường, các đơn vị tự đối sánh và rút kinh nghiệm cải tiến trong mỗi hoạt động của đơn vị.

3. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng kế hoạch phối hợp chặt chẽ hơn giữa các đơn vị và tổ chức đoàn thể trong Trường	Các đơn vị và các tổ chức đoàn thể	Từ năm 2025	
2	Khắc phục tồn tại 2	Phân công một đơn vị làm đầu mối tổng hợp kết quả và thực hiện báo cáo đối sánh về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối PVCD, đóng góp cho xã hội	BGH Phòng KT-BĐCL	Từ năm 2025	
3	Phát huy điểm mạnh 1	Huy động sự tham gia của tất cả các đơn vị nhằm tiếp tục phát huy sức mạnh tổng hợp của tập thể, đa dạng hoá các hoạt động kết nối và PVCD	Tất cả các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường/các tổ chức đoàn thể	Liên tục	
5	Phát huy điểm mạnh 2	Mở rộng các hoạt động kết nối và PVCD ra nhiều khu vực khác trong nước và cả nước ngoài	Tất cả các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường/các tổ chức đoàn thể	Kể từ 2024	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 24	4,50
Tiêu chí 24.1	5
Tiêu chí 24.2	4
Tiêu chí 24.3	5
Tiêu chí 24.4	4

Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường

Tiêu chí 25.1. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Nguồn lực về tài chính của Trường ĐHTT đã xác định rõ trong Chiến lược phát triển trường trong từng giai đoạn [H25.25.01.01]. Trường đã xây dựng kế hoạch tài chính cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, kế hoạch tài chính hằng năm của Trường được báo cáo thông qua HĐT [H25.25.01.02]. Việc xác lập dự toán Trường được dựa trên cơ sở các dự toán kinh phí hoạt động hằng năm của các phòng, khoa. Căn cứ vào dự toán được phê duyệt, Trường thực hiện phân khai dự toán và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra [H25.25.01.03]. Qua đó, các dự toán về đào tạo, NCKH, phục vụ và kết nối cộng đồng luôn được đáp ứng đầy đủ, kịp thời theo kế hoạch từng hoạt động được BGH phê duyệt [H25.25.01.04].

Để đảm bảo sử dụng hiệu quả, hợp lý nguồn lực tài chính, Trường có cơ chế giám sát chặt chẽ các hoạt động tài chính của Trường trong đó HĐT phân công nhiệm vụ Hiệu trưởng là chủ tài khoản và một phó hiệu trưởng chịu trách nhiệm kiểm soát các chứng từ chi [H25.25.01.05]. Trên cơ sở các quyết sách về sử dụng nguồn lực tài chính do HĐT thông qua, BGH trường triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể cho các bộ phận và các phòng khoa chuyên môn.

Trường ĐHTT đã triển khai thực hiện tin học hóa hoạt động thu chi tài chính thông qua sử dụng phần mềm Misa. Hoàn thiện công tác quản lý phòng TCKT thông qua xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của phòng TCKT [H25.25.01.06]; trong đó phân công cụ thể thành viên thực hiện nhiệm vụ báo cáo tài chính định kỳ hằng năm [H25.25.01.07].

Định kỳ hằng năm, Trường mời đơn vị Kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính và hệ thống chứng từ thu chi của Trường để thu thập, đánh giá, và xác thực các bằng chứng liên quan đến thông tin tài chính. Qua đó, có thể xác định và báo cáo mức độ phù hợp giữa các thông tin đó đối với các chuẩn mực đã được thiết lập thông qua các biên bản kiểm toán [H25.25.01.08].

Để có cơ sở đánh giá hiệu quả và cải tiến các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ Trường đã ban hành Quy định so chuẩn, đối sánh chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo trong đó có đối sánh về các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ

[H25.25.01.09], đồng thời ban hành quy định Hệ thống đo lường kết quả và tác động kết nối, PVCĐ của Trường ĐHTT [H25.25.01.10]. Công tác đối sánh được trường thường xuyên thực hiện nhằm đánh giá về kết quả triển khai các hoạt động đồng thời đưa ra các kết quả và chỉ tiêu phù hợp cho giai đoạn tiếp theo. Việc đối sánh về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và PVCĐ được thể hiện rõ qua báo cáo quyết toán tài chính gồm bảng cơ cấu sử dụng các nguồn thu, chi, chỉ số tài chính của các hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ (bảng 25.01.01, 25.01.02, 25.01.03) [H25.25.01.11].

Bảng 25.01.01. Bảng tổng hợp nguồn thu-nguồn chi 2019-2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Tổng nguồn thu	65.926	79.992	48.674	95.287	67.314
2	Tổng nguồn chi	69.005	92.114	56.425	106.353	69.151

Nguồn: Phòng Tài chính-Kế toán

Bảng 25.01.02. Tổng thu học phí và chi phí học bổng giai đoạn 2019-2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Năm	Tổng học phí	Chi chính sách	Chi học bổng	Học phí phải thu	Tỷ lệ chi học bổng/Tổng học phí (%)
1	2019-2020	59.969	3.877	7.278	48.814	12%
2	2020-2021	59.817	2.781	11.777	45.259	20%
3	2021-2022	50.062	2.266	10.051	37.745	20%
4	2022-2023	45.713	2.937	7.516	35.260	16%
5	2023-2024	44.922	5.426	5.819	33.677	13%

Nguồn: Phòng Tài chính-Kế toán

Bảng 25.01.03. Tổng hợp một số mục chi của Trường năm 2019-2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

Cấu trúc các khoản chi	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Chi cho hoạt động đào tạo	37.780	44.572	38.600	39.945	43.246
Chi cho nghiên cứu KHCN	542	404	18	349	937
Chi cho hoạt động PVCĐ	1024	1	0	107	325
Chi cho hoạt động chung	25.979	18.024	17.807	24.792	24.044
Chi đào tạo bồi dưỡng	396	113	0	30	173
Chi hợp tác đầu tư	3.097	29.000		41.130	

Cấu trúc các khoản chi	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Chi mua giáo trình, TL tham khảo	187	0		0	426

Nguồn: Phòng Tài chính-Kế toán

Kết quả tổng hợp trên cho thấy các hạng mục chi cho công tác đào tạo, NCKH, PVCĐ tăng dần qua các năm. Trong đó chi cho đào tạo năm 2022 tăng gấp 1,057 lần so với năm 2019. Để đảm bảo tính hiệu quả các mặt hoạt động, Trường ĐHTT xây dựng kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi các BLQ từ NH đang theo học đến CBCNV, GV, CNH và đặc biệt là đối tượng sử dụng lao động. Việc lấy ý kiến khảo sát được lập kế hoạch chi tiết, cụ thể, các hệ thống câu hỏi khảo sát phù hợp với từng đối tượng nhằm thu thập được các câu trả lời phục vụ cho công tác khảo sát [H25.25.01.12]. Phòng CTSV-HTDN thực hiện nội dung khảo sát trên các đối tượng: NH, CNH, GV và đối tượng sử dụng lao động về chất lượng đào tạo của Trường và chất lượng của NH sau khi tốt nghiệp, cũng như tỷ lệ NH ra trường có việc làm của các ngành, các khóa. Phòng CTSV-HTDN chủ trì tiến hành lập khảo sát về hoạt động kết nối và PVCĐ hàng năm trên các đối tượng: NH, CNH, GV và đơn vị sử dụng lao động. Các cuộc khảo sát hằng năm được thực hiện dựa trên kế hoạch đã được phê duyệt, từ đó dựa vào kết quả báo cáo khảo sát để Trường đưa ra các chính sách cải tiến phù hợp nhằm đảm bảo hiệu quả công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ [H25.25.01.13], [H25.25.01.14], [H25.25.01.15].

Căn cứ vào thông tin phản hồi của các BLQ về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, Trường ĐHTT thực hiện cải tiến chất lượng hoạt động này thông qua điều chỉnh dự toán hàng năm phù hợp với tình hình thực tế. Trường ĐHTT chú trọng đến việc nâng cao đội ngũ GV có chất lượng và hoạt động khoa học như: tăng định mức thu hút đối với GV có học hàm, học vị, định mức chi cho biên soạn giáo trình, tài liệu, các bài báo đăng trên các tạp chí uy tín trên thế giới, duy trì chính sách thu hút, nâng cao trình độ [H25.25.01.16].

Kết quả các chỉ số tài chính, hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ của Trường ĐHTT được báo cáo công khai tại Hội nghị tổng kết năm học và Hội nghị NLĐ [H25.25.01.17], [H25.25.01.18], [H25.25.01.19], [H25.25.01.20]. Căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ, HĐT ban hành Trường thực hiện công khai tài chính đến toàn thể CBCNV, toàn trường nhận được ý kiến phản hồi tốt từ toàn thể CBCNV [H25.25.01.21], [H25.25.01.22]. Các cơ sở dữ liệu chi tiết được lưu trữ trên phần mềm Misa theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính [H25.25.01.23].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 25.2. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ tại Trường ĐHTT luôn được coi trọng và thường xuyên được đối sánh, cải tiến để đảm bảo thực hiện được mục tiêu về TN, SM và CLPT. Trong những năm qua, Trường ĐHTT thực hiện đa dạng hình thức đào tạo nhưng vẫn tập trung tuyển sinh những ngành là thế mạnh như: Y học, khối ngành kinh doanh, công nghệ thông tin và ngôn ngữ Anh. Mở rộng địa bàn tuyển sinh ngoài khu vực của Tỉnh. Các chỉ tiêu về hoạt động đào tạo, đề tài NCKH và PVCĐ được các đơn vị trong Trường thống kê kết quả trong giai đoạn 2019– 2024, từ những kết quả đó có thể thấy được sự nỗ lực của BGH và toàn bộ GV, CBCNV của Trường để từng bước thực hiện chiến lược, TN và các kế hoạch của Trường. Nguồn nhân lực đạt chất lượng cao là mục tiêu số một của Trường vì đó là tiêu chí quan trọng góp phần nâng cao công tác tuyển sinh [H25.25.02.01].

Trong đó, việc lựa chọn áp dụng các kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến phù hợp với điều kiện thực tiễn và nền tảng quản lý chất lượng được xem là một trong những giải pháp quan trọng nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của Trường ĐHTT.

Bảng 25.02.01. Các chỉ số thị trường trước và sau cải tiến

Phân loại nhóm chỉ số	Tên chỉ số	
	Áp dụng năm học 2019-2020	Áp dụng từ năm học 2023-2024
Chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo	Vị trí xếp hạng web của trường đại học (Webometrics)	Tỷ lệ các chương trình đào tạo được công nhận đạt chuẩn chất lượng theo chuẩn quốc gia.
	Thị phần trong tuyển sinh	Thị phần trong tuyển sinh
Chỉ số thị trường của hoạt động NCKH	Tỷ lệ công bố bài báo khoa học đối với GV	Tỷ lệ công bố bài báo khoa học đối với GV
	Số lượng giải thưởng nghiên cứu khoa học hàng năm	Số đề tài, dự án chuyển giao công nghệ
		Số lượng giải thưởng nghiên cứu khoa học hàng năm
Chỉ số thị trường của hoạt động PVCĐ	Tỷ lệ CNH có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp	Tỷ lệ CNH có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp
	Số lượng doanh nghiệp tham gia tuyển dụng NH, nhận NH thực tập	Số lượng doanh nghiệp tham gia tuyển dụng NH, nhận NH thực tập
		Tỷ lệ hài lòng của nhà sử dụng lao động về CNH tốt nghiệp từ Trường

Phân loại nhóm chỉ số	Tên chỉ số	
	Áp dụng năm học 2019-2020	Áp dụng từ năm học 2023-2024
	Số lượng các địa phương được triển khai các chương trình hỗ trợ cộng đồng	Số lượng các địa phương được triển khai các chương trình hỗ trợ cộng đồng
	Mức chi các Quỹ học bổng được Trường đóng góp hằng năm	Mức chi các Quỹ học bổng được Trường đóng góp hằng năm
	Các giải thưởng của Trường được các cơ quan chủ quan, cơ quan quản lý trực tiếp, các tổ chức xã hội khen thưởng	Các giải thưởng của Trường được các cơ quan chủ quan, cơ quan quản lý trực tiếp, các tổ chức xã hội khen thưởng

Trường ĐHTT có quy định cụ thể về kết quả và các chỉ số thị trường giáo dục của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, đã được văn bản hóa, ban hành và phổ biến để các đơn vị cùng triển khai thực hiện. Năm 2019, Trường ĐHTT đã ban hành bộ chỉ số để áp dụng từ năm học 2019-2020 [H25.25.02.02]. Sau 01 năm triển khai thực hiện, năm 2019, Trường đã rà soát và ban hành bộ chỉ số thị trường giáo dục (cập nhật) để áp dụng từ năm học 2019-2020 [H25.25.02.03].

Để triển khai thực hiện các chỉ số đã xác lập, Trường ĐHTT có hệ thống giám sát về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, cụ thể: Sau khi ban hành bộ chỉ số, Trường ĐHTT đã tổ chức họp phân công các đơn vị chịu trách nhiệm triển khai, thu thập, thống kê số liệu và báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các chỉ số thị trường giáo dục mỗi năm học [H25.25.02.04]. Trong giai đoạn từ 2019-2024, các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng đều đạt được các kết quả đề ra [H25.25.02.05].

Để có thể thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ được giao và nhận thức được tầm quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ, để từ đó tăng cường sức cạnh tranh của Trường, các bộ phận đã lập kế hoạch hoạt động hàng năm phù hợp với nhiệm vụ của đơn vị mình [H25.25.02.06], [H25.25.02.07], [H25.25.02.08]. Các kế hoạch hoạt động được thực hiện trong mối quan hệ với nhau để thực hiện mục tiêu chung của Trường, đảm bảo tính thống nhất và đảm bảo nguồn lực tài chính thực hiện cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ trong môi trường phát triển, công nghệ số hóa [H25.25.02.09], [H25.25.02.10].

Việc thực hiện các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ được thực hiện dựa trên các quy chế cụ thể phù hợp với khung chương trình của các hệ đào tạo, CDR của ngành và các tổ chức xã hội [H25.25.02.11], [H25.25.02.12], [H25.25.02.13]. Các chỉ số kết quả về hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ ngày càng được thực hiện đúng quy chuẩn khi Trường chỉ

đạo phòng khảo thí xây dựng quy chế về BDCL [H25.25.02.14], [H25.25.02.15]. Trên nguồn dự toán kinh phí hàng năm, phòng Kế hoạch Tài chính dựa trên dự toán nguồn thu và kế hoạch hoạt động của các bộ phận đã phân bổ dự toán hợp lý cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ cũng như tất cả các hoạt động khác trong Trường một cách phù hợp và đúng quy định. Để đảm bảo được sự tăng trưởng, phòng Kế hoạch Tài chính đã tham mưu cho BGH để sử dụng nguồn thu hợp lý, vừa đảm bảo thu nhập cho NLĐ, vừa đảm bảo xây dựng cơ sở vật chất để đảm bảo hoạt động giảng dạy, NCKH, kết nối và PVCĐ. Bên cạnh đó thì đối sánh về tài chính hết sức quan trọng vì tài chính sẽ chi phối tất cả các hoạt động và thực hiện tốt việc đối sánh tài chính còn là cơ sở để Trường phát triển khi thực hiện theo cơ chế tự chủ tài chính [H25.25.02.16].

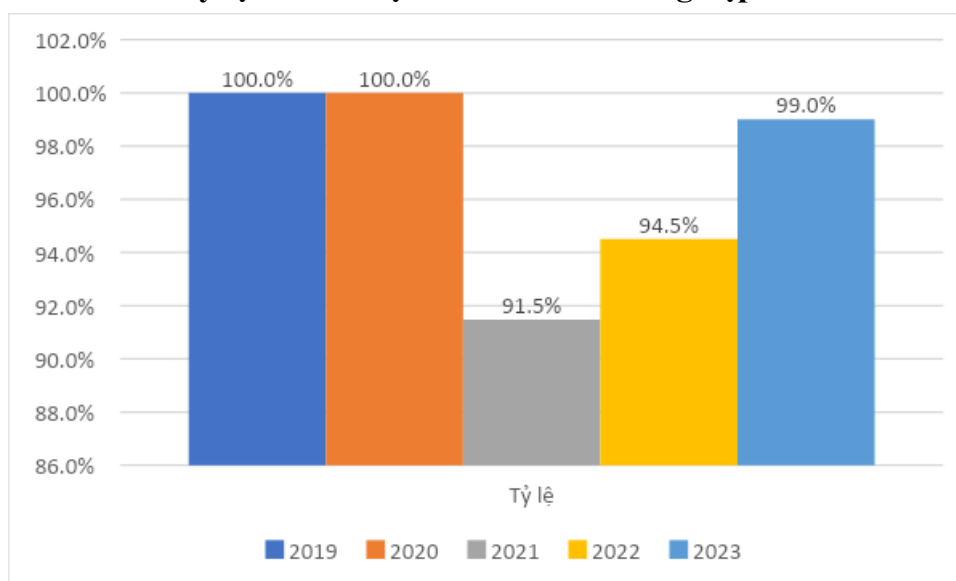
Bảng 25.2.2. Tổng hợp số lượng NH giai đoạn 2019- 2023

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	2023
Số thí sinh dự tuyển (Người)	233	222	334	723	531
Số lượng nhập học (Người)	79	55	71	113	128
Tỷ lệ NH nhập học/thí sinh dự tuyển (%)	33,91%	24,77%	21,26%	15,63%	24,11%

Để tăng số lượng tuyển sinh Trường đã tăng cường công tác truyền thông, tuy nhiên là một cơ sở đào tạo ngành có truyền thống hơn 13 năm xây dựng và phát triển, để giữ vững thương hiệu của Trường, BGH luôn chỉ đạo mục tiêu hàng đầu là tăng cường chất lượng đào tạo. Để thực hiện được điều đó, chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ ngày một được cải tiến, Trường hàng năm và từng giai đoạn đã lập kế hoạch khảo sát các đối tượng có liên quan như NH, GV, CBCNV, CNH và người sử dụng lao động. Thực hiện kế hoạch đó, toàn thể GV, CBCNV của Trường đã tham gia thực hiện nghiêm túc, công khai để có được kết quả chính xác nhất. Chất lượng đào tạo, NCKH luôn được quan tâm hàng đầu và ý kiến khảo sát của NH trước khi ra trường là một kênh thông tin quan trọng để Trường rà soát điều chỉnh CTĐT [H25.25.02.17], [H25.25.02.18].

Chất lượng đào tạo, NCKH được khẳng định qua số liệu về việc làm của NH sau khi tốt nghiệp [H25.25.02.19], [H25.25.02.20].

Trường tiến hành khảo sát tình hình việc làm của NH sau khi tốt nghiệp và được thực hiện hàng năm. Tỷ lệ NH có việc làm tăng lên hàng năm. Các tiêu chí khảo sát gồm kiến thức, kỹ năng, thái độ của NH tốt nghiệp, hoàn toàn phù hợp với CĐR của CTĐT của Trường.

Biểu đồ 25.2.1. Tỷ lệ NH có việc làm sau khi tốt nghiệp 2019– 2023

Trong các ý kiến khảo sát thì đối tượng sử dụng lao động là đối tượng khách quan đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường [H25.25.02.21].

Trường ĐHTT đã tiến hành lấy ý kiến khảo sát các đơn vị sử dụng lao động trên nhiều loại hình đơn vị như: doanh nghiệp Nhà nước, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty Cổ phần và không chỉ trên địa bàn Tỉnh Long An mà còn ở các địa phương khác. Quy mô khảo sát hoàn toàn phù hợp với quy định và nhu cầu thông tin của Trường để từ đó Trường có cơ sở điều chỉnh, cải tiến CTĐT, cũng như các yếu tố khác để nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Phòng CTSV-HTDN thực hiện nội dung khảo sát trên các đối tượng: NH, CNH, GV và đối tượng sử dụng lao động về chất lượng đào tạo của Trường và chất lượng của NH sau khi tốt nghiệp, cũng như tỷ lệ NH ra trường có việc làm của các ngành, các khóa. Phòng CTSV-HTDN chủ trì tiến hành lập khảo sát về hoạt động kết nối và PVCĐ hàng năm trên các đối tượng: NH, CNH, GV và đơn vị sử dụng lao động [H25.25.02.22].

Trường thực hiện báo cáo định kỳ, cũng như công khai các chỉ số về chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ [H25.25.02.23], [H25.25.02.24]. Nhiệm vụ NCKH là trách nhiệm của mỗi GV, trong đó bài báo khoa học là một cách thức để GV báo cáo kết quả nghiên cứu một vấn đề về lý luận hoặc thực tiễn gắn liền với công tác giảng dạy.

Bảng 25.2.3. Tổng hợp tỷ lệ bài báo khoa học trên số lượng GV giai đoạn 2019-2023

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	2023
Bài báo (bài)	30	19	30	25	18
GV (người)	78	75	93	70	66
Tỷ lệ bài báo/GV (%)	38.4%	25.3%	32.2%	35.7%	27.3%

Kế hoạch khảo sát được xây dựng cụ thể chi tiết, phù hợp với yêu cầu [H25.25.02.25]. Báo cáo kết quả khảo sát các đối tượng được lập đầy đủ các nội dung và làm căn cứ để cải tiến [H25.25.02.26], [H25.25.02.27], [H25.25.02.28]. Cùng với đó, phòng Tài chính kế

toán báo cáo các kết quả tài chính kế toán phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ [H25.25.02.29], [H25.25.02.30].

Chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ chỉ thực sự được cải thiện khi được đối sánh và điều chỉnh dựa trên kế hoạch khảo sát. Đó là hoạt động hàng năm mà HĐT và BGH phối hợp chỉ đạo, giám sát để nâng cao chất lượng của trên tất cả các lĩnh vực [H25.25.02.31], [H25.25.02.32], [H25.25.02.33].

Với mục tiêu đào tạo, NCKH gắn liền với PVCĐ, Trường đã đạt những kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ [H25.25.02.34], [H25.25.02.35]. Những kết quả của hoạt động PVCĐ, và sự cải tiến trong công tác hoạt động là những minh chứng cho chất lượng hoạt động của Trường trong đào tạo, NCKH và PVCĐ [H25.25.02.36], [H25.25.02.37]. Các căn cứ vào báo cáo hàng năm về kết quả hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ được BGH chỉ đạo và các phòng ban liên quan thực hiện đầy đủ, kịp thời.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 25:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Kết quả và các chỉ số tài chính: Doanh thu và chi phí của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng có quy định cụ thể; có hệ thống giám sát; có rà soát, điều chỉnh kết quả; có đối sánh; có cải tiến thông qua hệ thống thu thập thông tin và có bộ cơ sở dữ liệu để thực hiện.

Đã thiết lập được tiêu chí đánh giá cũng như có bộ phận giám sát chặt chẽ về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Có được bộ phận giám sát kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Kết quả và các chỉ số thị trường của Trường về hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ được theo dõi, giám sát, tổng kết đánh giá và có xu hướng tăng hàng năm, góp phần khẳng định thương hiệu và vị thế tiên phong của ĐHTT.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Chỉ số tài chính cho hoạt động phục vụ cộng đồng cần được cải thiện, tăng nguồn thu cũng như chi phí cho hoạt động phục vụ cộng đồng.

Quy trình thu thập thông tin phản hồi của các BLQ về kết quả và các chỉ số tài chính cũng như chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ chưa được thiết lập.

Việc cải tiến chất lượng mới chỉ dựa trên biên bản thanh tra, kiểm tra chứ chưa dựa trên ý kiến phản hồi của các BLQ.

Việc đăng ký xếp hạng cũng như theo dõi vị trí xếp hạng của Trường trong nước và quốc tế để đối sánh, cải tiến chưa được quan tâm đúng mức.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	<p>Rà soát phân bổ dự toán thu chi kinh phí trong năm: giao chỉ tiêu về nguồn thu từ hoạt động cộng đồng thông qua hoạt động khám chữa bệnh cho bệnh viện trực thuộc trường; nguồn thu từ hoạt động của Trung tâm dịch vụ và đào tạo theo nhu cầu xã hội; nguồn thu từ viện trợ, tài trợ cho hoạt động cộng đồng tài trợ cho các khoa, các đoàn thể. Phân bổ chi phí dựa trên kế hoạch hoạt động phục vụ cộng đồng của từng Khoa, đơn vị thuộc trường, các tổ chức đoàn thể.</p>	Phòng TCKT	Năm 2025	
		<p>Thiết kế hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các BLQ về kết quả và chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Từ đó đưa ra kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động hiệu quả hơn dựa trên việc thu thập thông tin phản hồi</p>	BGH giao cho đơn vị chuyên môn thực hiện	Năm 2025	
		<p>Quy trình thu thập thông tin phản hồi chuẩn về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ cần thiết lập sớm để Trường sớm hoàn thiện bộ tiêu chuẩn đánh giá</p>	Phòng CTSV-HTDN Phòng QLĐT Phòng QLKH-HTQT Phòng KT-ĐBCL	Năm 2025	
		<p>Xây dựng kế hoạch tổng</p>	Phòng QLKH-	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		thể tham gia xếp hạng quốc tế để gia tăng thứ hạng trong Top đầu của các trường định hướng ứng dụng tại Việt Nam	HTQT Phòng KT- ĐBCL	từ năm 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Hoàn thiện và cải tiến mạnh hơn nữa các tiêu chí đánh giá và hệ thống giám sát chặt chẽ để có cơ sở cải tiến, đổi mới kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ	Phòng CTSV- HTDN Phòng QLĐT Phòng QLKH- HTQT Phòng ĐBCL	Năm 2024	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 25</i>	<i>5,00</i>
Tiêu chí 25.1	5
Tiêu chí 25.2	5

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
I	Lĩnh vực 1. ĐBCL về chiến lược	4.68	
I.1	<i>Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa</i>	4.80	
1	1.1	5	
2	1.2	5	
3	1.3	4	
4	1.4	5	
5	1.5	5	
I.2	<i>Tiêu chuẩn 2. Quản trị</i>	4.50	
6	2.1	5	
7	2.2	4	
8	2.3	4	
9	2.4	5	
I.3	<i>Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý</i>	4.75	
10	3.1	5	
11	3.2	5	
12	3.3	4	
13	3.4	5	
I.4	<i>Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược</i>	4.00	
14	4.1	4	
15	4.2	4	
16	4.3	4	
17	4.4	4	
I.5	<i>Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng</i>	4.50	

18	5.1	5	
19	5.2	4	
20	5.3	4	
21	5.4	5	
I.6	<i>Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực</i>	4.85	
22	6.1	5	
23	6.2	5	
24	6.3	5	
25	6.4	4	
26	6.5	5	
27	6.6	5	
28	6.7	5	
I.7	<i>Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất</i>	5.00	
29	7.1	5	
30	7.2	5	
31	7.3	5	
32	7.4	5	
33	7.5	5	
I.8	<i>Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại</i>	5.00	
34	8.1	5	
35	8.2	5	
36	8.3	5	
37	8.4	5	
II	Lĩnh vực 2. ĐBCL về hệ thống	4.92	
II.9	<i>Tiêu chuẩn 9. Hệ thống ĐBCL bên trong</i>	5.00	
38	9.1	5	

39	9.2	5	
40	9.3	5	
41	9.4	5	
42	9.5	5	
43	9.6	5	
II.10	<i>Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài</i>	5.00	
44	10.1	5	
45	10.2	5	
46	10.3	5	
47	10.4	5	
II.11	<i>Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong</i>	5.00	
48	11.1	5	
49	11.2	5	
50	11.3	5	
51	11.4	5	
II.12	<i>Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng</i>	4.60	
52	12.1	5	
53	12.2	5	
54	12.3	4	
55	12.4	4	
56	12.5	5	
III	Lĩnh vực 3. ĐBCL về thực hiện các chức năng	4.80	
III.13	<i>Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học</i>	5.00	
57	13.1	5	
58	13.2	5	

59	13.3	5	
60	13.4	5	
61	13.5	5	
III.14	Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát CTDH	4.60	
62	14.1	5	
63	14.2	5	
64	14.3	5	
65	14.4	4	
66	14.5	4	
III.15	Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập	4.80	
67	15.1	4	
68	15.2	5	
69	15.3	5	
70	15.4	5	
71	15.5	5	
III.16	Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học	4.50	
72	16.1	5	
73	16.2	5	
74	16.3	4	
75	16.4	4	
III.17	Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	5.00	
75	17.1	5	
76	17.2	5	
77	17.3	5	
78	17.4	5	

III.18	<i>Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học</i>	5.00	
79	18.1	5	
80	18.2	5	
81	18.3	5	
82	18.4	5	
III.19	<i>Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ</i>	5.00	
83	19.1	5	
84	19.2	5	
85	19.3	5	
86	19.4	5	
III.20	<i>Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học</i>	4.75	
87	20.1	5	
88	20.2	5	
89	20.3	5	
90	20.4	4	
III.21	<i>Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng</i>	4.50	
91	21.1	5	
92	21.2	4	
93	21.3	5	
94	21.4	4	
IV	Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động	4.88	
IV. 22	<i>Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo</i>	5.00	
95	22.1	5	
96	22.2	5	
97	22.3	5	

98	22.4	5	
IV.23	Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học	5.00	
99	23.1	5	
100	23.2	5	
101	23.3	5	
102	23.4	5	
103	23.5	5	
104	23.6	5	
IV.24	Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng	4.50	
105	24.1	5	
106	24.2	4	
107	24.3	5	
108	24.4	4	
IV.25	Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường	5.00	
109	25.1	5	
110	25.2	5	

Ghi chú:

- Tiêu chí có điểm cao nhất: 5 điểm
- Tiêu chí có điểm thấp nhất: 4 điểm
- Số tiêu chí đạt từ 4 điểm trở lên: 111/111(100%)
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình từ 4 điểm trở lên: 25/25 (100%)
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình dưới 2,00 điểm: Không có

Long An, ngày 05 tháng 07 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

TS. Đặng Thị Hoàng Yến
(a.k.a. Maya Dangelas Ed.D.)

KẾT LUẬN

Trường ĐHTT đã thực hiện hoàn thiện báo cáo Tự đánh giá KĐCL CSGD, Trên cơ sở xem xét và nghiên cứu hệ thống các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành. Trường ĐHTT đã mô tả, phân tích và báo cáo về tình trạng chất lượng giáo dục, hiệu quả hoạt động ĐT, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất cũng như các vấn đề liên quan khác, tạo cơ sở, căn cứ cho quá trình điều chỉnh các nguồn lực và thực hiện các giải pháp nhằm đạt chuẩn chất lượng giáo dục. Quá trình hoàn thiện công tác tự đánh giá chất lượng CSGD là một khâu quan trọng trong việc BĐCL và xây dựng văn hoá chất lượng bên trong nhà trường; đồng thời là điều kiện cần thiết để nhà trường đăng ký ĐGN và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CSGD.

Trong tổng số 25 tiêu chuẩn, 111 tiêu chí KĐCLGD đại học theo thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ GD&ĐT. Nhà trường viết báo cáo Tự đánh giá 111/111 tiêu chí đạt, tỉ lệ đạt 100%. Thông qua hoạt động tự đánh giá và kết quả đạt được trong quá trình triển khai công tác tự đánh giá, nhà trường đã tiến hành lập và triển khai các kế hoạch hành động cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo, cải tiến công tác quản lý, nghiên cứu khoa học, CGCN, tăng cường hợp tác quan hệ quốc tế toàn diện trên các lĩnh vực và các mặt hoạt động của Trường, từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo được hoàn thiện hơn, phù hợp TN, SM, mục tiêu và chiến lược phát triển của Trường.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/08/2024)

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập):

Tiếng Việt: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TẠO**

Tiếng Anh: TAN TAO UNIVERSITY

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

- Tên viết tắt tiếng Việt: ĐHTT

- Tên viết tắt tiếng Anh: TTU

3. Tên trước đây: Không có

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ: Khu đô thị E. City Tân Đức, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

6. Thông tin liên hệ:

Điện thoại: (+84) 272 376 9216

E-mail: info@ttu.edu.vn

Website: <https://ttu.edu.vn/>

7. Năm thành lập: 2010

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: Năm 2011

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: Năm 2015

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập Bán công Dân lập Tư thục

11. Các loại hình đào tạo của CSGD:

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	
Không chính quy		
Từ xa		
Liên kết đào tạo với nước ngoài		
Liên kết đào tạo trong nước		

Các loại hình đào tạo khác: *không*

12. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của CSGD

TT	Tên đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học hàm, học vị, trình độ			Điện thoại	Email
			Học hàm	Trình độ	Chức vụ		
Ban Giám hiệu							
1	Ban Giám hiệu	Nguyễn Mai Lâm		Tiến sĩ	Quyền Hiệu trưởng	0944333336	viceprovost@ttu.edu.vn
2	Ban Giám hiệu	Thạch Ngọc Nguyễn	Giáo sư	Tiến sĩ	Phó Hiệu trưởng	0272-3769216	thach.nguyen@ttu.edu.vn
Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn							
1	Công Đoàn	Bùi Thị Hồng Vân		Đại học	Chủ tịch	0987819872	van.bui@ttu.edu.vn
Khoa							
1	Khoa Công nghệ thông tin	Cao Tiến Dũng		Tiến sĩ	Trưởng Khoa	0983695166	dung.cao@ttu.edu.vn
2	Khoa Ngôn ngữ	Đặng Thanh Nhơn		Tiến sĩ	Trưởng khoa	0917252427	nhon.dang@ttu.edu.vn
3	Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Nguyễn Vũ Hiếu Trung		Tiến sĩ	Phó Trưởng Khoa	0902989411	trung.nguyen@ttu.edu.vn
4	Khoa Công nghệ sinh học	Tạ Văn Quang		Tiến sĩ	Phó Trưởng Khoa	0764362098	quang.ta@ttu.edu.vn

TT	Tên đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học hàm, học vị, trình độ			Điện thoại	Email
			Học hàm	Trình độ	Chức vụ		
5	Khoa Y	Thạch Ngọc Nguyễn	GS	Tiến sĩ	Trưởng Khoa	0272-3769216	thach.nguyen@ttu.edu.vn
6	Khoa Nhân văn và Giáo dục khai phóng	Mai Thị Hảo Yến	PGS	Tiến sĩ	Trưởng Khoa	0911336529	yen.mai@ttu.edu.vn
Phòng							
1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Bùi Thị Hồng Vân		Đại học	Phó Trưởng Phòng	0987819872	van.bui@ttu.edu.vn
2	Phòng Công tác sinh viên và Hợp tác doanh nghiệp	Dương Hoài An		Thạc sĩ	Trưởng Phòng	0916518895	an.duong@ttu.edu.vn
3	Phòng Truyền thông và Tuyển sinh	Dương Hoài An		Thạc sĩ	Trưởng Phòng	0916518895	an.duong@ttu.edu.vn

TT	Tên đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học hàm, học vị, trình độ			Điện thoại	Email
			Học hàm	Trình độ	Chức vụ		
4	Phòng Tài chính - Kế toán	Nguyễn Thị Hoa		Đại học	Kế toán Trưởng	0987997566	hoa.nguyen@ttu.edu.vn
5	Phòng Quản lý Cơ sở vật chất - Thiết bị	Nguyễn Đức Tài		Đại học	Phó Trưởng phòng	0937686319	tai.nguyen@ttu.edu.vn
6	Phòng Quản lý Đào tạo	Nguyễn Thanh Điền		Tiến sĩ	Phó Trưởng phòng	0763550172	dien.nguyenthanh@ttu.edu.vn
7	Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế	Nguyễn Thanh Điền		Tiến sĩ	Trưởng phòng	0763550172	dien.nguyenthanh@ttu.edu.vn
8	Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng	Nguyễn Thị Kim Tiền		Thạc sĩ	Phó trưởng phòng	0352065793	tien.nguyen@ttu.edu.vn

Trung tâm, Văn phòng, Ban, Viện, Hội

TT	Tên đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học hàm, học vị, trình độ			Điện thoại	Email
			Học hàm	Trình độ	Chức vụ		
1	Trung tâm Khởi nghiệp	Phan Thị Thuỳ Ly		Tiến sĩ	Phó Giám đốc	098843 7772	ly.phan@ttu.edu.vn
2	Trung tâm Ngoại ngữ	Nguyễn Thảo Nguyên		Đại học	Giám đốc	097915 9116	nguyen.nguyen@ttu.edu.vn
3	Ban Công nghệ thông tin	Đoàn Ngọc Nhật Minh		Đại học	Trưởng ban	091311 4960	minh.doan@ttu.edu.vn
4	Ban Thư viện	Đinh Thị Mỹ Kim		Đại học	Phó Trưởng Ban	098 577 9419	kim.dinh@ttu.edu.vn

13. Các khoa/viện đào tạo của CSGD

Khoa/viện đào tạo	Đại học		Sau đại học		Khác (ghi rõ)	
	Số CTĐT	Số SV	Số CTĐT	Số SV	Số CTĐT	Số SV
Khoa Y	03	222	0	0	0	0
Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	04	117	0	0	0	0
Khoa Ngôn ngữ	01	57	0	0	0	0
Khoa Công nghệ thông tin	01	48	0	0	0	0
Khoa Công nghệ sinh học	01	15	0	0	0	0

14. Danh sách đơn vị trực thuộc:

STT	Tên Đơn vị
01	Ban Giám hiệu
02	Công Đoàn
03	Khoa Công nghệ thông tin
04	Khoa Ngôn ngữ
05	Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
06	Khoa Công nghệ sinh học
07	Khoa Y
08	Khoa Nhân văn và Giáo dục khai phóng
09	Phòng Tổ chức - Hành chính
10	Phòng Công tác sinh viên và Hợp tác doanh nghiệp
11	Phòng Truyền thông và Tuyển sinh
12	Phòng Tài chính - Kế toán
13	Phòng Quản lý Cơ sở vật chất - Thiết bị
14	Phòng Quản lý Đào tạo
15	Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế
16	Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng
17	Trung tâm Khởi nghiệp
18	Trung tâm Ngoại ngữ
19	Ban Công nghệ thông tin
20	Ban Thư viện

II. Cán bộ, giảng viên, nhân viên

15. Thống kê số lượng giảng viên và nghiên cứu viên

Năm 2019

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ/ BSCK2 (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	69	44,92%		
Nghiên cứu viên				
Tổng	69	44,92%		

Năm 2020

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ/ BSCK2 (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	80	41.25%		
Nghiên cứu viên				
Tổng	80	41.25%		

Năm 2021

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ/ BSCK2 (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	75	40%		
Nghiên cứu viên				
Tổng	75	40%		

Năm 2022

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ/ BSCK2 (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	97	31.95%		
Nghiên cứu viên				
Tổng	97	31.95%		

Năm 2023

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ/ BSCK2 (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	68	51.47%		
Nghiên cứu viên				
Tổng	68	51.47%		

Tháng 08/2024

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ/ BSCK2(%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	70	51.43%		
Nghiên cứu viên				
Tổng	70	51.43%		

16. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, nhân viên

Năm 2019

Phân cấp cán bộ, nhân viên	Số lượng		
	Cơ hữu/ toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	11		11
Chuyên viên	34		34
Tổng cộng	45	0	45

Năm 2020

Phân cấp cán bộ, nhân viên	Số lượng		
	Cơ hữu/ toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	12		12
Chuyên viên	36	1	37
Tổng cộng	48	1	49

Năm 2021

Phân cấp cán bộ, nhân viên	Số lượng		
	Cơ hữu/ toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	10		10
Chuyên viên	38	1	39
Tổng cộng	48	1	49

Năm 2022

Phân cấp cán bộ, nhân viên	Số lượng		
	Cơ hữu/ toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	11		11
Chuyên viên	49	1	50
Tổng cộng	60	1	61

Năm 2023

Phân cấp cán bộ, nhân viên	Số lượng		
	Cơ hữu/ toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	12		12
Chuyên viên	49	2	51
Tổng cộng	61	2	63

Tháng 08/2024

Phân cấp cán bộ, nhân viên	Số lượng		
	Cơ hữu/ toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	12		12
Chuyên viên	48	2	50
Tổng cộng	60	2	62

17. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của CSGD theo giới tính:

Năm 2019

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu	49	20	69
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về nhân viên (trong biên chế)			
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	49	20	69
II	Các cán bộ khác			
	Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	25	16	41
Tổng cộng		74	36	110

Năm 2020

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu	59	34	93
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về nhân viên (trong biên chế)			
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	59	34	93
II	Các cán bộ khác			
	Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	18	15	33
Tổng cộng		77	49	126

Năm 2021

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu	57	34	91
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)			
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	57	34	91

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
II	Các cán bộ khác			
	Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	19	13	32
Tổng cộng		76	47	123

Năm 2022

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu	68	43	111
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)			
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	68	43	111
II	Các cán bộ khác			
	Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	20	22	42
Tổng cộng		88	65	153

Năm 2023

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu	51	35	86
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)			
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	51	35	86
II	Các cán bộ khác			
	Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	22	17	39
Tổng cộng		73	42	125

Tháng 08/2024

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu	47	36	83
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)			

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	47	36	83
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	22	21	43
Tổng cộng		69	57	126

18. Thống kê, phân loại giảng viên theo trình độ

Năm 2019

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ		2	1			2
2	Phó Giáo sư		6	1			6
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ/ BSKK2		23	3			23
5	Thạc sĩ/ BSKK1		34	2			34
6	Đại học		4				4
7	Cao đẳng						
8	Trung cấp						
9	Trình độ khác						
Tổng cộng			69	7			69

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu: 69 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 69/69 người = 100%

Năm 2020

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ		2	1			2
2	Phó Giáo sư		5				5
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ/ BSCK2		26	3			26
5	Thạc sĩ/ BSCK1		44	2			44
6	Đại học		3				3
7	Cao đẳng						
8	Trung cấp						
9	Trình độ khác						
Tổng cộng			80	6			80

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu: 80 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $80/93$ người = 86.02%

Năm 2021

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	GV thỉnh giảng trong nước	GV thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ		2	1			2
2	Phó Giáo sư		4				4
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ/ BSCK2		24	2			24
5	Thạc sĩ/ BSCK1		41	1			41
6	Đại học		4				4
7	Cao đẳng						
8	Trung cấp						
9	Trình độ khác						
Tổng cộng			75	4			75

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu: 75 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 75/91 người =82.41%

Năm 2022

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	GV thỉnh giảng trong nước	GV thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ		2	1			2
2	Phó Giáo sư		5	1			5
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ/ BSCK2		24	4			24
5	Thạc sĩ/ BSCK1		64	3			64
6	Đại học		2				2
7	Cao đẳng						
8	Trung cấp						
9	Trình độ khác						
Tổng cộng			97	9			97

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu: 97 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 97/111=87.38%

Năm 2023

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	GV thỉnh giảng trong nước	GV thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ		2	1			2
2	Phó Giáo sư		5	1			5
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ/ BSCK2		28	7			28
5	Thạc sĩ/ BSCK1		31	1			31

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	GV thỉnh giảng trong nước	GV thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
6	Đại học		2				2
7	Cao đẳng						
8	Trung cấp						
9	Trình độ khác						
Tổng cộng			68	10			68

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu: 68 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $68/86=79.07\%$

Tháng 08/2024

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	GV thỉnh giảng trong nước	GV thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ		2	1			2
2	Phó Giáo sư		6	1			6
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ/ BSCK2		28	7			28
5	Thạc sĩ/ BSCK1		32	1			32
6	Đại học		2				2
7	Cao đẳng						
8	Trung cấp						
9	Trình độ khác						
Tổng cộng			70	10			70

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu: 70 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $70/83=84,33\%$

19. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo độ tuổi (số người):

Năm 2019

TT	Trình độ /học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	2	2.9%	2						2
2	Phó Giáo sư	6	8.7%	5	1				1	5
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ/ BSCK2	23	33.33%	17	6		9	5	7	2
5	Thạc sĩ/ BSCK1	34	49.28%	24	10	4	6	5	6	3
6	Đại học	4	5.8%		4		3			1
7	Cao đẳng									
8	Trung cấp									
9	Trình độ khác									
Tổng cộng		69	100%	48	21	4	18	10	14	13

Độ tuổi trung bình của GV cơ hữu: 45,98 tuổi

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của CSGD: 33,33%

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 49,23%

Năm 2020

TT	Trình độ /học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	2	2.5%	2						2
2	Phó Giáo sư	5	6.25%	4	1				1	4
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ/ BSCK2	26	32.5%	20	6		8	9	7	3
5	Thạc sĩ/ BSCK1	44	55%	27	17	8	22	5	6	3
6	Đại học	3	3.75%		3		3			
7	Cao đẳng									
8	Trung cấp									
9	Trình độ khác									
Tổng cộng		80	100%	53	27	8	33	14	14	12

Độ tuổi trung bình của GV cơ hữu: 44,12 tuổi

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 32,5%

Tỷ lệ giảng GV có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 55%

Năm 2021

TT	Trình độ /học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	2	2.67%	2						2
2	Phó Giáo sư	4	5.33%	3	1				1	3
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ/ BSCK2	24	32.00%	18	6		7	9	5	3
5	Thạc sĩ/ BSCK1	41	54.67%	24	17	4	24	6	5	2
6	Đại học	4	5.33%	1	3		3			1
7	Cao đẳng									
8	Trung cấp									
9	Trình độ khác									
Tổng cộng		75	100%	48	27	4	34	15	11	11

Độ tuổi trung bình của GV cơ hữu: 44,14 tuổi

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên của CSGD: 32%

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên của CSGD: 54,67%

Năm 2022

TT	Trình độ /học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	2	2.06%	2						2
2	Phó Giáo sư	5	5.15%	3	2			1		4
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ/ BSCK2	24	24.74%	18	16		6	9	3	6
5	Thạc sĩ/ BSCK1	64	65.98%	37	27	10	35	12	5	2
6	Đại học	2	2.06%	1	1		2			
7	Cao đẳng									
8	Trung cấp									
9	Trình độ khác									
Tổng cộng		97	100%	61	36	10	43	22	8	14

Độ tuổi trung bình của GV cơ hữu: 40,06 tuổi

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên của CSGD: 23,43%

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 56,11%

Năm 2023

TT	Trình độ /học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	2	2.94%	2						2

TT	Trình độ /học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
2	Phó Giáo sư	5	7.35%	3	2				1	4
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ/ BSCK2	28	41.18%	22	6		4	10	8	6
5	Thạc sĩ/ BSCK1	31	45.59%	16	15	4	18	4	3	2
6	Đại học	2	2.94%	1	1		1	1		
7	Cao đẳng									
8	Trung cấp									
9	Trình độ khác									
Tổng cộng		68	100%	44	24	4	23	15	12	14

Độ tuổi trung bình của GV cơ hữu: 46,82 tuổi

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên của CSGD: 41,18%

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 45,59%

Năm 2024

TT	Trình độ /học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	2	2.86%	2						2
2	Phó Giáo sư	6	8.57%	4	2				1	5

TT	Trình độ /học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ/ BSCK2	28	40.00%	20	8		2	12	8	6
5	Thạc sĩ/ BSCK1	32	45.71%	16	16	2	20	5	1	4
6	Đại học	2	2.86%	1	1		1	1		
7	Cao đẳng									
8	Trung cấp									
9	Trình độ khác									
Tổng cộng		70	100%	43	27	2	23	18	10	17

Độ tuổi trung bình của GV cơ hữu: 50,21 tuổi

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên của CSGD: 40%

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 45.71%

20. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)		100%

Đối tượng, thời gian (năm)	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh (chỉ tiêu)	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào		Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
					Học bạ	Thi tốt Nghệ THPT QG		
2019- 2020								
2020- 2021								
2021- 2022								
2022- 2023								
Đại học								
2019- 2020	233	87	500	79	- Y Khoa: Giỏi năm 12, ≥ 7.0 (Tb 3 năm). - Điều dưỡng và KTXN Y học: Khá Lớp 12, có phông vấn - Các	Y Khoa: 21 Điều dưỡng: 18 KTXN Y học: 18		2

Đối tượng, thời gian (năm)	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh (chỉ tiêu)	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào		Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
					Học bạ	Thi tốt Nghị THPT QG		
					ngành khác: ≥6.0 (Tb 3 năm).			
2020- 2021	222	63	480	55	- Y Khoa: Giỏi năm 12, ≥8.0. - Điều dưỡng và KTXN Y học: Khá Lớp 12, ≥6.5 - Các ngành khác:	Y Khoa: 22 Điều dưỡng: 19 KTXN Y học: 19 Các ngành khác: 15		0

Đối tượng, thời gian (năm)	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh (chỉ tiêu)	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào		Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
					Học bạ	Thi tốt Nghệ THPT QG		
					≥ 6.0 (Tb 3 năm).			
2021- 2022	234	98	480	71	- Y Khoa: Giỏi năm 12 và phỏng vấn. - Điều đưỡng và KTXN Y học: Khá Lớp 12, có phỏng vấn - Các ngành	Y Khoa: 22 Điều đưỡng: 19 KTXN Y học: 19 Các ngành khác: 15		0

Đối tượng, thời gian (năm)	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh (chỉ tiêu)	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào		Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
					Học bạ	Thi tốt Nghị THPT QG		
					khác: ≥6.0 (Tb 3 năm hoặc tb 5 học kỳ).			
2022- 2023	723	147	480	113	- Y Khoa: Giỏi năm 12, tổ hợp 3 môn ≥23. - Điều dưỡng và KTXN Y học: Khá Lớp 12, tổ hợp 3 môn ≥19	Y Khoa: 22,5 Điều dưỡng: 19 KTXN Y học: 19 Các ngành khác: 15		0

Đối tượng, thời gian (năm)	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh (chỉ tiêu)	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào		Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
					Học bạ	Thi tốt Nghệ THPT QG		
					- Các ngành khác: Tb 5 học kỳ ≥ 30 , Tổ hợp 3 môn lớp 12 ≥ 18 .			
2023- 2024	531	137	480	128	- Y Khoa: Giỏi năm 12, tổ hợp 3 môn ≥ 23 . - Điều dưỡng và KTXN Y học: Khá Lớp 12, tổ hợp 3	Y Khoa: 22,5 Điều dưỡng: 19 KTXN Y học: 19 Các ngành khác: 15		0

Đối tượng, thời gian (năm)	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh (chỉ tiêu)	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào		Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
					Học bạ	Thi tốt Nghịệp THPT QG		
(Không đào tạo)								
2018- 2019								
2019- 2020								
2020- 2021								
2021- 2022								
2022- 2023								
Vừa làm vừa học (Không đào tạo)								
2018- 2019								
2019- 2020								
2020- 2021								
2021- 2022								
2022- 2023								

Số lượng người học hệ chính quy đang học tập tại CSGD: **487 người.**

22. Tổng số người học đăng ký dự thi vào CSGD, trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây hệ không chính quy: Không có

23. Ký túc xá cho NH

Các tiêu chí	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	24736	24736	24736	24736	24736
2. Số lượng NH	418	451	433	378	383
3. Số NH có nhu cầu ở ký túc xá	15	11	4	2	10
4. Số lượng NH được ở ký túc xá	15	11	4	2	10
5. Tỷ số diện tích trên đầu NH ở trong ký túc xá, m ² /người	1649.07	2248.73	6184	12368	2473.6

24. NH tham gia nghiên cứu khoa học

Các tiêu chí	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Số lượng (người)	31	11	7	25	12
Số NH	352	355	330	274	221
Tỷ lệ (%) trên tổng số NH	8.8	3.1	2.1	9.12	5.4

25. Thống kê số lượng người học tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019	2020	2021	2022	2023
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. NH tốt nghiệp đại học. Trong đó:	27	52	91	101	60
- Hệ chính quy	27	52	91	101	60
- Hệ không chính quy					
4. NH tốt nghiệp cao đẳng. Trong đó:					
- Hệ chính quy					
- Hệ không chính quy					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019	2020	2021	2022	2023
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp. Trong đó:					
- Hệ chính quy					
- Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(Tính cả những NH đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

26. Tình trạng tốt nghiệp của NH đại học hệ chính quy

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019	2020	2021	2022	2023
1. Số lượng NH tốt nghiệp (người)	27	52	91	101	60
2. Tỷ lệ NH tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	34.18	94.5	70.32	88.6	46.9
3. Đánh giá của NH tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây					
3.1. Tỷ lệ NH trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	100	100	95.16	91.30	
3.2. Tỷ lệ NH trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)			4.84	8.7	
3.3. Tỷ lệ NH trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. NH có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây					
4.1. Tỷ lệ có việc làm đúng ngành đào tạo (%)					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019	2020	2021	2022	2023
- Trong 6 tháng tốt nghiệp					
- Sau 6 tháng tốt nghiệp					
- Sau 12 tháng tốt nghiệp	85.2	88.5	86.8	84.2	Đang tiến hành khảo sát
4.2. Tỷ lệ có việc làm trái ngành đào tạo (%)	3.7	4.2	3.5	5	
4.3. Tỷ lệ tự tạo được việc làm (%)	0	2.1	0	1	
4.4. Thu nhập bình quân/tháng của NH có việc làm					
- Dưới 8 triệu	33.3	29.6	9.65	4.35	Đang tiến hành khảo sát
- Từ 8 - 10 triệu	16.7	40.7	66.13	8.70	
- Từ 10 - 12 triệu	16.7	11.11	8.06	30.43	
- Từ 12 – 14 triệu	0.0	0.0	1.61	21.74	
- Từ 14 triệu trở lên	33.3	18.5	14.52	34.78	
5. Đánh giá của nhà sử dụng về NH tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây					
5.1. Tỷ lệ NH đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)	100	100	100	100	100
5.2. Tỷ lệ NH cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)					
5.3. Tỷ lệ NH phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)					

Ghi chú:

- NH tốt nghiệp là NH có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những NH chưa nhận được bằng tốt nghiệp.

- NH có việc làm là NH tìm được việc làm hoặc tự tạo được việc làm.

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

27. Tình trạng tốt nghiệp của NH cao đẳng hệ chính quy

Hiện tại, Nhà trường không đào tạo SV hệ cao đẳng

IV. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

28. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại đề tài	Số lượng					Tổng số
		2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	
1	Đề tài cấp Nhà nước		1			1	02
2	Đề tài cấp Bộ*						
3	Đề tài cấp trường	11	4	2	0	6	23
	Tổng cộng	11	5	2	0	3	25

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao KHCN trên cán bộ cơ hữu: 25/66

29. Doanh thu từ NCKH và CGCN của CSGD trong 5 năm gần đây

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và CGCN (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và CGCN so với tổng kinh phí đầu vào của CSGD (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và CGCN trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2019	628	1%	
2	2020	433	0.5%	
3	2021	0	0%	
4	2022	338	0.4%	
5	2023	975	1.4%	

30. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia thực hiện các đề tài khoa học trong 5 năm gần đây

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	2		11	
Từ 4 đến 6 đề tài			1	
Trên 6 đề tài				
Tổng số cán bộ tham gia	02	0	12	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

31. Số lượng sách của CSGD được xuất bản trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại sách	Số lượng					Tổng số
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
1	Sách chuyên khảo		1				1
2	Sách giáo trình						
3	Sách tham khảo						
4	Sách hướng dẫn						
	Tổng cộng						1

Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu: 1/66

32. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia viết sách trong 5 năm gần đây

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	1			
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia	1			

33. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của CSGD được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Số lượng					
		2019	2020	2021	2022	2023	Tổng số
1	Tạp chí KH quốc tế Trong đó:	28	18	30	20	16	112
	- Danh mục ISI	13	10	14	15	9	61
	- Danh mục Scopus	9	2	14	5	3	33
	- Khác	6	6	2			14
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	2	1		5	6	14
3	Tạp chí /Thông tin khoa học cấp trường						
	Tổng cộng						126

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 126/66

34. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây: (xem lại tổng số)

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí /Thông tin khoa học trường
Từ 1 đến 5 bài báo	31	5	
Từ 6 đến 10 bài báo	8	1	
Từ 11 đến 15 bài báo	1		
Trên 15 bài báo	2		
Tổng số cán bộ tham gia	42	6	

35. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của CSGD báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Số lượng					
		2019	2020	2021	2022	2023	Tổng số
1	Hội thảo quốc tế	2	1	2	8	2	15

TT	Phân loại hội thảo	Số lượng					
		2019	2020	2021	2022	2023	Tổng số
2	Hội thảo trong nước	1			1	2	4
3	Hội thảo của trường			1	11	12	24
	Tổng cộng	3	1	3	20	16	43

(Khi tính hội thảo trong nước không bao gồm các hội thảo của trường vì đã được tính 1 lần)

Tỷ số bài báo cáo trên cán bộ cơ hữu: 43/66

36. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo của trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	6	4	20
Từ 6 đến 10 báo cáo			
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			
Tổng số cán bộ tham gia	6	4	56

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường)

37. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp trong 5 năm gần đây: 0

38. Nghiên cứu khoa học của NH

38.1. Số lượng NH của nhà trường tham gia thực hiện các đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng NH tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	02	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số NH tham gia	0	0	06	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

38.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của NH

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo		1	3	2	1
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	11	7	25	12	3

V. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

39. Diện tích đất, diện tích sàn xây dựng

TT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất của trường	1.036.848	1.036.848	0	0
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường. Trong đó:	36.533	36.533	0	0
2.1	<i>Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu</i>	7.992	7.992	0	0
2.2	<i>Thư viện, trung tâm học liệu</i>	800	800	0	0
2.3	<i>Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập</i>	1.924	1.924	0	0

40. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường: 15.932 bản sách in, 1.640 bản sách điện tử.

Khối ngành/ Nhóm ngành	Đầu sách (Số bản sách in)	Bản sách (Số bản sách điện tử)
Khối ngành I	0	0
Khối ngành II	0	0
Khối ngành III	1711	194
Khối ngành IV	199	76

Khối ngành/ Nhóm ngành	Đầu sách (Số bản sách in)	Bản sách (Số bản sách điện tử)
Khối ngành V	752	152
Khối ngành VI	1329	353
Khối ngành VII	4609	137
Các môn chung	7215	692
Tổng	15932	1640

41. Tổng số thiết bị chính của trường

TT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng học máy tính	03	90 máy vi tính 02 máy chiếu	NH, Giảng viên	185,4	185,4		
2	Phòng thí nghiệm, phòng thực hành	15	Hơn 230 thiết bị thí nghiệm chuyên dùng	NH, Giảng viên	989,1	989,1		
3	Phòng học đa chức năng	01	Thiết bị truyền hình, máy tính, bàn ghế	NH, Giảng viên	92,5	92,5		
4	Hội trường lớn (trên 200 chỗ)	01	Màn hình Led 300 inch, hệ thống âm thanh, ánh sáng, bàn ghế	NH, Giảng viên, CBNV	405	405		

TT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
5	Phòng họp; Phòng tiếp khách	03	Máy chiếu, hệ thống âm thanh, ánh sáng, bàn ghế	NH, Giảng viên, CBNV, BGH	151	151		
6	Giảng đường (trên 100 chỗ)	02	Máy chiếu, hệ thống âm thanh, ánh sáng, bàn ghế	NH, Giảng viên	674	674		
7	Các phòng học tại Thư viện	08	Bảng, bàn ghế Máy tính	Giảng viên, NH	800	800		
	Tổng	33			3.265			

42. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 5 năm gần đây

- Năm 2019: 65.925.983.139 đ
- Năm 2020: 79.991.787.892 đ
- Năm 2021: 48.674.478.620 đ
- Năm 2022: 95.287.262.779 đ
- Năm 2023: 67.314.153.748 đ

43. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 5 năm gần đây

- Năm 2019: 46.877.112.850 đ
- Năm 2020: 47.173.959.989 đ
- Năm 2021: 39.741.294.731 đ
- Năm 2022: 39.560.298.980 đ
- Năm 2023: 44.499.979.176 đ

44. Tổng chi cho hoạt động NCKH, CGCN và PVCD

- Năm 2019: 1.566.023.308 đ
- Năm 2020: 405.328.500 đ
- Năm 2021: 17.771.294 đ

- Năm 2022: 455.513.581 đ

- Năm 2023: 1.261.974.426 đ

45. Tổng thu từ hoạt động NCKH, CGCN và PVCD

- Năm 2019: 627.850.000 đ

- Năm 2020: 432.650.000 đ

- Năm 2021: 0

- Năm 2022: 337.500.000 đ

- Năm 2023: 975.283.800 đ

46. Tổng chi cho hoạt động đào tạo

- Năm 2019: 37.780.091.122 đ

- Năm 2020: 44.572.473.021 đ

- Năm 2021: 38.599.823.729 đ

- Năm 2022: 39.945.458.186 đ

- Năm 2023: 43.245.771.704 đ

47. Tổng chi cho phát triển đội ngũ

- Năm 2019: 396.032.668 đ

- Năm 2020: 112.395.125 đ

- Năm 2021: 240.000 đ

- Năm 2022: 29.961.000 đ

- Năm 2023: 173.494.600 đ

48. Tổng chi cho hoạt động kết nối doanh nghiệp, tư vấn và hỗ trợ việc làm

- Năm 2019: 0

- Năm 2020: 0

- Năm 2021: 0

- Năm 2022: 989.026 đ

- Năm 2023: 674.500 đ

VI. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục

TT	Đối tượng	Bộ tiêu chuẩn đánh giá	Tự đánh giá		Đánh giá ngoài		Thẩm định và công nhận		
			Năm hoàn thành báo cáo	Năm cập nhật báo cáo	Tên tổ chức đánh giá	Tháng/năm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá của HĐ KĐCLGD	Giấy chứng nhận	
								Ngày cấp	Giá trị

			TĐG lần 1	TĐ G				đế n
1	Chương trình đào tạo ngành Y khoa	Thông tư 04/2016/T-T-BGDĐT	2023	2024	CEA-SAIGON	5/2024	84%	

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây (*số liệu năm cuối kỳ đánh giá*):

1. Giảng viên

Tổng số giảng viên cơ hữu: 64 người

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $64/62 = 103.22\%$

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu: 40.62%

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu: 45.31%

2. Sinh viên

Tổng số sinh viên chính quy: 459 người

Tỷ số sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi):

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào: 75.23% (331/440)

3. Đánh giá của SV tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường

Tỷ lệ SV trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp: 98.79%

Tỷ lệ SV trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp: 1.21%

4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp

Tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo, trong đó bao gồm cả sinh viên chưa có việc làm học tập nâng cao: 84.16%

Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo: 3.96%

Tỷ lệ tự tạo được việc làm trong số SV có việc làm: 4.35%

Thu nhập bình quân/tháng của SV có việc làm (triệu VNĐ): 12/tháng

5. Đánh giá của nhà sử dụng về SV tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo

Tỷ lệ SV đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay: đang khảo sát

Tỷ lệ SV cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng cần phải đào tạo thêm: đang khảo sát

6. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học, chuyển giao khoa học công nghệ và phục vụ cộng đồng trên cán bộ cơ hữu: 19/66.

Tỷ số doanh thu từ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ): 2374/66

Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu: 1/66

Tỷ số bài đăng tạp chí trên cán bộ cơ hữu: 112/66

Tỷ số bài báo trên cán bộ cơ hữu: 108/66

7. Cơ sở vật chất

Tỷ số diện tích sàn xây dựng trên sinh viên chính quy: 75,02 m²

Tỷ số chỗ ở ký túc xá trên sinh viên chính quy: m²/người

8. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục

Cấp cơ sở giáo dục: Chưa có

Cấp chương trình đào tạo: Đạt chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho 01 CTĐT trình độ đại học ngành Y khoa năm 2024.

Phụ lục 2. Quyết định thành lập Hội đồng TĐG CSGD đại học

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 154/QĐ-ĐHTT.23

Long An, ngày 12 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TẠO

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 766/QLCL-KĐCLGD ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thay thế Bảng hướng dẫn đánh giá ban hành kèm theo Công văn số 768/QLCL-KĐCLGD;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTU.21 ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Tân Tạo ban hành về Quy chế Tổ chức và Hoạt động Trường Đại học Tân Tạo nhiệm kỳ 2021-2026;

Xét đề nghị của Trường Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá Trường Đại học Tân Tạo gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá cơ sở giáo dục theo Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà Trường Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Trường các

đơn vị liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: P. TC-HC, P. KT-BDCL.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Đặng Thị Hoàng Yến
(a.k.a. Maya Dangelas Ed.D.)

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

(Kèm theo Quyết định số 154/QĐ-ĐHTT.23 ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Tạo)

STT	Họ và Tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Bà Đặng Thị Hoàng Yến (a.k.a. Maya Dangelas EdD)	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Ông Nguyễn Mai Lâm	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch
3	Bà Nguyễn Thị Kim Tiền	Phó Trưởng Phòng KT-BĐCL	Thành viên - Trưởng ban Thư ký
4	Ông Đặng Quang Hạnh	Phó Chủ tịch Hội đồng trường	Thành viên
5	Ông Thạch Ngọc Nguyễn	Phó Hiệu trưởng kiêm Trưởng Khoa Y	Thành viên
6	Ông Nguyễn Thanh Điền	Trưởng Phòng QLKH-HTQT kiêm Phó Trưởng Phòng QLĐT	Thành viên
7	Bà Bùi Thị Hồng Vân	Chủ tịch Công Đoàn Trường, Phó Trưởng Phòng TC-HC	Thành viên
8	Bà Nguyễn Thị Hoa	Kế toán trưởng	Thành viên
9	Ông Nguyễn Đức Tài	Phó Trưởng Phòng QL CSVC - TB	Thành viên
10	Ông Dương Hoài An	Trưởng Phòng TT-TS kiêm Trưởng Phòng CTSV-HTDN	Thành viên
11	Ông Đoàn Ngọc Nhật Minh	Trưởng Ban Công nghệ thông tin	Thành viên
12	Bà Đinh Thị Mỹ Kim	Phó Trưởng Ban Thư viện	Thành viên
13	Ông Cao Tiến Dũng	Trưởng Khoa CNTT	Thành viên
14	Ông Đặng Thanh Nhơn	Trưởng Khoa Ngôn ngữ	Thành viên
15	Bà Mai Thị Hào Yến	Trưởng Khoa NV và GDKP	Thành viên
16	Ông Tạ Văn Quang	Phó Trưởng Khoa CNSH	Thành viên

STT	Họ và Tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
17	Ông Nguyễn Vũ Hiếu Trung	Phó Trưởng Khoa KT và QTKD	Thành viên
18	Ông Diệp Thành Tường	Phó Trưởng Khoa Y	Thành viên
19	Ông Phạm Nguyễn Vinh	Trưởng BM Nội chung, Khoa Y	Thành viên
20	Ông Trần Duy Hiến	Giảng viên Khoa CNTT	Thành viên
21	Dương Ngọc Phương Khanh	Sinh viên ngành Kinh doanh quốc tế, khóa 2021-2025	Thành viên

(Danh sách gồm có 21 người).

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 154/QĐ-ĐHTT.23 ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Tạo)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Bà Nguyễn Thị Kim Tiền	Phó Trưởng Phòng KT-BĐCL	Trưởng Ban Thư ký
2	Bà Bùi Thị Hồng Vân	Phó Trưởng Phòng TC-HC	Phó Ban
3	Bà Nguyễn Thảo Nguyên	Phó Trưởng Phòng CTSV-HTDN	Phó Ban
4	Ông Nguyễn Xuân Minh	Nhân viên Phòng QLĐT	Phó Ban
5	Bà Nguyễn Ngọc Mai Phương	Thư ký Khoa CNTT	Thành viên
6	Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa	Nhân viên Phòng KT-BĐCL	Thành viên
7	Bà Nguyễn Bích Ngọc Hương	Nhân viên Phòng QLKH-HTQT	Thành viên
8	Bà Phạm Kiều Ánh	Nhân viên Phòng QL CSVC-TB	Thành viên
9	Ông Ngô Hoàng Nhân	Nhân viên Ban Thư viện	Thành viên
10	Ông Nguyễn Hữu Đạt	Nhân viên Ban Công nghệ thông tin	Thành viên
11	Ông Huỳnh Quốc Huy	Nhân viên Phòng KT-BĐCL	Thành viên
12	Bà Lưu Nguyệt Anh	Nhân viên Phòng KT-BĐCL	Thành viên

(Danh sách gồm có 12 người)

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 154/QĐ-ĐHTT.23 ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Tạo)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1 (TC 1,2,3,4, 5,6)	Ông Nguyễn Mai Lâm	Phó Hiệu trưởng	Trưởng Nhóm
	Bà Bùi Thị Hồng Vân	Phó Trưởng Phòng TC-HC	Phó nhóm
	Ông Cao Tiến Dũng	Trưởng Khoa CNTT	Phó nhóm
	Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa	Nhân viên Phòng KT-BĐCL	Thư ký
	Bà Nguyễn Thị Kim Châu	Nhân viên Phòng QLKH-HTQT	Thành viên
	Ông Nguyễn Thương Trường	Nhân viên Phòng TC-HC	Thành viên
Nhóm 2 (TC 7,8,25)	Bà Nguyễn Thị Hoa	Kế Toán Trưởng	Trưởng Nhóm
	Ông Nguyễn Đức Tài	Phó Trưởng Phòng QL CSVC-TB	Phó nhóm
	Ông Đoàn Ngọc Nhật Minh	Trưởng Ban CNTT	Phó nhóm
	Bà Phạm Kiều Ánh	Nhân viên Phòng QL CSVC-TB	Thư ký
	Ông Ngô Hoàng Nhân	Nhân viên Thư viện	Thành viên
	Bà Trần Thị Duyên Quỳnh	Nhân viên Phòng TC-KT	Thành viên
	Bà Lưu Nguyệt Anh	Nhân viên Phòng KT-BĐCL	Thành viên
Nhóm 3 (TC 9,10,11, 12)	Bà Nguyễn Thị Kim Tiền	Phó Trưởng Phòng KT-BĐCL	Trưởng Nhóm
	Ông Đoàn Ngọc Nhật Minh	Trưởng Ban CNTT	Phó nhóm
	Bà Bùi Thị Hồng Vân	Phó Trưởng Phòng TC-HC	Phó nhóm
	Ông Huỳnh Quốc Huy	Nhân viên Phòng KT-BĐCL	Thư ký
	Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa	Nhân viên Phòng KT-BĐCL	Thành viên
	Ông Nguyễn Xuân Minh	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 4 (TC 13,14, 15,16, 22)	Ông Nguyễn Thanh Điền	Trưởng Phòng QLKH-HTQT kiêm Phó Trưởng Phòng QLĐT	Trưởng Nhóm
	Ông Cao Tiến Dũng	Trưởng Khoa CNTT	Phó Nhóm
	Ông Đặng Thanh Nhơn	Trưởng Khoa Ngôn ngữ	Phó Nhóm
	Bà Mai Thị Hào Yến	Trưởng Khoa NV và GDKP	Phó Nhóm
	Ông Tạ Văn Quang	Phó Trưởng Khoa CNSH	Phó Nhóm
	Ông Diệp Thành Tường	Phó Trưởng Khoa Y	Phó Nhóm
	Ông Nguyễn Vũ Hiếu Trung	Phó Trưởng Khoa KT và QTKD	Phó Nhóm
	Ông Dương Hoài An	Trưởng Phòng TT-TS kiêm Trưởng Phòng CTSV-HTDN	Phó Nhóm
	Ông Nguyễn Xuân Minh	Nhân viên Phòng QLĐT	Thư ký
	Bà Nguyễn Thị Thái Chi	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên
	Ông Phạm Bùi Trọng Hiếu	Nhân viên Phòng TT-TS	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Bích Hồng	Nhân viên Phòng TT-TS	Thành viên
	Bà Trịnh Thị Diễm Kiều	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên
Nhóm 5 (TC 18,19, 20,23)	Ông Nguyễn Thanh Điền	Trưởng Phòng QLKH-HTQT kiêm Phó Trưởng Phòng QLĐT	Trưởng Nhóm
	Ông Nguyễn Đức Tài	Phó Trưởng Phòng QL CSVC-TB	Phó nhóm
	Bà Nguyễn Thị Hoa	Kế toán trưởng	Phó nhóm
	Bà Nguyễn Thị Kim Tiền	Phó Trưởng Phòng KT-BĐCL	Phó nhóm
	Bà Nguyễn Bích Ngọc Hương	Nhân viên Phòng QLKH- HTQT	Thư ký
	Bà Phạm Thị Bảo Trân	Nhân viên Phòng QLKH- HTQT	Thành viên
	Ông Vũ Trí Lộc	Trợ giảng Khoa Y	Thành viên
	Ông Huỳnh Quốc Huy	Nhân viên Phòng KT-BĐCL	Thành viên

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 6 (TC 17,21, 24)	Ông Dương Hoài An	Trưởng Phòng TT-TS kiêm Trưởng Phòng CTSV-HTDN	Trưởng Nhóm
	Bà Nguyễn Thảo Nguyên	Phó Trưởng Phòng CTSV- HTDN	Phó nhóm
	Bà Nguyễn Ngọc Mai Phương	Thư ký Khoa CNTT	Thư ký
	Bà Lưu Nguyệt Anh	Nhân viên Phòng KT-BĐCL	Thành viên
	Ông Dương Huy Khôi	Nhân viên Phòng CTSV- HTDN	Thành viên
	Ông Nguyễn Đức Cường	Nhân viên Phòng CTSV- HTDN	Thành viên

(Danh sách gồm có 34 người)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 206/QĐ-ĐHTT.24

Long An, ngày 11 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh thành viên Hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TẠO

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 766/QLCL-KĐCLGD ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thay thế Bảng hướng dẫn đánh giá ban hành kèm theo Công văn số 768/QLCL-KĐCLGD;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTU.21 ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Tân Tạo ban hành về Quy chế Tổ chức và Hoạt động Trường Đại học Tân Tạo nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Quyết định số 154/QĐ-ĐHTT.23 ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Tạo về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh thành viên Hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục Trường Đại học Tân Tạo được thành lập theo Quyết định số 154/QĐ-ĐHTT.23 ngày 12/9/2023, gồm các ông/bà có tên như sau:

Điều chỉnh thông tin thành viên:

- Ông Nguyễn Mai Lâm - Quyền Hiệu trưởng - Chủ tịch
- Ông Thạch Ngọc Nguyễn – Phó Hiệu trưởng – Phó chủ tịch
- Bà Đặng Thị Hoàng Yến - Chủ tịch Hội đồng trường – Thành viên

Điều chỉnh rút thành viên:

- Ông Diệp Thành Tường - Phó Trưởng Khoa Y - Thành viên

Điều chỉnh bổ sung thành viên:

1. Bà Nguyễn Yên Thanh - Điều hành Khoa Y - Thành viên

Điều 2. Các thành viên có nhiệm vụ cùng Hội đồng triển khai tự đánh giá cơ sở giáo dục theo Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Trưởng các đơn vị liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: P. TC-HC, P. KT-BĐCL.



TS. Nguyễn Mai Lâm

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

(Kèm theo Quyết định số 154/QĐ-ĐHTT.23 ngày 12/9/2023 và Quyết định số 206/QĐ-ĐHTT.24 ngày 11/11/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Tạo)

STT	Họ và Tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Nguyễn Mai Lâm	Quyền Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Ông Thạch Ngọc Nguyễn	Phó Hiệu trưởng kiêm Trưởng Khoa Y	Phó chủ tịch
3	Bà Nguyễn Thị Kim Tiền	Phó Trưởng Phòng KT-BĐCL	Thành viên - Trưởng ban Thư ký
4	Bà Đặng Thị Hoàng Yến (a.k.a. Maya Dangelas EdD)	Chủ tịch Hội đồng trường	Thành viên
5	Ông Đặng Quang Hạnh	Phó Chủ tịch Hội đồng trường	Thành viên
6	Ông Nguyễn Thanh Điền	Trưởng Phòng QLKH-HTQT kiêm Phó Trưởng Phòng QLĐT	Thành viên
7	Bà Bùi Thị Hồng Vân	Chủ tịch Công Đoàn Trường, Phó Trưởng Phòng TC-HC	Thành viên
8	Bà Nguyễn Thị Hoa	Kế toán trưởng	Thành viên
9	Ông Nguyễn Đức Tài	Phó Trưởng Phòng QL CSVC - TB	Thành viên
10	Ông Dương Hoài An	Trưởng Phòng TT-TS kiêm Trưởng Phòng CTSV-HTDN	Thành viên
11	Ông Đoàn Ngọc Nhật Minh	Trưởng Ban Công nghệ thông tin	Thành viên
12	Bà Đinh Thị Mỹ Kim	Phó Trưởng Ban Thư viện	Thành viên
13	Ông Cao Tiến Dũng	Trưởng Khoa CNTT	Thành viên
14	Ông Đặng Thanh Nhơn	Trưởng Khoa Ngôn ngữ	Thành viên
15	Bà Mai Thị Hào Yến	Trưởng Khoa NV và GDKP	Thành viên
16	Ông Tạ Văn Quang	Phó Trưởng Khoa CNSH	Thành viên
17	Ông Nguyễn Vũ Hiếu Trung	Phó Trưởng Khoa KT và QTKD	Thành viên

STT	Họ và Tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
18	Bà Nguyễn Yên Thanh	Điều hành Khoa Y	Thành viên
19	Ông Phạm Nguyễn Vinh	Trưởng BM Nội chung, Khoa Y	Thành viên
20	Ông Trần Duy Hiến	Giảng viên Khoa CNTT	Thành viên
21	Dương Ngọc Phương Khanh	Sinh viên ngành Kinh doanh quốc tế, khóa 2021-2025	Thành viên

(Danh sách gồm có 21 người).

Phụ lục 3. Kế hoạch tự đánh giá CSGD đại học

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 30/KH-ĐHTT.23

Long An, ngày 06 tháng 9 năm 2023

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo và đăng ký kiểm định chất lượng.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của CSGD trong giai đoạn 2019 – 2024 theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành.

3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và các tài liệu hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng, bao gồm:

- Căn cứ Công văn số 766/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học;

- Căn cứ Công văn số 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng về việc thay thế Bảng hướng dẫn đánh giá ban hành kèm theo Công văn số 768/QLCL-KĐCLGD.

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CSGD được thành lập theo Quyết định số 99/QĐ-ĐHTT.24 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Tạo, Hội đồng gồm có 21 thành viên (danh sách kèm theo).

4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo).

4.3. Phân công thực hiện

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn: 1, 2, 3, 4, 5, 6	Nhóm 1	
2	Tiêu chuẩn: 7, 8, 25	Nhóm 2	
3	Tiêu chuẩn: 9, 10, 11, 12	Nhóm 3	
4	Tiêu chuẩn: 13, 14, 15, 16, 22	Nhóm 4	
5	Tiêu chuẩn: 18, 19, 20, 23	Nhóm 5	
6	Tiêu chuẩn: 17, 21, 24	Nhóm 6	

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Xác định các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và tài chính cần huy động hoặc cung cấp cho từng hoạt động và thời gian cần được cung cấp.

5.1. Nguồn lực

T T	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
1	Thông tư 12 và các tài liệu quy định khác	Tập huấn theo kế hoạch	- Hội đồng TĐG - Ban Thư ký - Các nhóm chuyên trách	Dự kiến tháng 09/2023	
2	Tiêu chuẩn: 1, 2, 3, 4, 5, 6	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm minh chứng - Viết báo cáo - Mã hóa minh chứng - Hoàn chỉnh các tiêu chí, tiêu chuẩn 	- Hội đồng trường - Phòng TC-HC	Tháng 09/2023 đến 01/2024	
3	Tiêu chuẩn: 7, 8, 25		- Hội đồng trường - Phòng TC-KT - Phòng QL CSVC-TB - Ban CNTT - Ban Thư viện - Phòng QLKH-HTQT		
4	Tiêu chuẩn: 9, 10, 11, 12		Phòng KT-BĐCL		
5	Tiêu chuẩn: 13, 14, 15, 16, 22		- Phòng QLĐT - Phòng TT-TS - Các khoa		
6	Tiêu chuẩn: 18, 19, 20, 23		- Phòng QLKH-HTQT - Phòng TC-KT - Phòng QL CSVC-TB		
7	Tiêu chuẩn: 17, 21, 24		- Phòng CTSV-HTDN - Phòng TC-KT - Phòng QLKH-HTQT		
8	Viết cơ sở dữ liệu		Thống nhất số liệu với các nhóm chuyên trách		- Các phòng, ban, khoa, trung tâm - Các thành viên Ban Thư ký
9	- Hoàn chỉnh báo cáo	Tổng hợp báo cáo và minh	Các thành viên Ban Thư ký	Tháng 03/2024	

T T	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
	- Mã hóa minh chứng	chứng từ các nhóm			

5.2. Cơ sở vật chất và tài chính: Ban Thư ký làm dự trữ kinh phí

- Kinh phí cho Hội đồng TĐG, Ban Thư ký và các nhóm chuyên trách.
- Kinh phí thuê chuyên gia tập huấn và đọc báo cáo.
- Dự trữ mua sắm các loại văn phòng phẩm phục vụ cho công tác viết báo cáo và hộp đựng minh chứng cho các nhóm.

6. Kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài CSGD (nếu cần)

Xác định các thông tin cần thu thập từ bên ngoài, nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập, kinh phí cần có. (Thu thập thêm các hồ sơ minh chứng về công tác phục vụ cộng đồng. Đơn vị thực hiện: Phòng Công tác sinh viên - Hợp tác doanh nghiệp)

7. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài (nếu cần)

Nhà trường xác định những lĩnh vực cần thuê chuyên gia:

- Tư vấn tìm minh chứng, tập huấn viết báo cáo tự đánh giá hoặc biết báo cáo (nếu cần) cho Hội đồng TĐG, Ban Thư ký và các nhóm chuyên trách (kinh phí thỏa thuận theo hợp đồng)
- Đọc, chỉnh sửa báo cáo tự đánh giá trước khi mời đoàn đánh giá ngoài vào (dự kiến kinh phí thỏa thuận theo hợp đồng).

8. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá (khoảng 6 - 8 tháng), theo lịch trình tham khảo sau:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 - 2 (Từ ngày 11/9/2023 đến ngày 22/9/2023)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Họp HĐT, BGH, lãnh đạo các phòng ban, khoa, đơn vị và các bộ phận liên quan để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CSGD. 2. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CSGD. 3. Họp Hội đồng tự đánh giá CSGD để: <ul style="list-style-type: none"> • Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; • Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD; • Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; • Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CSGD.
Tuần 3 - 4 (Từ ngày 25/9/2023)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học và các bên liên quan;

Thời gian	Các hoạt động
<i>đến ngày 06/10/2023)</i>	2. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học và các bên liên quan. 3. Hội đồng tự đánh giá CSGD để thông qua: <ul style="list-style-type: none"> • Kế hoạch tự đánh giá CSGD; • Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ GDĐT và điều kiện cụ thể của CSGD). 4. Hiệu trưởng ban hành kế hoạch tự đánh giá.
Tuần 5 - 9 <i>(Từ ngày 09/10/2023 đến ngày 10/11/2023)</i>	1. Công bố kế hoạch tự đánh giá, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Phân loại và mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Nghiên cứu sự đáp ứng của minh chứng đối với các mốc chuẩn tham chiếu của từng tiêu chí đánh giá.
Tuần 10 - 16 <i>(Từ ngày 13/11/2023 đến ngày 29/12/2023)</i>	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin, minh chứng bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin, minh chứng bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 17 - 18 <i>(Từ ngày 02/01/2024 đến ngày 12/01/2024)</i>	Hội đồng tự đánh giá CSGD: <ol style="list-style-type: none"> 1. Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo. 2. Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá. 3. Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được. 4. Xác định các thông tin, minh chứng cần thu thập bổ sung. 5. Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CSGD.
Tuần 19-21 <i>(Từ ngày 15/01/2024 đến ngày 02/02/2024)</i>	Hội đồng tự đánh giá CSGD: <ol style="list-style-type: none"> 1. Xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Thảo luận về dự thảo báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tuần 22-23 <i>(Từ ngày 05/02/2024</i>	1. Công bố bản dự thảo báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý) trong nội bộ CSGD.

Thời gian	Các hoạt động
<i>đến ngày</i> <i>16/02/2024)</i>	2. Cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học,... đóng góp ý kiến cho dự thảo báo cáo tự đánh giá. 3. Nhóm nghiên cứu độc lập rà soát dự thảo báo cáo tự đánh giá, đưa ra các khuyến nghị cần thiết.
Tuần 24-25 <i>(Từ ngày</i> <i>19/02/2024</i> <i>đến ngày</i> <i>01/03/2024)</i>	1. Hội đồng tự đánh giá CSGD: <ul style="list-style-type: none"> • Họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến góp ý và khuyến nghị. • Đề xuất những cải tiến về đảm bảo chất lượng. • Thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối. 2. Các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CSGD ký tên vào danh sách trong báo cáo tự đánh giá. 3. Hiệu trưởng ký tên vào bảng tổng hợp kết quả trong báo cáo tự đánh giá.
Tuần 26 - 27 <i>(Từ ngày</i> <i>04/03/2024</i> <i>đến ngày</i> <i>15/03/2024)</i>	1. CSGD gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ GD&ĐT. 2. CSGD công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường). 3. Tổ chức bảo quản báo cáo tự đánh giá, các thông tin, minh chứng theo quy định.
Từ tuần 28 <i>(Từ ngày</i> <i>18/03/2024)</i>	1. Thực hiện việc cải tiến chất lượng theo các kế hoạch hành động. 2. Cập nhật lại báo cáo tự đánh giá (nếu cần) trước khi thực hiện việc đăng ký đánh giá ngoài với tổ chức KĐCLGD.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Hội đồng Trường (để b/c);
- Ban Giám hiệu (để chỉ đạo t/h);
- Hội đồng TĐG (để th/h);
- Các đơn vị trong trường (để th/h);
- Lưu: VT, KT-BĐCL.

**HIỆU TRƯỞNG**

TS. Đặng Thị Hoàng Yến
(a.k.a. Maya Dangelas Ed.D.)